

**TÂM
LÝ TRẺ
THƠ**

Table of Contents

Lời nhà xuất bản. 1

I. MỤC ĐÍCH VÀ NGUYÊN TẮC.. 2

1. Mấy quan niệm khác nhau về vấn đề nuôi dạy trẻ thơ. 2

2. Mục đích nuôi dạy trẻ thơ. 13

3. Nguyên tắc trong việc nuôi dạy trẻ thơ. 16

II. SỰ CHÍN MUỒI VỀ MẶT TÂM SINH LÝ CỦA TRẺ THƠ. 34

1. Những tố chất tự nhiên bẩm sinh. 34

2. Vai trò của trí thông minh, của trí tuệ. 37

3. Sự phát triển tự nhiên của những tố chất tự nhiên. 40

4. Vai trò của sự lặp đi lặp lại và sự gia nhập. 54

III. NHỮNG THỜI KỲ ĐẦU TIÊN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN.. 59

1. Sự phụ thuộc. 61

2. Nguyên tắc về sự thích thú. 65

3. Tính thích thú được chú ý. 68

4. Tính tò mò, sự khám phá và sự bắt chước. 71

5. Tính khó bảo. 75

6. Vấn đề tự do và kỷ luật, sự tự kiểm soát. 78

IV. CƠ CẤU HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH CỦA CÁC EM... 82

1. Sự dễ hấp thụ và sự ám thị 83

2. Sự đồng nhất 87

3. Cái siêu tôi 91

4. Vai trò của luân lý xã hội 96

5. Tuổi cá thể. 99

6. Con người tiền sử. 109

7. Vai trò của đồ chơi và trò chơi 116

V. TUỔI THIẾU NIÊN.. 123

1. Tính cách chung. 123

2. Tuổi dậy thì 127

3. Thời kỳ đồng tính luyện ái 141

4. Các bước của thời kỳ tình dục đích thực. 151

5. Thời kỳ hình thành ý thức hệ. 165

VI- NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý.. 169

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

Tâm lý trẻ thơ (từ sơ sinh đến 15,17 tuổi)
Phạm Minh Lăng - NXB Văn hoá thông tin -

Lời nhà xuất bản

Vấn đề nuôi dạy trẻ thơ đang là những mối quan tâm hàng đầu của cả nhân loại. Đó cũng là một trong những vấn đề hàng đầu mà nhà nước và nhân dân ta đặc biệt lo lắng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói “Vì lợi ích mười năm phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm phải trồng người”.

Các nhà khoa học nước ta thuộc lĩnh vực này đã có nhiều nỗ lực giới thiệu hàng trăm công trình lớn nhỏ nhằm biến những ý tưởng trên thành hiện thực. Đặc biệt là trong phạm vi biến ý tưởng nhân bản trên thành những mục đích, những nguyên tắc cũng như những biện pháp cụ thể.

Sau khi tác phẩm “**S. Freud và Tâm phân học**” của nhà nghiên cứu Phạm Minh Lăng biên soạn, phát hành đến tay bạn đọc, Nhà xuất bản cũng như tác giả nhận được khá nhiều ý kiến của bạn đọc xa gần, mong muốn được tiếp cận với những công trình nhằm cụ thể hoá những tư

tưởng cơ bản của Tâm phân học vào những lĩnh vực khác nhau của đời sống thường nhật.

Vì thế Nhà xuất bản xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc tác phẩm “Tâm lý trẻ thơ” (từ sơ sinh đến tuổi 15, 17 tức từ sơ sinh đến tuổi thiếu niên), một công trình nhằm cụ thể hóa những ý tưởng cơ bản của Freud và cũng là của Tâm phân học.

Nói đến trẻ thơ từ trước đến nay nhiều người thường chỉ quan tâm đến lứa tuổi nhi đồng và thiếu nhi. Gần đây giới nghiên cứu đặc biệt quan tâm đến đời sống tâm lý của các em ở tuổi mẫu giáo. Việc quan tâm đến lứa tuổi trên là cần thiết, rất đáng hoan nghênh. Công trình này không chỉ đề cập đến những lứa tuổi nói trên mà còn quan tâm đặc biệt đến các trẻ sơ sinh, thậm chí khi còn là bào thai trong bụng mẹ. Đây không chỉ là một quan điểm cơ bản của Tâm phân học, của Freud mà còn là một quan điểm cơ bản của ngành tâm lý học hiện đại trên thế giới.

Tác phẩm này cũng còn quan tâm đến vai trò dự phòng, đến việc tạo dựng cho các em một nhân cách toàn diện, một cuộc sống “lành mạnh cả về tâm hồn và thể chất” mà các nhà tâm lý học hiện nay trên thế giới gọi là sức khoẻ về tâm lý.

Lý thuyết tâm lý mà công trình này muốn chuyển tải đến bạn đọc là “lý thuyết về sự chín muồi” (la théorie de la maturation). Gọi là **lý thuyết về sự chín muồi** ở đây là nói đến sự chín muồi về những tổ chất tâm sinh lý, về sự chín muồi của những ứng xử vốn có mang tính bẩm sinh nơi con trẻ. Đó là cơ sở tự nhiên để xã hội cũng như gia đình,

mà trực tiếp là các bậc làm cha làm mẹ, quyết định các nuôi con cho thích hợp mới mục đích cũng như nguyên tắc đã lựa chọn.

Nhà xuất bản cũng như tác giả mong rằng tác phẩm này là những lời khuyên, những gợi ý, một cách đặc vấn đề đối với xã hội, các nhà giáo dục cũng như đối với các bậc làm cha mẹ để cùng nhau suy nghĩ về một lĩnh vực vừa quan trọng lại vừa gai góc như **Tâm lý trẻ thơ**.

Rất mong nhận được những lời chỉ bảo của các bạn. Nhà xuất bản và tác giả xin có lời cảm ơn trước.

Nhà xuất bản văn hoá thông tin

I. MỤC ĐÍCH VÀ NGUYÊN TẮC

1. MẤY QUAN NIỆM KHÁC NHAU VỀ VẤN ĐỀ NUÔI DẠY TRẺ THƠ

Người Việt Nam không biết từ bao giờ đã có câu ngạn ngữ truyền khẩu mà hầu như ai cũng biết, cũng thuộc. Đó là câu: “*Dạy con từ tuổi còn thơ*”.

Câu ngạn ngữ nói trên cho chúng ta biết rằng ông cha ta từ bao đời nay đã nhận thức được tầm quan trọng của việc giáo dục lớp trẻ thơ là tương lai của đất nước; nếu giáo dục chu đáo và hợp lý chúng ta những người làm cha làm mẹ và xã hội sẽ có những công dân tốt để bảo vệ và

xây dựng đất nước như chúng ta mong muốn. Chúng ta hiểu được rằng những gì các em có được trong tuổi thơ bao gồm cả cái tốt và cái chưa tốt sẽ là hành trang để các em bước vào đời và phần lớn những cái đó có ảnh hưởng không nhỏ trong suốt cả cuộc đời của các em. Những bậc cha mẹ và xã hội đừng bao giờ nghĩ rằng khi lớn lên các em sẽ quên hết hoặc gần như quên hết như số đông thường cho là như vậy. Quan niệm này vô hình chung đã cho phép người lớn nói chung muốn đối xử với các em thế nào cũng được, miễn là hợp với mong muốn của mình, miễn là được việc với hàng trăm lý do khác nhau kể cả hợp lý và không hợp lý.

Câu ngạn ngữ “Dạy con từ tuổi còn thơ” còn bao hàm một ý tưởng nữa là tuổi nhỏ như cái cây non sẽ dễ uốn, dễ dạy. nếu để cho cây già, cành cứng sẽ khó uốn và dễ gãy. Nếu để cho cây già, cành cứng sẽ khó uốn và dễ gãy. Nếu xét về cái vẻ bề ngoài thì cách lý giải như vậy có vẻ như có lý. Nhưng bên trong lại ẩn chứa không biết bao nhiêu là điều chưa ổn, bao nhiêu nỗi hiểm nguy đang rình rập đâu đó.

Trước nhất chúng ta, với tư cách và kinh nghiệm của những người làm cha làm mẹ, có thể dễ dàng thấy rằng việc giáo dục trẻ thơ đâu có giống như việc uốn một cái cây, một cái cành non mà nó phức tạp hơn nhiều. Điều đó đã được cuộc sống chứng minh mà khó khăn chính lại ở chỗ chúng còn non dại và có thể nói là chưa biết gì hoặc biết quá ít để hiểu ra cái đúng cái sai. Trong khi đó thì chính chúng ta, những người làm cha làm mẹ, những người có trách nhiệm trong xã hội lại hiểu về các em không nhiều, hoặc hiểu chưa đúng nhưng lại tự huyễn hoặc

mình đã hiểu thấu đáo về chúng. Từ đó người ta yên tâm với câu nói cửa miệng của nhiều người là không ai hiểu con cái bằng cha mẹ. câu nói trên chỉ có ý nghĩa rất tương đối trong tương quan với những người khác, với người đời. Còn chính cha mẹ hiểu về con mình chắc chắn là còn xa mới yên tâm được, thậm chí trong nhiều trường hợp cha mẹ lại là người hiểu con mình ít hơn xã hội hiểu về chúng rất nhiều. Cũng chính vì thế từ bao đời nay các ngành khoa học nghiên cứu về con người nói chung và về trẻ em nói riêng đã, đang và sẽ còn phải nỗ lực gấp bội để tìm ra những câu trả lời thoả đáng có thể tin cậy được về con người nói chung và về trẻ thơ nói riêng, đặc biệt là về trẻ thơ. Và cho đến nay những thành công trong lĩnh vực khoa học hiểu biết về trẻ thơ còn rất khiêm tốn dù cho đội ngũ tham gia ở mỗi quốc gia có tới hàng trăm, hàng nghìn người với hàng trăm công trình lớn nhỏ khác nhau. Nói chung người ta phải thừa nhận lĩnh vực về trẻ thơ là lĩnh vực còn nhiều câu đố, còn nhiều bí ẩn thậm chí là huyền bí.

Cứ cho rằng với trẻ thơ thì dễ uốn, dễ dạy thì lại xuất hiện một nguy cơ khác đáng lo ngại hơn là người ta có thể dễ uốn chúng thành những đứa trẻ tốt, nhưng cũng có thể dễ uốn chúng thành những đứa trẻ chưa tốt hoặc không tốt. Hai khả năng nói trên là ngang bằng nếu không dám nói là khả năng xấu nhiều khi lại có vẻ trội hơn. Kinh nghiệm trong cuộc sống đời thường đã làm cho chúng ta phải thốt lên rằng làm người tốt sao mà khó thế còn làm người xấu sao mà dễ thế. Học được điều tốt sao mà vất vả còn nhiễm những thói hư tật xấu có vẻ đơn giản hơn nhiều. Tất nhiên điều đó còn phụ thuộc vào hoàn cảnh.

Không biết đó có phải là một quy luật của đời sống xã hội hay không nhưng nó đang là một thách đố với những người làm cha làm mẹ cũng như đối với mọi xã hội trong thời đại hiện nay.

Vì thế dù cho xã hội, các bậc làm cha làm mẹ, các nhà khoa học đã bỏ ra rất nhiều tâm huyết để tìm ra những lời giải có độ tin cậy cao thì nhân loại vẫn phải thừa nhận rằng: Trong thời đại hiện nay vấn đề giáo dục trẻ thơ vẫn đặt ra cho xã hội và những người làm cha làm mẹ một khối lượng khổng lồ những bài toán cần được giải. Điều khẳng định nói trên không hề làm cho bất cứ một người nào ngạc nhiên dù còn vô số những quan niệm rất khác nhau trong đó có những nhà chuyên môn, thậm chí còn đối nghịch nhau gay gắt về vấn đề giáo dục trẻ thơ, thế hệ tương lai, người kế tục sự nghiệp của ông cha, người của nền văn minh tin học, của nền văn minh trí tuệ.

Theo các nhà chuyên môn trong lĩnh vực này thì từ thế kỷ thứ 19 trở về trước, vấn đề có vẻ đơn giản hơn nhiều hiện nay. Vào thời kỳ đó xã hội đã có những quy định, thậm chí có cả những bộ luật mà trẻ thơ có thể tuân theo và chỉ tuân theo những cái đã được quy định nên vấn đề có vẻ đơn giản hơn nhiều. Vấn đề mà xã hội và gia đình đòi hỏi ở các em là một sự vâng lời tuyệt đối không bàn cãi đối với những quy định đó. Điều mà xã hội và cha mẹ cần là những đứa trẻ luôn tỏ ra biết vâng lời, dễ bảo, nhún nhường không bao giờ được có ý kiến, vâng lời trong mọi hoàn cảnh cũng như những quy phạm về luân lý. Không những thế dần dần người ta trang bị cho chúng những nguyên tắc nếu như điều đó mang lại những lợi ích nào đó. Cha mẹ và đặc biệt là người mẹ

không còn quan tâm đến gì khác là giáo dục cho con em mình những quy định của một nền giáo dục mà mình cho là cần thiết. Với người cha do phải kiếm sống từ sáng đến tối nên không còn sức lực đâu để lên lớp cho con cái những bài giảng về luân lý mà nhiều lắm là hỏi han, nhắc nhở, sửa chữa đôi điều cần phải thực hiện.

Các nhà chuyên môn về lĩnh vực giáo dục trẻ thơ cho đến nay đều phải thừa nhận rằng nền luân lý đối với trẻ thơ những thế kỷ trước thường dựa vào tập quán, phong tục, truyền thống trong đó có cả vấn đề tôn giáo để hình thành những quy phạm về luân lý cho trẻ thơ. Vì thế trong không ít trường hợp là không thích hợp, đặc biệt là về *Mục đích và phương pháp*. Đặc biệt là vào thế kỷ 19, người ta đã cho ra đời rất nhiều ý tưởng, táo bạo, mạnh mẽ đượm màu sắc tưởng tượng không có gì là phù hợp với hiện tình chung vào thời điểm đó. Vào thời kỳ đó mà chủ trương một thứ triết lý duy nhất lấy cái đức, cái thiện làm hạnh phúc (cynisme) là không đầy đủ và không thực tế. Triết lý này chủ trương một nền luân lý cứng nhắc, nguyên rủa thậm tệ những ai không tán thành, vì thế người ta gọi thứ triết lý này là thứ triết lý khuyên nho.

Thực tế đã chứng minh rằng một nền giáo dục xơ cứng là không phù hợp với tâm sinh lý trẻ thơ vì nó không mở ra một phạm vi hoạt động rộng lớn và đa dạng thích hợp với sự phát triển của các em. Nó làm cho các em cảm thấy thiếu một sự an toàn cần thiết và đây là tình cảm tự nhiên nơi các em nhỏ. Đây cũng là trường hợp đã từng xảy ra với không ít các gia đình trong thời đại hiện nay. Chính các em cũng

không thấy mặt mà gì với một chế độ giáo dục như vậy. Vì thế một số những nhà tâm lý học về trẻ thơ đã phải thốt nên rằng cái thành tích nổi bật mà thế kỷ 19 để lại cho xã hội là những rối loạn tâm lý ở con trẻ. Như vậy là những nguyên tắc giáo dục xơ cứng làm cho các em rơi vào tình trạng không an toàn về tâm lý và chính sự mất an toàn về tâm lý dẫn đến những rối loạn về tâm lý, đến bệnh tâm thần các loại.

Điều nói trên không chỉ xảy ra với những gia đình bình thường mà còn xảy ra với không ít những gia đình thuộc loại đáng kính trọng trong xã hội. Và các bậc làm cha, làm mẹ chỉ còn biết than phiền rằng họ không còn biết làm gì trước tình trạng con cái họ rơi vào trạng thái tâm thần bất ổn hay tồi tệ hơn là mang bệnh thần kinh dưới một hình thức nào đó. Trong tình trạng nói trên các bậc cha mẹ thường không bao giờ tự đặt câu hỏi xem mình đã làm gì để dẫn đến kết quả tồi tệ như đã xảy ra với con em họ. Và nói chung là các bậc cha mẹ thường cho rằng họ chẳng có lỗi gì với cái kết cục tồi tệ đó.

Tình trạng nói trên cũng không có gì là khó hiểu vì vào thời kỳ đó có được bao nhiêu những bậc làm cha làm mẹ đã dự liệu được những kết cục đau thương đó xảy ra cho con cái họ là từ những quan niệm giáo dục sai lầm, từ những phương pháp giáo dục lạc lõng. Cuối cùng các nhà chuyên môn cũng phải thừa nhận rằng lỗi lầm đó không thuộc về những người làm cha làm mẹ không may đó, vì chính họ cũng không được biết gì hơn những điều họ đã giáo dục con em họ. Họ chỉ làm theo thói quen, theo phong tục, theo truyền thống, theo tôn giáo mà họ được rao giảng. Đó là sai lầm của hệ thống giáo dục xã hội mà những

bậc cha mẹ tiếp thu được từ cửa miệng những nhà giáo dục và những nhà luân lý. Đó là sự ngộ nhận rằng một nền giáo dục nhất nhất phải tuân theo, phải vâng lời một cách không bàn cãi những quy phạm về luân lý sơ cứng là phương tiện duy nhất buộc con trẻ đi đúng con đường mà xã hội mong muốn, là đủ để đi theo con đường quang minh chính đại. Cha mẹ và xã hội nghĩ rằng những điều mà họ làm hoàn toàn tốt đẹp mà không muốn lắng nghe ý kiến của những nhà chuyên môn cũng như phương pháp mà họ kiến nghị vừa phù hợp với thời đại, vừa phù hợp với tâm sinh lý của trẻ thơ.

Để khỏi có sự hiểu lầm chúng ta cần nói thêm rằng sự tuân theo những quy định về luân lý cũng như sự vâng lời ở con trẻ là rất cần thiết nhất là đối với những xã hội được quản lý bằng luật pháp. Tuy nhiên nếu tất cả chỉ được dừng lại ở đó thì sẽ là thiếu sót ngay cả trong trường hợp mọi quy định về luân lý đều hợp lý mà điều này thường lại khó gặp. Đối với sự vâng lời cũng tương tự vì chỉ có vâng lời và vâng lời với bất cứ điều gì mà thiếu một sự chấp nhận vui vẻ, tự nguyện, thiếu một sự hài lòng dù là nhỏ nhất sẽ làm cho trẻ nhỏ một là bị ức chế về mặt tâm lý, hoặc là biến con trẻ thành những kẻ nhu nhược, không có nhuệ khí và sống thế nào cũng được. Đây là mảnh đất màu mỡ cho những cái xấu thâm nhập vì không còn một sức đề kháng nào đáng kể để tự bảo vệ và như vậy tình cảm an toàn không còn. Một đứa trẻ trong tâm trạng mất an toàn sẽ là đứa trẻ luôn ở trong tình trạng bất an, mất lòng tin và sẽ dẫn đến những hậu quả khó lường. Vấn đề về

tâm lý an toàn đối với trẻ thơ sẽ là vấn đề mà chúng ta còn phải tiếp tục bàn luận trong những phần tiếp theo.

Từ thế kỷ 20 đến nay nhất là từ sau đại chiến thế giới lần thứ hai cho đến hôm nay, theo các nhà chuyên môn trong lĩnh vực giáo dục trẻ thơ thì tình hình đã thay đổi gần như tất cả về mọi mặt. Cái thay đổi lớn nhất là người ta thường ít nói đến vấn đề về kỷ luật đối với trẻ thơ mà nói hơi nhiều về vấn đề tự do. Thực chất của vấn đề là người ta quan tâm quá nhiều đến vấn đề về tự do hơn là vấn đề về kỷ luật.

Một trong những nguyên nhân của tình hình nói trên là người ta thấy sự bất lực của một nền giáo dục xơ cứng, chỉ thiên về kỷ luật một cách máy móc, thậm chí mang nặng hình thức hơn là thiết thực. chính trẻ em cũng không mặn mà gì với thứ kỷ luật đó. Vì thế người ta chấp nhận cho trẻ em một quyền tự do quá rộng. Trong khá nhiều trường hợp người ta lại đi quá xa, từ cực này chuyển sang một cực đối lập hoàn toàn. Từ kỷ luật cứng nhắc sang tự do quá trớn. Kết cục thì hậu quả của vấn đề cũng không hơn gì trước kia, đôi khi còn nan giải hơn trước.

Một nguyên nhân khác mà các nhà chuyên môn nói tới là trong hai cuộc chiến tranh thế giới các bậc cha mẹ thường bị những công việc phát sinh từ chiến tranh như đi chiến đấu hay đi phục vụ chiến đấu hoặc quá vất vả về cuộc mưu sinh không có điều kiện để mắt tới con trẻ như thời bình. Để đề phòng những bất trắc khi cha mẹ vắng nhà, người ta thường tăng cường kỷ luật đối với trẻ em, một thứ kỷ luật tạm coi như kỷ luật thời chiến. Chiến tranh và những kỷ luật ngặt nghèo

thời chiến lại làm xuất hiện một khuynh hướng khác là đòi hỏi tự do, một sự trỗi dậy của những xung lực nguyên thủy nơi các em nói chung và sự xâm lấn của những khát khao tình dục nói riêng. Vấn đề này có phù hợp với trẻ em Việt Nam đến đâu còn cần phải trao đổi nhưng với các nước khác đặc biệt là các nước phương Tây có một nền công nghiệp phát triển lại trực tiếp trải qua chiến tranh thì đó là điều hiển nhiên.

Tóm lại là người ta đã dành cho các em một quyền tự do quá lớn gần như một quyền lợi đặc biệt, một thứ tự do không có mục đích nhưng lại được chấp nhận chính thức và công khai như một chứng chỉ, một văn bằng đại học (licence) mà các nhà chuyên môn đã gọi.

Nhưng sự chuyển biến từ một kỷ luật khắt khe sang một tự do quá lớn như đã nói trên lại được quyết định phần lớn bởi sự giáo dục của những nhà tâm lý học nói chung trong đó có các nhà tâm phân học vì họ lo sợ một sự dồn nén quá mức trong trạng thái tâm hồn của các em sẽ làm cho các em rơi vào tình trạng rối loạn tâm thần. Sự lo ngại nói trên là hoàn toàn có cơ sở khoa học vì như các nhà tâm phân học từng khẳng định mang tính quy luật là sự dồn nén quá mức về tâm lý sẽ xuất hiện những rối loạn về tâm thần, sẽ trở thành những người mang bệnh tâm thần các loại suốt đời. Vì thế các nhà tâm lý học đã có lời khuyên thẳng thắn rằng: *Muốn cho trẻ em phát triển bình thường không mang bệnh thần kinh các loại xin hãy tránh gây ra sự dồn nén về mặt tinh thần nơi các em.*

Như thế không có nghĩa là không có một kỷ luật nào trong việc giáo dục các em mà vấn đề là kỷ luật đó phải như thế nào chứ không phải là thứ kỷ luật chỉ có áp đặt một cách tùy tiện dẫn đến những dồn ép có hại. Vì đã hiểu sai ý tưởng trên của Tâm phân học cũng như của những nhà chuyên môn một số người lại để cho các em muốn làm gì tùy thích. Đáng kinh ngạc hơn là người ta lại còn tổ chức những loại trường được gọi là trường “Tự do” theo tinh thần của nguyên tắc nói trên tức một thứ vô kỷ cương. Ở các loại trường này vấn đề kỷ luật không chỉ là cái gì rất mờ nhạt không cần thiết mà còn làm cho các em quay lưng lại với những vấn đề về kỷ cương nói chung bất kể là hợp lý hay không. Những người này không hiểu rằng để tránh sự dồn ép mà cứ để cho các em muốn làm gì cũng được sẽ không bao giờ là một nguyên tắc lành mạnh (sain principe) cho việc giáo dục trẻ em bình thường. Một câu chuyện vừa hài hước lại vừa có thực nhưng cũng thực là mỉa mai như sau: Một người mẹ mang con đến xin học ở một trường tự do nói trên. Họ gặp bà hiệu trưởng ở hành lang lớp học đúng vào lúc chuông giờ nghỉ. Tất cả các em ùa ra hành lang, ra sân trong sự hỗn độn xô đẩy lẫn nhau, xô đẩy cả vào khách và bà hiệu trưởng. Nhưng tuyệt nhiên không có một lời xin lỗi nào. Nhưng rồi cũng thấy một lời xin lỗi ở một em nào đấy. Nghe thấy lời xin lỗi, bà hiệu trưởng thân nhiên giải thích với bà khách: đó là lời xin lỗi của một em vừa mới nhập học. Nghĩa là em ấy chưa quen với lối sống tự do vô kỷ cương của nhà trường. Câu chuyện nói trên là của một nhà tâm lý học người Mỹ chuyên về trẻ em. Đó là bà Ira Wile.

Ở nước ta quan niệm giáo dục lệch lạc nói trên tuy không được tuyên bố công khai và cũng chưa bao giờ được công nhận chính thức nhưng nó vẫn đang tồn tại ở đâu đó một cách không cần dấu diếm thông qua nhiều cách thể hiện khác nhau. Chúng ta thường bắt gặp những ông bố, bà mẹ thân nhiên tuyên bố công khai trước mọi người rằng: “Mặc kệ nó, lớn lên sẽ đâu vào đó” hoặc “cứ kệ nó, lớn lên khi vào đời, người đời sẽ dạy khôn cho nó”. Và hậu quả thực là tồi tệ ngay cả trước khi con em họ trở thành người lớn, chứ đâu phải chờ đến khi lớn mới chứng minh được.

Các nhà tâm lý học và các nhà chuyên môn về trẻ em chân chính đã gọi đường hướng sai lầm nói trên là một thứ chính trị “Hãy làm những gì em muốn” (*fais ce que tu veux*) là một cách xuyên tạc những tư tưởng lành mạnh và khoa học của Freud cũng như của những nhà tâm lý học chân chính.

Những lý thuyết khác nhau trong việc giáo dục trẻ em mà các nhà chuyên môn giới thiệu có thể làm cho những bậc cha mẹ hoang mang và thất vọng. Nhưng dù sao những quan niệm khác nhau đó cũng mang lại lợi ích nhất định nào đó như làm cho các bậc cha mẹ suy nghĩ về chính những việc làm của mình trong việc dạy dỗ con cái. Hơn nữa nó cũng được xem là những gợi ý giúp cho các bậc làm cha, làm mẹ có thể có một sự lựa chọn sáng suốt hơn khi muốn áp dụng cách này hay cách khác trong việc dạy bảo con em họ. Họ có thể nhận đó mà nhìn ra những sai lầm cũng như những quyết định đúng mà họ đã tiến hành đối với con em họ. Những thiếu sót trong việc nuôi dạy con trẻ không

chỉ xảy ra với những bậc cha mẹ thiếu trách nhiệm hay thiếu hiểu biết mà nó cũng thường xảy ra với cả những bậc cha mẹ có trách nhiệm, có học vấn luôn muốn cho con em họ những điều tốt đẹp. Lý do thì có nhiều nhưng ở đây các nhà chuyên môn muốn nói đến tình trạng thiếu những nguyên tắc cần thiết để hướng dẫn họ trong việc giáo dục con cái.

Đối với những bậc làm cha làm mẹ thì cái khó nhất đối với họ là sự lựa chọn giữa những nguyên tắc, giữa những quan niệm truyền thống xa xưa với những quan niệm hiện đại. Về phía những nhà chuyên môn có nhiều người chỉ hạn chế trong việc làm sáng tỏ vấn đề mà không đề ra cả những lời khuyên cụ thể nào. Họ chỉ nêu ra sự kiện, nêu ra tình huống để các bậc cha mẹ tự rút ra kết luận thích hợp tương ứng vì họ cho rằng những bậc cha mẹ là những người có đủ sự thông minh cũng như sự nhạy cảm cần thiết để tự quyết định lấy nên làm gì đối với con cái trong từng hoàn cảnh cụ thể để có thể đạt được mục đích mà mình đề ra trong việc giáo dục con em mình.

Với những nhà tâm lý học thì họ lại cho rằng trong vòng 6,7 thập niên lại đây, với họ khái niệm về trẻ thơ đã thay đổi rất nhiều. Khái niệm về trẻ thơ đã chuyển hướng từ cách nhìn tĩnh lại, ổn định sang cách nhìn năng động, linh hoạt.

Vào thế kỷ 19, theo quan điểm của nhà triết học Locke còn lưu truyền lại, người ta nhìn trẻ em như một cái gì thụ động như một miếng xi mà người ta có thể in mọi dấu ấn lên đó. Trong tâm lý học người ta nói nhiều đến những cảm giác, những cảm biết, những cảm

tưởng, những khái niệm v.v... Với nhà giáo dục thì một học sinh được đánh giá là tốt là những em chăm chú và tiếp thu tất cả những gì người ta dạy em. Là những em có thể trả lời một cách đầy đủ nhất và chính xác nhất qua những bài kiểm tra cũng như những bài thi. Từ đó các em này có thể được nhận một học bổng để tiếp tục học cao hơn và sau này sẽ trở thành giáo sư, bác sỹ...

Hiện nay tình hình đã thay đổi khá rõ rệt. Người ta ít nói đến cảm giác, đến cảm biết... mà nói nhiều đến *năng khiếu bẩm sinh*, đến *khả năng tiến triển và sự năng động nơi trẻ em*. Người ta cũng không còn nhìn nhận trẻ sơ sinh như là một miếng xi còn nhìn nhận trẻ sơ sinh như là một miếng xi còn trinh nguyên để chỉ có một công việc là ghi lại dấu ấn bất kỳ từ ngoại cảnh mang lại. Các nhà tâm lý học cho rằng ngay từ khi mới lọt lòng các em đã có sự lo lắng (souci) thường xuyên. Cũng ngay từ khi mới lọt lòng các em đã không còn là một cái máy ghi âm mà chức năng chỉ là ghi nhận và phát lại. trái lại ngay từ khi đó các em đã là *một cái động cơ tiêu thụ bên trong và có những hoạt động tự phát*.

Với cách nhìn nhận như trên, đối với trẻ em chúng ta có thể áp dụng những phương pháp giáo dục thích hợp. Theo các nhà tâm lý hiện nay thì nuôi dạy trẻ em không chỉ rao giảng đơn giản những nguyên tắc chặt chẽ về sự vâng lời, về một hạnh kiểm tốt, ép chúng phải phục tùng một cách cứng nhắc những thói quen của những người xung quanh và nhồi nhét vào đầu óc chúng thật nhiều hiểu biết. Vấn đề là tạo ra những điều kiện để cho những năng khiếu bẩm sinh, những ham muốn học hỏi tự nhiên vốn có của các em được thể hiện một cách

tốt nhất và hướng theo chiều hướng tốt đẹp nhất, có nhiều cơ may đạt được điều mong muốn thích hợp, lành mạnh.

Riêng ý tưởng về việc phát huy tính năng động là cái được nhiều người chấp nhận thì cũng không phải không còn những khó khăn trong việc áp dụng. Riêng ở châu Âu ý tưởng về tính năng động được xem như một lý thuyết đã được thừa nhận cao thì cũng còn một khuynh hướng khác được khởi nguồn từ châu Mỹ. Thứ lý thuyết này như người ta gọi là Bôhaviorisme cho rằng cái ý nghĩa quyết định trong việc hình thành những cá tính cũng như tương lai của trẻ thơ là hoàn cảnh, là môi trường sống, là khung cảnh chúng đang sinh hoạt và coi những nhân tố bẩm sinh di truyền chỉ có một vai trò rất nhỏ bé, là không đáng kể. Từ quan niệm nói trên dẫn đến một phương pháp giáo dục trẻ em lấy hoàn cảnh là điều kiện duy nhất để tiến hành việc nuôi dạy. Và người ta có thể đào tạo các em trở thành con người như thế nào là tùy thuộc vào việc người ta tạo ra những cảnh tượng ứng với những hình mẫu người khác nhau mà người ta mong muốn. Watson người đứng đầu trào lưu nói trên đã công khai quả quyết như sau: “Hãy cho tôi một tá những trẻ sơ sinh có sức khoẻ tốt. Tôi xin cam đoan là tôi sẽ tạo ra mỗi em thành những nhà chuyên môn điển hình do sự lựa chọn của chính tôi như thầy thuốc, luật sư, nghệ sỹ... cũng như những kẻ lang thang du thủ du thực mà không cần tính đến năng khiếu, đến khả năng cũng như tính đến những yếu tố di truyền bẩm sinh”. Lời tuyên bố trên thực sự là một lời tuyên chiến đối với lý thuyết

về tính năng động, về tính động lực. Với quan niệm này hoàn cảnh là tất cả. Còn những yếu tố bẩm sinh di truyền là không có ý nghĩa gì.

Bên cạnh quan niệm nói trên trong tâm lý học còn có một lý thuyết khác được coi là lý thuyết về sự chín muồi (théorie de la maturation). Những công trình cụ thể và chi tiết về lý thuyết này đã chứng minh một cách thuyết phục rằng trẻ em không chỉ có những yếu tố di truyền bẩm sinh được gọi là những bản năng sơ cấp hay còn gọi là những khả năng tự nhiên bậc thấp (instincts primaires) mà còn phát triển thành những tố chất chung như những thái độ, cử chỉ trong ứng xử mà thường những tố chất này lại không do hoàn cảnh tạo ra. Hơn nữa những cách ứng xử này lại chỉ xuất hiện vào những giai đoạn nhất định trong quá trình nuôi dưỡng. Các nhà theo lý thuyết này thường lấy những dẫn chứng rất đơn giản mà ai cũng có thể thấy được để chứng minh cho sự đúng đắn của mình. Ví dụ cứ vào một tuổi nhất định nào đó trẻ em bò bằng hai tay và hai chân. Và cũng sau đó một thời gian nhất định chúng đi bằng hai chân, sau đó chúng biết nói và v.v... những khả năng đó xuất hiện có phần do ảnh hưởng của hoàn cảnh nhưng trước hết là do bẩm sinh.

Bên cạnh lý thuyết về sự chín muồi còn lý thuyết về những bản năng (théorie des instincts) của Mc Dougall. Hai lý thuyết này về cơ bản là giống nhau vì cả hai đều coi trọng những yếu tố bẩm sinh. Tuy nhiên giữa chúng cũng có những khác nhau không đáng kể. Nếu như lý thuyết về bản năng chỉ tính đến sự tiến triển của bản năng là tự động là

năng động thì lý thuyết về sự chín muồi còn bao gồm một cách cơ bản những ứng xử điển hình.

Theo những nhà tâm lý học thì việc lựa chọn lý thuyết này hay lý thuyết khác phụ thuộc rất nhiều vào việc người ta định áp dụng phương pháp nào trong việc giáo dục trẻ em. Ví dụ nếu chúng ta là những nhà luân lý thì đương nhiên là chúng ta sẽ nhồi nhét vào đầu các em một khối lượng lớn những câu ngạn ngữ, những châm ngôn, những cách ngôn về luân lý bất kể điều đó phải trả giá như thế nào. Nếu như chúng ta lựa chọn lý thuyết đề cao hoàn cảnh thì đương nhiên là chúng ta phải tìm cách làm cho các em phát triển thông qua hàng loạt những phản xạ có điều kiện, tức với hoàn cảnh. Nếu như chúng ta muốn áp dụng lý thuyết về tâm lý năng động thì đương nhiên là chúng ta sẽ tìm mọi cách để phát huy tối đa tất cả sức mạnh vốn có của chính chủ thể, của chính các em. Và đương nhiên là chúng ta còn phải khuyến khích các em đi vào những hướng tốt nhất có thể. Còn nếu như chúng ta lựa chọn lý thuyết về sự chín muồi thì đương nhiên chúng ta phải nghiên cứu những giai đoạn khác nhau của sự phát triển, phát huy tất cả sức lực vốn có của mọi năng lực vốn có để có thể giúp cho các em một cách tối đa quá trình hình thành nhân cách.

Theo các nhà tâm lý học thì mọi lý thuyết đều đúng sau khi đã khẳng định hay phủ định những giá trị này hay những giá trị khác. Với nhiều nhà tâm lý học thì những yếu tố di truyền bẩm sinh và hoàn cảnh đều rất quan trọng theo góc độ riêng của từng loại. Vì một lẽ rất đơn giản là trẻ em ngay từ khi sinh ra chúng đã có năng lực để bò. Nhưng

nếu không tập thì chúng cũng khó có thể bò được như những em khác. mặt khác người ta cũng có thể khẳng định được rằng nếu như chúng không có sẵn cái khả năng đó thì người ta cũng không thể dạy cho chúng bò được. Sự tiến triển và năng lực đó đến từ bên trong mỗi người. Còn hoàn cảnh chỉ là giúp cho khả năng đó thể hiện và phát triển. Vai trò của hoàn cảnh chỉ hạn chế trong việc tạo điều kiện cho những khả năng đó thể hiện và tự phát triển là vấn đề còn phải bàn thêm trong những phần sau vì trong một số trường hợp sự tác động của hoàn cảnh còn có thể làm thay đổi một phần những yếu tố di truyền bẩm sinh, những cái vốn có của con người với tư cách là một thực thể xã hội.

Chúng ta thử tìm hiểu xem về vấn đề này các thầy thuốc chuyên về tâm bệnh có những quan niệm như thế nào, vì như người ta thường nói các vị này sẽ tiếp sức để chúng ta có thể hiểu vấn đề tốt hơn.

Những người thầy thuốc về tâm bệnh là những người chuyên chữa trị những chứng về rối loạn thần kinh do những sự dồn nén, hay rơi vào trạng thái lo lắng kéo dài dẫn đến rối loạn bao gồm cả những rối loạn tình dục. Hoặc là bị rối loạn trong những cách ứng xử như bạo lực, ghen tuông. Nói chung đó là những rối loạn do những lệch lạc của những xung lực năng động. Những lệch lạc này đều do sự dồn nén đã tồn tại ngay từ những năm đầu của trẻ thơ do hoàn cảnh mang lại mà gần như không thay đổi. Những sự rối loạn này cũng thường xuất hiện sau những cú sốc về tình cảm, hoặc do một căn bệnh nào đó, hoặc sau một tai nạn. Cũng có thể những căng thẳng trong cuộc sống nhất là

trong thời kỳ chiến tranh và sau chiến tranh. Trong nhiều trường hợp người ta có thể tránh được những xáo trộn về tâm lý. Điều đó phụ thuộc vào kinh nghiệm, vào bản lĩnh và vào nhân cách từng người. Nhưng nói chung thì nhân cách của trẻ em chỉ được hình thành dần từ ba, bốn tuổi trở đi. Nếu như mọi vấn đề đều tốt đẹp trong thời kỳ hình thành nhân cách của trẻ em thì hy vọng là các em có đủ khả năng để vượt qua tất cả những khó khăn thông thường trong suốt cả cuộc đời một cách tin tưởng và an toàn.

Trong trường hợp ngược lại, các em không có khả năng giải tỏa được những vấn đề về cuộc sống và đương nhiên là các em dễ rơi vào những rối loạn về tâm hồn. Vì thế như người ta thường nói là sự tồn tại của các em như được xây dựng trên cát và chỉ một cơn gió nhẹ cũng làm cho các em chao đảo và không thể đứng vững trước những cơn giông tố, bão táp của cuộc đời. Điều trình bày trên là hoàn toàn chính xác đã được Freud đề xướng từ lâu và đã được đông đảo những nhà chuyên môn hưởng ứng và triển khai trong các công trình nghiên cứu về đời sống của trẻ em. Tất cả họ đều *khẳng định rằng nguồn gốc của những rối loạn tâm thần cũng như tâm bệnh các loại đều bắt nguồn từ những kinh nghiệm xảy ra từ những năm đầu của tuổi thơ*. Nhưng chúng ta lại hoàn toàn có khả năng tránh được bằng những biện pháp dự phòng để có thể ngăn chặn được một cách hiệu quả những rối loạn cũng như những chứng bệnh tâm thần các loại. Vì thế người ta cho rằng việc điều trị các loại bệnh là nhiệm vụ của những thầy thuốc về tâm bệnh, còn việc dự phòng là trách nhiệm của cha mẹ và xã hội, mà

trước hết là cha mẹ và gia đình vì gia đình chính là xã hội thu nhỏ. Khẳng định như vậy là do những lý do sau:

1- Trước hết vì những rối loạn này là cực kỳ phổ biến. Theo sự thống kê của nhiều nước thì số khách hàng đến nhờ sự giúp đỡ của các thầy thuốc có tới 1/3 có dấu hiệu rối loạn thần kinh. Đó là chưa kể đến những bệnh nhân không có điều kiện đến các phòng khám bệnh. Hiện nay số người này có chiều hướng gia tăng vì bản thân từng quốc gia cũng như thế giới nói chung đang phải đương đầu với nhiều sự bất ổn về cả chính trị, kinh tế và xã hội. Những người bệnh này thường quá quyết một cách thần nhiên là họ không có vấn đề gì. Theo các thầy thuốc thì điều đó có nghĩa là họ không có vấn đề gì về cơ thể nhưng lại có vấn đề về tâm tưởng nên họ mới đến gặp thầy thuốc để nhờ sự giúp đỡ vì họ cũng cảm thấy mình đang bị bệnh, đang có vấn đề về sức khỏe.

2- Những sự rối loạn đó không chỉ phổ biến mà còn rất nặng. Một người bệnh luôn trong tình trạng lo âu xao xuyến kinh niên thì khó có người thầy thuốc nào có thể chữa trị khỏi cho họ; bởi vì cái đau về thần kinh, về tâm hồn lại không thể chữa trị bằng thuốc. Đây là nỗi đau về cuộc đời nói chung, về sự thất vọng. Những hành vi bất kỳ, những lời nói vô nghĩa đã trở thành kỳ cục trước con mắt những người khác và đôi khi làm cho xã hội không thể chịu nổi. Vì thế đã có không ít người vì không chịu nổi sự thống khổ đó mà đã đi tìm đến cái chết thê thảm.

3- Chúng ta nên nhớ rằng các loại tâm bệnh là những loại bệnh rất khó điều trị. Thông thường phải mất nhiều tháng, thậm chí nhiều năm, mới chữa khỏi cho một trường hợp bị bệnh ở thể rối loạn nhẹ. Trong

khi đó các nhà chuyên môn lại cho rằng chỉ cần một số buổi toạ đàm, trao đổi, hướng dẫn về cách đề phòng các loại bệnh thần kinh cho các em khi các em còn trong tuổi ấu thơ nhiều khi lại rất có hiệu quả trong sự phòng ngừa rơi vào những chứng bệnh thần kinh các loại, vì dự phòng bao giờ cũng tốt hơn nhiều so với điều trị. Nhưng vấn đề lại không đơn giản như vậy, không chỉ dự phòng vì dự phòng chỉ là một cách về phương diện thực tế, về phương diện thực hành. Còn về điều trị thì việc chữa trị sở dĩ rất khó là vì nguyên nhân phát sinh ra bệnh lại nằm trong cái vô thức. Những sự lo âu, xao xuyến thường nảy sinh từ những năm thứ nhất và thứ hai của thời thơ ấu mà các em thường không nhớ vì nó đã trở thành cái vô thức từ bao giờ mà chính các em cũng không thể nhớ lại được.

Sau khi đã điếm lại một số quan niệm của những nhà chuyên môn về vấn đề tâm lý giáo dục trẻ thơ, chúng ta hãy xem những nhà chuyên môn này nói gì về những quy phạm, những nguyên tắc và mục đích của việc giáo dục trẻ thơ.

Theo một số nhà chuyên môn mà tiêu biểu là J.A. Hadfield một chuyên gia về giáo dục trẻ em, giảng dạy tại đại học tổng hợp Luân Đôn, một nhà tâm lý học người Anh thì không thể và cũng không đặt ra những quy phạm cụ thể để áp dụng với tất cả trẻ em, cũng như để đáp ứng hàng loạt những vấn đề cụ thể mà các bậc cha mẹ đặt ra. Các nhà chuyên môn này cho rằng khó có thể có lời giải thoả đáng những câu hỏi đại loại như: Phải làm gì khi trẻ nói dối? Phải làm gì khi trẻ

không chịu lên giường để đi ngủ? Phải làm gì khi trẻ không chịu ăn cơm nhưng lại ra sức khua mâm, khua bát đĩa? v.v...

Người ta không thể đề ra những quy phạm cứng nhắc cho tất cả những câu hỏi nói trên vì điều đó phụ thuộc vào hàng loạt tình hình cụ thể như bối cảnh diễn ra sự việc, những nguyên nhân dẫn đến những hành vi nói trên, trạng thái tính khí của em nhỏ v.v... để từ đó chúng ta tiếp cận và có biện pháp thích hợp để giải quyết từng trường hợp cụ thể. Nhiều khi cha mẹ lại cung cấp những thông tin theo cách nhìn của riêng mình mà không tính đến những tố chất, những cách ứng xử của riêng từng em. Nhiều khi cha mẹ lại nhìn nhận vấn đề theo trạng thái tính khí của chính cha mẹ từng lúc. Vì vậy chỉ căn cứ vào tình hình cụ thể riêng biệt của một sự việc để áp dụng cho mọi nơi mọi lúc là không thoả đáng.

Chúng ta thử làm phân tích một ví dụ trong muôn vàn thí dụ cùng loại để tìm ra cái mà chúng ta cần. Một bà mẹ đặt ra câu hỏi sau: Khi đứa con trai bà làm đau đứa em nó một cách cố ý như đánh đứa em thì bà phải làm gì với thằng anh? Chồng bà thì cho rằng phải trừng phạt nó, như mẹ bà đã khuyên, hay bà phải làm ngơ.

Có những bậc cha mẹ mà chúng ta thường gặp lại dùng giải pháp là cũng làm cho nó đau tương tự để cho nó biết đau là như thế nào mà không có ý định trừng phạt hay trả thù cho đứa em. Cách làm như vậy đôi khi cũng có hiệu quả nhưng liệu cậu con trai bà có hiểu được ý bà không. Trái lại với nó là một sự trừng phạt hay một sự trả thù cho em nó. Trong thực tế thực khó mà phân biệt được đâu là trừng phạt, đâu là

trả thù, là trả đũa và đâu chỉ là làm gương như bà mẹ nghĩ. Vì thế các nhà chuyên môn cho rằng những bậc cha mẹ luôn luôn phải tự xem xét lại chính chúng ta, xem lại chính thái độ của chúng ta hơn là chỉ chú ý đến thái độ của con cái trước khi lựa chọn một giải pháp nào.

Với trẻ nhỏ thì trong trường hợp trên đơn giản chỉ là một sự trừng phạt hay một sự trả thù. Vì vậy cha mẹ trong trường hợp này nên tìm hiểu về đứa con xem chúng nghĩ gì trước khi quyết định một giải pháp nào đó. Nếu không chúng ta sẽ chẳng bao giờ đạt được mục đích mà chúng ta đề ra. Trong mọi trường hợp việc đầu tiên phải làm là phải tìm ra cái lý do mà cậu con trai làm đau em nó. Nếu không mọi giải pháp là không thích hợp và thường là không công bằng. Hậu quả thường là cậu con trai này không làm đau em cậu khi có mặt người lớn, nhưng nó sẽ làm lại khi bà mẹ vắng nhà, và đó là cách trẻ em học ở người lớn một sự trả đũa tức thì. Hơn nữa việc làm cho trẻ em biết thế nào là đau còn có cái hại khác là chúng có thể trở nên lỳ lợm không cảm thấy đau là gì và đó là một vũ khí để chống lại mọi trừng phạt tương tự hay để trả thù các bạn khác. Điều quan trọng trong mọi trường hợp cha mẹ cần phải tỏ ra thông minh và nhạy bén.

Trong điều kiện hiện nay khi đời sống của nhiều gia đình trở nên khá giả người ta thường ép các em ăn quá nhiều những chất mà họ cho là bổ, là ngon. Vì thế khi thấy con em mình không chịu ăn thì bắt chúng phải ăn cho hết để tẩm bổ, hoặc để khỏi lãng phí. Khi thấy con mình không ăn thường ép phải ăn cho hết, nếu không sẽ không cho đi công viên, không mua cho hộp màu như đã hứa v.v... Vì sợ bị phạt nhiều em

cố ăn cho hết mà chẳng thấy thích thú gì, chẳng thấy gì là ngon miệng. Hậu quả về tinh thần là một sự ức chế. Về cơ thể là chứng chướng bụng hoặc trở thành những trẻ mang bệnh béo phì đang được thế giới cảnh báo. Điều đó thật là có hại cho con trẻ không chỉ về thể chất mà còn cả về tinh thần, về tâm hồn. Nói chung là không nên ép buộc các em ăn nếu như các em không muốn hoặc không có nhu cầu. Trong trường hợp này cũng khó có một quy phạm cụ thể nào có thể mang ra áp dụng chung cho những trường hợp trẻ em biếng ăn. Mọi giải pháp đều phụ thuộc vào hàng loạt những tình huống khác nhau và chỉ có sự thông minh của cha mẹ mới mong có kết quả tốt đẹp. Nếu trẻ có vấn đề về sức khoẻ thì phải trông cậy vào lời khuyên của thầy thuốc. Nếu các em không muốn ăn là do một tác động tâm lý nào đó làm cho mất ngon miệng, hoặc làm cho dạ dày tiết ra quá nhiều acid mà không thể hấp thụ được các loại thực phẩm thì chính cha mẹ là người có cách giải quyết, hiệu quả hơn cả là tránh những gì gây phiền muộn cho các em dẫn đến những ức chế nói trên. Còn cụ thể là ức chế gì thì chỉ sự mất ngon miệng, tiết quá nhiều acid trong dạ dày, bụng bị chướng và đôi khi còn gây ra nôn mửa v.v... Đó là loại bệnh được gọi là bệnh khó tiêu hoá về tâm lý bắt nguồn từ những bức bối, những ức chế về tinh thần và tâm lý.

Những điều nói trên chứng minh rằng việc không cần thiết và không thể xây dựng những quy phạm cụ thể trong giáo dục trẻ em là có cái lý của nó. Hơn nữa còn có một ý nghĩa vô cùng to lớn rất tích cực là các bậc cha mẹ cần phát huy trí thông minh của mình với một sự

nhạy cảm cần thiết trong việc giáo dục con em mình sao cho đạt được cái mà mình mong muốn.

Theo những nhà tâm lý học này thì những quy phạm chỉ được hình thành trên cơ sở thái độ ứng xử, trên cơ sở những tố chất vốn có của từng em.

Những nguyên tắc thuộc vấn đề mục đích, thuộc vấn đề ý đồ. Trên cơ sở những nguyên tắc và mục đích đã định người ta đề ra cách thức tiến hành. Cách thức tiến hành hay còn gọi là phương pháp sẽ giúp cho chúng ta đạt được mục đích đã chọn. Nói cách khác thì nguyên tắc và mục đích định ra phương pháp. Còn phương pháp giúp chúng ta để đạt mục đích đã chọn.

Cuối cùng thì kết quả đạt được tùy thuộc vào phương pháp mà phương pháp lại do nguyên tắc và mục đích quy định.

2. MỤC ĐÍCH NUÔI DẠY TRẺ THƠ

Mục đích giáo dục trẻ thơ phụ thuộc rất nhiều vào từng giai đoạn phát triển của lịch sử, phụ thuộc rất nhiều vào các giai đoạn phát triển khác nhau của từng quốc gia. Đương nhiên còn phải tính đến những phong tục, những tập quán, đến truyền thống, đến những ảnh hưởng của tôn giáo và v.v...

Mong muốn của xã hội cũng như gia đình là có được những người con tốt, những công dân mẫu mực. Nhưng những quan niệm về người con tốt, về người công dân mẫu mực lại cũng vô cùng phong phú, thậm chí còn trái ngược nhau. Vì với người này là quyền cao chức trọng,

bống lộc nhiều, là đưa con thành đạt là tốt. Với người khác lại lấy việc đủ sống là tốt, và...

Với những nhà tâm lý học có quan niệm nói trên thì cho rằng không nên đặt ra câu hỏi “Để nuôi dạy con cái tôi phải làm gì?”, mà chỉ nên đặt ra câu hỏi “Các bạn muốn con cái các bạn sẽ trở thành người như thế nào?”. Sở dĩ đặt vấn đề như vậy là vì trước tiên chúng ta phải chọn mẫu người mà chúng ta muốn con cái chúng ta trở thành với một ý tưởng thật rõ ràng. Sau đó chúng ta mới tìm những phương tiện thích hợp và có hiệu quả nhất để đạt được mục đích.

Để xác định được mục đích trong việc nuôi dạy con cái, chúng ta cần biết những bậc cha mẹ quan tâm đến mặt nào, đến những lợi ích gì. Phải chăng đó là những thành đạt của cuộc sống đời thường? đến của cái? đến sự giàu sang? Hay là sự thông minh và hạnh phúc theo nghĩa đúng đắn nhất của khái niệm? Thật vui mừng biết bao nếu có những bậc cha mẹ mong muốn con cái mình trở thành những con người sung sướng bất kể là giàu hay nghèo, là nổi tiếng hay không. Đương nhiên trong vấn đề này có bao hàm những đức tính quan trọng như tính trung thực, lòng bác ái vị tha... và con cái chúng ta có trở thành một con người có ích cho xã hội, cho gia đình làng xóm hay không.

Tóm lại mọi điều mong muốn của chúng ta đối với con em của chúng ta phụ thuộc hoàn toàn vào ý đồ, vào mục đích mà chúng ta đề ra trong việc nuôi dạy chúng.

Để trả lời tất cả những câu hỏi đại loại như những câu hỏi vừa nói tới ở trên, các nhà chuyên môn quả quyết rằng đa số trong những nhà

chuyên môn đều cảm thấy không phải là việc dễ dàng khi gặp những câu hỏi đó. Vì mỗi vấn đề đều có những mặt lợi nhất định nhưng đồng thời cũng đặt ra vô số những phiền toái khác. Chỉ riêng việc muốn cho con cái thành đạt cũng đặt ra biết bao vấn đề phải bàn. Cũng như khi nói đến hạnh phúc, đến sung sướng chúng ta cũng gặp biết bao quan niệm khác nhau cần phải xem xét.

Các nhà tâm lý học cho rằng sự thành đạt là một mong muốn chính đáng nhưng đồng thời cũng mang lại cho con trẻ không biết bao nhiêu sự dồn nén, sự ức chế về tâm lý. Điều nói trên diễn ra rất phổ biến với những con người thành đạt, có thể coi như một quy luật. Còn đối với những sự “thành đạt” không chính đáng hay có ít nhiều điều không chính đáng thì sự dồn nén, sự ức chế về tâm lý lại càng trầm trọng hơn nhiều.

Với nhiều bậc cha mẹ đơn giản hơn, không có nhiều tham vọng, chỉ mong muốn là đưa con của mình trở thành những con người hiền lành và được nuôi dạy tốt. Nguyên vọng trên cũng thực là chính đáng, tiếc thay trong nhiều trường hợp vì muốn cho con mình trở thành hiền lành mà đã buộc chúng phải vâng lời với mọi đòi hỏi cũng như mọi quy định của xã hội. Từ đó dẫn đến việc làm cho cá tính của chúng không có cơ hội hình thành thậm chí còn bị thui chột, ảnh hưởng quyết định đến việc hình thành nhân cách ở các em. Nhiều khi vì quá hiền lành mà trở nên dần dột. Thông thường sự quá hiền lành lại trở thành nhút nhát, chấp nhận dễ dàng mọi thứ kỷ luật khắt khe và vô lối. Hơn nữa thực khó mà quy định thế nào là một nền luân lý ở trình độ cao, coi đó như

là chiếc chìa khoá vạn năng cho một cuộc sống sung sướng và lành mạnh.

Vậy thì trong mọi trường hợp mục tiêu mà chúng ta cần đạt là gì? Theo các nhà tâm lý thì việc tìm ra câu trả lời cho vấn đề đặt ra ở trên không khó khăn gì cho lắm. Mục đích mà tất cả chúng ta, những bậc cha mẹ cũng như toàn xã hội hướng tới là vấn đề *sức khoẻ về tinh thần* (santé mental).

Với các nhà tâm lý học thì sức khoẻ tinh thần là sự phát triển đầy đủ về nhân cách của trẻ trong tính toàn diện và chính đáng nhất.

Muốn có một sức khoẻ về tinh thần tốt thì phải thường xuyên tiến hành cái mà nhà tâm lý gọi là *vệ sinh tinh thần* (hygiène mentale). Theo các nhà tâm lý thì *vệ sinh tinh thần là phải có những biện pháp đầy đủ và toàn diện là phải có những biện pháp đầy đủ và cần thiết để bảo vệ cái sức khoẻ đó cho các em, tránh mọi rối loạn về tình cảm và về tinh thần nói chung, bao gồm cả những xúc động.*

Các nhà tâm lý học còn lưu ý chúng ta rằng định nghĩa nói trên bao gồm cả sức khoẻ về thể chất. Nói cho đúng hơn thì định nghĩa này phù hợp với cả sức khoẻ về thể chất, vì rằng khi chúng ta nói một cơ thể lành mạnh có nghĩa là tất cả các bộ phận như tim, phổi, gan, mật, ... các cơ bắp kể cả làn da và bộ não đều hoạt động một cách hài hoà trong tình trạng tốt nhất.

Đồng thời nhân cách được xem như một toàn bộ. Tự nhiên đã tạo ra cho trẻ em một khối lượng lớn những khả năng, những năng lượng, những năng khiếu... Tự nhiên đã hình thành trong con trẻ một bộ

khung và trên cơ sở bộ khung đó xuất hiện và điều hoà trí thông minh cũng như tất cả những tố chất giúp cho trẻ vượt và giải quyết mọi vấn đề cũng như những khó khăn để duy trì sự tồn tại của mình. Tất cả những yếu tố đó đều là cần thiết cho cuộc sống và bổn phận của mỗi chúng ta là phải quan tâm đến tất cả. Còn cha mẹ và xã hội phải làm thế nào để cho tất cả những yếu tố đó có thể lớn lên và phát triển một cách tốt nhất mà không gặp bất cứ trở ngại nào.

Nhưng tất cả không phải chỉ có vậy. Cũng giống như đối với những cơ quan phủ tạng, mọi chức năng và năng lực tự nó cũng phải mang lại cho nó một trạng thái tốt nhất, nghĩa là chúng phải có sức khoẻ tốt (*bonne santé*) và được điều tiết một cách hài hoà để có thể hướng vào một mục đích chung.

Tóm lại mục đích, mục tiêu, những ý tưởng đều là những cái cần thiết đối với sức khoẻ về tinh thần cũng như điều chỉnh về nhân cách và nói chung là sự phát triển về nhân cách của trẻ thơ. Vì vậy chúng ta phải đặt nó trong mối quan hệ chặt chẽ với tự nhiên vì một lẽ đơn giản rằng *mọi cơ thể sống đều hoạt động theo hướng tự hoàn thiện*, trong mối quan hệ hài hoà với tự nhiên. Mọi cái cây, ngọn cỏ, một côn trùng hay một con vật luôn tìm cách tự hoàn thiện mình. Chặt một cành thì một cành khác lại được mọc ra. Nếu như cơ thể chúng ta bị thương tổn ở một nơi nào đó thì lập tức tất cả sức lực của cơ thể chúng ta sẽ tập trung vào việc làm cho vết thương đó mau lành, cho đến khi nó liền da. Sức lực đó được gọi là sự tự hồi phục tự nhiên (*vis naturae medicatrix*). Cái sức mạnh tự lành tự nhiên đó của những cơ quan phủ

tạng là cái không thể thiếu được trong y khoa nói chung và trong khoa phẫu thuật nói riêng, nếu không muốn làm cho ngành khoa học này trở thành bất lực. Với con người, đó là sức khoẻ. Với nhân cách thì đó là tất cả những tố chất được kết hợp trong một sự hài hoà. Với tôn giáo thì đó là sự trinh nguyên. Lý thuyết cơ bản của những mục tiêu nói trên là như nhau: sự sung mãn và sự hoàn thiện.

Khái niệm về sự hoàn thiện (accomplissement) mà chúng ta vừa nói tới không phải là cái không thể dung hoà được với ý tưởng về sự thành đạt, hay sự hoàn thiện về luân lý. Trong thực tế mọi mục tiêu mà chúng ta đã đề cập tới đều bao gồm trong đó.

Các nhà tâm lý học đưa ra một cách giải thích được xem như là một định nghĩa dưới đây:

Trẻ thơ được xem như là *lành mạnh về tinh thần* (sain mentalement) có nghĩa là mọi chức năng và mọi năng lực đều được phát triển một cách đầy đủ, được hướng mạnh vào việc làm tăng sự bền bỉ và sự thành đạt, nhờ ở việc phát huy mọi năng lượng vốn có một cách tốt nhất. *Ý chí chính là hoạt động, là chức năng của nhân cách nói chung như là một tổng thể.* Trẻ em sẽ trở thành thông minh hơn so với khả năng vốn có của chúng bởi vì tính tò mò, mong muốn hiểu biết là những tố chất tự nhiên của con trẻ. Nếu như người ta khuyến khích hai đức tính nói trên, nếu như người ta mang lại cho sự thông minh đó khả năng được rèn luyện. Đó là tất cả những cái sẽ giúp cho các em giải quyết tất cả những điều mà các em gặp phải trong cuộc sống.

Điều nói trên sẽ không có gì đáng làm cho chúng ta lo ngại về mặt luân lý vì con người từ bản chất là một thực thể xã hội rất thích hợp quần và rất khó chịu khi bị sống trong cảnh cô đơn. Trẻ em tự nó sẽ tìm cách vui chơi với đồng lứa, để thành lập từng nhóm và sau này là cả một cộng đồng. Hơn nữa các em còn tìm cách hợp tác để thích nghi với cuộc sống xã hội. Khi chúng thuộc về một cộng đồng nào đó thì chúng có thể phát huy tất cả những ưu việt của chúng. Chúng học tập khá nhanh trong sự trao đổi với các bạn cùng lứa. Từ đó các em sẽ thích nghi với những phong tục, tập quán cũng như tuân thủ luật chơi. Điều đó không có nghĩa là các em học theo một người nào đó nhất định mà cá tính người đó làm em chú ý. Sở dĩ như vậy là vì mỗi em sinh ra đã khác những em khác không chỉ về phương diện thể chất mà còn cả về nhân cách nữa và những kinh nghiệm đầu tiên của các em là không giống nhau. Hơn thế nữa trong khi lớn lên với sự phát triển, cá tính sẽ dần khác biệt với các em khác. Từ đó mỗi em có thể cống hiến cho xã hội những mặt tốt nhất mà xã hội cần.

Quan niệm của những nhà tâm lý nói trên về mục đích của việc nuôi dạy trẻ em chỉ chú ý đến mặt tinh thần, đến mặt tâm hồn, mà thông thường là chưa nói đến mặt chính trị, xã hội. Sở dĩ như vậy là vì đối tượng mà chúng ta nói tới trong công trình này là trẻ em từ sơ sinh đến tuổi 15, 17. Với đối tượng này mà bàn đến những mục đích về chính trị xã hội với các em là hơi sớm. Việc đó gia đình và xã hội còn phải tiếp tục trong những giai đoạn phát triển tiếp sau. Hơn nữa mặt tinh thần, tâm lý và nhân cách được hình thành trong thời kỳ này sẽ

đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc hình thành con người chính trị xã hội sau này. Tuy nhiên công trình này cũng sẽ đề cập đến một số vấn đề có liên quan trực tiếp đến việc hình thành con người chính trị xã hội khi các em vào tuổi 15, 17.

3. NGUYÊN TẮC TRONG VIỆC NUÔI DẠY TRẺ THƠ

Trong phần trên ,khi bàn đến nguyên tắc và mục đích chúng ta đã khẳng định rằng nguyên tắc là vấn đề thuộc mục đích. Vì thế chúng ta đã bàn đến mục đích trước. Trên cơ sở đã làm rõ mục đích, chúng ta sẽ làm rõ những nguyên tắc chính củaviệc nuôi dạy con em chúng ta. Nguyên tắc có vai trò giúp chúng ta đi theo hướng của mục đích, cái định ra nguyên tắc. Nói cách khác là mục đích thế nào thì nguyên tắc là như thế ấy. Nhưng không bao giờ nên hiểu hai cái chỉ là một. Vì vậy sau khi bàn đến mục đích, chúng ta phải bàn tiếp đến nguyên tắc.

Những nguyên tắc của việc giáo dục trẻ thơ có rất nhiều, nhưng vai trò của chúng lại không như nhau. Có những cái có vai trò quan trọng mà chúng ta không thể bỏ qua được khi bàn đến việc nuôi dạy con trẻ. Có những nguyên tắc có vai trò ít quan trọng hơn mà vì khuôn khổ của công trình có thể cho phép chúng ta không đề cập tới. Vì vậy những nguyên tắc chính mà chúng ta sẽ bàn ở đây là:

A/ Nguyên tắc đầu tiên mà chúng ta đề cập tới được gọi là nguyên tắc về tình yêu được che chở (Amour protecteur).

Theo các nhà tâm lý học thì quan trọng hàng đầu trong cuộc sống của các em là chúng được sống trong sự an toàn tuyệt đối. Nói cách

khác là chúng luôn cảm thấy dù chỉ là cảm tính không có một sự bất an (insécurité) nào đe dọa cuộc sống của chúng kể từ khi chúng mới lọt lòng mẹ. Điều đó được coi như là một tất yếu xuất phát từ khuynh hướng tự nhiên để giúp cho nhân cách của chúng có thể hướng và phù hợp với một nhân cách tự do. Cái tất yếu nói trên được xem như một kỷ luật, một điều bắt buộc. Cái kỷ luật này lại vô cùng cần thiết cho một sự tự do đích thực vì tự do lại là tự do của một kỷ luật. Các nhà tâm lý học đều cho rằng thiếu kỷ luật cũng như thiếu tự do thì cũng không có được một môi trường an toàn, một sự an toàn trong kỷ luật và tự do. So với các loại sinh vật dù nhỏ bé như con ruồi hay con thằn lằn thì các em bé, những con người bé nhỏ ấy chỉ có khả năng kháng cự yếu ớt hơn những sinh vật nói trên. Sở dĩ như vậy là vì tự nhiên đã phú cho sinh vật nhỏ bé này một phản xạ tự do cao có thể tránh được những nguy hiểm trong cuộc sống thông thường. Với các em bé thì khả năng đó là ít hơn nên khi mới lọt lòng mẹ chúng rất yếu ớt. Nhưng cũng theo những nhà tâm lý thì chính sự bất lợi đó lại có cái hay của nó. Bở lẽ rất đơn giản là các em mới sinh nếu chỉ có rất ít những phản xạ cố định hay những phản xạ tự nhiên thì sau này các em nhỏ lại có những khả năng thích nghi rất lớn.

Với những phản xạ tự do, những côn trùng có thể vượt qua những khó khăn thông thường để tồn tại. Nhưng nếu có một sự thay đổi nào đó như những thay đổi về thời tiết thì chúng không có khả năng đối mặt với những thay đổi đó và chúng sẽ bị tiêu diệt như những con muỗi chẳng hạn. Với các em nhỏ, các em có thể chống trả khá tốt với

những thay đổi như vậy vì các em có nhiều khả năng thích nghi tốt với nhiều hoàn cảnh khác nhau. Trí thông minh cho phép các em có khả năng điều tiết những phản xạ trong cuộc sống. Hơn nữa sự yếu ớt của trẻ sơ sinh lại phụ thuộc rất nhiều vào tình yêu, vào tình cảm và những sự chăm sóc của người mẹ. Người ta cho rằng bản năng về tình mẫu tử càng được phát triển tốt thì chính cái bản năng đó sẽ mang lại cho trẻ nhỏ tất cả mọi che chở cần thiết.

Ngược lại nếu người ta tước bỏ cái tình yêu được che chở đó đi thì con trẻ sẽ trở nên bất lực, yếu đuối. Khi đó các em sẽ gặp nhiều những nguy hiểm hơn con muỗi trong việc duy trì sự sống. Vì thế không còn nghi ngờ gì việc các thực thể xã hội rất dễ rơi vào những rối loạn thần kinh. Với những nhà tâm lý học thì nguồn gốc của những rối loạn đó là sự bất an về mặt tinh thần được thể hiện như là một sự bị tước đoạt mất tình yêu.

Tóm lại, nếu các bậc cha mẹ muốn cho con em mình trở thành khoẻ mạnh, độc lập, có khả năng thích nghi dễ dàng với mọi hoàn cảnh để tồn tại thì việc cần thiết là hãy mang lại cho các em một sự an toàn, tạo ra một cảm tính an toàn ngay từ đầu và thường xuyên. Điều đó sẽ mang lại cho con trẻ một lòng tin, trước hết đối với những người mà chúng phụ thuộc và sau đó là với chính các em cũng như tin vào những khả năng của chúng.

Tất nhiên nhu cầu về một tình yêu được che chở của các em nhỏ là rất mạnh. Với các em thiếu niên thì chúng lại có khả năng giải quyết vấn đề một mình, khá tốt. Tuy nhiên các em thiếu niên cũng rất mong

được cha mẹ quan tâm đến những hoạt động của chúng ngay cả khi chúng không cần đến bất kỳ sự giúp đỡ từ người khác. Về phương diện thực tế nhu cầu đó ở trẻ em cho chúng ta biết rằng trong những năm đầu của cuộc đời, chúng cần tránh trong khả năng có thể mọi sự sợ hãi như những tai nạn, sự cách ly khỏi người mẹ, những hình phạt quá nghiêm khắc, khắt khe cũng như những gì ảnh hưởng đến sự an toàn của chúng.

Đương nhiên có những sự sợ hãi không thể tránh được như trong trường hợp các em bị ốm mà không thể không đến bệnh viện để phẫu thuật. Trong những trường hợp như vậy thì điều mà các bậc cha mẹ cần làm là tạo cho các em một sự yên tâm, một sự đảm bảo là sẽ không có gì đáng ngại. Trong những trường hợp như vậy, sự có mặt của người mẹ sẽ làm tan biến đi phần lớn những sự sợ hãi trong lòng em.

Sự có mặt của người mẹ là vô cùng quan trọng trong môi trường đã được chứng minh rõ ràng trong cuộc sống hàng ngày. Một em nhỏ khoảng ba hay bốn tuổi vì cả cha và mẹ phải đi công việc cả ngày nên phải gửi em ở nhà trẻ. Những ngày đầu tiên vì chưa tin ở những cô giữ trẻ nên khi mẹ em để em lại cho các cô mẫu giáo để đi làm là các em hờn giận. Sự cách ly này với một số em là một sự sợ hãi đáng sợ dẫn đến sự hờn giận như điện như dạn. Đó chính là nguồn gốc của những rối loạn về tâm lý, về tâm hồn các em. Có trường hợp chỉ do có sự xuất hiện một em nhỏ khác mà người mẹ quan tâm hơn cũng làm cho con cái chúng cảm thấy như bị bỏ rơi, không còn sự an toàn nữa, cũng làm cho các em lo sợ giận dữ. Lúc đó các em cảm thấy rất đơn độc hơn bao

giờ hết. Lúc này sự trừng phạt là vô nghĩa thậm chí chỉ có hại. Trong trường hợp này những rối loạn trên có thể mất đi nhưng chỉ là tạm thời, vì như các nhà tâm phân học đã quả quyết là chúng chỉ lặn vào trong vô thức và rồi sẽ xuất hiện trở lại trong một số trường hợp nào đó như làm một người mang bệnh tâm thần, là một bệnh lý.

Với trẻ sơ sinh chỉ độ một vài tháng tuổi chúng ta thường gặp trường hợp sau: Các bà mẹ khi cho con ngủ thường bế chúng hay nằm cạnh chúng. Khi thấy chúng đã ngủ thực sự, các bà mẹ thường đặt chúng xuống giường hay đứng dậy nếu là đang nằm với chúng. Lập tức các em tỉnh dậy khóc thét. chúng ta thường nghĩ là động tác đó không khéo nên gây ra tiếng động làm các em tỉnh giấc. Điều đó có thể là như vậy nhưng chỉ là phụ. Cái chính là các em thấy vắng hơi mẹ quen thuộc, thấy mất an toàn, mất cái mà chúng ta gọi là tình yêu được che chở. Sự tỉnh dậy chỉ là sự đòi hỏi được sống an toàn, được che chở.

Cũng tương tự như vậy với các em phải nằm bệnh viện. Sự có mặt của người thân đặc biệt là của người mẹ là vô cùng quan trọng. Đừng coi thường phản phản ứng đó nơi trẻ thơ. Nhiều khi các bậc cha mẹ và người lớn thấy tất cả đều sẽ qua đi một cách tốt đẹp và cứ để cho mọi việc qua đi. Nhưng hậu quả của nó có thể là về lâu dài nhưng cũng có thể là tức thời. Đến một lúc nào đó trẻ sẽ thấy sự cần thiết phải có mặt cha mẹ là vô nghĩa, tình cảm không còn. Chúng sẽ trở nên lạnh lùng với tất cả và sự giáo dục sẽ khó mà thực hiện. Khóc mãi, hờn giận cũng chẳng giải quyết được gì nên chúng trở nên chai lì. Sự chai lì chẳng qua chỉ là một sự dồn nén. Nếu như sự dồn nén này kéo dài thì sẽ khó

tránh khỏi rơi vào sự rối loạn về tâm lý, có nhiều khả năng trở thành bệnh lý. Sự lạnh nhạt, sự chai lỳ này muốn nói với chúng ta rằng khi các em cần đến sự quan tâm của cha mẹ thì cha mẹ không đáp ứng. Vậy thì bây giờ tôi không cần đến các người nữa. Nếu tình trạng này không được cải thiện sau khi ở bệnh viện về nhà thì các em sẽ cảm thấy mình như bị bỏ rơi và các em sẽ mất tin tưởng ở cha mẹ, ở người lớn, đặc biệt là ở người mẹ. Nếu tình trạng đó xảy ra thì có nguy cơ lâm bệnh hoặc làm nảy sinh trong tâm hồn của trẻ sự thích thú trả thù. Đó là một sự thích thú không bình thường mang mầm mống bệnh lý. Người ta gọi sự thích thú này là sự thích thú trả thù vô thức (*désir de revanche inconscient*). Trong trường hợp này trẻ nhỏ vẫn mong muốn được gần người mẹ. Nếu người mẹ lợi dụng cơ hội này để quan tâm, tình cảm với các em, dịu dàng với chúng thì sẽ có cơ hội lấy lại lòng tin nơi các em. Rất tiếc là với khá nhiều bà mẹ thường có thái độ "mặc kệ nó" và xa lánh con em mình hay ít ra cũng là lạnh nhạt với chúng, và cảm tính bị bỏ rơi trong các em lại được củng cố thêm.

Với người lớn nói chung và người mẹ nói riêng thì điều quan trọng lúc này là phải rất bình tĩnh và có trách nhiệm, phải luôn bên cạnh các em, không nên phớt lờ cho bất kể người nào đặc biệt là những người vô trách nhiệm, không có hiểu biết và thiếu sự cảm thông. Trong trường hợp tìm được người thay thế thích hợp thì vai trò người mẹ cũng không có gì thay đổi và sự có mặt của người mẹ lúc này là vô cùng cần thiết vì đây là tình mẫu tử mà không ai có thể thay thế được.

Có không ít điều nằm ngoài dự đoán của chúng ta. Ví như một em nhỏ bị ốm khi thầy thuốc tiến hành điều trị thì bà mẹ vô tình nói những lời lẽ không đáng nói, có ý trêu chọc, hài hước về bệnh của em hoặc nói những chuyện vui vẻ khác làm cho các em cảm thấy mẹ nó không quan tâm gì đến nỗi sợ hãi và nỗi đau đớn của em. Sự vô tình nói trên cũng làm cho con cái chúng ta cảm thấy không được quan tâm thậm chí làm bị bố mẹ bỏ rơi. Cha mẹ luôn phải hiểu được tâm trạng của con mình mọi nơi mọi lúc. Nếu không những sự kiện đại loại như sự kiện mà chúng ta vừa nêu trên sẽ là một vết hằn trong suốt cuộc đời đứa trẻ khó mà có thể xoá bỏ đi được. Khi gặp trường hợp thích hợp nỗi đau đó trở lại trong tâm trí các em và có nguy cơ rơi vào bệnh trầm uất, một dạng của bệnh tâm thần khác phổ biến trong mọi lứa tuổi.

Cũng còn không thiếu những trường hợp xảy ra ngoài ý muốn của người mẹ như khi người mẹ sinh em bé. Lúc đầu vì phải quan tâm săn sóc hơi nhiều đến đứa em mới sinh nên cũng gây cho đứa lớn cảm tính bị xem nhẹ hay bị bỏ rơi. Từ đó làm nảy sinh cái mà các nhà tâm lý gọi là cảm tính lo âu xao xuyến và trở thành ghen tuông với đứa em mới sinh của chúng. Tuy nhiên nếu người mẹ vẫn quan tâm đến nó, giải thích cho chúng lời hơn lẽ thiệt thì sau đó chúng có thể đóng vai người mẹ trong một chừng mực nào đó để chăm sóc em bé của chúng và mọi việc trở nên tốt đẹp. Trái lại từ những lo âu xao xuyến cũng dẫn đến những rối loạn về tâm lý và bệnh lý như nhiều trường hợp khác. Khi đứa trẻ cảm thấy tình yêu được che chở của người mẹ đã chuyển sang đứa trẻ mới sinh, chúng trở nên ghen tuông và giận dữ. Chúng tìm cách

đấu tranh. Tất cả chúng ta nhất là những bà mẹ cần hiểu rằng sự ghen tuông không đơn giản để tự vệ. Trong trường hợp này nếu các em lại bị trừng phạt oan uổng nữa thì các em sẽ cảm thấy như bị đe dọa. Sự lo sợ đó có thể làm cho các em trở thành dễ bảo vì theo các em đó là cách tốt nhất để lấy lại tình mẫu tử. Nhưng cái đáng lo là từ đó làm xuất hiện nơi các em một cái nguy cơ rơi vào trạng thái được gọi là tâm thần hoảng loạn, hoặc dưới những hình thức khác như sự trả thù.

Tóm lại là trong mọi trường hợp các xử sự của người mẹ là đừng nhân chuyện ghen tuông này mà làm các em hoang mang sợ hãi thêm bằng những việc làm thô bạo, nhất là bạo lực.

Đương nhiên chúng ta hiểu rằng, chúng ta không thể giúp các em tránh được mọi sự sợ hãi cũng như mọi sự đau đớn. Vấn đề là làm cho các em an tâm bằng cách đảm bảo với các em rằng tất cả những cái đó sẽ qua đi vì chúng không có gì đáng ngại cả. Chúng ta biết rằng trong cuộc sống thường nhật của con trẻ không làm sao tránh được sự phiền toái khó chịu, những cái không mong muốn vẫn cứ xảy ra. Ví dụ, vì sơ ý các em có thể vấp ngã do nghịch ngợm một vật gì đó sắc nhọn có thể vụng về mà làm các em chảy máu tay và bị xước đầu gối. Đó là tất cả những tai nạn nhỏ vẫn thường xảy ra mà không thể tránh được mỗi khi chúng ta để cho các em tự do du ngoạn hay chơi đùa. Chỉ có điều là nếu không thể tránh được tất cả những sự rủi ro đó thì vấn đề còn lại là ngay lập tức phải làm cho các em an tâm. Nếu làm được như vậy sẽ tạo cho các em thêm niềm tin vì ít ra chúng cũng hiểu được rằng chúng có thể vượt qua được những hoàn cảnh nguy hiểm như vậy. Với sự

bình tĩnh của người mẹ trước những trường hợp đó cùng với sự an ủi thân tình âu yếu sẽ làm cho các em thêm dũng cảm. Đồng thời các em cũng học được tính can trọng và yêu thích sự phiêu lưu mạo hiểm.

Chúng ta cần biết rằng ngoài việc tránh cho các em sự sợ hãi còn cần tránh cho các em những đau đớn không cần thiết. Cái đau và nỗi sợ có mối liên hệ rất mật thiết với nhau vì cái sợ là nhân tố thống trị của nỗi đau. Trên bình diện sinh học thì chức năng của nỗi đau là tạo ra sự canh chừng và báo cho chúng ta rằng chúng ta đang trong sự nguy hiểm. Đó là ký hiệu có chức năng báo động phát sinh ra một cách tự nhiên, bộc phát để thức tỉnh cái sợ trong chúng ta. Nếu cái đau làm phát sinh nhiều sự ưu phiền thì thường là do cái sợ đã xâm lấn vào, đã can dự vào. Chúng ta cần bảo đảm với các em rằng cái đau đó sẽ dần dần biến mất. Một đứa trẻ bị ngã ở cầu thang thường la lớn là vì sợ hơn là đau. Trong trường hợp đó nếu người mẹ bế em trong vòng tay, an ủi, vỗ về em thì cái đau cũng biến mất với nỗi sợ hãi và các em lại vui vẻ chơi đùa trở lại. Từ đó chúng ta hiểu được rằng chỉ cần một nụ hôn cũng có thể làm cho một em khỏi bệnh. Một người mẹ trẻ tương lai không thấy có gì phải lo lắng nhiều khi sinh nở là vì họ hiểu rằng đó là một sự việc rất bình thường và là một sinh hoạt tự nhiên. Khi đó nỗi đau sẽ biến mất cùng với nỗi sợ. Nhiều trẻ em rất sợ đến các phòng chữa răng hay các nơi tiêm chủng. Nhưng khi các em hiểu được rằng điều đó là bình thường và chẳng có gì đáng e ngại. Lúc đó nỗi đau và cái sợ sẽ đồng thời biến mất trong con người các em và các em sẵn sàng đi tiêm chủng hoặc đi chữa răng vì điều đó chỉ có lợi cho các em

mà thôi. Khi một em nhỏ gặp đau và sợ thì cách tốt nhất là không nên lấy đó làm trò đùa để trêu chọc các em vì làm như vậy sẽ gây cho các em cảm tưởng làm không một ai che chở các em khi gặp nguy hiểm.

Tồi tệ hơn cả là nỗi sợ hãi lại thường do người mẹ tự tạo ra do sự hoảng hốt khi thấy con mình té ngã. Vì thế nhiều khi nguy hiểm là rất ít nhưng thái độ của người mẹ làm cho người ta và con em họ cảm thấy nguy hiểm gấp bội và sự sợ hãi gia tăng gấp nhiều lần so với thực tế của tình hình. Nhiệm vụ của người mẹ là phải che chở cho đứa con nhưng phải bằng cách hét lên với chúng rằng: mẹ không thích con làm như thế. Điều đó chỉ kích thích trong tâm tưởng của trẻ nhỏ cảm tính chúng không được che chở. Trái lại là cần phải có một thái độ dịu dàng để nhắc nhở các em. Đôi khi cần thiết cha mẹ vẫn có thể trừng phạt các em khi mắc lỗi nhưng với lòng vị tha, thương cảm chứ không phải là do ghét bỏ. Nếu vì ghét hay ít nhất làm cho các em cảm thấy là như vậy thì sẽ đẩy các em càng lún sâu vào tâm trạng không tìm thấy sự an toàn ở bất cứ nơi nào. Người ta cũng thường thấy đâu đó các bà mẹ đánh đập con cái. Có em khi bị đánh đập mặt tái nhợt mà không kêu được một tiếng. Dần dần các em sẽ nhờn với cảnh bị đánh đập đó. Người ta thường tự hỏi rằng những bà mẹ như vậy sẽ nhận được những gì từ con cái khi chúng đến tuổi thanh thiếu niên và trong tuổi trưởng thành.

Người ta có thể nói được rằng nhiệm vụ của cha mẹ trước tiên là mang đến cho con cái sự che chở và sự an toàn. Bởi một lẽ rất đơn giản là chỉ có trong môi trường an toàn, con em chúng ta mới có tự do. Chúng phải biết một cách chắc chắn rằng dù ở trong nhà hay vui

chơi ngoài ngõ nếu chúng gặp điều gì không tốt hay một nguy hiểm nào thì mẹ nó sẵn sàng bên nó để che chở nó, giúp đỡ nó. Điều đó làm cho chúng tin tưởng rằng sự có mặt của mẹ nó sẽ làm cho nó được an toàn. Trái lại sẽ làm cho chúng không thể an tâm ngay cả khi vui chơi. Người ta cho rằng chính sự sợ hãi thường xuyên đó khiến cho trẻ em luôn bám váy mẹ. Sự không an toàn khiến trẻ thơ không dám làm gì đồng thời tính lý xì sẽ làm chúng mất tự do. Chúng luôn phải canh chừng với những hiểm nguy đang ở đâu đó vì thế chúng không bao giờ được thoải mái, sung sướng và tự do.

Như thế thì phải chăng là phải tăng cường sự che chở đối với các em. Vì quá lo ngại cho các em mà nhiều khi người ta lại để mắt đến các em quá nhiều và như thế là không cần thiết. Bất cứ ai trong chúng ta đã từng chứng kiến một em nhỏ hai tuổi ngã từ trên ghế bành xuống đất. Chúng có vài giọt nước mắt sau cái ngã đó nhưng ngay sau đó em lại tiếp tục bò lên ghế như không có chuyện gì xảy ra. Đó là do những tổ chất tự nhiên đã kích thích chúng làm lại kinh nghiệm cho đến khi đạt được kết quả. Chúng ta thường bắt gặp một người mẹ theo sát con từng bước trong công viên để đề phòng những rủi ro không có thực. Đó là điều không cần thiết chỉ làm quẩn chân bé, mà chỉ nên để mắt đến em từ một khoảng cách nhất định. Nói như vậy vì các em dù chỉ hai hay ba tuổi đã rất thích hoạt động tự do để thử sức mình, để tự khám phá thế giới xung quanh mình. Cách tốt nhất là cứ để các em được thoải mái với sự giám sát từ xa. Nói rằng che chở cho chúng không có nghĩa là lúc nào cũng phải nắm lấy tay chúng.

Theo các nhà chuyên môn thì các xử sự như trên thậm chí còn là có hại cho trẻ vì trẻ nhỏ tự nó có khuynh hướng đề phòng những hiểm nguy trong khi chơi. Hơn nữa chúng cũng hiểu rằng cha mẹ nó luôn để ý đến nó. Nếu không để cho chúng tập cách tự đề phòng bất trắc, tự phân biệt đâu là hiểm nguy thực sự và đâu là không thì cha mẹ đã biến các em thành những kẻ lười nhác, đần độn và đương nhiên chúng sẽ dễ dàng là nạn nhân của những tai nạn bất kỳ. Vấn đề không chỉ là sự che chở của cha mẹ mà là dạy cho các em cách tự bảo vệ mình bằng chính sự thông minh của mình. Nếu cứ để cho các em lúc nào cũng dựa dẫm vào người lớn sẽ làm cho các em có mặc cảm phụ thuộc ngay cả với những bạn cùng lứa. Cần phải giúp cho các em tự chứng minh với mọi người các em đâu chỉ là một chú gà con chỉ biết nằm gọn dưới đôi cánh của mẹ. Đó là cách tốt nhất giúp cho các em trở thành những con người dũng cảm và luôn thận trọng, kinh nghiệm đã chứng minh cho điều khẳng định nói trên là không có gì phải bàn cãi.

Chúng ta biết rằng có không ít các em rơi vào bệnh tâm thần các loại nhưng không phải là các em thiếu tình cảm mà lại là do người ta mang đến cho các em quá nhiều tình cảm. Nhưng lại chính do những tình cảm đó mà người ta làm cho nó không còn khả năng tự chủ, trở nên lúng túng bất lực và hoang mang trước những tình huống rất bình thường. Từ đó chính các em lại bị sức ép về tâm lý mà không được giải toả vì chính loại tình cảm đó lại chống lại các em.

Vì thế các nhà tâm lý đã quả quyết rằng một tình cảm chân chính trước hết là những điều tốt đẹp và hạnh phúc cho người mà mình yêu.

Có những bà mẹ quá chu đáo đối với con cái tới mức là muốn làm lấy tất cả không muốn để cho chúng tự làm lấy bất kỳ việc gì dù là nhỏ nhất và đơn giản nhất như cài khuy áo cho chúng không khi chúng có thể làm được và thích thú được tự làm. Những bà mẹ muốn tham gia vào mọi hoạt động cũng như mọi sinh hoạt của các em và quyết định thay cho chúng mọi điều, các bà mẹ này không biết rằng mình đã phạm một sai lầm lớn là luôn đặt mình ở giữa con mình và cuộc đời. Họ không thể chịu nổi khi phải đứng nhìn con em họ phát triển một cách tự nhiên bình thường. Các bà mẹ này đã làm cho con em họ không thể nảy nở được bằng những tình cảm quá mức như vậy. Tình cảm đó chỉ đơn giản làm cho các bà mẹ hài lòng và thích thú mà thôi. Khi trưởng thành các em sẽ nhận ra tai hại đó và nếu như không sợ người đời nói là vô ơn thì các em có thể thưa với mẹ chúng rằng: " Xin mẹ hãy để cho con được yên". Sau nhiều thất bại trong cuộc đời, khi chúng nhận ra tác hại đó thì đã là hơi muộn.

Còn những người mẹ thuộc loại quá lo lắng cho các em lại luôn sợ con em học bị lạnh hay gặp nguy hiểm nào đó. Thông thường tâm trạng trên xuất hiện ở những người mẹ không được hạnh phúc trong thời thơ ấu hay thường xuyên mang bệnh. Trong trường hợp này thật là ngạc nhiên khi chúng ta thấy các nhà tâm phân học cho rằng với một thích thú vô thức, các bà mẹ này đôi lúc cũng muốn cho con mình ngã bệnh hay bị thương. Với các em có một tính khí nhạy cảm thì sự lo lắng quá mức này của bà mẹ sẽ làm cho chúng trở nên nhút nhát. Với những em khoẻ mạnh và lực lưỡng thì lại có khuynh hướng đi ngược

lại cách cư xử của mẹ chúng và trở nên táo bạo và hay làm những điều vô ích.

Các nhà chuyên môn cũng cho rằng tính tự phụ khoe khoang ở con trẻ cũng là cách phản lại thứ tình cảm đó. Đôi khi người mẹ quá say sưa với cách âu yếm con mình, trù mến chúng khi thấy mọi người khen con mình đẹp, thông minh, hiền lành và lễ phép. Điều đó cũng góp phần quan trọng vào việc hình thành tính kiêu ngạo của con trẻ. Chúng ta còn gặp những bà mẹ rất hài lòng với con mình, thường đó lại là con trai, tượng trưng cho đối tượng tình dục của chính người mẹ. Như những nhà tâm phân học đã khẳng định kết quả là sự gắn bó đó mang tính tình dục ở người mẹ và nó trở thành mặc cảm oedipe.

Chúng ta cần nhớ rằng một người mẹ sung sướng vì những lời khen tốt đẹp của con mình là điều bình thường, tự nhiên. Sự tự hào đó đôi khi trở thành kiêu ngạo cũng không phải là cái gì đáng ngạc nhiên, đáng trách. Nhưng có điều không nên và cần tránh là sự kiêu ngạo đó dẫn đến một sự tự hào quá mức. Vì quá tự hào về con em mình mà đôi khi nổi nóng lên khi thấy con mình ngượng ngùng về sự kiêu ngạo đó trước người khác.

Thật là chính đáng và tự nhiên khi người mẹ che chở cho con mình và lo lắng những hiểm nguy đến với chúng. Điều nên tránh là đừng biến sự che chở đó thành một việc như người ta thường gọi là tước mất vũ khí của các em trong cuộc sống. Cũng rất là tự nhiên khi có những bà mẹ lo lắng hơi quá về con mình. Nhưng cuối cùng thì chính là người mẹ đã tạo ra một tình huống là chặn đứng sự phát triển, ghìm

chúng lại khi chúng muốn được như người ta thường nói là tung cánh bay xa khắp mọi nẻo đường. Vấn đề đáng quý nhất là hãy để cho nhân cách của con em chúng ta được hình thành và phát triển một cách tự do. Cũng lại là rất bình thường khi người mẹ thể hiện sự thoả mãn mang lại tính tình dục khi nuôi nấng và vuốt ve đứa con thân yêu của mình sau những ngày tháng mang nặng đẻ đau. Bởi một lẽ là chính tự nhiên muốn như thế và khuyến khích tình cảm đó mà người mẹ mang trong lòng. Vấn đề nên tránh và cần làm rõ là không nên kích thích những cảm xúc tình dục nơi các em và đe dọa đến quan hệ vợ chồng sau này.

Người mẹ rất có lý khi mang lại cho con em mình mọi nhu cầu nó cần để có thể thích nghi tốt nhất với sự hiện hữu của chúng. Bà mẹ thấy chẳng có gì phải đắn đo để chấp nhận mọi yêu cầu của chúng vì một lẽ là chúng rất dễ thương nên không có lý do gì để từ chối. Người ta không biết rằng làm như vậy chúng ta đã biến con em chúng ta sau này sống với một ý nghĩ muốn gì cũng được, muốn gì có nấy. Các nhà tâm lý học gọi cách chiều con như vậy sẽ làm cho chúng trở thành một người ỷ lại, không có khả năng tự xoay sở, một người phục vụ tồi.

Theo các nhà tâm lý thì một tình cảm chân thành phải nhằm mang lại hạnh phúc và một sức khoẻ tốt cho con em mình. Ngược lại chúng ta sẽ biến con em chúng ta trở thành một kẻ bất lực và đương nhiên là không hạnh phúc. Kết quả đó chống lại mong muốn của cha mẹ chỉ vì đã chiều con em mình quá mức cần thiết. Người ta gọi đó là một việc làm tốt phục vụ tồi nghĩa là ý đồ là tốt nhưng kết quả lại không tốt.

Một trong những vấn đề nghiêm trọng mà các thầy thuốc tâm thần quan tâm. Đó là những mặc cảm về bệnh tâm thần của người cha cũng như người mẹ. Chúng ta đã từng khẳng định rằng những bà mẹ quá lo lắng về con em mình nên đã không để cho các em được tự do khám phá và e dè mọi cái. Thật đáng ngạc nhiên nhưng lại là sự thực có những bà mẹ lại ghen tuông với chính con gái mình với sự quan tâm quá mức của người cha. Đương nhiên đây chỉ là sự ghen tuông vô thức. Cũng vì sự ghen tuông vô thức này mà không ít người cha rất nghiêm khắc với con trai mình. Một người mẹ nhút nhát thường hoang mang trước những việc bất thường lại chuyển sự sợ hãi đó cho con cái. Theo những nhà tâm thần học thì rối loạn về tâm thần này không có tính chất di truyền nhưng lại có thể chuyển sang các con.

Với cái nhìn tích cực, con em chúng ta không chỉ cần sự che chở và sự an toàn mà còn rất cần sự dịu dàng riêng tư. Chúng cần biết một cách chắc chắn rằng mẹ chúng chỉ yêu chính nó.

Để làm điều đó không phải là đơn giản, nhất là đối với những gia đình đông con hoặc quá bận rộn để kiếm sống. Trong trường hợp này cách tốt nhất là nên dành cho mỗi trẻ một thời gian riêng, ngay cả khi đang làm việc khác. Ví dụ người bố có thể vừa nói chuyện vừa xem vô tuyến với một em trên đầu gối hay ôm trong lòng. Hoặc có thể vừa làm một việc gì đó vừa để cho em ngồi bên cạnh. Và khi đó chúng ta thường được nghe em tuyên bố đồng ý hôm nay đến lượt em được ngồi cạnh mẹ hay cha. Đó là một việc làm bình thường tưởng như vô nghĩa với cha mẹ nhưng với các em lại có ý nghĩa vô cùng to lớn. Qua đó các em

biết một cách chắc chắn rằng mẹ nó chỉ yêu riêng nó, mẹ là của riêng nó. Cần nhớ rằng khi trẻ cảm thấy như bị bỏ quên, chúng sẽ trở nên ghen tuông và những hình phạt không thể chữa được cái chứng ghen tuông này. Đó là điều nên chú ý, nhất là đối với gia đình đông con hoặc quá bận trong công việc mưu sinh. Trẻ em cần mọi thứ trong đó có cả những cái có tính chất riêng tư, cái của riêng mình.

Qua những công trình nghiên cứu của những nhà chuyên môn về những trẻ nhỏ mồ côi đã cho người ta cảm tưởng rằng nếu chúng được chú ý trong phạm vi cần thiết, chúng có thể trở thành những công dân luôn sẵn cảm và luôn giữ được thăng bằng về tâm lý. Đương nhiên với các em này chúng vẫn cảm thấy thiếu một cái gì đó để sống như thú vui gia đình chẳng hạn. Chúng vẫn vui chơi với những sự quan tâm cần thiết của xã hội nhưng chúng đã mất sự dịu dàng cho riêng chúng và chính sự dịu dàng ân cần này luôn mang lại cho trẻ thơ niềm vui và sự tin tưởng với chính bản thân chúng.

Những thí nghiệm của Buhler đã chứng minh rằng: những trẻ em sống trong cùng một hoàn cảnh như nhau được tách ra thành hai nhóm khác nhau và được tách ra thành hai nhóm khác nhau và được chăm sóc khác nhau. Nhóm thứ nhất được chăm sóc chu đáo và chúng được hưởng những sự ân cần đặc biệt. Với nhóm thứ hai, chúng có mỗi em một cô bảo mẫu riêng và tình thương yêu của mọi người. Sau sáu tháng, nhóm thứ nhất có một sự phát triển khá chậm về cả thể chất cũng như tinh thần so với nhóm thứ hai. Bởi thế các nhà chuyên môn

khuyên chúng ta là để nuôi dưỡng tốt trẻ nhỏ xin hãy dành cho các em tình thương và những sự săn sóc cá nhân trong phạm vi có thể.

Trẻ em luôn cần một tình thương thường xuyên. Chúng luôn mong muốn được bà mẹ yêu quý chúng mỗi khi có dịp, ngay cả khi chúng phạm những lỗi lầm. Cuối cùng thì tình mẫu tử phải dễ nhận thấy đối với các em. Nhiều bà mẹ có linh tính tự nhiên có thể phát hiện sớm những nhu cầu của con em họ. Các bà mẹ này hiểu theo trực giác rằng đôi khi các con của họ có những biểu hiện rất khó hiểu nhưng bà có thể hiểu được ngay điều đó nói lên cái gì. Những bà mẹ này không cần đến sự giúp đỡ của những nguyên tắc, nguyên lý và họ cũng không cần đến những bà mẹ thường không nắm được những gì đang diễn ra trong đầu con em mình. Với những bà mẹ này thì sách và kinh nghiệm của người khác sẽ là một trợ thủ đáng nể.

b/ nguyên tắc thứ hai mà chúng ta cần quan tâm là nguyên tắc về kỷ luật.

Trước tiên những nhà chuyên môn khẳng định với chúng ta rằng khái niệm cũ kỹ về kỷ luật đượ xây dựng trên ý tưởng về "những khả năng động vật" của con người về cơ bản là vô dụng. Từ đó người ta cho rằng cần phải triệt tiêu tinh thần trẻ thơ bằng những roi đòn khi cần và điều đó vẫn thường xảy ra. *Với cái nhìn thật hiện đại được xây dựng trên ý tưởng rằng tự nhiên đã cung cấp cho con người những khả năng bẩm sinh, tự có và con người cần sử dụng chúng.* Từ đó người ta tìm thấy trong kỷ luật một phương tiện để hướng dẫn và kiểm soát những

lực lượng tự nhiên đó. Đương nhiên chúng ta hướng dẫn và kiểm soát chúng không ngoài mục tiêu là sử dụng chúng một cách có lợi nhất.

Chúng ta thường nghe nói đến một thứ kỷ luật tự nhiên (discipline naturelle) mà một số nhà tâm lý học hay nói tới và cho rằng kỷ luật, sự cấm đoán, sự ép buộc và sự tự chủ chỉ là những phát minh của những kẻ hà khắc.

Sự thực thì sự cấm đoán và sự ép buộc lại là những quy luật của cuộc sống mang tính chất sinh lý hơn là tâm lý và luân lý. Não bộ bao gồm không chỉ có não và những rung động nguyên thủy phụ thuộc mà còn bao gồm cả vỏ não có nhiệm vụ kiểm soát và ngăn cấm, ngăn chặn. Hệ thống thần kinh liên hệ chặt chẽ với nhịp đập của tim làm cho tác dụng của chúng được gia tăng. Trong cơ thể con người có hai chức năng đối lập nhau: cái có chức năng kích thích, cái có chức năng kiểm soát.

Sự cấm đoán và sự hiệu quả. Đó là những mặt khác nhau nhưng chúng hỗ trợ nhau để con người có được những hành động có hiệu quả. Ví như ta muốn đưa một cốc nước lên miệng để uống và có hiệu quả là nhờ ở những động tác ở cánh tay. Nhưng nếu chỉ có thế thì cũng khó mà có thể hoàn thành việc uống nước vì động tác của cánh và bàn tay phải có sự giúp đỡ của những cơ khác nhằm kiểm soát sao cho những động tác đó đi từ từ mà không bị đổ nước, không vỡ cốc nước và có thể uống được một cách có hiệu quả. ở đây có sự điều tiết của sự cấm đoán. Khi quan sát ở những em nhỏ mà hệ thống thần kinh chưa phát triển đầy đủ chúng ta thấy động tác đó không được kiểm soát tốt

nên thường vụng về. Đáng đưa cốc vào miệng chúng lại đưa lên mũi, hoặc đưa vào cằm, hoặc làm đổ hết nước trước khi uống hay làm vỡ cốc. Dần dần, từng bước một nhờ ở sự ép buộc kìm chế, điều chỉnh để kiểm soát mọi động tác. Ví dụ trên nói lên sự cấm đoán và sự ép buộc là những tác nhân của hiệu quả.

Như đã nói ở trên, kỷ luật là một luật tắc của cuộc sống mà tự nhiên muốn và là cần thiết cho sự tồn tại của con người. Suy tư theo chiều hướng đó thì kỷ luật không làm nảy sinh những trở ngại đối với sự tự do của mỗi nhân cách. Trái lại sự tự do lại là vô cùng cần thiết cho một sự tự do chân chính mà lại không cần có kỷ luật.

Sự tự làm chủ bản thân chính là một định hướng của những tố chất và những khả năng tự nhiên theo một nghĩa chung là tốt. Điều đó không làm xuất hiện những dồn nén. Sự làm chủ bản thân và sự dồn nén là khác nhau và không thể dung hợp với nhau bởi vì chúng ta không thể nào sử dụng cũng như điều khiển những xung lực bị dồn nén bởi vì chúng ta đã tách khỏi chúng ta.

Sự ép buộc khác với sự dồn nén là cần thiết đối với sự làm chủ bản thân. Tự ép buộc chỉ là sự kìm chế tạm thời một xung lực tự nhiên nào đó để cuối cùng dẫn dắt nó đi theo con đường có ích. Một đứa trẻ đánh bạn nó hay ném tờ báo vào lửa, nó cũng phải có một sự ép buộc nhẹ và kín đáo. Trong trường hợp này người ta phải làm dịu tính hung hăng của nó bằng cách chơi với nó hoặc nhờ nó giúp cho một việc gì đó mà mình đang làm. Hầu như tất cả các bà mẹ đều thường dùng cách làm này. Trong cuộc sống đời thường đôi khi người ta cũng phải có sự

ép buộc dồn nén đối với sự hung hăng của một tên tội phạm nào đó dưới một hình thức có thể chấp nhận được. Để cho dễ hình dung thế nào là một sự ép buộc có thể chấp nhận được chúng ta có thể dẫn ra ví dụ sau đây. Khi người ta muốn sử dụng năng lượng của dòng nước cho một cái cối xay chạy bằng sức nước, người ta phải đắp một cái đập cao để tạo ra sức mạnh của dòng chảy mạnh hơn rất nhiều lần so với cứ để cho dòng nước chảy một cách tự do.

Nhiệm vụ của sự ép buộc là làm tăng thêm sức mạnh của tự nhiên. Nhờ sự ép buộc này mà người ta có được một sức mạnh theo một định hướng mới. Để ép buộc dòng chảy một con sông thì phải làm một con đập như thế nào để cho dòng nước trong con sông không vượt qua bờ, qua đê để gây ngập lụt cho đồng ruộng xung quanh. Còn sự dồn nén những xung lực đối với một nhân cách sẽ gây ra biết bao là sợ hãi lo âu cùng với những sự điên loạn.

Vì thế nếu như sự dồn nén là có hại thì sự ép buộc, trái lại là cần thiết đối với sức khoẻ về tinh thần. Sự ép buộc này theo những nhà tâm lý học thì có thể được thực hiện từ ngoài vào cũng như ngay từ bên trong.

Trong những năm đầu của cuộc đời một em nhỏ, rất cần thiết phải tiến hành những ép buộc từ bên ngoài đối với các em bởi vì chúng chưa có khả năng để tự kiểm soát được chính bản thân mình. Vì thế cha mẹ cần giúp đỡ các em bằng cách ép các em phải thực hiện những điều cần thiết như phải nhìn bên phải bên trái không được đùa nghịch khi đi qua đường, không được nhìn đi nơi khác v.v... Không những thế

sự ép buộc này còn tránh cho các em những hiểm nguy. Sự ép buộc đó còn có tác dụng xây dựng cho các em một ý chí trong cuộc sống mai sau. Vào cái tuổi này ý chí của cha mẹ có thể và cần phải thay thế cho ý chí của các em vì ý chí của chúng chưa được phát triển. Giải quyết từ từ và kín đáo, trẻ nhỏ sẽ học được cách làm chủ được bản thân. Khi cái siêu tôi được xác lập, con trẻ sẽ có đủ khả năng để tự nó thực hiện kỷ luật đối với chính nó (auto discipline).

Trong thời kỳ hình thành cá nhân, khi con trẻ bắt đầu tìm những mục tiêu cá nhân ví như khi chúng làm những con tàu bằng bìa, sửa chữa cái ghế hay tập đi xe đạp... Tất cả những hoạt động đó là những sự tập dượt được thực hiện. Khi đó sẽ không cần sự giúp đỡ của cha mẹ. Nhiệm vụ của cha mẹ lúc này là cung cấp cho chúng những vật liệu cần thiết và những điều kiện thuận lợi. Đồng thời cũng chỉ cho chúng nên bắt đầu từ đâu nhất là động viên khuyến khích chúng.

Vào thời kỳ diễn ra tuổi thiếu niên, các nhóm bạn chơi sẽ dạy cho chúng làm quen với kỷ luật của nhóm. Khi đó chúng phải vâng lời người đứng đầu nhóm và chấp nhận những công việc mà nhóm giao cho một cách tự nguyện ngay cả khi có những công việc khó khăn.

Ngay cả khi chúng đã lớn, trong mọi trường hợp chúng đều phải thực hiện một sự ép buộc tự thân. Với những việc mà chúng không thích thú khi cần cha mẹ phải thực hiện một sự ép buộc đối với chúng, nhưng nên nhẹ nhàng, tế nhị và kín đáo. Với một vài trường hợp phức tạp hơn như đốt lửa bên cạnh một đồng rơm là rất nguy hiểm, tự động lấy trái cây trong vườn người khác là vi phạm đến quyền sở hữu của

người ta... Trong những trường hợp tương tự như vậy thì cha mẹ cần phải có một sự giải thích có tình có lý, nếu không sẽ chẳng mang lại kết quả nào. Nếu áp dụng một cách giải quyết nghiêm khắc và quá cứng rắn nghĩa là sử dụng một vũ khí đe dọa dù dưới hình thức này hay hình thức khác đều là vô ích. Tuy nhiên chúng ta vẫn không loại trừ khi cần vẫn phải có một vài kỷ luật nghiêm khắc để răn đe chúng, vì theo như những nhà chuyên môn thì ngay tự nhiên cũng thường sử dụng sự răn đe. Điều đó giúp cho chúng ta tránh mọi hiểm nguy như những cái gai là một vũ khí đe dọa với con người vì chúng có thể làm cho chúng ta đau đớn.

Thái độ phản đối không đồng tình là phương pháp khá đơn giản nhưng khá hiệu quả vì trẻ nhỏ biết rằng sự an toàn của chúng phụ thuộc phần lớn vào sự chấp thuận của người mẹ. Nhiều khi chỉ cần nói rằng "mẹ không thích con làm như vậy" là đã có hiệu quả. Nhưng cứ mỗi buổi sáng chúng đã phải nghe những lời răn đe thì dần dần sẽ làm chúng mất cảm giác an toàn. Các nhà chuyên môn cho rằng đôi khi cũng phải cho chúng nếm thử một cái đét vào mông nhưng phải là một cái đét lành (bonne fessée) mà không cần phải nói gì thêm. Đó là cách làm thức tỉnh tâm thần chúng.

Sự khen ngợi và những cảnh cáo là những phạm trù ngang hàng với sự đồng tình và sự phản đối. Những dự báo phòng ngừa cũng rất cần thiết mà không một ai có thể từ chối được vì nó giúp cho trẻ nhỏ tránh những hiểm nguy như không được ăn những gì không đảm bảo vệ sinh, những thứ có chất độc như hoa quả dại, như nấm độc. Khi ra

ngoài đường phố cần chú ý tránh xe cộ kéo gây ra tai nạn. Với một em gái vào tuổi dậy thì cần phải đề phòng có thai sớm vì thiếu hiểu biết hay sống buông thả.

Tóm lại mọi kỹ luật đối với con trẻ đều cần thiết và không ngoài mục đích là làm cho các em có một cuộc sống lành mạnh.

Bên cạnh sự dự phòng còn có vấn đề đe dọa. Hai vấn đề này rất khác nhau. Bằng sự dự phòng cho trẻ nhỏ, chúng ta làm cho trẻ nhỏ phải chú ý đến những hậu quả trong tương lai đối với những hành vi của chúng. Bằng sự đe dọa người ta áp đặt lên chúng. Những sự đe dọa mang nặng tính cá nhân nên khó được chấp nhận. Tuy nhiên theo các nhà chuyên môn cũng có trường hợp đặc biệt phải sử dụng khi biết chắc chắn rằng nếu không sẽ thất bại không thể cứu vãn được. Ví dụ khi bà mẹ tuyên bố với những đứa trẻ ngỗ ngược rằng: "Nếu con không chơi hoà thuận với các bạn thì mẹ sẽ không cho con chơi nữa". Một sự đe dọa như vậy ít ra cũng là một lời cảnh báo và đặt con trẻ đứng trước một sự lựa chọn. Nếu chúng làm cho người ta không thể chịu nổi bằng cách cứ tiếp tục như cũ thì điều chúng phải hứng chịu là xứng đáng và cái hại là không đáng kể so với việc tìm mọi lý lẽ để thuyết phục chúng. Nếu chúng cảm thấy sự đe dọa và sự trừng phạt đó là bất công và chúng tiếp tục khóc lóc thì cần phải nghiêm hơn nữa như "nếu không nín thì mẹ sẽ phải nhốt con vào trong buồng tối". Cuối cùng chúng cũng không dám tiếp tục khóc nữa mặc cho đối với nó là không dễ chịu gì.

Sự trừng phạt có một vị trí đặc biệt nhưng nói chung là chúng ta không nên lạm dụng chúng. Điều quan trọng là phải tính đến kết quả của hành vi đó là đừng làm cho các em cảm thấy như là một sự trả thù. Trẻ em nói chung là rất thích một cái gì đó mà chúng hy vọng có được niềm vui và có kết quả. Nhưng nếu như trong các hệ quả của việc làm của chúng lại có sự trừng phạt hay một nguy cơ bị trừng phạt thì chắc chắn là chúng sẽ chẳng làm nữa, vì mong muốn của chúng sẽ không thực hiện được.

Các nhà chuyên môn nhấn nhủ chúng ta rằng bất cứ một hình phạt nào cũng phải được tính toán kỹ từ trước. Lạm dụng nhiều hình phạt như đét vào mông chúng sẽ làm cho con trẻ cảm thấy vô lý khi chúng bị đòn. Với trẻ nhỏ thì một sự răn đe có tính cách dự phòng sẽ có thêm một cái lợi nữa là giúp cho trẻ phải tự quyết định lấy. Đó chính là bản chất của một nền luân lý mà chúng ta mong muốn. Chúng phải cân nhắc và lựa chọn giữa hai tình huống, hoặc là cha mẹ để cho chúng chơi với những đồ chơi đắt tiền mà chúng ao ước hay là không cho chúng tiếp tục được chơi nữa. Với những đứa em trai có thói quen không vâng lời thì chúng cũng ý thức được một hình phạt đang chờ đợi chúng. Chúng trông chờ vào sự may rủi và khi người ta phát hiện ra thì chúng sẵn sàng chấp nhận hình phạt xứng đáng. Đương nhiên điều đó không làm cho chúng băn khoăn và khó chịu.

Mọi sự khen thưởng cũng như hình phạt phải được thực hiện kịp thời. Nếu để cho nó trôi đi không được thực hiện đúng lúc thì tầm quan trọng của nó sẽ không còn nữa. Khi đó trẻ nhỏ không còn quan tâm

đến những khen thưởng hay hình phạt đó nữa. Không chỉ hình phạt phải tương ứng với lỗi lầm mà cần phải tức thời. Vì thế một đứa trẻ phạm tội trên đường phố chỉ vì một khiếm trách của người cảnh sát còn có giá trị hơn nhiều những lời phán xét của quan tòa vì khi đó trẻ nhỏ chẳng còn quan tâm gì đến những lời khen, chê nữa. Sự trừng phạt chỉ là việc làm cùng bất đắc dĩ khi mà người ta không thể bỏ qua được cho chúng cũng như có nguy cơ chúng tái phạm. Tất cả những kẻ phạm tội đều hiểu rằng chúng sẽ bị phát hiện vào một lúc nào đó nên chúng tất cảnh giác và xa lánh những nơi có nguy cơ dễ bị phát hiện. Điều đó cũng thấy xuất hiện ở những trẻ nhỏ.

Mọi hình phạt đều không được quá nghiêm khắc cũng như quá nhu nhược. Nếu quá nhu nhược thì kẻ phạm tội sẽ cho là chẳng có gì là quan trọng và cũng chẳng có gì là đáng ngại cả. Với những bậc cha mẹ thì không nên áp dụng hình phạt đó để đe dọa trẻ nhỏ trở thành trơ lì. Điều đó chỉ khuyến khích sự không vâng lời ở chúng. Nếu hình phạt là quá nặng sẽ làm cho chúng cảm thấy như là một sự bất công, nếu như chúng chưa thông suốt. Ví dụ một em nhỏ được nuông chiều, nhà lại giàu có nên em muốn gì cũng được kể cả những đồ chơi đắt tiền. Một hôm hết tiền em nhỏ này đã lấy cắp tiền của bạn cùng lớp nên đã bị cô giáo phạt với một hình phạt vừa phải với lỗi lầm của em và em chấp nhận. Nhưng khi về nhà lại bị cha mẹ phạt nặng hơn. Điều đó làm cho em cảm thấy là bất công vì em đã bị phạt ở trường rồi. Cái "hận" đó theo em trong suốt cuộc đời và luôn nghĩ rằng cha mẹ em không có tình thương yêu đối với em và em đã quay lưng lại với cha mẹ em.

Cho nên mọi hình phạt không được tạo ra một cái hố sâu ngăn cách chúng và cha mẹ, vì điều đó làm cho các em luôn trong tâm trạng sợ hãi và ghét bỏ mọi người. Gặp trường hợp như vậy thì điều quan trọng là cha mẹ phải tìm hiểu cho cặn kẽ điều gì đã dẫn các con mình đến như vậy.

Cũng không bao giờ nên áp dụng một hình phạt mà không nói rõ với các em trước lý do các em bị phạt, nghĩa là nói rõ cái lỗi mà em phạm phải. Khi hai đứa trẻ đánh nhau thì không phải lúc nào lỗi lầm cũng thuộc về đứa trẻ mà chúng ta nhìn thấy nó đánh bạn. Khi một em thiếu niên ăn cắp hay nói dối thì bao giờ cũng có lý do của nó. Xin các bậc cha mẹ hãy tìm hiểu và phát hiện cho ra lý do đó. Một tên vô lại còn trẻ hành hung một cụ già. Có thể là do bà cụ đánh nó và nó đã tìm cách trả thù. Đương nhiên cần phải ngăn chặn hành vi này nhưng không phải bằng cách đổ lên đầu chúng mọi sự cảnh cáo, cũng như mọi sự trừng phạt.

Nói chung thì những phương pháp giáo dục tích cực bao giờ cũng mang lại nhiều điều thích hợp hơn là những phương pháp tiêu cực. Những hình phạt, những lời cảnh cáo, sự không đồng tình hạn chế những hành vi xấu. Còn những lời khen, những phần thưởng, những lời nói ngọt ngào khuyến khích những điều tốt lành. Tất cả những điều nói trên là rất hiệu quả vì rằng nó giúp các em có những hành vi tự nguyện, tự giác. Những hình phạt và sự không đồng tình thì trái lại nó như là một vũ khí gây ra sự sợ hãi thường làm tê liệt trẻ nhỏ và nó làm cho các em trở nên e dè không dám làm bất cứ một việc gì.

Những người chuyên nuôi dạy thú hiểu rất rõ rằng những kích thích tích cực, những phần thưởng đều có hiệu lực hơn nhiều những đòn roi. Những bậc cha mẹ cũng như những thầy cô giáo tiếc rằng lại chưa hiểu hết ý nghĩa cũng như tác dụng của những việc làm mang lại ý nghĩa tích cực đó.

Một số không ít những nhà chuyên môn phản đối những cảnh cáo. Vì thế có không ít những thầy cô giáo, những nhà luân lý học muốn có một phương tiện nào đó chỉ để chỉ đường cho các em mà không cần đến những hình phạt các loại. Đương nhiên chúng ta nên khuyến khích những ý đồ tốt đẹp đó. Một ví dụ mà những người có những ý tưởng tốt này nêu ra xem chừng cũng không đòi hỏi chúng ta nhiều lắm mà chỉ cần ý tứ một chút trong lời ăn tiếng nói với các em là đã mang lại hiệu quả tương đối rõ rệt. Giữa hai cách nói dưới đây chúng ta nên chọn cách nào có lợi hơn trong việc giáo dục con trẻ. Một người mẹ bảo người con mình như sau: "Hãy giúp mẹ rửa bát đĩa, sau đó mẹ sẽ đưa con đi chơi công viên" hay là "hãy rửa bát đĩa đi nếu không tao sẽ cho ăn đòn". Giữa hai câu nói trên có một sự khác biệt rất lớn đối với con trẻ. Một ví dụ khác: "không được làm như thế nếu không thì sẽ ăn đòn" và "nếu mẹ là con mẹ sẽ không làm như thế vì rằng nó không thích hợp". Trong câu nói thứ nhất người mẹ sử dụng sự đe dọa và sự sợ hãi. Trong câu nói thứ hai ta thấy nó kích thích sự chấp thuận và sự tự tìm ra lý lẽ của các em.

C/ nguyên tắc thứ ba mà những nhà tâm lý học giới thiệu với chúng ta là nguyên tắc về sự tự do.

Chúng ta đã nói đến nguyên tắc kỷ luật trước khi nói đến nguyên tắc về tự do cũng là để tránh một sự hiểu lầm thông thường vì người ta thường cho rằng kỷ luật và tự do là hai đối cực không thể nào dung hợp được với nhau. Nhưng với cái nhìn thực sự khoa học thì hai phạm trù đó lại có thể kết hợp được với nhau theo một cách nào đó hợp lý thì người ta có thể tạo ra một xung lực vô cùng to lớn và có hiệu quả trong cuộc sống. Nhờ đó mà người ta có khả năng trong một chừng mực nào đó để làm chủ cuộc sống của mình. Nhiều nhà triết học cũng biểu hiện một quan niệm về tự do tương tự như Marx. Tự do là tất yếu đã được nhận thức nghĩa là tự do trong tính quy luật của nó. Còn trong đời sống xã hội thì tự do chính là tự do trong kỷ luật và kỷ luật cũng phải là một thứ kỷ luật không triệt tiêu tự do.

Ngay từ những trang đầu tiên chúng ta đã sơ bộ nói đến sự cần thiết phải để cho các em lớn lên và phát triển trong tự do nếu như chúng ta muốn cho các em một sức khoẻ về tinh thần lý tưởng, để tránh mọi rối loạn về tâm lý. Điều đó chỉ có những người làm cha làm mẹ mới có thể mang lại cho các em một cách tốt nhất những cơ hội để đạt một sự tự do chân chính mà chúng ta mong muốn.

Chúng ta phải thừa nhận rằng điều quan trọng đầu tiên là các em có một nhu cầu được tự do trong tất cả các mặt hoạt động của chúng. Nói như vậy là vì qua những kinh nghiệm và những khám phá mà những phản xạ có điều kiện đã được phát triển. Đồng thời cũng là một nhu cầu để chúng thích nghi với những điều kiện để sống. Cũng cần để cho các em được thể hiện một cách tự do những xung lực cũng như những

cảm xúc vốn có bẩm sinh nơi các em. Các em cũng có cái ham muốn được chấp nhận, được yêu, được lo âu, được tò mò. Nghĩa là những bản năng và những cảm xúc sơ cấp ấy phải là suối nguồn của sức mạnh tự nhiên để chiến thắng mọi vật cản cũng như mọi khó khăn trong cuộc sống.

Tất cả những tiềm năng đó đều rất khác nhau và mỗi cái lại có một chức năng riêng biệt để hoàn thành. Những tiềm năng đó không tồn tại vì chính nó mà để sử dụng cho toàn bộ nhân cách và phải cùng hướng về một mục đích chung.

Cơ thể con người được dựng lên là nhờ những cơ quan phủ tạng khác nhau, như phổi dùng cho sự hô hấp, dạ dày dùng cho tiêu hoá, tim dùng cho sự tuần hoàn của máu. Tất cả những phủ tạng đó đều có những nhiệm vụ khác nhau để thực hiện và chúng cũng không tồn tại vì chính nó mà để sử dụng cho toàn bộ cơ quan phủ tạng. Cũng như thế đối với nhân cách con người, các chức năng cũng như những khả năng khác nhau là những cái không giống nhau và có những chức năng riêng vốn có. Sự sợ hãi dùng để vượt khỏi gian nguy, sự tiến công nhằm chiến thắng kẻ thù, tính tò mò dùng để tìm hiểu khi đứng trước một người bạn hay một kẻ thù, một đối tượng dễ chịu hay khó chịu. Mỗi một yếu tố đó tồn tại để sử dụng cho những mục tiêu của nhân cách trong tính toàn bộ của chúng. Tất cả những cái đó không thể được thay thế bên ngoài nhân cách. Trái lại nhân cách cũng không thể hình thành mà không có những bản năng những năng lực đó. Nhờ có sự kết

hợp chặt chẽ đó mà những năng lực tự nhiên cùng với nhân cách tìm được sự tự do và sự hoàn thiện của chúng.

Theo các nhà chuyên môn thì sự tự do của những bản năng, những khả năng là luôn tương ứng với sự tự do của nhân cách. Nhưng cũng phải với một điều kiện là tất cả những xung lực cơ bản đó phải dùng theo một hướng nói chung là tốt. Hơn nữa tự nhiên còn cung cấp cho trẻ em một phương tiện để kết hợp tất cả những tiềm năng đó và hướng chúng theo một mục đích chung. Tự nhiên còn tạo dựng trong tâm hồn các em cái siêu tôi trong quá trình đồng nhất với một ý tưởng đã ổn định, có vai trò hướng dẫn và như một phương tiện để kiểm soát. Nhờ đó toàn bộ nhân cách được tự do theo đuổi mục đích của nó.

Chính tự nhiên cũng giúp cho con trẻ từng bước sử dụng một cách hiệu quả nhất những năng lực của các em với sự trợ giúp của trí thông minh, óc tưởng tượng và lý trí của chúng. Đồng thời các bậc cha mẹ cũng phải theo dõi xem sự tự do ở các em có phát huy được những chức năng cao cấp mà tự nhiên đã dành cho con người hay không. Nhờ ở những chức năng cao cấp này mà các em tránh được sự dẫn dắt của những lực lượng mà loà của cái bản năng. Tự các em chưa thể định đoạt được mọi việc mà nên để cho các em tự quyết định lấy một số việc nào đó. Không nên quyết định thay chúng mà tốt hơn là nên để các em suy nghĩ và tự quyết định lấy một mình với sự khuyến khích để học tập. Xin hãy tạo cho các em những điều kiện và hoàn cảnh thuận lợi. Chúng ta cần biết rằng tự nhiên có thể giúp đỡ một cách có hiệu quả làm nảy nở nơi các em những tính cách điển hình tốt rất có lợi cho sự

phát triển những hoạt động cơ bản mà các em cần đến trong tương lai. Những tính cách điển hình này được thể hiện thông qua những trò chơi được lặp đi lặp lại nhiều lần, được hoàn thiện trong những cử chỉ cùng loại cho đến khi hình thành thói quen tương ứng.

Không những thế tự nhiên còn sắp đặt sao cho những điển hình khác nhau đó không hoạt động cùng một lúc. Mỗi cái điển hình đó được xuất hiện phù hợp với từng giai đoạn phát triển nơi các em. Vào một tuổi nào đó thì hoặc là tinh thần tiến công, hoặc là cá tính, hoặc là tính xã hội được nảy nở. Tất cả những yếu tố đó phải có thời gian để chín muồi tạo nên một sự hài hoà trong nhân cách. Cha mẹ có nhiệm vụ để mắt đến từng giai đoạn đó và tạo sự thuận lợi cho chúng thể hiện. Ở đây có một nguyên tắc mà chúng ta thường gặp trong thực tế. Và cũng là một nguyên tắc rất quan trọng không thể không nói tới. Đó là sự tự phát trước vấn đề kỷ luật.

Tự nhiên làm nảy sinh những tài năng của trẻ em thông qua những trò chơi giải trí. Nó cũng có thể biểu hiện một cách tự phát, một cách ngẫu nhiên những khả năng mới trước khi được định hướng thông qua những kinh nghiệm, hay thông qua lý thuyết sách vở. Các nhà chuyên môn trong các lĩnh vực khác nhau thường áp dụng phương pháp này trong đào tạo. Người ta cứ để cho các em hoạt động tự do một cách ngẫu hứng để các tố chất, các khả năng tự nhiên phát huy một cách ngẫu nhiên. Sau đó người ta mới cung cấp những lý thuyết sách vở cũng như phương pháp cho các em để giúp từng em phát huy tốt nhất những sở trường hay hạn chế những sở đoản của từng em. Như vậy là

kỷ luật đi sau cái ngẫu hứng. Tuy nhiên cũng không được lạm dụng phương pháp này vì cũng có thể biến những cái ngẫu hứng đó, nhất là những cái có hại trở thành cái tật không thể khắc phục được. Trong thể thao, trong nghệ thuật, trong học tập văn hoá, cũng như trong định hướng nghề nghiệp người ta thường áp dụng phương pháp trên nhằm phát hiện tài năng cũng như những khuyết tật để có thể có những định hướng cũng như những phương pháp thích hợp nhằm giúp đỡ các em. *Với một định hướng cũng như những phương pháp, tốt nhất là làm cho các em tiếp nhận với sự thích thú như một niềm vui bắt nguồn từ trái tim của các em mà không có một sự ép buộc thô bạo nào.*

Cũng vì thế theo các nhà chuyên môn thì phương pháp tốt nhất có hiệu quả cao là hãy để một cách tự phát, một cách ngẫu hứng, sau đó mới là định hướng và kỷ luật (nguyên tắc, nguyên lý và phương pháp khoa học). Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày cũng nên áp dụng tinh thần trên. Ví như một em bé gái thích làm bánh như mẹ chúng thường làm. Xin hãy cung cấp bột và nước cùng những phụ gia khác để cho em tự làm lấy theo cách của em. Khi cần chúng ta sẽ hướng dẫn và chỉ bảo thêm về phương pháp để em biết cách làm tốt nhất. Sau nhiều công trình nghiên cứu các nhà chuyên môn đã đi đến kết luận sau. Hiện có hai trường phái đào tạo trong nghệ thuật trên thế giới hiện nay. Trường phái thứ nhất chủ trương cần áp dụng một cách nghiêm ngặt ngay từ đầu với các em theo học ngành hội hoạ cách vẽ theo bài bản đã định. Kết quả là rất ít các em theo học trường phái này. Trường phái hiện đại được nhiều người đồng tình hơn là xin hãy để cho trẻ em chơi

với màu, vẽ những con vật, con người, những phong cảnh, những sinh hoạt theo cách của các em. Sau đó mới dạy các em về kỹ thuật. Kết quả là những bức tranh này có nhiều sức sống hơn hẳn so với cách đào tạo theo trường phái thứ nhất. Kết quả cuối cùng là những bức tranh theo trường phái thứ hai vừa đúng kỹ thuật lại vừa có sức sống cao hơn nhiều. Như vậy là tính tự phát, ngẫu hứng thường xuất hiện trước vấn đề về kỷ luật. Vì vậy chúng ta cũng đừng quá ngạc nhiên khi thấy một em bé đá cái này, đập cái khác hoặc làm bẩn nơi này hay nơi khác. Nghĩa là những hành vi của một đứa trẻ nhưng lại không khác gì hành vi của những con vật. Diễn biến nói trên là thường tình và không thể khác được với các em còn nhỏ tuổi. Các em không thể ngày một ngày hai đã có thể chuyển từ trạng thái tự nhiên sang trạng thái sống của một thành viên trong một xã hội có kỷ cương ngay được. Điều đó không những là không thể được mà còn là không thích hợp, không thoả đáng vì những xung lực bẩm sinh và những tố chất điển hình đó nhất thiết phải thể hiện một cách tự phát rồi sau đó mới có kỷ luật được và mới hướng được chúng vào những mục tiêu cao hơn. Trẻ em học cách thành đứa trẻ lễ độ bằng cách bắt chước sự lễ độ của người lớn.

Để trở thành văn minh mà không mất sức lực cũng như năng lực của những xung lực tự nhiên không phải là một công việc dễ dàng và đòi hỏi phải có một sự kiên nhẫn. Để có một sự tiến bộ cho một nền văn hoá để ra biết bao bài toán khó. Nếu chúng ta muốn xây dựng một nền văn hoá có một sự an toàn cao hơn tổ tiên chúng ta đương nhiên

chúng ta không thể chờ vào sức mạnh của những bản năng nguyên thủy. Để xây dựng một nền văn minh, chúng ta không thể trông chờ vào việc tiêu diệt mọi thú vật hoang dã xung quanh chúng ta. Vấn đề là chúng ta phải làm như thế nào cho những sức mạnh tự nhiên đó không tránh được sự kiểm soát của chúng ta và không thể gây cho chúng ta những khó khăn mới. Làm thế nào cho những năng lực tự nhiên đó đi vào một hướng đúng để chúng ta có một nền văn minh thực sự. Nhà tâm lý học McDougall đã chứng minh rằng chừng nào những sức mạnh tự nhiên đó hoàn thành sứ mạng vốn có của nó, chúng có thể có lợi cho những tư tưởng bậc cao. Tinh thần tiến công làm nảy sinh ra ý chí, tính tò mò được dùng cho những tìm tòi khoa học, tình mẫu tử thoả mãn người bệnh, sự sợ hãi đẻ ra những phương tiện để tự vệ, ý tưởng ganh đua khám phá cá nhân. Freud từ lâu đã gọi quá trình đó với cái tên là sự thăng hoa (sublimation). Nói theo một công thức đầy đủ hơn, các nhà tâm lý học đưa ra một cách diễn giải sau: những xung lực và những bản năng nguyên thủy đều có khuynh hướng mượn những hình thức tiến bộ hơn. Tất cả những điều đó được nảy sinh một cách tự phát và ngẫu nhiên rất tự nhiên trong quá trình tiến lên nhưng Freud đã khẳng định là mang tính vô thức. Nhưng những nỗ lực đó là một nhiệm vụ khó khăn. Cũng như mọi tiến trình diễn ra trong tự nhiên, sự cố vũ, động viên là vô cùng cần thiết. Vì thế đây là nhiệm vụ của cha mẹ nhằm hướng dẫn những năng lực của các em theo con đường và những mục tiêu có ích phù hợp với đòi hỏi của cộng đồng.

Đó là tất cả những cái mà kỷ luật phải đảm đương.

Để kết thúc phần mục đích và những nguyên tắc chính chúng ta hãy tham khảo mấy lời nhắn nhủ của một nhà thơ người Ba Tư, đã có cách đây từ 1.600 năm đến 1.700 năm như sau:

Các bạn có thể cho con cái bạn tình yêu, nhưng không nên cho chúng tư tưởng của bạn vì chúng có tư tưởng riêng của nó.

Các bạn có thể che chở thân thể của chúng, nhưng không phải tâm hồn chúng vì tâm hồn chúng sẽ cư trú trong chúng vào ngày mai.

Các bạn có thể ép con cái bạn tương tự như bạn, nhưng không tìm cách làm cho chúng giống như bạn vì cuộc đời không quay lại về phía sau và không chậm lại quá khứ.

Mong chúng ta hãy khám phá cái tinh thần trong những lời nhắn nhủ thân tình trên để giữ lấy cái hồn của chúng.

II. SỰ CHÍN MUỘI VỀ MẶT TÂM SINH LÝ CỦA TRẺ THƠ.

1. NHỮNG TỔ CHẤT TỰ NHIÊN BẨM SINH.

Trước khi bàn đến quá trình chín muồi về mặt tâm sinh lý của trẻ thơ, chúng ta hãy bắt đầu bằng việc trẻ em được trang bị những gì khi chúng bắt đầu cuộc sống của chính nó.

Các nhà chuyên môn cho rằng trẻ em khi vào đời chúng cũng cần được trang bị những gì như là những công cụ để chúng có thể tự sống.

Đó là những hành vi phản xạ, những bản năng, những cảm xúc về sự thông minh, về lý lẽ và cả về ý chí. Tất cả những công cụ đó được coi là những phương tiện sinh học để thích nghi với thực tại và cũng được rèn luyện trong tinh thần của chúng. Tất cả những công cụ nói trên được xem như là nguyên liệu để hình thành nhân cách các em.

Một số trong những công cụ đó còn ở trạng thái nguyên thủy như bản năng thúc đẩy trẻ sơ sinh bám chặt lấy người mẹ như những con ốc bám vào tảng đá và nó luôn có nhu cầu được sống trong quan hệ thân thiết với người mẹ. Từ đó chúng luôn có cảm tưởng được che chở trong sự an toàn. Nếu như chúng bị tước đoạt mất cái cảm tưởng đó, chúng sẽ rơi vào một sự xao xuyến mà các nhà chuyên môn gọi là sự lo âu bị chia lìa, một sự xao xuyến bị chia lìa (*angoisee de séparation*). Từ đó có thể dẫn đến một hình thức nào đó của bệnh thần kinh khi trẻ khôn lớn như sợ hãi khi ra khỏi nhà mà các nhà chuyên môn định nghĩa như là một sự sợ hãi những không gian rộng lớn của những người luôn sợ bị mất liên hệ, mất sự tiếp xúc. Người ta gọi những người như vậy là những người có tố chất hướng động, nghĩa là khuynh hướng thể hiện bởi một cơ quan nội tạng nào đó hoạt động theo một hướng riêng biệt. Ví dụ như sự di cư của nhiều loài chim hay loài cá, và lá cây hướng về phía mặt trời.

Những sự hướng động đó nói chung là cần và rất là quý nhưng cuối cùng lại là có hại và nguy hiểm. Việc di cư của một loài chim nào đó đến một loài chim nào đó đến một vùng khí hậu rất thích hợp với chúng là điều có lợi cho chúng. Nhưng trên chặng đường di cư dài ngày thường

lại gặp những bão tố mà bản năng của chúng không giúp được gì cho chúng. Vì vậy các nhà chuyên môn cho rằng một sinh vật chỉ thích nghi được với một hướng hoạt động nhất định thì tính mạng luôn bị đe dọa. Một người được gọi là hướng động cũng như vậy vì họ chỉ có thể thích nghi được với một kiểu liên hệ, một kiểu tiếp xúc nào đó sẽ là rất nguy hiểm trong cuộc sống sau này. Vì vậy người ta cho rằng hướng sự hoạt động của mình vào một hướng riêng biệt nào đó là cần, là quý như lá cây hướng về mặt trời. Nhưng lại là có hại vì nếu không có ánh sáng mặt trời thì chúng khó có thể tồn tại một cách bình thường được. Từ đó người ta cho rằng cần phải bổ sung một cái gì đó là như vậy.

Hành vi phản xạ được trẻ sơ sinh thực hiện trong suốt năm đầu từ khi lọt lòng mẹ. Khi đó trẻ sơ sinh phản xạ hoàn toàn như một sinh vật. Những đặc điểm của hành vi này như nuốt, thở, khóc, những nhịp đập của trái tim, sự hoạt động của ruột, sự co giãn chân tay khi đụng phải một vật gì, bị nôn khi bị ngộ độc, những cái chớp để bảo vệ mắt đều là những công cụ để tự vệ. Nhưng những hành vi phản xạ lại không có khả năng đáp ứng được tất cả những hoạt động nói trên. Hơn nữa số lượng những phản xạ mà tự nhiên cung cấp lại rất hạn chế và những phản xạ này lại không đủ sức đáp ứng mọi tình huống của cuộc sống. Vì thế phải có cái gì đó bổ sung vào. Và tự nhiên đã bổ sung cho các em những phản xạ mới. Đó là những phản xạ có điều kiện được xác lập nhờ ở kinh nghiệm có từ bối cảnh sống. Những con bướm tự biết cách co cánh lại khi bị ném vào lửa những lần sau. Với trẻ em, nếu lửa bén gần, chúng tìm cách tránh. Nếu em bị con chó hay một người xa lạ đe

doạ, chúng sẽ tìm cách không lại gần. Những thói quen được nảy nở và hình thành từ những phản xạ có điều kiện. Chai sữa kích thích sự hoạt động của ruột nhờ hành vi phản xạ. Việc luyện cho các em đi đại tiện cũng tương tự. Sau một đôi lần đặt em ngồi vào bô để em đi đại tiện thì mỗi khi được đặt ngồi vào bô là em tự động đại tiện, thậm chí bằng những phản xạ có điều kiện người ta còn luyện cho các em đi vào những giờ nhất định. Cũng như thế, người ta còn luyện cho các em chỉ ăn vào những giờ nhất định với một số lần thích hợp.

Cũng bằng những việc làm, người ta còn giúp cho các em hình thành những thói quen khi chúng được tiếp xúc với những tình thế xã hội khác nhau. Ở đây hoàn toàn không có bất cứ một sự ép buộc nào đối với các em. Có thể nói trong mọi lúc trẻ em đều có thể thực hiện được những phản xạ mang tính tự phát, ngẫu nhiên. Thế thì tại sao chúng ta lại không tận dụng cái năng lực trời phú ấy ở các em.

Với một con chó săn thì người thợ săn có thể luyện con chó biết dấu mình không làm tiếng động ngay cả khi con chim cất cánh. Và cũng chỉ bằng một ám hiệu nào đó con chó nhảy ra vồ mồi nhưng không ăn mà lại đặt dưới chân người chủ, hoặc không đem dấu ở một nơi nào đó. Con chó lại thấy là vui sướng khi được làm như vậy. Ở đây cũng không có vấn đề ép buộc.

Sự hình thành những thói quen này được xây dựng từ những khuynh hướng nguyên thủy. Tất cả đều là những biến đổi và những phát triển của những bản năng bẩm sinh. Nếu người lớn cũng như những bậc cha mẹ quan tâm dạy bảo chu đáo và kiên nhẫn thì con trẻ

sẽ có được nhiều loại phản xạ như vậy. Cần chú ý rằng những phản xạ có điều kiện đạt được tự nó lại thường là có hại. Ví dụ trẻ em thường rất sợ hãi khi có một mình trong bóng tối lại có những tiếng động mạnh. Nếu có một tiếng sét làm cho các em tỉnh giấc trong đêm tối thì tiếp sau đó sẽ có nguy cơ làm cho các em sợ mọi tiếng động trong bóng đêm. Tâm phân học đã chỉ ra rằng những loại kinh nghiệm đó thường là nguyên nhân của chứng bệnh hay sợ. Chúng sợ khi bị đặt vào chậu nước tắm. Chúng sợ nước. Một em bé sợ cả hơi ấm khi một con mèo leo vào nằm cùng em trong nôi, chúng rất sợ mọi súc vật. Các em cảm thấy bị bỏ quên, bị rơi khi cha mẹ cho chúng ăn. Từ sự cảm nhận đó làm nảy sinh những phản ứng. Nếu cứ tiếp diễn như thế các em sẽ có nhu cầu chú ý hay gọi là để ý và từ nhu cầu để ý sẽ chuyển sang nhu cầu được hưởng. Nếu không được thoả mãn các em sẽ gào hét làm reo.

Những cách ứng xử ở trẻ em cũng tự động biến đổi do kết quả của chính những hành vi của các em. Như thế là kết quả lại trở thành nguyên nhân. Do đó con trẻ nếu như không được cha mẹ hay người lớn giúp đỡ chúng vẫn có thể tự mình rút ra bài học về hiệu quả của hành vi của chúng.

Sự thoả mãn và sự đau đớn đều là những giá trị sinh học quan trọng đối với việc thích nghi với cuộc sống. Thông thường phải qua khá nhiều kinh nghiệm mới có được những phản xạ có điều kiện như phải nhiều lần lặp đi lặp lại, nhìn thấy chai sữa. Phải nhiều lần đặt em ngòì vào bô, chúng ta mới có được những phản xạ có điều kiện nơi các em. Với sự đau đớn như đau do bị bỏng thì chỉ đau một lần cũng đủ

để cho các em luôn cảnh giác với lửa cũng như con mèo rất sợ nước lạnh. Cần chú ý là nếu chúng ta sửa chữa một cách quá khắt khe khi các em đại tiện không đúng giờ thì hệ quả là không thể tính trước được. Vì sợ hãi nên phát sinh bệnh táo bón và tồn tại trong cả cuộc đời các em.

Trái lại, sự thoải mái khuyến khích động viên còn sự đau đớn ngăn cản hành vi của các em. Nói chung những kinh nghiệm dễ chịu là có lợi còn những kinh nghiệm đau đớn như bị thương chẳng hạn là có hại. Tuy nhiên cũng có trường hợp ngoại lệ vì sự dễ chịu sự vui thích kích thích nơi trẻ em những cái có hại như những khoái cảm tình dục ở các em thiếu niên.

Những sự khen thưởng tạo ra sự thoải mái, khuyến khích con trẻ phải được các bậc cha mẹ thực hiện rộng rãi và thường xuyên.

Những sự trừng phạt như dùng thước đánh vào tay các em nói chung là không nên, mặc dù điều đó chưa được coi như là một quy phạm tuyệt đối vì nó có thể dẫn đến một kết quả không hay là kích thích sự nổi dậy nơi các em. Nói chung là những thoải mái cũng như sự đau đớn có thể làm cho quá trình biến đổi những tố chất tự nhiên được rút ngắn lại.

Những cảm xúc như nỗi sợ hãi, sự giận dữ, những khoái cảm tình dục và tình mẫu tử có thể tạo nên những tiến bộ đối với những phản xạ có điều kiện. Tất cả những cái đó đều diễn ra một cách máy móc và giải toả được một khối lượng có giới hạn. Đứng về mặt sinh học thì đặc tính chủ yếu của những cảm xúc bản năng sơ cấp là phẩm chất của những xung lực ưu thế. Vì thế các nhà tâm lý học định nghĩa về những cảm

xúc như sau: *Cảm xúc chính là sự tích tụ năng lượng trước khi được giải tỏa.* Đó là thời điểm những năng lượng này được giải phóng như dòng nước chảy nơi đê vỡ, mọi đê kháng không còn, là tất cả những chướng ngại cản nó được quét sạch. Sau nỗi sợ và điên loạn người ta có thể khai thác được nhiều điều không thể tưởng tượng được. Những cảm xúc có thể mang lại cho chúng ta những sức mạnh vượt bậc. Nó có hiệu lực hơn rất nhiều những phản xạ và là vô giá để cơ thể có thích nghi được với cuộc sống. Nhưng muốn trở thành vô giá những cảm xúc phải tự nó loại bỏ chính nó những cái không cần thiết. Những sự khủng hoảng điên dại không phải lúc nào cũng là một phương tiện chắc chắn để có thể đạt được kết quả. Những người có những cảm xúc tình dục quá mạnh mà không thể vượt qua được thường làm cho đối tượng tình dục bị đau khổ chỉ là việc làm vô bổ.

Hơn nữa nếu những cảm xúc không được kiểm soát thì chính những cảm xúc đó lại chống lẫn nhau, những khoái cảm tình dục với sự giận dữ, sự sợ hãi với những khoái cảm tình dục. Kết quả là một mặt dẫn đến những rối loạn về nhân cách. Mặt khác những cảm xúc trở nên đối lập với nhau dồn ép lẫn nhau và cuối cùng là những rối loạn thần kinh.

Hơn nữa bạo lực cũng làm cho những cảm xúc sơ cấp trở nên rất khó kiểm soát vì làm cho vấn đề thêm phức tạp.

2. VAI TRÒ CỦA TRÍ THÔNG MINH, CỦA TRÍ TUỆ

Muốn cho sự thích nghi trong cuộc sống được tốt thì còn cần có thêm một cái gì đó hơn thế. Vì người mẹ tự nhiên tức trời đất đã nói

với chúng ta rằng “Ta không thể cung cấp mọi thứ phản xạ cho các người trong mọi tình huống của sự hiện hữu của các người. Những phản xạ có điều kiện tự nó đã khẳng định vào một lúc nào đó để có thể phát triển được, các người có nguy cơ bị tụt hậu. Những cảm xúc có ích trước đây sẽ làm hại các người. Do đó ta chấp nhận cho các người sự thông minh. Nhờ đó mà các người có thể tự giải quyết lấy mọi việc. Sự thông minh có thể giúp cho chúng ta sử dụng tối đa cái lợi của những cảm xúc của chúng ta. Nói chung là sự thông minh có thể dẫn dắt những cảm xúc đó theo cái hướng mà chúng ta mong muốn, theo cái đích mà chúng ta đã chọn để cuối cùng làm cho những cảm xúc đó được sử dụng một cách có hữu hiệu nhất.

Vậy thì sự thông minh là gì và chức năng của chúng như thế nào. Theo cách hiểu thông thường, dân dã thì trí thông minh là khả năng sử dụng có hiệu quả tốt nhất những sự hiểu biết cũng như những kinh nghiệm của chúng ta. Ví dụ một em nhỏ gặp trên đường đi một con vật nguy hiểm làm xuất hiện ở em một cảm xúc sợ hãi. Theo cách phản xạ tự nhiên như người ta nói là cho chân lên cổ mà chạy, và như là ổn. Nhưng chẳng may lại gặp phải một vật hung dữ như một con bò mộng thì việc chạy trốn không phải là một giải pháp có hiệu quả, vì con vật chạy nhanh hơn chú bé. Tốt nhất là trèo lên một cây cao nào gần nhất. Nhưng nếu con vật lại là một con rắn hay một con vật nào trèo giỏi và nhanh hơn chú bé thì chú bé không còn cách nào khác là sử dụng trí thông minh của mình để tự giải thoát. Một ví dụ khác thông thường hơn. Một em nhỏ mở vòi nước cho nước chảy. Đến khi nước đầy tràn

ra sàn nhà. Em không biết khắc phục bằng cách nào vì người ta mới dạy em cách mở vòi nước. Khi đó người mẹ chỉ cần nhắc là nếu người ta đã dạy cho con cách mở nước thì bây giờ con hãy sử dụng trí thông minh của con để đóng vòi lại. Vậy thì lúc này mục đích là đóng vòi lại và trí thông minh phải đáp ứng cho được mục đích đó.

Trí thông minh là một phẩm chất bẩm sinh vốn có. Chúng ta hoặc đã có trí thông minh hoặc là chưa. Chúng ta cũng có thể có nhiều hoặc ít trí thông minh. Nhưng vì trí thông minh là một phẩm chất bẩm sinh nên chúng tồn tại với chúng ta từ khi sinh ra cho đến khi chết. Theo các nhà tâm lý học thì khó có thể biến một đứa trẻ dần dần thành một người thông thái được. Nhưng mọi hiệu quả lại phụ thuộc vào cách mà chúng ta sử dụng nó. Từ đó nảy sinh vai trò của sự giáo dục.

Chúng ta cần nhớ rằng trí thông minh và sự hiểu biết không phải là một. *Trí thông minh là một năng lực bẩm sinh giúp chúng ta nắm được tình hình và nghĩ ra những cách thức để đạt được hiệu quả.* Hiểu biết là những cái chúng ta có thể học được. Trong mọi trường hợp trí thông minh và những hiểu biết luôn có mối quan hệ tương hỗ rất chặt chẽ. Bởi một lẽ đơn giản là sự hiểu biết là rất rộng còn trí thông minh là cái rất hữu hiệu. *Cái có ý nghĩa to lớn hơn cả là trí thông minh, là cái giúp chúng ta có thể sử dụng một cách tốt nhất những hiểu biết mà chúng ta có được.* Những ví dụ mà chúng ta nói tới ở trên đã chứng minh điều đó. Chính sự hiểu biết đã giúp cho em nhỏ biết rằng con bò chạy nhanh hơn chú và con rắn leo cây tốt hơn em. Vì vậy lúc này là em phải sử dụng trí thông minh của mình để có thể chiến thắng hai con vật trên. Vì

thế người ta thường nói mọi người là như nhau, nhưng lại có người mạnh hơn người khác. Đó là nhờ ở sự thông minh của người này hơn người khác.

Vấn đề là hãy thích nghi với hoàn cảnh tùy theo năng lực của mỗi người. Trí thông minh được thể hiện theo hai cách. Trẻ em thể hiện trí thông minh của mình theo cách riêng của chúng để nắm cho được hoàn cảnh mà không cần chúng phải nhắc lại nhiều lần về một sự vật. Khi các em đã có ý thức thực hành thì chúng có thể dễ dàng tưởng tượng nhiều cách để đạt được mục tiêu. Đôi khi người ta cũng bắt gặp ở những cá nhân này hay cá nhân khác những phẩm chất khác nhau. Có người có khả năng nắm bắt tình hình rất tốt nhưng lại không có khả năng giải quyết tốt vấn đề. Còn người khác lại tỏ ra hoàn hảo khi giải quyết vấn đề luôn đi đôi với sự nắm bắt. Đó là những trường hợp có những em trai hay gái nắm bắt vấn đề khá nhanh và làm thế nào để thực hiện tốt nhất như điều khiển chiếc xe hơi, vá một cái săm thủng, đi nhặt một quả bóng bị rơi xuống hồ, hoặc bơi ngược dòng và các em này đã thực hiện khá hoàn hảo.

Như chúng ta đã nói, mọi trí thông minh đích thực đều được quyết định bởi mục đích hay mục tiêu đã định, nghĩa là phải đạt cho được đối tượng mà mình đề ra. Vì thế việc thực hiện một cách có chủ định nghĩa là theo đuổi một cách có ý thức, một cách kiên trì để đạt cho được mục đích đó. Phần lớn những quyết định quan trọng đều được quyết định từ trước trong đầu chúng ta. Chúng ta mong muốn tháo gỡ tất cả những vướng mắc trong từng tình huống để thoả mãn sự tò mò khoa

học của chúng ta và nuôi dạy tốt con em chúng ta. Ngay từ đầu chúng ta phải giáo dục cho lớp trẻ cách thay đổi hành vi tùy thuộc vào từng đối tượng bằng cách quan sát ví dụ như nếu muốn mua cái gì dù chỉ đơn giản như cái bánh, cái kẹo cũng phải xem khả năng túi tiền của mình có đáp ứng được không. Hoặc nếu như chúng không cho các bạn khác chơi chung những đồ chơi của nó thì các bạn cũng sẽ không cho nó chơi đồ chơi của chúng.

Theo những nhà tâm lý thì việc theo đuổi một mục đích là cách tốt nhất để học cách làm chủ bản thân mình.

Chúng ta cần phân biệt trí tuệ và trí thông minh. Một đứa trẻ có trí tuệ là một đứa trẻ có khả năng phát minh hay đơn giản là nghĩ ra nhiều cái, ra nhiều điều. Nó không nhất thiết là đứa biết cách lên xuống xe nhanh hơn, cách vượt qua một cái hố, thậm chí biết cả hệ thống đèn bẫy. Tất cả những cái đó chỉ là phẩm chất bẩm sinh. Theo những nhà chuyên môn thì trí thông minh theo một nghĩa thông thường chỉ là một phẩm chất của thực hành nhằm giải quyết những vấn đề của thực tại. Còn trí tuệ được định nghĩa như là một phẩm chất bẩm sinh dùng để tổ chức những hiểu biết. Chính trí tuệ là cái có khả năng khám phá ra những điều kỳ diệu trong tất cả những lĩnh vực khác nhau của khoa học và công nghệ. Nếu như con cái các bạn không có trí tuệ thì các bạn cũng không nên phàn nàn vì chúng. Có thể là chúng có nhiều trí thông minh về thực hành. Những trẻ em có phẩm chất thông minh về thực hành thường là những đứa trẻ rất khéo chân, khéo tay. Có rất nhiều trẻ em có trí tuệ nhưng lại rất vụng về lóng ngóng trong thực hành. Trái lại

từ những hiểu biết nhiều mặt chúng lại có khả năng phát minh, nghĩ ra nhiều cái mới lạ. Vì thế chúng ta đã nói trí thông minh là việc áp dụng những hiểu biết và những kinh nghiệm để giải quyết những vấn đề được đặt ra trong cuộc sống. Còn trí tuệ là việc tổ chức những hiểu biết để phát minh ra cái gì đó, một sự sáng tạo với đúng nghĩa của nó. Cả hai phẩm chất này đều rất là quý.

Theo những nhà chuyên môn thì trẻ em từ ba đến bốn tuổi đã có khả năng lý lẽ. Khi một em nhỏ nói “tại sao em phải làm thế này” với cha mẹ thì đó là em muốn biết cái lý lẽ trong việc em phải làm. Và hành vi của chúng chỉ được quyết định khi nào em tìm ra cái lý của chính em. Ví dụ em nói “Em muốn có chiếc xe đạp để em đi học hay em đi chơi với bạn bè khi em muốn”. Đó là một câu nói có lý lẽ của em. Trong những năm đầu của thời thơ ấu, sự lý lẽ, nếu người ta muốn gọi như vậy, được hình thành tiếp nối những kinh nghiệm. Lý lẽ nơi các em đôi khi dẫn đến một sự nguy hiểm và chỉ đơn giản là một cái gì xảy ra sau cái khác là kết quả của cái diễn ra trước. Nhưng sự thực đó lại là cách lý lẽ của trẻ em. Và điều đó không có gì phải làm chúng ta ngạc nhiên vì lý lẽ của các em là từ những kinh nghiệm của chính các em. Trong khuôn khổ của những phản xạ có điều kiện chúng ta thấy không có mối liên hệ nào bên trong giữa tiếng chuông reo với sự tiết nước bọt, giữa việc tiếp xúc với cái bô và việc đi đại tiện. Nhưng với các em thì chỉ đơn giản là hai sự việc đó nối tiếp nhau và cái sau phải là kết quả của cái xảy ra trước. Tất nhiên sự đơn giản đó luôn dẫn tới những kết quả không hay. Thậm chí có trường hợp một người bệnh cứ day dứt khôn

nguôi tự trách móc là đã không vâng lời nên đã làm cho người mẹ chết, vì cái chết của người mẹ xảy ra sau sự không vâng lời nào đó khi bà còn nhỏ.

Trực giác cũng như sự lý lẽ là một phương tiện để rút ra kết luận. Nếu có một trực giác đi trước sẽ dẫn người ta đi đến những kết luận mà không cần đến ý thức như một phương tiện hay lý lẽ mà chúng ta đã cảm nhận. Trực giác chỉ đơn giản là một sự suy luận của tiềm thức còn lý lẽ lại là một sự suy luận của ý thức trên cơ sở những sự việc đã biết. Nhưng tuyệt đối không được xem trực giác như một trò ảo thuật. Trong thực tế những trực giác đều được xây dựng trên cơ sở những quan sát cũng như những kinh nghiệm có từ trước mà chúng ta không để ý tới, đã trở thành tiềm thức.

Trẻ em luôn dùng trực quan ngay cả khi chúng không thể lý giải được. Ví dụ một em nhỏ thấy không có cảm tình với một ông khách chỉ vì trông ông ta không mấy hấp dẫn. Thấy thế người mẹ giải thích cho em rằng ông ta là người tốt, cho mẹ quà thì tại sao lại không yêu ông ta được. Không cần suy nghĩ gì em trả lời ngay rằng con không yêu ông ta mà cũng không cần lý lẽ gì. Theo những nhà chuyên môn thì có thể em cũng có lý lẽ của em vì em đã quan sát và nhận ra rằng ông ta chỉ cười bằng môi và không cười bằng mắt. Lời nói của ông ta cũng dễ nghe nhưng cái nhìn của ông ta lại có ý rằng “con bé này thật khó chịu”. Đã nhiều lần em thường thấy ông ta đến thăm mẹ em khi cha em đi vắng. Những lúc đó mẹ em tỏ ra vui vẻ phấn chấn hơn. Bằng trực giác em cảm thấy những sự viếng thăm đó không mang lại cái gì tốt đẹp. Từ đó

đưa em đến những ác cảm như trên mà không có lý lẽ gì khác. Các nhà chuyên môn cho rằng sự suy luận của em là đúng đắn vì nó được thực hiện theo tiềm thức.

Tất cả những yếu tố mà tự nhiên cung cấp cho các em để thích nghi được diễn ra như thế nào. Tất cả chúng đều được phát triển trong sự lớn lên của những phủ tạng bậc thấp được điều chỉnh bởi những hướng hoạt động và những phản xạ. Những cơ quan phủ tạng bậc cao được điều khiển bằng lý lẽ, bằng trí thông minh, bằng dự tính. Chúng xuất hiện trước sau theo một trật tự có sẵn nơi trẻ em vì nơi các em cũng vẫn theo trật tự của giống nòi. Các bậc cha mẹ cần biết những yếu tố đó và phải ý thức được tất cả những phức tạp của sự xuất hiện của chúng. Sở dĩ như vậy vì con trẻ thường bày tỏ thái độ khi thì bằng những cảm xúc, khi thì bằng lý lẽ, hoặc bằng những phản xạ có điều kiện, bằng trí thông minh, bằng trực giác, bằng ý chí, và thường được phối hợp cùng một lúc. Các bậc cha mẹ cần làm gì trong những trường hợp trên. Nhiệm vụ của cha mẹ là tạo ra có các em một khung cảnh thuận lợi, nghĩa là một sự thông cảm tương ứng và cung cấp cho các em những phương tiện cần thiết để các em có thể thể hiện một cách tự do, cũng tương tự như một cái cây không bị thiếu chất dinh dưỡng, độ ẩm, ánh sáng mặt trời thì chúng sẽ mau trưởng thành.

3. SỰ PHÁT TRIỂN TỰ NHIÊN CỦA NHỮNG TỔ CHẤT TỰ NHIÊN

Tất cả những điều trình bày trên có hai nội dung khác nhau mà người lớn cũng như các bậc cha mẹ cần chú ý. Đó là:

Thứ nhất, kết luận chúng ta rút ra là tất cả những tiềm năng ấy đều do tự nhiên cung cấp. Chúng bao gồm tất cả những tố chất bậc thấp cũng như tố chất bậc cao như trí thông minh cũng như những cảm xúc. Chúng đều là những chức năng sinh học nơi con trẻ để giúp cho các em có thể thích nghi một cách tốt nhất trong cuộc sống. Một số nhà tâm lý cũng chưa nhận thức được vấn đề nói trên và tìm cách dạy cho các em những chức năng như sự ghi nhớ, như trí thông minh, coi như một cái gì có thể dễ dàng có được bằng sự giáo dục. Đây là một vấn đề cần bàn thêm nhưng cũng phải thừa nhận rằng việc giáo dục những chức năng này không đơn giản như nhiều người thường nghĩ. Hiện nay chúng ta chỉ hiểu được những chức năng đó thông qua việc sử dụng chúng. Chúng ta không thể hiểu được chúng như chúng ta hiểu được cấu tạo con mắt, của trái tim,... Vậy khi chúng ta chưa hiểu được cấu tạo của những chức năng như sự ghi nhớ, trí thông minh ... thì chúng ta tác động vào đâu để tạo ra chúng. Nhiều lắm cũng chỉ là những khuyến khích động viên. Chúng ta chỉ biết chúng thông qua những kinh nghiệm qua quá trình sử dụng chúng như sự ghi nhớ giúp chúng ta sử dụng những kinh nghiệm đã qua, sự tưởng tượng giúp chúng ta dự đoán những kết quả của những hành vi của chúng ta và v.v...

Vấn đề Thứ hai mà chúng ta cần rút ra là để cho quá trình hoạt động của những tiềm năng nói trên có kết quả cao thì xã hội và những bậc cha mẹ phải giúp đỡ các em bằng cách chỉ ra cái hướng có lợi cho sự lành mạnh về tinh thần cũng như về thể chất để có một cuộc sống hạnh phúc. Việc sử dụng những quy phạm về luân lý cũng như sự tập

luyện để giáo dục và rèn luyện cho các em về trí thông minh nhiều lắm cũng chỉ có ý nghĩa hỗ trợ, khuyên bảo trong một chừng mực nào đó mà thôi. Vấn đề quan trọng là cố vũ động viên, tạo điều kiện để cho các em bằng nỗ lực của chính mình phát huy tới mức cao nhất những tiềm năng tự nhiên đó.

Để giúp đỡ các em được tốt trong quá trình khôn lớn, xã hội cũng như các bậc cha mẹ cần biết sự lớn dần và sự phát triển nơi các em được diễn ra như thế nào.

Nói chung mọi người đều trong quá trình lớn lên và phát triển đặc biệt nơi các em. Người ta thường nói là các em lớn như thổi, lớn trông thấy là như vậy.

a) Sự tăng trưởng và phát triển

Sự lớn lên, sự tăng trưởng (croissance) và sự phát triển (développement) không phải là một nhưng thường thì chúng luôn đi cạnh nhau.

Theo những nhà chuyên môn thì sự lớn lên là vấn đề kích thước như độ cao thấp, độ béo gầy và nói chung là sự lớn lên của cơ thể được xem như là một tổng thể. Còn sự phát triển là nói đến hình thái (forme), đến hình hài. Nghĩa là sự lớn lên được diễn ra tới mức độ nào đó thì có sự thay đổi về hình hài, về hình thái. Chúng ta có thể dẫn ra một ví dụ mà mỗi người trong chúng ta thường đã thấy một cách không khó khăn gì. Ví dụ đó chúng ta thường thấy vô số trong tự nhiên. Một con sâu trở thành một con nhộng rồi thành một con bướm, nghĩa

là con sâu lớn đến độ nào thì thành con nhộng và đến độ nào đó thì thành con bướm. Con nhộng khác hẳn con sâu và con bướm khác hẳn con nhộng. Cũng như thế con nòng nọc lớn dần đến một mức nào đó thì thành con ếch. Con ếch khác hẳn con nòng nọc. Đó là quá trình khác nhau mà bất cứ con vật nào cũng phải trải qua. Với con người chúng ta thì từ trẻ sơ sinh đến tuổi nhi đồng, tuổi thiếu niên, tuổi thanh niên và tuổi trưởng thành. Đó là quá trình thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất, là quá trình thay đổi từ từ đến thay đổi đột biến, những bước nhảy vọt.

Người ta thường nói một cách hài hước rằng nếu chúng ta chỉ lớn lên một cách đơn thuần thì chúng ta chỉ trở thành những đứa trẻ to đùng. Chúng ta cần nhớ rằng sự lớn lên và sự phát triển không thể tách rời nhau nhưng lại cần phải phân biệt rõ ràng và chỉ có như vậy chúng ta mới có thể hiểu được thế nào là trẻ em. Chúng ta thử hình dung xem sự việc sẽ như thế nào nếu như chỉ có lớn lên mà không có sự phát triển hoặc chỉ có sự phát triển mà không có sự lớn lên. Một đứa trẻ lớn lên rất nhanh trở thành một đứa trẻ lực lưỡng nhưng về trí khôn lại quá thấp, trí thông minh không tương ứng với một cơ thể to lớn. Qua nhiều công trình nghiên cứu những nhà tâm lý đều cho rằng những người lùn thường rất phát triển về trí thông minh. Những đứa trẻ nhỏ con thường thông minh hơn những đứa trẻ quá to lớn về cơ bắp. Dân gian Việt Nam từ bao đời nay thường có câu nói “to đầu mà dại” hoặc “khôn quắt đi” hay “bé nhưng là bé hạt tiêu” v.v... Chỉ có điều cơ thể

ngắn ngủn như những người lùn là cái không bình thường trong quá trình phát triển tự nhiên.

Hiện nay sự lớn lên về thể chất và chiều cao có thể có vai trò quyết định vị trí của từng em nhỏ trong xã hội hiện đại. Vì thế các em cả nam lẫn nữ đều ước ao có một thể hình cao lớn. Ước mơ trở thành to lớn có nhiều ảnh hưởng đến hành vi, cuộc sống cũng như nhân cách của các em. Trong thể thao có rất nhiều những vị trí cần những người to cao và khoẻ. Nhưng cũng có vị trí cần đến trí thông minh hơn. Nếu như vừa thông minh lại vừa to, cao và khoẻ thì đương nhiên là lý tưởng hơn. Với trẻ em hôm nay, các em không chỉ ngưỡng mộ những người có một thân hình cao to và khoẻ. Các em còn ngưỡng mộ hơn nhiều một em chỉ với thân hình khiêm tốn nhưng lại rất thông minh ngay cả khi phải đối chọi với những bạn khác rất to khoẻ hơn mình. Với trí thông minh các em nhỏ con này có khả năng phát hiện ra vấn đề tương đối nhanh trong những tình thế khó khăn và quan trọng. Với các em gái nếu có một thể hình quá khổ đôi khi là trò đùa với các em trai nghịch ngợm khi còn trên ghế nhà trường. Nói chung trong cuộc sống người ta thường ngưỡng mộ một quý cô mảnh mai, uyển chuyển trong mọi hành động để cho những chàng trai che chở. Hiện nay tình hình đã có những thay đổi đáng kể khi đánh giá con người thông qua vẻ bề ngoài. Và trí tuệ, trí thông minh hiện nay được nhìn nhận như một của quý đặc biệt. Ở đâu cũng nghe nói đến trí tuệ. Nào là nền kinh tế trí thức, nào là chính quyền điện tử v.v...

Nói chung là vấn đề thể hình luôn là nỗi ám ảnh đối với sức khoẻ tinh thần cũng như hạnh phúc quá nhỏ bé thường phát sinh mặc cảm kém cỏi. Chỉ riêng việc xếp hàng trong một buổi trình diễn bình thường theo cách người cao đứng trước người thấp bé đứng cuối cũng ảnh hưởng ít nhiều đến mặc cảm nói trên. Vấn đề là phải làm cho các em có mặc cảm này hiểu rằng, tuy thể hình thấp bé nhưng các em lại có nhiều khả năng ưu việt hơn những bạn to cao trong một số lĩnh vực như trong học tập hoặc một số trò chơi khác như chơi cờ, làm khoa học hay nghệ thuật v.v... Trong thực tế người ta thường gặp không ít trường hợp những người có thể hình nhỏ bé lại chiếm những vị trí cao trong bậc thang xã hội. Tuy nhiên mơ ước của các em không phải lúc nào cũng thành hiện thực. Ngay cả khi các em nhỏ bé về thể hình được phần thưởng trong học tập cũng chưa chắc xoá bỏ được cái mặc cảm kém cỏi về thể hình. Vì thế các em này bị một sức ép về tâm lý mà không dễ gì khắc phục được có thể dẫn đến một quá tải làm cho các em mệt mỏi. Từ trạng thái này sang trạng thái khác, một số em trở nên kiêu kỳ trước người khác và đây không phải là trường hợp hiếm thấy. Đó cũng là cách phản ứng lại do kém cỏi về thể hình của các em gây ra.

Lý thuyết về sự thua kém về thể hình (*l'infériorité des organes*) được Adler đề cập đến ít nhiều đã chứng minh điều đó. Không ít các em đã sống trong tâm trạng như vậy suốt cả đời mình. Những nỗ lực nhằm cứu vớt lại sự thiệt thòi đó luôn trỗi dậy trong các em.

Sự phát triển quá nhanh về thể hình cũng thường dẫn đến những rối loạn về tâm lý. Một em trai hay em gái mười ba tuổi có thể to lớn

như một thiếu niên 16-17 tuổi nhưng lại có một sự phát triển về tinh thần tương ứng thì không có gì là bất thường. Người ta không thể đòi hỏi một em gái như vậy suốt ngày với những bài toán khô khan về đại số hay hình học trong khi em đã có nhu cầu có bạn trai và mong được gặp nhau. Với những em trai lớn nhanh thì luôn bị rạo rục bởi những khuynh hướng tình dục đôi khi rất mạnh nhưng lại không có khả năng tương ứng để tự chủ. Theo các nhà chuyên môn thì về mặt thực hành chúng ta không thể làm gì được đối với những trường hợp nói trên. Chúng ta chỉ còn trông chờ vào trí thông minh và năng lực kiểm soát của các em phát triển tương ứng với thể hình của các em. Chúng ta hy vọng là mọi việc sẽ không có gì nghiêm trọng nếu như không có một sự mất cân đối nào giữa thể lực và đời sống tinh thần của các em.

Trái lại sẽ là không bình thường nếu như với một thể chất chưa đủ độ chín nhưng lại có một sự phát triển quá nhanh về tinh thần. Với xã hội cũng như các bậc cha mẹ khi gặp trường hợp nói trên thì thường là vui mừng và tự hào về những em nhỏ ít tuổi nhưng lại có trí thông minh hơn người, có một sự phát triển về tinh thần sớm hơn nhiều so với tuổi, so với thể hình. Các nhà tâm lý học nhất là những người theo lý thuyết về sự chín muồi (théorie de maturation) lại thấy vấn đề không đơn giản như vậy. Chúng ta thử hình dung xem điều gì xảy ra khi trong một lớp học có một em nhỏ 12 – 13 tuổi ngồi học cùng số đông những em nhỏ 16 – 17 tuổi nhưng lại ngang bằng về mặt trí tuệ thậm chí có mặt trội hơn các em khác. Điều đập vào mắt chúng ta là giữa các em có một sự khác biệt trong tâm tưởng. Ở đây sẽ khó có một

sự đồng đều về tâm hồn cũng như về sinh hoạt thông thường. Chính điều đó dẫn đến một sự cô lập tự nhiên, một sự cô đơn về phía em nhỏ tuổi. Các nhà chuyên môn rất lo ngại về trạng thái tâm lý này trong khi những người khác lại cho là không đáng phải quan tâm. Xã hội cần đào tạo nhân tài khuyến khích và động viên các em thần đồng những cũng nên quan tâm đến hậu quả về tâm lý. Điều này là vô cùng quan trọng vì cái con người thần đồng đó rất có thể trở thành con người bệnh hoạn suốt đời. Một loại bệnh gần như là chẳng có bệnh tật gì cả nhưng nó đang gặm nhấm bậc thiên tài của chúng ta. Trong xã hội không thiếu gì trường hợp bệnh hoạn như vậy nhưng lại được một số người tán dương, còn một số khác thì khó chịu và lo lắng. Một cậu bé có tài thực sự từ khi còn 8 – 9 tuổi. Lớn lên cái tài ấy dần dần không còn như xưa. Nhưng cậu ta lại luôn đùa cợt với cuộc đời, một cách đùa cợt có vẻ như có văn hoá rất tế nhị nhưng lại làm nản lòng nhiều người đôi khi còn gây ra xót xa trong lòng những người từng mong chờ nhiều ở cậu bé thần đồng xưa. Một số người khác thì cho rằng cậu ta đã là thần đồng thì sẽ là thần đồng vĩnh viễn càng ra sức xưng tụng. Người có tâm huyết thực sự là không dám nói hoặc là né tránh vì nhiều lý do trong đó có lý do tế nhị là sợ mang tiếng là ganh ghét. Từ đó càng đẩy cậu bé thần đồng đó đi xa hơn, có nguy cơ không gì có thể ngăn được. Từ chỗ đùa cợt với đời đi đến chỗ cay nghiệt với người khác bất kể người đó là ai.

Với các nhà chuyên môn thì đây là một sự chuyển gam, một sự chuyển màu tai hại của tài năng xưa theo một hướng mới mà một số

người ngộ nhận vẫn là tài năng thậm chí còn hơn thế nữa. Với một số người khác thì đây là thực sự là một sự triệt tiêu tài năng đích thực mà cậu bé thần đồng chỉ là nạn nhân.

Chúng ta cần chú ý đến một lời nhắn nhủ sau đây của những nhà tâm lý: “Các em nhỏ cũng như các con vật đều có khuynh hướng tấn công những kẻ yếu, những kẻ bị thương, những kẻ dị hình”. Vì vậy các bậc cha mẹ và xã hội cần lưu tâm để hạn chế khuynh hướng này. Nếu không khi lớn những khuynh hướng này tiếp tục phát huy tác dụng dưới những hình thức mới có thể rất lộ liễu mà cũng có thể rất tế nhị, rất có “văn hoá” có vẻ như ngọt ngào nhưng lại thật là chua cay. Chúng ta nói mạnh yếu ở đây không chỉ là về thể chất mà thường lại là tinh thần. Các nhà nghiên cứu phương Tây nhất trí đó là trường hợp của Soren Kierkégard. Chúng ta biết rằng ông này là người rất xấu xí về thể hình nhưng lại là người có trí tuệ. Khi chưa trở thành người có tài, trước mắt thiên hạ ông chỉ là một kẻ vô duyên. Từ đó ông ta luôn sống trong một sự cô đơn triền miên vì chẳng có một ai thèm để ý đến ông ta. Để trả thù đời khi đã có tài và có tiền ông ta muốn mọi người phải xưng tụng ông dù cho ông có khinh khi họ đến đâu. Nghĩ lại cuộc sống đã qua ông ta thấy đời thật là hài hước, chua chát. Triết lý của ông chính là phản ánh tâm trạng vừa bi lại vừa hài của đời người mà ông là một điển hình.

Theo những nhà chuyên môn thì một sự mất cân đối dù chỉ về thể hình thôi cũng gây ra quá nhiều phiền toái về mặt tâm tưởng. Nhiều khi như là một sự trừng phạt của Chúa, gây nên nhiều nỗi ám ảnh

trong con trẻ. Đối với em gái thì còn phức tạp hơn nhiều. Một em gái lớn nhanh và có độ chín mùi sớm. Các em này thường thấp và hơi to ngang so với các em có sự phát triển chậm hơn vì ở các em này có một sự đối lập giữa các hoóc môn về tình dục và những hoóc môn về sự lớn lên. Vì thế những em gái lớn nhanh về mặt thể chất lại thường phát triển chậm về phương diện tình dục so với các em khác. Sự lớn nhanh về mặt thể chất này đã gây cho em sự mệt mỏi mà người ta gọi là sự mệt mỏi do lớn nhanh và làm cho các em có một sự chậm chạp cả về thể chất lẫn tinh thần. Các em này thường vụng về trong các trò chơi. Vì thế người thầy giáo về thể dục cần hiểu điều này và cần có sự chăm chú tránh không nên bắt các em này phải làm đi làm lại nhiều lần trước các bạn bè cùng lớp để tránh bớt sự chú ý của mọi người. Có nhiều trường hợp trong quá trình phát triển tiếp theo nhiều em từ chỗ béo tròn trở thành những người phụ nữ thon thả. Tuy nhiên những mặc cảm về sự yếu kém về thể chất lúc còn nhỏ cũng không phải một lúc biến mất. Có khá nhiều phụ nữ đã trở thành những người đàn bà duyên dáng vẫn luôn luôn bị cái xấu xí ngày xưa ám ảnh. Thậm chí còn bị những người bạn cũ châm chọc và đương nhiên thường là những đứa bạn trai tinh nghịch. Vì thế chúng ta không nghi ngờ gì về ước mơ của trẻ em là có một thể hình xinh đẹp cũng như tầm quan trọng đối với các em. Hơn nữa đó cũng là vấn đề có ảnh hưởng sâu sắc đến sức khoẻ và tinh thần cũng như hạnh phúc của các em.

Nếu nói đến thể hình chúng ta cũng không thể không bàn đến các em tàn tật mà chúng ta thường gọi là khiếm tật hay khuyết tật. Vấn đề

này có một tầm quan trọng mà chúng ta cần quan tâm đó là những vấn đề về cảm xúc do tình trạng khuyết tật gây ra. Có trường hợp một em bị liệt một cánh tay. Bà mẹ vốn là một vận động viên thể thao nên đã tìm mọi cách ép em phải tập luyện với khẩu hiệu là hãy quên đi cái dị tật đó mà tự coi mình như mọi người bình thường. Kết quả là em nhỏ này trở nên rất khéo léo có thể bắt được cả quả bóng khi người khác chuyền cho bằng chính cánh tay bị liệt đó. Điều đó thật đáng mừng cho mẹ em. Nhưng do phải tự ép mình quá sức cả về thể chất cũng như tinh thần nên em đã phải chịu một sự dồn nén quá mức về tinh thần và em trở nên một em nhỏ luôn cảm thấy mệt mỏi triền miên. Vấn đề khuyên những người khuyết tật hãy quên tật nguyên của mình để sống cho thanh thản tránh những ám ảnh có hại là cần thiết nhưng phải làm cho như mọi người bình thường lại là một chuyện khác nên cần trọng, nhất là lại làm một cách ép buộc thì không nên. Đã thế khi thấy con mình lúc nào cũng ở trong tâm trạng mệt mỏi triền miên lại không thông cảm mà còn khẳng định nhiều lần rằng con mình không bằng các em khác và không thể lập gia đình được v.v... Điều đó dẫn em đến một tình trạng luôn thao thức lo âu buồn phiền và đương nhiên một sự dồn nén về tâm thần lại xuất hiện ở mức trầm trọng hơn. Bất cứ trong trường hợp nào cũng cần tránh những sự dồn nén về tâm lý. Và trong trường hợp này cảm giác về sự mất an toàn lại bắt nguồn từ nơi người mẹ. Các nhà chuyên môn khuyên chúng ta hãy làm ngược lại bà mẹ nói trên bằng cách hãy bình tĩnh chấp nhận cái khuyết tật đó ở con em mình cũng như một em khác mắc chứng cận thị và hãy làm cho các em tin

tưởng cũng như khuyến khích em làm những gì mà các em có thể, với những hoạt động vô cùng phong phú đang chờ đợi các em. Các em sẽ được phép làm tất cả những gì các em thấy cần và có lợi nhất.

b) Định nghĩa về sự chín muồi

Ở trên chúng ta đã nhắc tới lý thuyết về sự chín muồi. Lý thuyết nói đến sự chín muồi ở đây là sự chín muồi về tâm lý trong quá trình phát triển của thời thơ ấu.

Xã hội cũng như các bậc cha mẹ đều mong muốn rằng con em học sẽ lớn lên không chỉ về thể hình như chiều cao, cân nặng... mà còn những năng lực mới được thức tỉnh trong chúng. Mong muốn là con em chúng ta được phát triển thành những cá thể có cá tính thông qua những giai đoạn phát triển của các em. Vấn đề được đặt ra là sự chín muồi này là một quá trình nối tiếp tự nhiên mang tính bẩm sinh mà không cần bất cứ một sự tác động nào khác có thể thay thế cho quá trình tự nhiên đó. Trẻ sơ sinh một cách tự nhiên trở thành một trẻ nhỏ, trở thành nhi đồng, thành thiếu niên, thành thanh niên và trở thành một con người trưởng thành.

Nhờ ở những thành tựu khoa học hiện nay người ta đã biết được chức năng của những quá trình phát triển đó.

Vậy thì sự chín muồi ở đây được hiểu như thế nào? Mc Graw một nhà khoa học có nhiều thành công trong việc nghiên cứu về trẻ thơ đã khẳng định rằng *sự chín muồi được xem như là một sự thức tỉnh và một sự nở rộ những năng lực, những tính cách, những nét, những tiềm năng đã có từ khi mới sinh nhưng nó chỉ đạt tới đỉnh điểm khi nó được chín*

muồi trong một cơ thể đang phát triển. Theo những nhà tâm lý học thì đây là một định nghĩa rõ ràng và hoàn chỉnh, và nói thêm rằng *sự chín muối là sự phát triển những tổ chất điển hình bẩm sinh, vốn có theo một trật tự đã được xác lập.* Tất cả những sự kiện cần thiết đều nằm trong quá trình đơn giản này. Những tổ chất điển hình này đều là bẩm sinh, vốn có và nó diễn ra theo một trật tự riêng biệt.

Như đã nói trong phần trên, những người theo trường phái coi môi trường, bối cảnh là yếu tố quyết định sự hình thành tính cách của trẻ em (behavioriste). Những người này không tính gì hoặc chỉ coi là thứ yếu những nhân tố bẩm sinh. Những nhà theo lý thuyết về sự chín muối thì ngược lại, coi những tổ chất bẩm sinh là quyết định, môi trường chỉ có vai trò hỗ trợ. Cho nên những nhà theo lý thuyết về sự chín muối đã tìm cách chứng minh cho lý thuyết của mình và một lần nữa khẳng định sự chín muối đang tồn tại và được chứng minh bằng những công trình khoa học thuyết phục.

Những chứng cứ về mặt kinh nghiệm của lý thuyết về sự chín muối là vô cùng phong phú. Những đề tài nghiên cứu về quá trình chín muối cần phải có một phương pháp thực sự khoa học. Công trình này đã được Arnold Gesell thực hiện như sau: chọn hai đứa trẻ có tổ chất bẩm sinh di truyền như nhau. Người ta đã để lên mặt bàn một hình khối trước mặt mỗi em. Người ta thấy cả hai em đều có những phản xạ liên tục không ngắt. Đến sáu tuần, người ta để riêng hai em ra và thấy cả hai đều chăm chú nhìn hình khối nhưng chưa hề có một nỗ lực nào để lấy hình khối. Đến hai mươi tuần cả hai em đều vươn tay tìm cách nắm

lấy hình khối nhưng rất vụng về nên thường bị hụt. Đến hai mươi tư hay hai mươi tám tuần cả hai đều vươn tay nắm được hình khối và đưa lên miệng.

Thí nghiệm nói trên đã chứng minh rằng cả hai em đều có những phản xạ hoàn toàn như nhau, cùng theo một trật tự theo cùng độ tuổi trong hoàn cảnh chúng độc lập với nhau nhưng lại có bối cảnh như nhau. Tất cả những chứng minh nói trên cho chúng ta biết rằng những tổ chất điển hình được sinh ra từ những yếu tố cố hữu mà không phải do hoàn cảnh.

Một công trình khác cũng do Gesell thực hiện với hai em sinh đôi đã chứng minh rằng trong 612 tổ chất thì có 513 tổ chất giống nhau mà chỉ có 99 tổ chất khác nhau giữa chúng. Điều đó một lần nữa đã chứng minh rằng những tổ chất bẩm sinh là có thực và có vai trò quyết định không phụ thuộc vào bối cảnh cũng như sự huấn luyện trong quá trình chín muồi. Điều khẳng định trên được củng cố bởi thí nghiệm sau. Cũng với hai trẻ sinh đôi, người ta tập cho em thứ nhất ngồi, đứng và đi. Với em thứ hai người ta cứ để cho em hoạt động một cách tự nhiên. Kết quả là sự tiến bộ của em thứ nhất không hơn gì em thứ hai. Đó là quá trình chín muồi của các tổ chất mang lại cho em chứ không phải là do tập luyện. Từ đó những nhà tâm lý học không còn do dự gì để khẳng định vai trò quan trọng của sự di truyền sinh học nơi trẻ em trong quá trình phát triển.

c) Những nguyên tắc của lý thuyết về sự chín muồi.

Những thực nghiệm khoa học đó đã giúp cho các nhà khoa học đúc kết thành những nguyên tắc của sự chín muồi sau đây:

1. những khả năng như đi, nói và hàng loạt những hoạt động khác của trẻ em là dựa trên những cơ sở về độ chín muồi nghĩa là từ những năng khiếu tự nhiên, vốn có chứ không phải do luyện tập. *Thông thường khi chúng ta nghĩ là giáo dục cho các em cái này cái khác thì đúng ra là chúng ta chỉ kích thích năng khiếu đã sẵn có nơi các em.* Vì thế không cần thiết phải giáo dục cho chúng bò, đi, nói vì những khả năng đó đã có sẵn nơi các em. Nếu cứ để các em tự xoay xở, các em sẽ làm được mà không cần sự có mặt của chúng ta. Sự quan sát của những nhà khoa học còn cho thấy trí thông minh và cảm tính luân lý đạo đức nơi các em. Nhiệm vụ của chúng ta chỉ cần giới hạn trong khuôn khổ là tạo ra hoàn cảnh để kích thích và động viên các em mà thôi.

Các nhà chuyên môn còn cho rằng thật là vô ích khi chúng ta tìm cách huấn luyện cho các em những cái mà các em không có năng khiếu. Khi chưa đến độ chín muồi mà chúng ta lại tập cho các em những động tác này hay động tác khác. Những động tác đó sẽ đến với các em khi cơ thể các em nói chung cũng như tổ chức thần kinh của các em nói riêng cần thiết cho những động tác đó hoạt động nghĩa là đến một lúc nào đó của quá trình phát triển và chín muồi. Cũng như thế với các em bước sang tuổi thiếu niên, không cần thiết phải dạy cho các em phải làm gì khi tình yêu xuất hiện hay dạy các em cách yêu khi mà trong em chưa xuất hiện những tình cảm đó. Và khi chúng đã yêu thì nói chung là chúng ta chẳng có thể làm gì được để ngăn cấm. Hoặc với những em

không bao giờ biết đến yêu đương thì chúng ta cũng không thể bắt chúng yêu được. Chúng ta thường cho những cái đó là không bình thường chỉ vì chúng ta chưa thấy đó là những tố chất tự nhiên và bẩm sinh. Chúng ta thường có thói quen là luôn để ý đến một em gái mười bốn tuổi quan tâm đến bạn trai. Sự quan tâm sát sao đó đi ngược với tiến trình tự nhiên. Các nhà chuyên môn khuyên chúng ta là hãy để cho tiến trình đó diễn ra một cách tự nhiên và bình thường như nó vốn là như thế. Theo dõi sát sao sẽ dẫn tới những sự vụng trộm mà chúng ta không thể kiểm soát được. Trong vấn đề này vai trò của xã hội đến đâu chúng ta sẽ có dịp bàn đến trong những phần sau.

2. Xã hội và cha mẹ luôn nghĩ rằng chúng ta phải làm một cái gì đó chứ không thể để cho những quá trình đó diễn ra một cách tự nhiên như vậy. Những nhà chuyên môn thừa nhận là sự quan tâm đó là vô cùng cần thiết. Nhưng chúng ta không thể làm gì được khi mà những tố chất tự nhiên đó chưa đến độ chín muồi trong quá trình phát triển. Cũng vì thế mà hệ thống giáo dục của tất cả các quốc gia trên thế giới đều phải chia ra thành nhiều cấp học với những chương trình khác nhau, phương pháp khác nhau phù hợp với từng lứa tuổi. Thật là phí công khi muốn dạy cho các bé sơ sinh mới được 15 ngày cách tự kiểm soát việc đi tiểu cũng như đại tiện bởi vì hệ thống thần kinh của các em chưa phát triển tới độ có thể kiểm soát được những cơ bắp. Cũng khó mà dạy cho một em 10 tuổi có những nhận biết về một chân lý trừu tượng nào đó. Tất cả những việc nói trên chỉ làm mất thì giờ và công sức, tai hại hơn là đẩy các em rơi vào những rối loạn và làm cho chúng

bị tổn thương. Từ đó sẽ cản trở cho quá trình phát triển tự nhiên những khả năng vốn có của các em mà đáng ra chúng phải được phát triển một cách tự do. Chúng ta biết rằng từ bốn đến bảy tuổi cá tính của các em được phát triển, từ tám đến mười hai tuổi là sự hoà nhập. Nếu chúng ta đòi hỏi một em mới bốn hay năm tuổi phải có khả năng hoà nhập sẽ làm cho việc hình thành nhân cách gặp khó khăn, làm cho chúng không có dịp để hình thành cá tính.

3. Chúng ta hãy chờ cho thời kỳ chín muồi bắt đầu, lúc đó chúng ta sẽ có cơ hội để tiến hành sự giáo dục. Chúng ta không nên hấp tấp vội vàng ngay cả khi những sự chín muồi đó xuất hiện như khi xuất hiện tinh thần đồng đội. Ngay cả khi bộ máy thần kinh xuất hiện để chỉ huy các chức năng chúng ta cũng không nên vội vàng vì nên để cho chúng có thời gian phát triển. Điều đó cũng giống như khi người ta muốn cho chiếc xe máy của mình được vận hành một cách an toàn thì phải có thời gian làm trơn máy. Biết bao trẻ em phải khốn khổ khi chúng bị ép phải tập nói trước tuổi mà đúng ra là điều đó sẽ được bắt đầu một cách tốt đẹp khi điều kiện đã chín muồi. Sự ép buộc này thường dẫn đến những dồn nén thần kinh và đây chính là một hình thức của sự nổi loạn và sự từ chối. Người ta thường nghe thấy những lời than phiền đại loại như “nó không chịu giữ lời hứa gì cả”. Những lời hứa này là tự cha mẹ và xã hội áp đặt cho các em chứ đâu có phải là lời hứa của chính các em.

4. Thời điểm tốt nhất trong quá trình diễn ra sự chín muồi để chúng ta tiến hành sự giáo dục là khi chúng ta cảm thấy đó là sự thật

cần thiết và chúng có khả năng và điều kiện để làm điều đó. Chúng ta cần hiểu rằng với người lớn thì có bao nhiêu việc cần thiết cần phải giải quyết. Nhưng với các em nhỏ thì chẳng có gì là quan trọng khi thấy xuất hiện ở các em một khả năng này hay một khả năng khác. Điều nói trên khiến chúng ta nên xem xét lại cái tâm lý thích cho con em mình đi học sớm hơn tuổi hay học vượt lớp, vượt cấp. Cá biệt có em nào đặc sắc thì phải xem xét một cách cẩn trọng. Ví dụ có một em nào đó có khả năng tính toán nhanh nhưng các mặt khác lại không có một sự vượt trội như khả năng tính toán. Vậy thì nên như thế nào đây vì mục tiêu đào tạo của chúng ta là toàn diện nhất về mặt nhân cách. Vấn đề là chúng ta muốn có những con người cân bằng về tất cả các mặt với một nghĩa tương đối. Điều đó có lợi cho các em nhiều hơn là một con người khắp khiếm luôn trong tình trạng chênh vênh đặc biệt là về tâm lý.

5. Chúng ta cần nhớ rằng nếu như những chức năng tự nhiên không có điều kiện để rèn luyện thì cũng có trở ngại gì cho quá trình phát triển tự nhiên của chúng? Nếu như gặp trường hợp gì đó, như ốm đau, làm ảnh hưởng đến tiến trình phát triển bình thường thì cũng không có gì đáng lo ngại; vì rằng các em này có thể nhanh chóng bắt kịp các em khác mà không sợ tụt hậu trong quá trình phát triển. Các nhà chuyên môn đã rút ra kết luận rằng thông thường những em đến trường hơi chậm nhưng khi kết thúc các em lại thường xuất sắc hơn các bạn khác. Người ta chỉ đưa lên sàn diễn một em gái nhỏ mà người ta tin rằng em có thể hát tốt. Người ta cần phải chờ đợi cho đến khi họng cũng như những dây thanh quản của em được phát triển đầy đủ

nếu không người ta sẽ làm hư hỏng hoàn toàn giọng hát của em. Hơn nữa cũng phải tính đến khả năng hoà nhập, đến sự hình thành cá tính, đến tình cảm cũng như đến ý tưởng của em. Vấn đề cần lưu ý là lúc nào là lúc mà sự giáo dục, sự rèn luyện có thể mang lại những kết quả tốt nhất. Đó là vấn đề mà chúng ta quan tâm. Những vấn đề như khả năng lý lẽ, những tập quán xã hội cũng như những vấn đề về luân lý đạo đức sẽ phát triển chậm hơn và kém ổn định hơn những năng lực sinh học. Vì thế cơ sở của chúng được mở rộng hơn và những yếu tố về hoàn cảnh có thể có những ảnh hưởng lớn hơn rất nhiều so với những tố chất sinh học. Biết rằng hoàn cảnh có ảnh hưởng lớn đến những khả năng nói trên nhưng cũng không nên để cho các em lơ lửng trong sự rèn luyện vì có thể có nguy cơ làm cho các em thay đổi hoàn toàn. Ví như có một em nào đó do có một khuyết tật bẩm sinh có ảnh hưởng lớn trong thời kỳ dậy thì và đến tinh thần đồng đội. Ở em này ít có cơ hội để phát triển những phẩm chất như tình bạn và tinh thần hợp tác trong tuổi thích hợp bạn, tuổi tham gia các băng nhóm. Tình hình đó khiến cho bạn bè khó chấp nhận sự có mặt của những em này trong nhóm của chúng. Do đó các em này phải cam chịu một cuộc sống cá nhân riêng biệt khó có thể hoà nhập được. Các em này thường là những em rất ngoan nhưng lại quá nhút nhát để không thể hoà nhập được với các bạn.

Theo các nhà chuyên môn thì nếu không tạo những điều kiện thuận lợi cho các em từ chín đến mười hai tuổi được chơi với những em khác giới sẽ có nguy làm cho các em bỏ tuổi bạn bè và các em sẽ mất vĩnh

viễn cái tuổi này. Đến tuổi 18 – 19 các em sẽ gặp khó khăn trong tình yêu khác giới, trong đời sống tình dục sau này. Các thầy thuốc tâm thần thường gặp khá nhiều bệnh nhân thuộc loại này. Vì thế các nhà chuyên môn quả quyết rằng thời kỳ này là thời kỳ mà chúng ta cần có sự quan tâm tinh tế hơn nếu như chúng ta không muốn cho chúng phải trả giá cho cuộc sống mai sau. Điều đó cũng được xem như là một nguyên tắc của lý thuyết về sự chín muồi. Ví dụ các em nhỏ rất thích thú khi được ăn bằng bàn tay và những ngón tay. Sự thích thú đó giúp cho các em hấp thụ thức ăn tốt hơn. Nếu ép các em cầm thìa sớm thì khả năng làm đổ nhiều hơn là đưa thức ăn vào miệng và đương nhiên sự vụng về đó sẽ làm cho các em không hứng thú và ăn không ngon. Điều đó có ảnh hưởng rất lớn đến tính tình các em sau này. Còn bắt chước, chúng sẽ làm theo người lớn một cách tự nhiên và thành thạo mà không cần bất cứ một bài lên lớp nào. Từ đó những nhà chuyên môn đi đến kết luận sau: những kết quả nuôi dạy tốt con cái thường là do những bà mẹ ít hay không sinh chuyện với các em, ít hay không bắt bẻ chúng. Đồng thời hãy để cho các em tuổi từ 13 được gia nhập vào đời sống tập thể mà không cần cung cấp cho chúng những bài giảng về tinh thần đồng đội như người ta thường làm trong nhiều lớp học. Vào tuổi này, các em rất cần một không khí thoải mái với một chút tự do để tự phát triển cá tính. Nên tạo cho các em thời gian giải trí, còn giải trí như thế nào nên để các em tự chọn lấy với sự giúp đỡ của cha mẹ và xã hội.

d) Vai trò của hoàn cảnh trong lý thuyết về sự chín muồi.

Chúng ta đã sơ lược nói đến nguyên tắc chính của lý thuyết về sự chín muồi. Đồng thời chúng ta cũng đã sơ bộ bày tỏ quan điểm của lý thuyết này về vai trò của bối cảnh, của môi trường sống.

Bây giờ chúng ta trình bày thêm đôi điều về vai trò của bối cảnh đối với sự lớn lên và phát triển về mặt tâm sinh lý của trẻ thơ. Vì thế khi khẳng định rằng cái quan trọng và cần thiết trong quá trình diễn ra sự chín muồi là sự lớn lên và sự phát triển của những tố chất tự nhiên diễn hình theo những quy luật của chính nó, với những điều kiện của bối cảnh. Từ đó không nên cho rằng xã hội và cha mẹ cứ để cho tiến trình đó diễn ra theo cách của chính nó. Đó là một quan điểm không có gì phù hợp với lý thuyết về sự chín muồi. Với lý thuyết về sự chín muồi thì môi trường, bối cảnh và những điều kiện của nó cũng có vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển vì nó có thể khuyến khích hoặc làm cho tiến trình chậm lại. Từ đó xuất hiện vai trò, chức năng của xã hội cũng như cha mẹ.

Chúng ta cần khẳng định vấn đề di truyền bẩm sinh và vấn đề hoàn cảnh là hai vấn đề không thể tách rời nhau được, nhưng cũng không được rằng chúng lại rất khác nhau. *Tuy nhiên người ta không thể tách chúng ta nhưng lại rất cần thiết phải phân biệt chúng.* Điều đó là cần thiết nếu chúng ta mong muốn cho các em có những thái độ sống đúng đắn. Cũng như một người làm vườn cần tìm ra cái nguyên nhân nào làm cho cái cây của họ bị héo, là do đất hay do hạt giống v.v... Với một em nhỏ nghịch ngợm rất khó quản lý thì điều quan trọng là các bậc cha mẹ cần tìm hiểu xem là từ nguyên nhân nào. Nếu là do di truyền bẩm

sinh thì rất khó khắc phục. Còn do sự nuôi dạy thì xã hội và cha mẹ lại có khá nhiều việc phải làm.

Chúng ta cũng không nên đối lập giữa những tố chất di truyền bẩm sinh với những điều kiện sống, với hoàn cảnh. Vấn đề cần thiết là chúng ta cần tìm hiểu xem trong tính cách của con em mình cái gì là do di truyền bẩm sinh và cái gì là do hoàn cảnh từ những kinh nghiệm mà chúng ta có được qua năm tháng nuôi dạy các em.

Quá trình nghiên cứu những mối quan hệ giữa những tố chất di truyền bẩm sinh với hoàn cảnh người ta nhận thấy rằng sự chín muồi thể hiện những tố chất di truyền bẩm sinh vốn có. Vậy thì môi trường bối cảnh có vai trò gì?

1. Trước hết muốn thể hiện những tố chất di truyền bẩm sinh, những năng lực vốn có, trẻ em cần một bối cảnh nào đó. Đương nhiên là điều đó chỉ có thể thực hiện được khi có một cái sân hay một cái gì tương tự. Cũng như sau này các em rất tự nhiên mong muốn được tham gia vào một tập thể nào đó nhưng các em chỉ có thể làm được điều đó khi người ta tạo ra cho các em những bạn chơi, những người đồng đội. Người ta cho rằng hoàn cảnh và thế giới vật chất như là những chiếc xe tải, trong nó và nhờ nó những tiềm năng tự nhiên của trẻ em được thể hiện và phát triển. Vì thế những điều kiện và hoàn cảnh sống mà xã hội và các bậc cha mẹ cung cấp cho các em có vai trò đáng kể đối với tương lai của con em chúng ta. Nên chú ý là khi chúng ta khẳng định rằng những năng lực tự nhiên vốn có và các tố chất điển hình xuất hiện trong những hoàn cảnh nhất định thì không có nghĩa là

chúng có thể bỏ qua môi trường, bối cảnh. Điều đó chỉ đơn giản là một năng lực nào đó xuất hiện không phải là do hoàn cảnh, không phải là công việc của hoàn cảnh. Bởi lẽ, người ta không thể giúp cho trẻ em bò, đi, chạy, nhảy nếu như trong các em không có sẵn cái khả năng đó.

2. Những người theo lý thuyết về sự chín muồi cũng quả quyết rằng bối cảnh và môi trường càng thuận lợi bao nhiêu thì sự phát triển của các em càng thuận lợi bấy nhiêu. Một em nhỏ đương nhiên là sẽ bò được nhanh và tốt thì chúng được bò trên một tấm thảm phẳng và mịn. Còn nếu em phải bò trên một mặt phẳng gồ ghề hay ướt át trơn nhầy thì đương nhiên là các em sẽ gặp vô vàn khó khăn và nguy hiểm. Trên thực tế các em nhỏ thường ăn bất kỳ thức ăn gì. Nhưng đương nhiên là các em sẽ khoẻ mạnh hơn khi được nuôi dưỡng bằng những thức ăn bổ lành và thích hợp.

Theo các nhà chuyên môn thì trẻ em sẵn có năng khiếu tự nhiên để nói và các em sẽ nói rất tốt và nhanh hơn là dạy em nói khi mọi điều kiện chưa cho phép. Người ta nhận thấy rằng một bà mẹ vui tính hay trò chuyện với con mình thường có tác dụng rất tốt mặc dù các em chưa biết được mẹ chúng đã nói gì. Nhưng nếu vì quá bận, các em ít được chăm sóc thì các em sẽ mãi mãi chẳng hiểu người lớn nói gì như những đứa trẻ sống lâu ngày giữa một bầy sói. Chúng chỉ đơn giản trao đổi bằng những tiếng kêu bằng những tiếng hú.

3. Nếu như những khả năng như bò và nói là bẩm sinh vốn có thì không cần phải huấn luyện nó vẫn cứ xuất hiện khi những điều kiện đã chín muồi. Nhưng chúng có thể bò khéo léo hay vụng về thì lại tùy

thuộc vào sự tập luyện một mình hay có sự giúp đỡ của người lớn. Các em thường đi theo năng khiếu tự nhiên mà không cần có sự dạy bảo của chúng ta. Tuy nhiên đôi khi chúng ta cũng vui vẻ động viên các em những bước đi đầu tiên. Trẻ em cũng tự nhiên biết bò, nhưng khoảng hai tuổi các em cũng có nhu cầu được hướng dẫn cách leo cầu thang, khó khăn hơn là leo lên chiếc ghế có tựa lưng và cũng thật là khó khăn khi các em muốn tụt xuống.

Cũng như thế tất cả những em nhỏ bình thường đều có khả năng hội nhập. Những thói quen đó lại tùy thuộc vào thái độ của xã hội, vào bối cảnh mà các em được nuôi dưỡng cũng như những thói quen mà con người cung cấp cho các em. Vì thế rất cần có một sự dìu dắt nhưng không phải bằng bất cứ cách nào. Chúng ta đã từng thấy những nhạc công thường tập đàn suốt ngày đêm. Nhưng nếu kỹ thuật tập luyện không tốt thì chắc chắn là chẳng có được một kết quả nào tốt đẹp. Nhưng dù có một phương pháp tốt đến đâu cũng khó có thể giúp một cô gái không có một hệ thống phát âm tốt có thể trở thành một ca sĩ nổi tiếng. Ngược lại một cô gái có đầy đủ phẩm chất sẽ trở thành một ca sĩ tài ba. Đương nhiên sự luyện tập này phải là một sự tập luyện có bài bản và đúng phương pháp.

Để điều chỉnh những mối quan hệ giữa những em trai, các em thiếu niên có nhu cầu tự rèn luyện mình và bắt đầu bằng sự tán gẫu và sự tán gẫu cũng là một hình thức rèn luyện tự nhiên mà không cần để ý xem nó có nghiêm chỉnh hay không. Trong nhiều trường hợp điều đó cũng là cần thiết. Tuy nhiên những lời khuyên của cha mẹ cũng là quan

trọng và cần thiết để các em có cách làm tốt hơn trong mối quan hệ với các bạn dù cho năng khiếu này cũng chỉ là năng khiếu bẩm sinh.

4. Tầm quan trọng của hoàn cảnh không chỉ giới hạn ở tất cả những điều vừa nói trên mà là ở chỗ làm cho những tiềm năng vốn có ở các em được phát triển thuận lợi hay là không, là tốt hay là không tốt đối với quá trình phát triển nơi các em. Nếu các em lớn lên trong một bầu không khí đầy những sự sợ hãi thì sẽ có nguy cơ biến các em thành những con người nhút nhát. Những đứa trẻ luôn bị chọc tức thường thích làm những điều không hay sẽ trở thành một đứa trẻ hay gây sự. Với những em thường xuyên được sự trù mến quá mức của cha mẹ thì tình yêu của các em sau này trở thành quá đáng thường đi rất xa. Đến tuổi thiếu niên các em thường tự cho là người phải được quan tâm nhiều nhất đôi khi là duy nhất. Trong một không khí có tính trí tuệ khi mà người ta đề cập những vấn đề về trẻ em, người ta có thể gập cho các em tính tò mò. Đó là hoàn cảnh rất tốt để các em tự đánh thức mình cũng như là dịp để các em mở rộng trí thông minh của mình.

5. Hơn thế nữa, hoàn cảnh và môi trường *có vai trò quyết định cái hướng phát triển cho các khả năng, các năng lực*. Tự nhiên cung cấp những khả năng, những năng lực. Hoàn cảnh, sự giáo dục giúp các em tự mình quyết định lấy ý nghĩa mà các em hướng theo. Cũng như chúng ta đã nói tự nhiên làm cho chúng ta có thể đi đứng nhưng chúng lại không quyết định được cái gì hướng dẫn cho bước chân của chúng ta. Tự nhiên cung cấp cho chúng ta cái khả năng nói nhưng lại không quyết định được chúng ta nói cái gì. Tất cả trẻ em đều có mong muốn

được học tập. Nhưng vì mục đích, những dự tính mà chúng ta phải sử dụng tất cả những hiểu biết cũng như những kinh nghiệm để mơ ước một cái gì đó quan trọng và thiết yếu. Những sự quyến rũ cũng như sự khát khao niềm vui đều là những phẩm chất quý và tự nhiên. Nhưng không thiếu gì những kẻ lợi dụng sự quyến rũ đó để kiếm lòng tin ở người khác. Có khá nhiều bà mẹ dễ tính thường không nỡ từ chối con em mình bất cứ cái gì. Thái độ đó như là một sự khuyến khích mạnh mẽ những đòi hỏi của chúng bằng sự hấp dẫn của chúng chứ không bằng hành vi, bằng công việc. Không sớm thì muộn chúng ta đã làm cho con em chúng ta thành những kẻ không thực thà khi mà sự hấp dẫn, sự quyến rũ của chúng không còn tác dụng nữa. Các em này chỉ là nạn nhân của một sự nuông chiều vô lý của một số bà mẹ quá dễ dãi. Đó chẳng qua chỉ là hoàn cảnh đã đưa một số em trở thành gian dối.

Muốn nắm được tốt những mối quan hệ giữa nhân tố thuộc hoàn cảnh với những nhân tố bẩm sinh chúng ta có thể dẫn ra ví dụ thông thường dưới đây mong có thể làm cho vấn đề sáng tỏ hơn. Ví dụ một cái cây nào đó như cây bưởi chẳng hạn. Là cây bưởi là vì chúng được di truyền từ đời nọ sang đời kia chứ không phải nhờ môi trường. Nhưng điều kiện môi trường thích hợp thì nó vẫn là cây bưởi nhưng chỉ có khả năng cho ít trái, trái không to và chua cay. Như vậy là môi trường có thay đổi đến đâu thì cũng không thể làm cho nó trở thành cây dâu hay là cây mít. Nó vẫn là cây bưởi từ trong tính di truyền của nó nhưng nó có thể là tốt hay xấu tùy theo tình hình thổ nhưỡng và sự chăm sóc thích hợp hay không. Để có một giống bưởi mới với những thuộc tính

mới lạ theo ý muốn người ta chỉ có cách là lai ghép nó với những cây có những đặc tính mà người ta muốn lai. Điều đó cũng bắt nguồn từ những đặc tính di truyền có sẵn trong hai cây bố và mẹ. Người ta đã khẳng định rằng tự nhiên không bao giờ nhầm lẫn trong những trường hợp như vậy. Đương nhiên tất cả các loài cây không thể phát triển và sống được nếu không có những điều kiện thích hợp. Cũng như đối với các em nhỏ chúng thừa kế tất cả những gì đã có sẵn nơi cha mẹ mà chúng có nhu cầu nhưng gì đã có sẵn nơi cha mẹ mà chúng có nhu cầu nhưng để phát triển bình thường chúng rất cần đến một môi trường thích hợp với một tình yêu và sự tự do.

6. Với các loài cây khác nhau, chúng cũng đòi hỏi môi trường khác nhau, như khác về độ ẩm, về chất đất, về độ chiếu sáng v.v... cũng như về cách chăm sóc. Với con trẻ cũng như vậy, các em có sự khác nhau về tính khí, về thói quen, về thể chất v.v... Vì vậy cũng cần một sự chăm sóc và nuôi dạy khác nhau sao cho phù hợp với nhân cách của từng em. Nếu như có một bà mẹ nào tuyên bố rằng bà ta chăm sóc tất cả các con bà như nhau thì chỉ là một sự nhầm lẫn, một sự tưởng tượng. Còn nếu đúng là như vậy thì lại là điều không hay. Chúng ta biết rằng cùng chung bố mẹ sinh ra nhưng có đứa giống cha nhiều hơn, lại có đứa giống mẹ nhiều hơn. Mỗi đứa lại được sinh ra vào những thời điểm khác nhau. Vì vậy rất cần có sự săn sóc khác nhau với từng em ngay trong một gia đình. Nhiều khi sự chăm sóc khác nhau đó chỉ là thay đổi lời nói, thay đổi thái độ. Với những em dễ bảo chỉ cần nhẹ nhàng là đủ.

Với những em hơi cứng đầu nhiều khi cũng phải có thái độ cứng rắn cùng với lời nói nghiêm nghị hơn.

Chúng ta cũng phải thừa nhận là môi trường cũng có những ảnh hưởng đáng kể làm thay đổi hoàn toàn những yếu tố di truyền. Đó là những trường hợp môi trường đã thắng những nhân tố di truyền. Ngành phôi sinh học đã cung cấp cho chúng ta những ví dụ khá đậm nét như sau. Người ta biết được rằng trong phôi có những tế bào để hình thành mắt và những tế bào khác để hình thành những bộ phận khác. Nhưng lại có những trường hợp những tế bào có chức năng để hình thành mắt lại tham gia vào việc hình thành bộ phận khác. Với con trẻ cũng có trường hợp tương tự. Có em vốn tính tình nhút nhát nhưng sau một thời gian được sống trong môi trường tin cậy và cởi mở em trở thành một em bạo dạn, hoạt bát và năng nổ. Tuy nhiên sự tác động của môi trường có thể làm thay đổi một vài yếu tố di truyền nào đó chứ không thể làm thay đổi toàn bộ những yếu tố di truyền bẩm sinh. Môi trường có thể làm thay đổi một số cá tính xấu trở thành những con người có cá tính tốt nào đó nhưng để thay đổi trở thành một con người khác hoàn toàn lại là một vấn đề khó khăn phức tạp không dễ làm được. Vì thế trong xã hội đã có những người hoàn lương nhưng họ cũng chỉ thay đổi được một số cá tính nào đó mà thôi. Ngay cả việc thay đổi một số cá tính nào đó cũng là một quá trình không đơn giản.

Trong phạm vi những rối loạn về tinh thần, sự khác nhau giữa những nhân tố bẩm sinh và những nhân tố về môi trường là vô cùng

quan trọng. Không nên nghĩ rằng mọi trường hợp bị bệnh tâm thần đều là do những yếu tố bẩm sinh di truyền. Đa số những bệnh này thường phát sinh từ môi trường sống mà chúng ta rất dễ dự đoán trước được đối với các em nhỏ.

Loại bệnh này thường bắt nguồn từ hai nguồn gốc: di truyền hay do hoàn cảnh sống từ môi trường nuôi dưỡng, môi trường xã hội và gia đình. Vì vậy chúng ta cần phải tìm cho ra cái nguồn gốc chính gây ra bệnh. Từ đó mới có cách chữa trị thích hợp để chữa trị có hiệu quả. Nếu không cơ may chữa trị có kết quả là rất ít.

Muốn hiểu được quá trình của sự chín muồi chúng ta cần thiết phải chỉ ra cái cơ sở của quá trình đó. Sự chín muồi mà chúng ta đang quan tâm được dựa trên cơ sở của sự phát triển hệ thống thần kinh sinh lý tức là hệ thống thần kinh của những cơ quan phủ tạng. vì thế nó vẫn thuộc vấn đề thể chất chứ không phải là vấn đề tinh thần.

Mỗi khi chúng ta nói đến đặc tính bẩm sinh hay thể chất thì có nghĩa là chúng được quyết định bởi các cơ quan phủ tạng. Cũng như thế khi chúng ta nói một em nhỏ nhanh nhẹn, nhạy bén hay thông minh là chúng ta muốn nói đến những cá tính được quyết định bởi cơ chế sinh lý. Hoặc là khi chúng ta nói em nhỏ này vốn rất hiền lành, nghĩa là tự nhiên em đã là đứa trẻ hiền lành nhưng em có thể trở thành hay gây gổ, hay gây chuyện là do những ảnh hưởng của hoàn cảnh sống, của môi trường.

Tính khí của trẻ em là vấn đề thuộc thể chất và được quyết định do ảnh hưởng từ cơ thể đến tinh thần. Tính khí này được điều hoà tùy

theo những điều kiện của từng hoàn cảnh. Mặt khác nhân cách của em lại phụ thuộc vào sự quyết ý cũng như tư tưởng của chúng. Những khả năng nói, đi lại dần dần có tính cách xã hội và có lý lẽ của nó, và chỉ có thể phát triển được tương ứng với một vùng nào đó trong hệ thống thần kinh. Trong cơ thể con người tất cả những hoạt động về sinh lý đều được hoạt động trong sự liên kết đó. Và đó cũng là cơ sở sinh lý của sự chín muồi giúp cho chúng ta hiểu được những đặc tính mà chúng ta vừa trình bày ở trên. Đồng thời nó cũng làm sáng tỏ cái lý tại sao những khả năng như bò, đi, nói dù là bẩm sinh nhưng lại chỉ được thực hiện trong những điều kiện của môi trường nhất định. Người ta biết rằng khi trung tâm nhìn ở trong não được hình thành thì các em mới nhìn được. Đó là điều không thể diễn ra theo một cách nào khác được. Điều đó giải thích vì sao lại là vô ích nếu muốn ép các em phải làm một cái gì đó khi mà cái cơ chế tự nhiên chưa đến độ chín muồi. Người ta không thể đòi hỏi ở các em tự kiểm soát quá trình bài tiết khi mà trung tâm thần kinh có nhiệm vụ kiểm soát sự bài tiết chưa hình thành. Sự hình thành đó bao giờ cũng được thực hiện theo một trật tự nhất định nghĩa là chúng chỉ xuất hiện và trở nên có hiệu lực khi những quá trình sinh lý đã chín muồi. Và việc nuôi dạy con em chúng ta chỉ có hiệu quả khi những giai đoạn của sự chín muồi đó cho phép chúng đi vào hoạt động. Sự chín muồi đó càng hoàn chỉnh bao nhiêu thì chúng càng có khả năng hoàn thành tốt những chức năng của nó, và sự giáo dục mới có hiệu quả cao.

4.VAI TRÒ CỦA SỰ LẶP ĐI LẶP LẠI VÀ SỰ GIA NHẬP

Cơ sở sinh lý của sự chín muồi còn làm sáng tỏ cái lý của sự tồn tại hai đặc tính quan trọng và cần thiết mà các bậc cha mẹ cần đặc biệt quan tâm là *sự lặn đi lặn lại và sự gia nhập*. Đồng thời đó cũng là hai nguyên tắc mà không thể không bàn tới được.

Với một cách hiểu đơn giản nhất thì nguyên tắc về sự gia nhập có thể được trình bày ngắn gọn như sau: *Một khả năng của cơ thể tương ứng với một chức năng nào đó có thể xuất hiện trước sự xuất hiện chức năng sinh học*. Một cái phôi thai nếu nó được tiến triển bình thường thì nó không có nhu cầu thở trước khi nó được sinh ra nghĩa là trước khi nó tách ra khỏi mẹ nó. Hiện tượng này xuất hiện một cách tự nhiên vào khoảng đầu tháng thứ chín. Nếu là đẻ non thì nó xuất hiện vào tháng bảy hay tháng tám. Người ta cho rằng cơ quan hô hấp đã hình thành và sẵn sàng để hoạt động. Như vậy là cơ quan phủ tạng được hình thành trước nhu cầu thở. Các em sơ sinh ngay từ đầu đã có nhu cầu đi, nhưng chúng chỉ thực sự đi được sau đó nhiều tháng. Chúng thường có động tác đi ngay cả trước khi mọc răng nhưng chúng chỉ đi được khi chúng có nhu cầu. Như vậy là khả năng xuất hiện những chức năng đó đã có khá lâu trước khi có nhu cầu thật sự. Cũng có thể nêu một ví dụ khác đối với những em gái vào tuổi dậy thì, nghĩa là bộ máy sinh sản được hình thành với những vòng kinh nguyệt bình thường. Nhưng các vòng kinh nguyệt đó được xem như những bước dạo đầu mà phải từ một đến hai năm nữa các em mới có nhiều khả năng thụ thai.

Qua nhiều công trình nghiên cứu, các nhà chuyên môn cho rằng các em trai cũng như các em gái có đủ khả năng để thực hiện những quan

hệ tình dục vào tuổi từ tám đến mười tuổi và chúng cũng thực hiện thường xuyên dưới nhiều phương cách khác nhau. Điều đó được thể hiện rõ nhất ở những cộng đồng mà phong tục còn lơ lửng khi tuổi còn nhỏ. Đương nhiên thực hiện những quan hệ tình dục quá sớm là không có lợi và rất có thể làm cho các em trở thành những kẻ bạo dâm. Các thầy thuốc thường gặp khá nhiều bệnh nhân trẻ rơi vào bệnh tâm thần vì thực hiện quá sớm những quan hệ tình dục. Tất cả những điều nói trên nói với chúng ta rằng nhiều cơ quan phủ tạng thường xuất hiện trước khi xuất hiện chức năng về sinh lý của chúng. Vì vậy hãy cứ để cho tự nhiên có thời gian để chín muồi hơn là làm thức tỉnh những chức năng đó quá sớm khi chưa có nhu cầu.

Nguyên tắc này được thực hiện với hầu hết những tố chất điển hình của tuổi thơ, không cần vội vã. Ví như một em nhỏ thích sưu tầm những cái mà em thích mà cũng chưa có một ý tưởng nào để sử dụng chúng. Những em thiếu niên rất thích làm dáng để được sự chú ý của mọi người sớm hơn rất nhiều so với nhu cầu quan hệ tình dục. Và chúng ta hiểu rằng sự làm dáng đó như là khúc dạo đầu của việc lấy vợ lấy chồng cũng như sinh đẻ sau này. Việc làm của những em thiếu niên lúc này là không có chủ đích rõ ràng, không có ý thức.

Một trong những đặc tính có ấn tượng nhất ở trẻ em là chúng không muốn tách xa cha mẹ. Cũng từ đó mà chúng luôn làm đi làm lại nhiều lần những cử chỉ cũng như những lời nói với một giọng điệu không thay đổi mà thường là không có lý do xác đáng. những lúc như thế các em cũng thường không để ý đến xung quanh. Chúng bò chỉ để

bò cho thoải thích. Chúng đá vào đầu đó không hề để phá phách mà chỉ do một xung lực nào đó thúc đẩy.

Các bậc cha mẹ thường khó chịu trước những hành vi được lặp đi lặp lại như thế. Nhưng đôi khi chính cha mẹ lại khuyến khích những sự lặp đi lặp lại nào đó. Khi chơi với các em nhỏ độ hai tuổi, các bậc cha mẹ thường để cho các em nhảy lên đui và khuyến khích các em nhảy liên tiếp nhiều lần cho đến khi nào các em không thể tiếp tục được nữa. Nếu các em nhắc lại không ngót một hành vi nào đó thì chính là tự nhiên đã tìm cách để hoàn thiện bằng thực hành những chức năng sinh lý cần thiết nơi các em.

Chúng ta đã từng khẳng định nhiều lần là việc tập luyện những khả năng của các em là vô cùng quan trọng trong quá trình hình thành. Nói và đi là những hoạt động tự nhiên. Nhưng nếu như chúng ta giúp đỡ các em trong những bước đi đầu tiên và chúng ta khuyến khích chúng nói thì kết quả tất nhiên là tốt hơn nhiều nếu cứ để một mình các em tự xoay sở. Vấn đề cốt yếu là chúng ta phải có ý thức đầy đủ rằng chính tự nhiên đã mời gọi sự tập luyện của các em và cung cấp cho các em sự ham muốn là sự nhắc đi nhắc lại nhiều lần liên tiếp cùng một cử chỉ đó. Không còn nghi ngờ gì nữa *sự nhắc đi nhắc lại trước nhất là kết quả của những xung lực thần kinh*. Nhóm tế bào thần kinh trong não hoạt động như là bộ máy thúc đẩy. Một khi đã đầy ắp nó cần phải giải toả và những xung lực đó chuyển sang những cơ bắp tương ứng. Nếu nó tác động lên thanh quản, trẻ em sẽ phát ra tiếng nói. Nếu tác động lên tay hay chân trẻ sẽ bò hay đá. Sự giải toả có thể đến từ bên ngoài hay bên

trong của cơ quan phủ tạng. Nhưng mỗi khi hiện tượng đó xuất hiện, sự hoạt động khiến cho các em thích thú vì sự căng thẳng làm cho các em khó chịu và sự giải toả có pha trộn cảm giác nặng nề cũng như sự thoả mãn. chúng ta hãy quan sát sự thoả mãn trên nét mặt các em khi chúng phát ra được thành tiếng hay các em hoàn thành những hành động đó theo tiếng gọi của xung lực thần kinh. Sau đó chúng tìm cách để làm lại. nếu mọi việc tốt đẹp chúng cười một cách khoái trá tỏ ra hài lòng với những khám phá của chính em cũng như kết quả mà các em tạo ra. Cuối cùng không còn chỉ là sự mời gọi của những xung lực thần kinh mà là sự thoả mãn do hành động mà chúng đã tạo ra.

Chúng cần khuyến khích sự ham muốn được nhắc đi nhắc lại nơi các em, trước hết là để các em thoả mãn vui thích sau nữa là tạo điều kiện để các em tự hoàn thiện các chức năng sinh học trong thực hành. Tiếp theo những sự nhắc đi nhắc lại các em bắt đầu sử dụng chúng vào những mục đích có lợi. Có thể diễn tả quá trình đó như sau: Lúc đầu các em bò chỉ để giải toả sự căng thẳng của những xung lực thần kinh. Tiếp đó các em bò là để thoả thích được bò. Sau nữa các em khám phá ra rằng có thể với được một đồ chơi nào đó trong tầm bò của mình hoặc là bò theo mẹ hay ra vườn. Lúc này sự vui thích của các em là đạt cho được một mục đích nào đó. Cũng giống như thế đối với tiếng nói. Ban đầu tiếng nói chỉ là sự đòi hỏi của những xung lực thần kinh cần được giải toả. Sau đó là để vui thích, sau cùng là để đạt được một mục đích nào đó. Hành vi lúc này là chủ ý. Tiếng kêu báo hiệu điều xấu, gào thét khi chúng tức giận và cười vui khi chúng thoả mãn. Cần thấy rằng

nhệm vụ của sự hoàn thiện mà các em sử dụng là chức năng sinh học có ích. Sự nhắc đi nhắc lại nhiều lần giúp cho các em hình thành thói quen. Vì thế người ta gọi *thói quen lãn hành đi được nhắc lại như hãy giúp cho các em có thói quen mặc quần áo, tự rửa tay trước khi ăn cơm, vào nhà vệ sinh vào những giờ nhất định, cũng như có thói quen tắt những điều phiền muộn có hại*. Cũng có thể là tập cho các em thói quen lịch duyệt. Tất cả những hình thức đó đều rất có lợi và khi đã được chấp thuận thì không còn sợ các em phải lo lắng điều gì.

Hơn thế nữa quá trình nhắc đi nhắc lại còn làm hình thành những phẩm chất về đạo đức như ý chí và lòng kiên trì. Những nỗ lực để bò đi, leo trèo hay làm một cái thuyền cũng như chữa một chiếc khoá sẽ luyện cho các em tính bền bỉ. Nếu thất bại chúng sẽ làm lại và làm cho đến khi đạt kết quả. Tuy nhiên nếu bị thất bại nhiều lần sẽ làm cho các em nản lòng. Vì thế chúng ta cần giúp các em vượt qua mọi khó khăn trở ngại.

Qua những trò chơi chúng ta thấy thể hiện một cách rõ nhất *nguyên tắc gia nhập và nguyên tắc lặp đi lặp lại*. Ví dụ khi các em chơi trò chơi chạy trốn. Khi tham gia trò chơi này buộc các em phải tìm kiếm và lợi dụng những tình huống. Đó là sự gia nhập. Nhưng nếu các em chơi nhiều lần liên tục, các em sẽ trở thành thông thạo trong nghệ thuật để trốn và quan sát. Qua những sự trình bày trên chúng ta mới quan tâm đến hành vi. Nhưng sự nhắc đi nhắc lại còn giúp cho các em hiểu biết thêm nhiều điều. Với những người lớn mỗi khi nghe thấy điều gì mà chưa kịp lĩnh hội chúng ta thường nói với người đối thoại với mình

rằng bạn hãy vui lòng nhắc lại điều bạn nói. Đôi khi chúng ta đã hiểu người đó nói gì tuy không được đầy đủ lắm chúng ta cũng thường muốn được người đó nhắc lại.

Những bậc làm cha làm mẹ hiểu rất rõ là các em luôn muốn được nghe lại nhiều lần những truyện cổ tích. Mỗi một buổi tối sau khi ăn cơm các em thường muốn được nghe hết truyện cổ tích này đến truyện cổ tích khác mặc dù các em đã được nghe mẹ hay bà kể cho nghe một số lần. Vì vậy hãy chiều ý các em cho đến khi tự các em có thể kể lại một vài đoạn trong những truyện đó. Từ chối những đòi hỏi đó sẽ là một sai lầm. Vì nhắc đi nhắc lại là một cách để dạy các em tự vận dụng một vài chức năng nào đó và cũng là một thú vui được nghe lại để có thể hiểu được vấn đề một cách đầy đủ hơn. Các truyện cổ tích thường có ý nghĩa và có rất nhiều vấn đề nảy sinh trong tâm hồn trẻ thơ. Cứ được nghe đi nghe lại mỗi chiều tối các em còn thấy được những khó khăn cần vượt qua.

Hơn nữa trẻ nhỏ từ năm đến sáu tuổi đã bắt đầu có ý thức về sự độc lập của các em cũng như khả năng của chúng. Chúng muốn nghe nhiều lần để có được những ấn tượng qua truyện kể về những nhân vật nổi tiếng các loại, bởi vì lúc này các em cần có sự tự tin vào khả năng của chúng. Người ta thường tránh kể nhiều về những truyện thần tiên cho các em vì trong đó thường có nhiều tình tiết gây khiếp sợ cho các em. Điều đó có phần chính đáng vì có không ít em sau khi nghe kể, trong giấc ngủ thường có những cơn mê sảng. Tuy nhiên các em cũng vẫn thích thú vì tính tò mò và tính kinh dị của truyện kể. Với các em

việc nghe những truyện kinh dị được xem như là một cách để làm quen với những tình huống gay cấn đó mà thường xuyên xuất hiện trong trí tưởng tượng cũng như trong những giấc mơ khi ngủ, thậm chí cả trong cuộc sống hàng ngày. Nó có vai trò phù hợp với những ý tưởng ảo thuật phù thủy hay những hiểm nguy mà chúng yên chí rằng chẳng có chuyện gì đáng ngại cho sự an toàn của chúng vì chuyện thần tiên mà thôi. Từ đó chúng ta có thể kết luận được rằng *các quá trình nhắc đi nhắc lại thực sự là một nguyên tắc đồng thời là một phương pháp chính để cho các em có thể thích nghi một cách dễ dàng với cuộc sống.*

III. NHỮNG THỜI KỲ ĐẦU TIÊN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN

Như chúng ta đã bàn đến trong những phần trên, sự chín muồi là sự phát triển tiềm năng có sẵn bẩm sinh theo một trật tự đã định. Các em phải trải qua những chu kỳ tiến lên khác nhau mà chu kỳ sau khác hẳn chu kỳ trước. Các bậc cha mẹ rất cần nắm được những thời kỳ khác nhau đó vì nhiều lý do khác nhau.

Trước hết những bậc cha mẹ cần tạo ra cho các em những cơ hội tốt nhất cho sự phát triển trong từng thời kỳ khi chúng xuất hiện. Tất cả những sự hỗ trợ đó không ngoài mục đích giúp cho sự nảy nở tốt nhất nhân cách các em. Thời kỳ dễ tiếp thu của các em vào khoảng hai

tuổi rưỡi. Vào thời kỳ này các em tìm cách học làm người trưởng thành và cũng vô cùng quan trọng cho thời kỳ hình thành cá tính vào khoảng từ bốn đến bảy tuổi và bắt đầu thời kỳ tập xử sự theo tính cách riêng của mình. Thời kỳ hình thành băng nhóm là thời kỳ các em hoà nhập với các bạn khác giới cũng rất quan trọng và hữu ích đối với sự phát triển nơi các em vì không lâu nữa một cách tự nhiên các em rơi vào những mối tình với bạn khác giới.

Tiếp nữa chúng ta cần nắm được những chu kỳ lớn lên, không nên coi chu kỳ này như là cái gì không bình thường. Các nhà chuyên môn qua nhiều nghiên cứu đã khẳng định rằng trẻ em đến hai tuổi đã bắt đầu có ý chí và chúng ta không bao giờ được tìm cách triệt tiêu ý chí đó vì chúng ta thường cho rằng đó là dấu hiệu không bình thường. Hiện tượng đó là hoàn toàn tự nhiên và bình thường.

Hơn nữa chúng ta cần phân biệt những thời kỳ khác nhau trong sự phát triển để có thể phát hiện những gì là không bình thường khi chúng vừa mới xuất hiện. Ví như một em vào tuổi 13 tham gia vào một nhóm bạn bè là chuyện bình thường. Vào tuổi này mà các em lại gần bó với một bạn khác giới mới là không bình thường. Lý do có thể là em nhỏ này bị các bạn đối xử không tốt nên em tìm cách tránh xa nhưng lại ngả sang với một bạn khác giới là quá sớm. Để biết được hiện tượng nào là không bình thường thì chỉ còn một cách là so sánh với cái bình thường. Chúng ta cần nhớ rằng một em được phát triển bình thường trong thời kỳ này thì tự nhiên là em sẽ chuyển sang thời kỳ sau một

cách bình thường. Vì vậy không nên lo ngại gì như nhiều bậc cha mẹ lo lắng một cách không cần thiết.

Vào một tuổi thích hợp, thời kỳ cá nhân sẽ nhường chỗ cho thời kỳ xã hội hoá. Vào thời kỳ này, một cách bình thường nhân cách của em sẽ được nảy nở. Chúng ta cần nhớ rằng nếu chúng ta không tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển ở một giai đoạn nào đó thì tự nhiên chúng vẫn tìm cách để xuất hiện. Trong thời kỳ này thường xuất hiện một sự đối lập. Sự đối lập này tuy không triệt tiêu được sự phát triển nhưng rõ ràng là nó không đáp ứng được sự thoả mãn bình thường của sự phát triển. Ví như một em nhỏ không được sống trong một môi trường an toàn. Đến tuổi 16 em đó vẫn không rời xa mẹ mà đáng ra em đã qua thời kỳ phụ thuộc vào người khác. Người ta thường thấy nhiều em khi đã khôn lớn vẫn thể hiện những khuynh hướng của trẻ thơ là vì khi còn là trẻ em các em này không được khuyến khích thể hiện những khuynh hướng tự nhiên nơi con trẻ hoặc bị cấm đoán một cách vô lý mà đáng ra em phải được thể hiện một cách tự do. Khi đã trưởng thành các em này vẫn thường xuyên lo lắng vu vơ.

Hiện nay có khá nhiều những lý thuyết khác nhau với những giải thích khác nhau về những chu kỳ biến đổi trong quá trình phát triển nơi trẻ em. Ví như:

Lý thuyết về sự tổng quát (théorie de la récapitulation) là một lý thuyết khá hấp dẫn. Lý thuyết này cho rằng cá nhân phát triển giống như sự phát triển của giống nòi. Sự phát triển của cá nhân kéo theo sự phát triển của giống nòi. Họ khẳng định rằng mọi cá nhân đều phát

triển theo gia hệ của chính mình. Vì vậy trẻ em phát triển qua thời kỳ gia súc (animaux domestique) rồi đến thời kỳ trồng trọt (agriculture) tiếp đó là thời kỳ trao đổi (commercial).

Cách mô tả trên là hoàn toàn không có gì phù hợp với khoa tâm lý về trẻ em hiện đại. Về cơ bản chúng ta thấy rằng các thời kỳ phát triển của trẻ em đều là quá trình chín muồi của những tố chất vốn có, bẩm sinh nơi các em. Chúng ta nên nhớ rằng việc quy định về độ tuổi cho từng thời kỳ là tương đối. Với em này có thể sớm hơn nhưng với em khác lại có thể muộn hơn đôi chút. Nói chung thì tất cả những thời kỳ đó đều được diễn ra với mọi cá nhân. Nhưng cũng phải thừa nhận rằng các thời kỳ phát triển đó luôn chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố khác. Tính bất chước thường được phát triển rất mạnh ở trẻ em. Ví như một em gái độ mười, mười hai tuổi thường bắt chước chị nó bôi môi son má hồng và có thái độ làm dáng. Nhưng điều đó không phải do sự thúc đẩy của những yếu tố tình dục mà đơn giản chỉ để vui đùa với chị nó.

Sẽ là sai lầm nếu như chúng ta không nắm được những thời kỳ phát triển khác nhau nơi con em chúng ta. Vô tình chúng ta đã để cho quá trình phát triển tự nhiên đó trở nên rối loạn vì những việc làm thiếu hiểu biết của chúng ta.

Trên cơ sở những quan sát đã được tổng kết, các nhà chuyên môn khẳng định rằng nhân cách của các em được hình thành ngay từ ba năm đầu của cuộc đời các em. Từ sơ sinh đến hai tuổi đã xuất hiện những xung lực sinh học nguyên thủy cần thiết để duy trì sự tồn tại của các em như sự tò mò, sự hay gây sự, sự sợ hãi... Từ năm thứ ba đến

năm thứ tư nhằm cho việc tổ chức và tạo ra sự hài hoà giữa những xung lực khác nhau dưới sự kiểm soát của ý chí. Và cũng chính thời kỳ này là thời kỳ đặt ra nền móng của nhân cách.

Nếu như nhân cách của các em được hình thành một cách tốt đẹp nghĩa là mọi xung lực thể hiện một cách tốt nhất và đi theo hướng có ích thì các em sẽ có ý chí rất mạnh, vui vẻ và có những đức tính tốt. Nếu như trái lại nhân cách của các em không được hình thành vào những năm đầu, cá nhân sẽ trở thành bất lực trong việc đảm đương những trách nhiệm cũng như sẽ trở thành miếng mồi ngon cho những rối loạn về tinh thần. Do đó người ta kết luận rằng đa số những rối loạn về thần kinh đều có nguồn gốc từ những năm đầu của cuộc đời, từ ba đến bốn tuổi. Chúng ta biết rằng có rất nhiều sự kiện xảy ra như một chấn thương, một trận ốm hay tình duyên lỡ dở... làm cho cuộc khủng hoảng thêm trầm trọng. Kinh nghiệm cho thấy rằng những rối loạn đó là không đáng kể nếu như cá nhân đã được dự phòng tốt ngay từ những năm đầu của cuộc đời. Cũng như thế nếu nhân cách được tổ chức một cách bền vững trong những năm đầu này thì cá nhân có thể vượt qua không mấy khó khăn những trở ngại gặp phải trên đường đời. Các nhà chuyên môn đều đồng tình với Freud và cho rằng đa số những người rơi vào bệnh tâm thần đều có nguồn gốc từ thời thơ ấu làm cho người ta không thể vượt qua được những trở ngại hiện tại. Đó là những cú sốc không thể nào quên, hay một lúc nào đã quên việc xảy ra từ thời thơ ấu. Vì thế chúng ta không do dự gì mà không làm rõ từng chi tiết tại sao nhân cách của các em lại được hình thành trong ba, bốn

năm đầu của cuộc đời. Tất cả sức khoẻ, hạnh phúc và những thành đạt trong tương lai của các em đều phụ thuộc vào vấn đề quan trọng này.

Năm đầu tiên của cuộc đời được khắc hoạ bởi ba thời kỳ chính là sự phụ thuộc, sự kiểm soát những hoạt động về cơ thể và những thích thú tình dục hiểu theo nghĩa của tâm phân học như việc ngậm đầu vú mẹ.

1. SỰ PHỤ THUỘC

Một trẻ sơ sinh được vài ba tháng còn nằm trong nôi là hình ảnh về sự bất lực. Em hoàn toàn phụ thuộc vào người mẹ về tất cả mọi phương diện từ sự ăn uống, hơi ấm, sự che chở, sự an toàn. Tóm lại là nếu không có người mẹ thì chúng không thể sống được. Có thể nói một cách chắc chắn rằng tự nó nó chẳng thể làm gì được cái gì. Với chúng lúc này chỉ biết khóc khi cần ăn, khi nóng, khi lạnh cũng như khi gặp bất cứ một điều xấu nào. Trong những tháng đầu của cuộc đời các em sự xa cách người mẹ là điều không thể nào chịu nổi. Có thể nói được rằng việc em ra đời tự nó chẳng đem lại cho các em cái gì thoải mái. Tình trạng đó xảy ra trong thời kỳ mới lọt lòng mẹ thường dẫn đến những mê sảng có cảm tưởng như phải sống trong một đường hầm chật chội, như rơi vào một căn bệnh được gọi là bệnh bồn chồn lo lắng khi bị nhốt vào trong một nơi bịt kín (claustrophobie). Lúc này các em chỉ muốn được yên. Vì thế lúc này chúng bằng lòng nằm yên trong nôi hay trong vòng tay người mẹ. Đó là tất cả những điều mà những em này mong muốn. Chúng rất sợ sự thay đổi nơi nằm. Chúng chỉ mong được nghỉ ngơi. Chúng không thích đổi vị trí không có nghĩa là chúng không thích những gì lay động như đung đưa võng hay nôi hoặc trong

vòng tay người mẹ. Ở nhiều vùng trong nước ta nhiều người mẹ làm việc với đứa con nhỏ trên lưng được buộc chặt bằng một chiếc khăn. Với sự đung đưa nhẹ nhàng các em ngủ rất là ngon lành. Sở dĩ như vậy là do sự đung đưa làm cho em biết rằng có một ai đó bên cạnh và em đang được an toàn. Sự im lặng và sự bất động tuyệt đối ngấm nói với em là các em đang trong tình trạng cô đơn và bị bỏ rơi. Vì thế thông thường khi các em khóc chỉ cần đung đưa cái nôi hay người mẹ cất tiếng gọi là các em nín ngay. Vì thế sự phụ thuộc và bất lực nơi các em sơ sinh không phải là vấn đề khó chứng minh.

Trong tháng đầu mới sinh trẻ nhỏ ngủ đến 60 phần trăm thời gian và 40 phần trăm còn lại là nửa thức nửa ngủ. Trong tháng đầu tiên này các em sống gần như thời kỳ tiền sinh sản. Từ một năm các em chỉ ngủ và nửa thức nửa ngủ một nửa thời gian. Một phần tư thời gian các em lặng lẽ rên rỉ về thân phận nhỏ bé của mình. Lúc này là lúc cần tăng cường tiếp xúc ân cần vì sự phụ thuộc nơi các em khiến cho các em có nhu cầu này. Sự tiếp xúc mang lại cho các em cảm giác như được che chở và sự an toàn. Sự tiếp xúc này làm nảy sinh những khoái cảm tình dục. Những bà mẹ có kinh nghiệm thường ôm chặt các em vào lòng và giấc ngủ đến với em tương đối dễ dàng vì các em cảm thấy được an toàn.

Sự phụ thuộc của các em trong thời kỳ này còn được thể hiện ở khuynh hướng ôm lấy, vỗ lấy. Một trong những phản xạ đầu tiên là vươn hai cánh tay ra phía bên ngoài rồi nâng cao lên đầu để gây sự chú

ý của người nào đó. Một trẻ sơ sinh được ba tuần như con khỉ mới sinh có thể dùng hai cánh tay để ôm lấy mẹ chúng.

Sự bất lực ở trẻ sơ sinh còn được thể hiện ở những tiếng kêu khi gặp nguy hiểm như khi em bị ngã hay có tiếng động mạnh và cũng có thể khi bị tách xa mẹ. Chức năng của tiếng kêu này là gây sự chú ý của người mẹ để mẹ chúng giúp chúng ra khỏi tình cảnh đó. Khi thấy mẹ chúng bực tức chúng thường im lặng. Khi mẹ chúng hết giận và tỏ ra ân cần trở lại chúng cũng không thấy vui. Vì thế không nên coi thường sự im lặng này nơi các em vì đó là dấu hiệu của sự không hài lòng. Nhiều nhà tâm lý học nhận thấy rằng các em nhỏ có đặc trưng là vạ năng. Chúng muốn được thoả mãn tức thời. Những nhu cầu của chúng nếu không được đáp ứng kịp thời sẽ có vấn đề ngay. Không còn nghi ngờ gì nữa ở chúng luôn có ảo giác về tính vạ năng hay còn gọi là cảm giác về sự bất lực và về nhu cầu chứ không phải do ảo giác về toàn quyền quyết định.

Cảm giác về sự bất lực còn luôn được thể hiện trong tâm thần các bệnh nhân được sống lại thời thơ ấu qua thôi miên với những kỷ niệm không vui, với những trạng thái bất lực khi mới sinh. Trong quá trình bị tâm phân, người bệnh luôn về sự đồng nhất như trẻ sơ sinh luôn có cảm giác là nó và mẹ nó chỉ là một. Em chỉ làm một phần không thể thiếu được của mẹ chúng. Nếu bị tách khỏi mẹ, các em cảm thấy như bị thiếu hụt như người ta lấy đi một phần cơ thể của chúng. Tình cảm về sự đồng nhất với người mẹ được thấy trong những bí nhiệm tôn giáo sau này, trong những bữa cơm lễ hội ở những bộ tộc nguyên thủy, hay

như việc uống chung cốc thể hiện tình bằng hữu. Tất cả những điều nói trên tuy còn sơ lược nhưng cũng đủ chứng minh về sự phụ thuộc của các em trong năm đầu của đời mình.

Cảm giác về sự phụ thuộc nhằm che chở cho em nhỏ được an toàn không mất đi và được chuyển sang một hình thức cao hơn và được xem như là một sự phát triển về sự phụ thuộc. Đó là sự phụ thuộc về thân thể. Sự phụ thuộc này xuất hiện vào độ tuổi một năm rưỡi được gọi là sự dễ dẫn dụ hay là sự dễ bảo (suggestibilité) và được coi như là một sự phụ thuộc về tinh thần. Trẻ em điều hoà tính tình sao cho phù hợp với xung quanh. Sau một thời kỳ gián đoạn từ bốn đến bảy tuổi (thời kỳ cá nhân hoá) đến tám, mười hai tuổi sự phụ thuộc này mang hình thức tình bạn. Tiếp theo là tuổi dậy thì xuất hiện hình thức phụ thuộc mang tính xã hội. Đó là tinh thần đồng đội trong sự hoà nhập với bạn bè dưới sự điều khiển của một người đứng đầu. Vào tuổi thiếu niên từ 16 đến 18 tuổi sự phụ thuộc này chính là tình yêu đôi lứa. Tình yêu ban đầu có thể là một vị anh hùng nào đó. Sau đó là những người mà các em yêu rồi đến một lý tưởng xã hội như lòng yêu nước, nghệ thuật hay tôn giáo. Và cũng có thể là một chân lý một khoa học hay một triết lý. Tất cả những sự gắn bó này thường là tình cảm cá nhân đối với một nhân vật mà các em có thể hy sinh cả cuộc đời mình như những chiến sĩ yêu nước, như một nhà thông thái hay như một tín đồ tôn giáo.

Sau nữa trong tuổi trưởng thành sự phụ thuộc này mang nhiều nội dung xã hội mà người ta gọi là thời kỳ trung gian của sự phụ thuộc (interdépendance) hay là sự phụ thuộc trung gian cũng được.

Nhiều em một cách tự nhiên và thông thường phụ thuộc rất nhiều vào người khác, vào các em khác. Những em này có khuynh hướng luôn phải dựa vào người khác kể cả những em vốn có tính độc lập để tự quyết định lấy mọi việc. Các nhà chuyên môn cho rằng các em thiếu tính độc lập đã hành động như những loài ăn cỏ, để đảm bảo mạng sống chúng phải chạy trốn. Với các em đã có tính độc lập nhưng vẫn thích phụ thuộc, hành động như các loài ăn thịt. Chúng tìm cách tấn công để săn mồi. Các em thuộc loại thứ nhất là các em vốn có tính phụ thuộc nhút nhát, thường lùi bước khi gặp khó khăn. Với các em này chúng ta không nên đẩy các em vào những trách nhiệm nặng nề vì em ít có khả năng hoàn thành tốt. Nhưng chúng có thể là người giúp việc, là người cộng sự tận tâm đáng tin cậy. Các nhà chuyên môn gọi đây là một sự cộng hưởng trong tính cách.

Có những em có những tính cách phụ thuộc đặc biệt, phụ thuộc một cách nặng nề và các em sẽ trở thành những con người dễ chịu ảnh hưởng. Các em này thường là những em quen được nuông chiều, được một sự che chở đặc biệt, được hưởng nhiều sự khoan dung do các bậc cha mẹ đã phạm những sai lầm là muốn làm tất cả thay con cái mà không để cho chúng có cơ hội để tự xoay xử lấy. Kết quả là làm cho các em mang tính khí phụ thuộc nặng. Tuy nhiên cũng có trường hợp ngoại lệ. Đó là trường hợp của những em không được hưởng một sự phụ thuộc, không được hưởng một sự che chở đầy đủ. Trong trường hợp này hoặc là các em bám chặt cha mẹ từng bước hoặc là các em rơi

vào một cuộc rối loạn thần kinh và các em này sẽ trở thành những con người có tính cách phụ thuộc đặc biệt quá đáng.

Nói đến chứng bệnh thần kinh của trẻ em, các nhà tâm lý học cho rằng tính đặc thù của loại bệnh này là bệnh bồn chồn xao xuyến, lo âu mà người ta thường gọi là bệnh trầm uất được bắt nguồn từ khi còn rất nhỏ. Với các nhà tâm phân học là bệnh hay hốt hoảng. Người ta gọi là bệnh hay hốt hoảng ở trẻ em (phobie infantine).

Sự bồn chồn lo âu vì sự xa cách có thể được thể hiện như là một sự sợ hãi như khi phải xa nhà để đi du lịch hay đi học xa.

Điều đó chứng tỏ là các em luôn khao khát được bám áo mẹ. Có những người mang một chứng bệnh là luôn sợ những không gian rộng lớn. Họ luôn sợ mất sự tiếp xúc với người khác.

Dù cho nguyên nhân là từ phía nào, những em cần một sự phụ thuộc lớn có nguy cơ phải luôn ở bên mẹ chúng và từ chối mọi sự khôn lớn. Rất có thể các em này trở thành một người luôn sợ ma với tình hoang tưởng khó hiểu mà các thầy thuốc tâm thần luôn gặp ở nhiều người bệnh. Nói chung là bệnh này bắt nguồn từ khi mới sinh. Với loại bệnh này người ta phải quay lại thời thơ ấu để tìm cho ra nguồn gốc cụ thể gây ra bệnh. Đó là những sự kiện, những kinh nghiệm đã trải qua trong thời thơ ấu nhưng đã đi vào vô thức mà người ta không có khả năng nhớ lại được nhưng nó lại là những bản sao của những rối loạn hiện tại. Nhờ sự giúp đỡ của những nhà tâm phân mà người bệnh có thể hồi tưởng lại để có thể chữa lành bệnh.

Để tránh rơi vào các bệnh thần kinh các loại theo các nhà tâm lý học nhất thiết phải thường xuyên tiến hành vệ sinh tinh thần. Việc làm vệ sinh tinh thần (hygiène mentale) trong từng thời kỳ nhằm tạo ra những điều kiện tốt nhất để cho những tính cách được thể hiện phù hợp với sự phát triển bình thường của trẻ em. Điều đó có nghĩa là phải thoả mãn một cách tối đa, hợp lý tình cảm phụ thuộc của các em để bảo đảm sự an toàn. Đồng thời để cho các em được lớn lên một cách tự nhiên tránh mọi chứng bệnh thần kinh.

Điều đó là vô cùng quan trọng trong hai năm đầu của cuộc đời các em. Làm thế nào để cho các em luôn cảm thấy được che chở một cách an toàn nhất chống lại mọi cú sốc. Tuy nhiên người ta cũng khó tránh, như khi các em bị ốm thì người ta phải quan tâm đặc biệt đến các em. Cần nhớ rằng một sự sinh nở khó hay một trận ốm nặng luôn kéo theo những cảm giác đau khổ đều có thể làm nảy sinh tình cảm không an toàn, có thể kéo dài suốt đời dù cho cha mẹ vẫn rất quan tâm đến các em.

Năm đầu tiên của các em cũng là thời kỳ tập luyện cơ bắp và sự kiểm soát cơ thể. Các em thường động đậy chân tay, ngẩng đầu và dướn người. Những cử động đó không nhằm một mục đích gì và cũng không mang lại một kết quả cụ thể nào. Nhưng những động tác đó sẽ làm cho các cơ bắp được rèn luyện. Vào thời kỳ năm thứ hai người ta nhận thấy trẻ em tự di chuyển để quan sát thế giới bao la bao quanh mà các em sống. Một đặc trưng nổi bật là những động tác đó được thực hiện nối tiếp nhau trong một trật tự đã định từ đầu đến chân. Từ trong

tầm nhìn của các em mà những động tác tương ứng được thực hiện. Các em tròn mắt nhìn thế giới một cách đầy kinh ngạc xung quanh chúng. Đôi khi chúng ta thấy các em nhíu mày động đậy cơ bắp để phân biệt những gì bên ngoài bao quanh em. Khi ăn chúng dán mắt trìu mến vào khuôn mặt người mẹ. Đến một lúc nào đó không xa các em sẽ không nhìn những sự vật một cách dửng dưng mà là cái nhìn chăm chú vào sự vật.

Vào khoảng mười sáu tuần các em hoàn toàn có khả năng hướng cái nhìn của em để theo dõi mọi cử chỉ của người mẹ hoặc quan sát những em khác chơi đùa nhưng chưa có ý định tham gia. Vào thời gian này các em đã có thể cười và nhíu lông mày để đáp lại cái cười trìu mến của mẹ chúng. Và đó là cách để chúng bắt đầu những cuộc tiếp xúc đầu tiên với xã hội. Để tìm hiểu thế giới, các em còn dùng miệng để phân biệt sự vật. Chúng thích những vật mềm và từ chối những vật cứng như ngón tay người cha không được sạch cho lắm. Sau mắt và miệng chúng sử dụng đến bàn tay và cánh tay, ban đầu là ngẫu nhiên. Sau đó các em tìm cách phối hợp động tác của mắt, cánh tay và bàn tay. Mỗi khi nhìn thấy một vật nào đó chúng dùng tay để nắm lấy. Cũng vào thời gian này các em tập luyện hai lá phổi cũng như những dây thanh quản để cười, để bi bô coi như là cuộc dạo đầu cho chức năng ngôn ngữ.

Khi những cơ bắp đã khoẻ hơn các em bắt đầu tập ngồi, bắt đầu phải dựa vào gối nhưng đến bốn mươi tuần chúng có thể tự ngồi được. Vào thời gian này cặp đùi của các em cũng bắt đầu hoạt động. Lúc đầu

chỉ đơn giản là những phản xạ sinh ra từ sự giải toả giây thần kinh. Nhưng sau đó dần dần như những động tác của cánh tay để thể hiện những cảm xúc như bị kích thích hay do cơn giận dữ và cuối cùng là những động tác có chủ định.

Vào khoảng bốn mươi tuần các em có thể bò và di chuyển bằng cả chân và tay. Các em có thể lê những bước đi đầu tiên vào khoảng năm mươi hai tuần. Các em có thể đứng một mình vào khoảng mười năm tháng và đi một mình vào khoảng mười tám tháng. Tiếp theo tùy độ chín muồi của những hoạt động kế tiếp sẽ xuất hiện theo một trật tự vốn có đã được xác lập.

Cũng vào thời gian này các em có thể có sự kiểm soát những cơ bắp nội tạng chỉ huy ruột và bàng quang cùng với sự phát triển tương ứng của hệ thần kinh. Dần dần các em có thể kiểm soát được bắp cơ vòng và từ đó có thể kiểm soát được việc đi tiểu và đại tiện. Nếu không các bậc cha mẹ có trách mắng đến đâu cũng chỉ là vô ích. Việc kiểm soát này cũng còn phụ thuộc ít nhiều vào độ tuổi. Một phần ba có thể kiểm soát được vào lúc mười tám tháng, ba phần tư có thể vào lúc được hai năm và nói chung với tất cả các em vào đúng ba tuổi. Các nhà chuyên môn khuyên chúng ta là không nên băn khoăn gì nhiều vì mọi cái đều diễn ra vào đúng thời điểm của nó, chúng ta chỉ có thể tiến hành giáo dục vào đúng thời điểm đó và không phải vào năm đầu tiên của cuộc đời các em.

Ý nghĩa sinh học của tất cả những chức năng đó là vô cùng quan trọng. Chức năng của chúng là rèn luyện cho cơ bắp để chuẩn bị cho

tương lai. Đồng thời nó chứng minh cho nguyên tắc về sự nhắc đi nhắc lại và nguyên tắc về sự xuất hiện sớm, xuất hiện trước. Trước khi có thể sử dụng một cách chủ động những cánh tay, những cẳng chân cũng như những bộ phận còn lại. Các em phải tập luyện để có thể sẵn sàng sử dụng vào lúc có thể.

2. NGUYÊN TẮC VỀ SỰ THÍCH THÚ

Khi những sự bùng nổ tự phát những năng lượng thần kinh trong một chừng mực nào đó đã được kiểm soát, đã được thiết lập kết quả thì việc kiểm soát chủ động giúp cho các em bắt đầu vui thích. Nó thức tỉnh việc khám phá và chứng minh những khả năng của các em. Các em sẽ mạnh dạn chạy xa mẹ chúng trong một chừng mực nào đó. Điều đó có nghĩa là các em đã thích nghi dần dần với cuộc sống. Đó là thời kỳ phát triển của cá nhân và cũng là thời kỳ phát triển những năng lực trong một môi trường được đảm bảo an toàn.

Vấn đề vệ sinh tinh thần trong thời kỳ này cũng khá đơn giản, chỉ cần cung cấp cho các em những điều kiện tốt nhất có thể để các em tập luyện một cách tự do trong những hoạt động về thể chất.

Cần chú ý là có một cái hại chung trong thời kỳ được gọi là thời kỳ nghịch ngợm, sờ mó (phase manipulation) là nếu như người ta không cung cấp cho các em những đồ chơi thì các em sẽ nghịch ngợm, sờ mó những bộ phận trong cơ thể. Các nhà tâm thần học đã lưu ý chúng ta rằng việc nghịch ngợm, sờ mó những bộ phận bài tiết sẽ dẫn đến cái mà người ta gọi là sự thủ dâm trẻ thơ mang tính vô thức. Tuy nhiên theo những nhà chuyên môn thì tình trạng này có thể chữa trị khá dễ

dàng bằng cách gây sự chú ý của các em vào những đồ chơi hay những đồ vật khác mà em yêu thích. Nếu giải pháp này thực hiện đúng lúc các em đang thấy hứng thú nhất với việc thủ dâm thì sẽ khó có hiệu quả. Bởi vì sự thủ dâm đã đem đến cho các em một thói quen chìm đắm trong sự u mê tình dục và làm nản lòng những khuynh hướng tự nhiên trong hoạt động. Chúng ta cần nhớ rằng nguyên tắc về sự thoả mãn được đem lại nhờ nguyên tắc thực tế.

Những hoạt động về cơ thể và những chức năng thể chất mà chúng ta vừa nói ở trên luôn kéo theo những thích thú xác thịt mà các nhà chuyên môn gọi là những thích thú tình dục. Cái mà gọi là những thích thú tình dục này được hiểu theo một nghĩa rất rộng như khi bú, khi cử động chân tay, nói bi bô, đi tiểu và đại tiện. Tất cả những hành động này đều mang lại cho các em những thích thú. Và cũng không có gì là hiếm ngay cả khi các em đi bậy với một nụ cười rạng rỡ và tự nhiên. Với tất cả những gì quan sát được chúng ta có thể gọi đó là chức năng sinh học của sự thích thú, của sự thoả mãn. Sự thích thú này cổ vũ và tôn vinh những chức năng sinh lý.

Chúng ta cần nhớ rằng nguyên tắc về sự thích thú, về sự thoả mãn là từ những nguyên tắc thực tế. Vì thế bú mang lại cho các em một sự thích thú dễ chịu rồi chính sự thích thú này lại cổ vũ các em bú. Nếu các em tỏ ra khó chịu và điều đó cũng thường xảy ra như khi bị tắc sữa hoặc khi các em không cảm thấy ngon miệng sẽ làm các em chán nản và sẽ không bú tiếp nữa. Đó chỉ là một thứ phản xạ sinh học rất tự nhiên. Nhiều bà mẹ không hiểu điều này cứ tiếp tục ấn đầu vú vào

miệng các em mà cũng không làm cho các em tiếp tục bú vì sự mát ngon lành làm cho các em không còn hứng thú bú nữa. Hậu quả là đã làm cho các em không còn chút tin tưởng nào ở mẹ chúng và sự thiếu tin tưởng này khiến các em không còn hứng thú để bú sau này. Sự trình bày trên được các nhà chuyên môn gọi là “lý thuyết sinh học về sự thích thú” không có gì giống với quan niệm cũng như thói quen của nhiều bậc cha mẹ và sẽ làm cho các em mất cảm giác thích thú trong nhiều trường hợp khác. Nhiều khi các em còn bị phạt mỗi lần được hưởng sự thích thú nào đó. Khi lớn lên các em sẽ sống trong tình trạng thích thú là đồng nghĩa với kỷ luật, với những cái chẳng thích thú gì. Một số đã đi đến kết luận rằng tất cả những hoạt động mang lại sự thích thú đều bị mắng mỏ, chỉ có những hoạt động bị mắng mỏ mới là dễ chịu. Từ đó các em làm những điều xấu chỉ đơn giản vì nó là xấu. Các nhà chuyên môn lưu ý chúng ta rằng đã có những em nổi loạn vào thời kỳ này và tuyên bố “em muốn làm những gì em muốn cũng như em muốn làm tất cả những gì em không thích”

Lý thuyết sinh học về những thích thú hoàn toàn không có gì giống với sự phóng túng. Vì sự phóng túng đã coi sự thích thú như là cái duy nhất mang lại cho con người sự thoả mãn và là mục đích chính của cuộc đời. Chúng ta cần nhớ rằng nhiệm vụ của sự thích thú trong tự nhiên là khích lệ những hoạt động mà nó tham gia chứ không thể thay thế những hoạt động.

Những đặc tính của sự thích thú sinh học hay còn gọi là sự thích thú cơ thể hay xác thịt (sensuel) này được một số nhà chuyên môn không

đồng nhất với khái niệm tình dục (sexualité). Nhưng về thực chất nó lại là một vì cũng là hành vi bú thì người này gọi là thích thú xác thịt nhưng lại tác động đến tinh thần nên gọi là tình dục. Nói cho cùng thì không có loại thích thú xác thịt nào lại không tác động đến tinh thần.

Chúng ta biết rằng sự thích thú này ở trẻ em và ở người lớn nói chung đều mang lại một sự vui sướng như một sự vui sướng trong thành công.

Một cách chung nhất thì trẻ em sung sướng là trẻ em lành mạnh cả về cơ thể và tinh thần. Còn trẻ em đau khổ là trẻ em luôn trong tình trạng không được thoả mãn và khiếm khuyết có khuynh hướng luôn cáu giận. Còn hạnh phúc mang lại hiệu quả vì nó mang lại cho con trẻ nhiều lợi ích và sự khích lệ trong mọi hoạt động. Vì thế người ta có thể nói một cách trung nhất là đứa trẻ sung sướng là một đứa trẻ lành mạnh và ngoan vì em được thoả mãn.

Những người không đồng nhất sự thích thú xác thịt (sesuel) với tình dục (sexuel) cũng phải thừa nhận rằng sự thích thú xác thịt này sẽ phát triển thành thích thú tình dục vào tuổi trưởng thành. Thực ra đó chỉ là một. Chúng chỉ khác nhau với trẻ em là tình dục trẻ em, là tình dục chưa phát triển là tình dục tiền sinh dục còn với những người trưởng thành là tình dục đã trưởng thành. Nghĩa là nó thể hiện dưới hai hình thức sau đây: những nụ hôn hay sự vuốt ve và sự giao hợp, mà đặc trưng chủ yếu là sự giao hợp, vì trẻ em cũng có và cũng thích những nụ hôn và sự vuốt ve. Vì thế chúng ta không nên kích thích các em vuốt ve ngực người mẹ cũng như sau này chúng thích sờ nắn vuốt

những cơ quan sinh dục nơi trẻ em, nếu không sẽ làm cho trẻ em thích thủ dâm khi không được người khác vuốt ve nghĩa là tự các em vuốt ve những bộ phận sinh dục của chính mình. Đương nhiên điều đó là không tốt vì nó có thể dẫn đến những khủng hoảng về tinh thần và có thể rơi vào các chứng bệnh tâm thần các loại. Về lâu về dài sự thủ dâm sẽ dẫn đến những hậu quả tai hại không chỉ về sinh lý mà còn về tâm lý. Các em sẽ trở thành những con người bất lực và rất trở ngại cho cuộc sống vợ chồng sau này.

Các nhà chuyên môn đều nhất trí rằng chứng thủ dâm nơi con trẻ thường bắt nguồn từ sự ngăn cấm tùy tiện của người lớn vì thế có thể có hai nguồn gốc.

Những nguồn gốc bên ngoài như khi các bậc cha mẹ thấy các em có thích thú khi đặt bàn tay vào giữa hai đùi và đung đưa thì đánh mắng các em mà không biết rằng đó là một loại hoạt động tình dục điển hình rất phổ biến và tự nhiên vào lứa tuổi các em. Thái độ của cha mẹ nói trên làm cho các em có mặc cảm như một kẻ phạm tội. Từ đó chúng len lút thực hiện những động tác đó khi không có mặt người lớn. Sự mặc cảm tội lỗi còn dẫn đến bệnh thần kinh trầm uất luôn bồn chồn lo lắng bất an và thường diễn ra vào tuổi thiếu niên vì mặc cảm tội lỗi đã chặn đứng con đường phát triển bình thường về tâm sinh lý nơi các em. Thậm chí còn dẫn đến cái mà người ta gọi là sự tha hoá về tình dục vì nó làm cho những xung lực tình dục hướng vào những đối tượng không bình thường như bệnh bạo dâm chẳng hạn.

Sự dồn nén vô lý cũng có nguyên nhân nội tại ngay cả khi các em chưa hề bị quả mẫn vì nếu cứ tiếp tục thủ dâm kéo dài tự nó sẽ làm cho các em khiếp sợ và cuối cùng có thể rơi vào bệnh tâm thần mà các thầy thuốc luôn gặp phải trong những khách hàng của họ.

Nguyên nhân khá phổ biến dẫn đến thói thủ dâm ở các em là thiếu tình thương. Để tự an ủi các em tìm cách tự thoả mãn bằng sự thủ dâm. Chúng ta luôn ghi nhận rằng tình thương của người mẹ vừa là tình mẫu tử lại cũng mang nội dung tình dục. Vì thiếu tình thương này nên các em tìm cách tự đáp ứng.

Chúng ta nên nhớ rằng thông thường hậu quả của việc thủ dâm là khá nặng nề nếu nhiều em thấy không cần đến mẹ chúng vì các em đã có cách riêng để thoả mãn cả tình mẫu tử và tình dục mà cũng chẳng sao. Các nhà chuyên môn đều *quả quyết rằng tất cả hay hầu hết những trường hợp có nhu cầu tình dục thái quá ở những em thiếu niên đều bắt nguồn từ sự thiếu tình thương và sự dồn nén tình yêu được che chở.*

Điều quan trọng để cho các em có một đời sống tinh thần lành mạnh là hãy để cho các em được thoả mãn một cách tự nhiên những thích thú của các chức năng sinh học và cơ thể. Tuy nhiên cũng cần có một sự theo dõi sao cho những thoả mãn đó chỉ trong phạm vi chức năng yêu cầu, tránh những sự thái quá cũng như những sự kích thích có tính cách tình dục. Khi sự việc đã đi quá xa thì sự trừng phạt cũng như mọi răn đe đều trở nên vô ích. Lời khuyên của những nhà chuyên môn là dồn nén, ngăn cấm còn nguy hiểm hơn cứ để cho các em tự thực hiện như đã trình bày ở trên.

Những bà mẹ thông minh và bình thường yêu quý thực sự con em mình thường rất dễ dàng vượt qua hầu hết những khó khăn trên. Sở dĩ như vậy là vì các em rất yêu bà ta và cũng được bà yêu nên chúng không có nhu cầu đi tìm những thích thú khác. Trái lại, chúng sẽ phải tự tìm những thích thú khác để thay thế. Khi trường hợp đã trở nên nan giải thì chỉ còn cách là nhờ sự giúp đỡ của các nhà chuyên môn mà kết quả không phải lúc nào cũng đạt được sự mong muốn.

3. TÍNH THÍCH THÚ ĐƯỢC CHÚ Ý

Đặc điểm của năm đầu tiên của cuộc đời các em mà chúng ta vừa bàn đến ở trên đều tập trung vào chính bản thân các em. Đó chính là sự che chở và sự an toàn mà chúng ta thấy trong tính phụ thuộc vào người mẹ. Những sự thích thú xác thịt hay cơ thể cũng như những sự tập luyện những chức năng thể chất đều là những đặc điểm của thời kỳ này.

Sang năm thứ hai là thời kỳ chuẩn bị vào đời và các em quan tâm đến những người khác và những sự kiện. Những thoả mãn khác với khi mới sinh, người ta để cho các em được yên nay các em bắt đầu quan tâm đến sự chú ý và tìm cách được chú ý. Tất cả đều được chuyển hướng ra bên ngoài và được thực hiện bằng sự tò mò và bản năng khám phá. Thời kỳ này các em không thích nghỉ ngơi. Các em quấn lấy mẹ chúng và bắt chước từng ly từng tí và đây là những thời kỳ khác nhau của giai đoạn này.

Sự quan sát của những nhà chuyên môn cũng như của các bậc cha mẹ đều thừa nhận rằng trẻ em trong năm đầu thích bản thân chúng được mọi người chú ý đến và sẽ ghen tức khi có người khác xuất hiện kể cả sự xuất hiện của những con vật nuôi trong nhà như con chó, con mèo. Gesell một nhà tâm lý học đã khẳng định “đứa trẻ một năm tuổi bao giờ cũng là trung tâm của một nhóm nào đó. Các em thường có những cử chỉ hay những hành vi gây ra tiếng cười trong nhóm. Các em thấy thích thú hơn cả những người xung quanh”. Hiện tượng đó chứng minh *một bước chuyển tiếp từ sự an toàn trong năm đầu và sự khám phá trong năm thứ hai*. Nếu như trước kia trong năm thứ nhất các em còn rất nhỏ nên mẹ chúng luôn phải ở bên cạnh các em, chăm sóc từng ly từng tý. Sang năm thứ hai mẹ chúng có thể để chúng trên chiếc xe đẩy để tranh thủ đi làm những công việc khác. Các em phải ngồi trong xe đẩy một mình. Vì thế các em cảm thấy không còn mọi người bao quanh, cái dây liên hệ trước kia đã không còn nên các em tìm mọi cách làm cho mọi người phải chú ý đến mình để đảm bảo cho sự an toàn của các em.

Cũng như tất cả những khuynh hướng khác, cái sở thích được mọi người chú ý cũng phát triển, sự thái quá, sự hư hỏng và cũng có thể mang những hình thức bệnh hoạn.

Chức năng chính của thời kỳ này là tiếp tục bảo đảm sự an toàn thì có thể coi chức năng thứ hai là phát triển những tiếp xúc xã hội. Bởi vì trong nỗ lực làm cho người khác chú ý đến mình, các em bắt đầu có ý thức phân biệt những gì các em thích và những gì các em không thích.

Các em rèn luyện để có thể chấp thuận cái này và không chấp thuận cái kia. Cũng vì thế người ta đã tìm thấy cái nguồn gốc sâu xa, cái yếu tố xã hội nơi các em.

Tiếp sau, cái thích thú được chú ý được thể hiện với những hình thức cơ bản hơn. Một em gái độ bốn hay năm tuổi rất mong được mọi người thấy em xinh đẹp khi ngắm nghía cái áo đẹp của em. Một em trai khác cùng độ tuổi trên lại thích sự khám phá và thường nói “hãy nhìn xem em làm này”. Trong tuổi trưởng thành, những thích thú ban đầu trở thành những thích thú được lên trình diễn, được nói chuyện trước đám đông, được vẽ, được viết, được dạy học, v.v... và từ đó trở thành những con người xuất chúng từ những ước mơ bình thường. Sự khác người là một cái gì đó vô cùng hấp dẫn và người ta phải trả một giá quá đắt để được thoả mãn.

Những sự mong muốn nói trên là rất tự nhiên và thường hơi thái quá đối với những bậc cha mẹ sẵn sàng bỏ thời gian ra để “đánh bóng” cho con cái họ. Các bậc cha mẹ nên nhận thấy cái giá trị đích thực của con em mình để từ đó có cách giáo dục phù hợp với những gì mà con họ có. Nếu không sẽ là bất hạnh với những em không đủ sức để chiếm lĩnh những đỉnh cao như mong muốn của cha mẹ thì chúng sẽ trở thành những đứa trẻ không vâng lời. Cuối cùng, những em này phải sống chuỗi thời gian còn lại với mặc cảm về thân phận mình chỉ vì cha mẹ chúng đã mong muốn những điều mà chúng không thể đáp ứng được. Mặc cảm này làm chúng luôn không hài lòng và từ chối mọi sự hợp tác.

Những hình thức thái quá thường không có ảnh hưởng gì quá lớn đối với những em có tâm hồn lành mạnh và nó sẽ qua đi khá nhanh. Các em chỉ mong muốn mọi chuyện được diễn ra một cách hợp lý để cho cá nhân các em có thể hoàn thành tốt. Nhiều em đã từng thốt lên rằng “em rất thích mọi người nhìn ngắm chính em chứ không phải những mái tóc đen bóng của em”. Thông thường thì các em này cũng nhận ra vấn đề. Nếu không thì các bạn cùng lớp cũng sẽ làm cho em nhận ra. Vì vậy khuyến khích những khuynh hướng kiêu căng sẽ không thể nào tránh được những đau buồn và người ta lại phải tìm cách xóa bỏ những ý tưởng không lành mạnh mà cha mẹ chúng đã nhồi nhét vào đầu chúng. Việc giúp các em từ bỏ những hư ảo là một việc làm khó khăn nhưng lại thật là cần thiết.

Thông thường những em thích được phô trương và đã thực sự trở thành một con người huyênh hoang thì luôn thích ở hàng đầu. Chúng luôn cảm thấy như bị bỏ rơi mất thiện cảm và sự quan tâm của mọi người. Khi đó chúng sẽ tìm cách tự gây sự chú ý với chính mình không ngoài mục đích là bảo đảm sự an toàn của riêng mình. Và là sự thể hiện của chúng bần chồn lo âu xao xuyến của những em đã trở thành một kẻ thích phô trương thực sự. Không thiếu gì em đã trở thành những đứa trẻ ngu dốt và ngày càng lún sâu vào một cuộc sống không an toàn. Nếu không thì cũng trở thành những đứa trẻ nhút nhát hay cáu bẳn gây khó chịu cho mọi người.

Nguy hiểm hơn khi xuất hiện đâu đó cái mà các nhà chuyên môn gọi là “sự thái quá vụ lợi”. Ví dụ một bà mẹ luôn băn khoăn về sự ăn

tiêu của cô con gái cưng. Khi em thấy các bạn mặc những bộ quần áo đẹp đắt tiền em cũng mơ ước có những bộ quần áo sang trọng với bất cứ giá nào. Sự thích thú được mọi người chú ý này đã trở thành một sự đòi hỏi. Đến một lúc nào đó khi các em này thấy không còn cách nào khác để gây sự chú ý ở những người xung quanh thì chúng không thể chịu nổi, đi đến chỗ đánh đập em chúng và nhiều chuyện tồi tệ khác ngay trước mặt người mẹ.

Sự tồi tệ đặc trưng nhất và nguy hiểm nhất lại là sự thích trình diễn tình dục (exhibitionnisme sexuel). Các em cảm thấy bị bỏ rơi, không được mọi người yêu mến lại hay tìm cách gây sự chú ý của mọi người bằng mọi cách kể cả việc lấy làm thích thú cũng rất tự nhiên được nhìn ngắm cũng như cho người khác nhìn ngắm cơ quan sinh dục của mình. Nếu như người lớn tìm cách trừng phạt hay cấm đoán khuynh hướng thích trình diễn ngây thơ trẻ con này thì có nguy cơ làm cho hiện tượng này tái xuất hiện sau này dưới một hình thức đòi hỏi. Với những người trưởng thành thì không hiếm những người chỉ thích ngắm nhìn thay cho sự giao hợp. Tâm phân học đã cực lực phê phán hiện tượng này mà gọi với cái tên là tình dục sa đoạ. Rất tiếc là đâu đó người ta gán cho hiện tượng này cái tên thật mỹ miều, là nghệ thuật. Vì thế cách tốt nhất để ngăn ngừa là các bậc cha mẹ đừng có gây cho các em một tâm lý tai hại là thích phô trương, thích được mọi người chú ý. Mỗi khi sự việc xảy ra rồi thì sẽ không dễ gì khắc phục được.

Theo những nhà chuyên môn thì việc làm vệ sinh tinh thần cho các em trong thời kỳ này cũng không có gì phức tạp cho lắm. Điều quan

trọng là chúng ta nên coi đó là một hiện tượng tự nhiên cũng như những khuynh hướng khác nơi các em và có thể cho phép các em tự thể hiện nhưng được định hướng vào những hình thức lành mạnh có thể chấp nhận được. Sẽ là bình thường với các em gái được ăn mặc chải chuốt. Các em rất cần được khen thưởng hay được cổ vũ khi các em có những thành tích chính đáng trong học tập hay trong sinh hoạt.

Các bậc cha mẹ cần phải dè dặt khi đánh thức tính kiêu ngạo nơi các em bằng cách phê bình thường xuyên để tránh những điều cần tránh. Thông thường các em rất thích được quan tâm săn sóc. Nhưng đừng làm cho các em cảm thấy em được mọi người quan tâm hơn các em khác. Nên tránh đừng làm cho các em có cảm giác là người xa lạ, đôi khi trở thành đối lập với xã hội. Trẻ em kiêu ngạo, tự phụ rất khác với những người thích trình diễn nhưng phải giúp đỡ các em ngay từ khi còn nhỏ nếu không sớm muộn các em cũng trở thành những con người thích trình diễn ở những mức độ khác nhau.

Ngay từ những ngày đầu, trẻ sơ sinh đã thấy cái lợi ích của thế giới bên ngoài. Trong những tuần lễ đầu tiên các em đã có cái nhìn chăm chú vào một vật nào đó xung quanh em và thông thường là vào mặt người mẹ. Vào mười sáu tuần các em đưa mắt theo dõi sự di chuyển của sự vật mỗi khi người ta mang đi nơi khác. Muộn một chút các em tìm cách thu lượm những vật thể và nhìn ngắm xem xét. Vào hai mươi tám tuần chúng đưa những vật đó lên miệng. Theo những nhà chuyên môn thì không còn nghi ngờ gì nữa đó là cách lựa chọn mà tự nhiên khuyến khích để tìm thức ăn một cách tự phát. Nhưng đồng thời cũng

là cách giúp các trẻ sơ sinh tìm hiểu sự vật xung quanh. Vào khoảng một năm tuổi việc tìm hiểu thế giới bên ngoài của các em là hoàn toàn thụ động. Thế giới bên ngoài đã thu hút các em.

4. TÍNH TÒ MÒ, SỰ KHÁM PHÁ VÀ SỰ BẮT CHƯỚC

Từ năm thứ hai các em chủ động tiếp xúc với thế giới để xem những gì đang diễn ra. Thời kỳ tò mò và khám phá là một hình thức hoàn toàn khác với những gì diễn ra trước đó. Thoạt tiên các em làm cho mọi người chú ý đến em. Sau đó sự chú ý của các em hướng vào thế giới bên ngoài, tập trung vào thế giới bên ngoài bao quanh các em mà không phải là chú ý vào các em. Thời kỳ này chúng ta thấy rất giống với sinh hoạt của các động vật mới sinh như một đàn cá con bơi theo mẹ chúng bất kỳ mẹ chúng bơi đến đâu. Nhưng chỉ sau một hay hai tuần mẹ chúng lại bơi sau đàn con để đề phòng bắt trộm. Dần dần chúng sẽ tách xa mẹ chúng. Chúng bắt đầu độc lập hoàn toàn, có thể đi xa tầm nhìn của mẹ chúng. Để cho phạm vi khám phá của các em được rộng các em sử dụng khả năng đi lại của đôi chân. Đến lúc này các em có thể đi du ngoạn xa hơn và nhanh hơn. Khi đã đi được bằng hai chân thì hai tay của các em được tự do để lượm các vật thể để ở trong phòng và các em quan sát bằng mọi cách có thể. Tình tò mò này không bao giờ làm các em thoả mãn, vì thế các em xem xét hết vật này đến vật khác.

Bằng sự khám phá này các em nhận ra rất nhanh nhưng chỉ một thời gian sau các em ngồi một mình quan sát rất chăm chú chỉ một vật

nào đó mà thôi. Theo các nhà chuyên môn thì lúc này sự quan sát của các em đã có tính chủ động đã có chủ đích.

Khuynh hướng tò mò và khám phá là một thời kỳ chín muồi tự nhiên xuất hiện vào lứa tuổi này ở phần lớn các em, nó có một giá trị sinh học thực là hiển nhiên, vì nó giúp cho các em nhận biết sự vật và thế giới mà các em sẽ sống và học cách phân biệt giữa những sự vật mà các em nhìn thấy và xem xét. Đó là một công việc không thể thiếu được với những ai muốn học tập. Thoạt đầu với trẻ sơ sinh thì mọi cái là như nhau. Sau đó các em phân biệt mẹ chúng với những người khác trong gia đình, rồi đến với người ngoài, giữa con chó và con mèo, giữa chiếc xe đạp với chiếc xe ô tô.

Tinh thần tò mò cũng được thay đổi hình thức cùng với sự phát triển của các em. Vào khoảng từ hai đến ba tuổi, các em trở nên có trí tuệ hơn. Đó là thời kỳ mà các em hay đặt ra những câu hỏi như cái này là cái gì? Đến bốn tuổi như chúng ta đã biết các em rất thích tìm ra cái lý trong sự vật như cái này dùng để làm gì? Tại sao bố mẹ lại đi công việc? Hiển nhiên là chúng ta phải trả lời cho các em tất cả những câu hỏi đại loại như vậy vì nó thoả mãn tính tò mò và khuyến khích cái khát khao hiểu biết nơi các em. Nếu như chúng ta không muốn trả lời thì tốt nhất là cùng các em tìm ra câu trả lời. Bằng cách đó chúng ta giúp cho các em phát triển sự hiểu biết của các em và còn tạo ra cho các em thói quen tự trả lời những câu hỏi của chính các em đặt ra. Không nên vì một lý do gì đó mà từ chối hoặc cáu gắt với các em.

Sau này khi lớn lên tính tò mò và tính khám phá được thể hiện dưới những hình thức cơ bản như trong tìm tòi khoa học. Các em có đưa là những nhà khoa học từ nhiên, có em là những nhà khoa học nhân văn và v.v... Theo các nhà chuyên môn thì những lĩnh vực mà các em quan tâm sau này đều được quyết định bởi cách tò mò và khám phá ở những năm đầu của cuộc đời các em.

Thời thơ ấu dài và được che chở như là những thực thể xã hội rất có lợi cho cá nhân cái khả năng khám phá trong một môi trường an toàn đồng thời có được một khối lượng hiểu biết cũng như kinh nghiệm trước khi thực sự bước vào đời.

Cần phải chú ý là các em không bao giờ thoả mãn được tính tò mò tự nhiên nơi các em cũng như sự thích thú được khám phá. Vì thế không nên trách mắng các em khi thấy các em hay sờ mó cái này cái khác. Không nên cấm đoán các em. Vì điều này sẽ làm cho các em chán nản. Nhiều bà mẹ thấy con ngồi thừ ra thường hỏi tại sao con ngồi thế mà không làm gì cả. Các em thường trả lời không cần dẫn đo gì mà rằng khi con thích làm cái gì mà con quan tâm thì mẹ luôn ngăn cấm con. Vì ngăn cản các em nên nhiều em có khuynh hướng quay lại những thời kỳ trước kia như bám chặt lấy áo mẹ và mút ngón tay.

Tính tò mò cũng có mặt trái của nó mà điển hình là tính tò mò chỉ để làm dáng, làm điệu, như tính ba hoa chẳng hạn. Bệnh ba hoa không nhằm phát triển những hiểu biết của chính mình, chỉ nhằm thoả mãn những xung lực tình dục hay những xung lực khác mà thôi. Sự tò mò tình dục cũng rất tự nhiên như mọi hình thức tò mò khác và cũng cần

được thoải mái. Theo các nhà chuyên môn ở trẻ em tự nó không có gì là không lành mạnh. Tự nó cũng có giá trị như những sự tò mò khác. Nhưng nếu sự tò mò tình dục đánh thức sự thích thú của chúng khi chúng thấy mẹ chúng thay quần áo chẳng hạn. Trong trường hợp này nếu các em lại bị trừng phạt thì có thể làm cho các em khó thích nghi với những quan hệ tình dục thông thường sau này.

Việc vệ sinh tinh thần đối với các em trong thời kỳ này cũng khá đơn giản. Điều quan trọng đầu tiên cung cấp cho các em những đối tượng cần tò mò, giúp các em cách tự thoải mái bằng cách cung cấp cho các em nhiều đồ chơi và tự em khám phá. Trong một phòng với nhiều loại đồ chơi khác nhau sẽ giúp các em nảy sinh tinh thần phiêu lưu khám phá. Vì vậy các bậc cha mẹ cũng như người lớn cần phải hiểu rằng sự thích thú có hiểu biết và học tập là tự nhiên đối với các em. Vì vậy một nhà giáo dục tốt là người biết lợi dụng cái khát khao hiểu biết nơi các em để dạy các em những gì các em mong muốn. Điều đó thực sự là một nghệ thuật lớn.

Trong tất cả những khả năng có thể giúp đỡ các em thích nghi với cuộc sống thì một trong những khả năng có tác dụng lớn và có nguồn gốc sâu xa là sự bắt chước, và đã được nhiều nhà tâm lý khẳng định là vô cùng quan trọng cho sự phát triển của các em.

Sự bắt chước cũng là một khuynh hướng bẩm sinh tự có mà không cần sự giáo dục. Nó tự nảy sinh ở các em một cách tự nhiên. Người ta bắt gặp tính cách này trong nhiều loại động vật. Một con bê không biết sợ người nhưng chúng chỉ chạy trốn khi thấy mẹ nó chạy. Con vẹt và

một số loại chim khác có khả năng bắt chước người nói. Đó là khuynh hướng bẩm sinh. Vì thế trẻ em bắt chước phụ thuộc vào ảnh hưởng của môi trường.

Sự bắt chước bắt đầu ngay trong vài tuần sau khi sinh. Trong một nhà hộ sinh người ta thấy thường một em khóc là nhiều em khóc theo. Nhưng các em chính thức đi vào thời kỳ này từ một tuổi đến hai tuổi. Một em nhỏ thường cho cả cái kẹo vào miệng còn cả giấy bọc. Nhưng khi em thấy mẹ chúng bóc giấy bọc trước khi ăn là chúng làm theo ngay. Chúng ta thấy ngạc nhiên của quá trình bắt chước mẹ chúng khi mà mẹ chúng không nói gì. Các em có thể bắt chước mẹ chúng thông qua những nụ cười, những cái nhíu lông mày hay cái vẻ chăm chú. Những xung lực ở mắt chuyển lên não bộ và làm chuyển động những động lực ở các em tương ứng với những điệu bộ của người mẹ mà không cần nói ra lời nên có vẻ rất là huyền bí.

Thực ra thì giá trị sinh học của khả năng bắt chước không đến nỗi huyền bí như vậy. Chẳng qua nó cũng tương tự như những phản xạ có điều kiện. Sự bắt chước giúp cho các em có thể thích nghi với các tình huống khác nhau trong cuộc sống mà tự nhiên cung cấp cho các em những câu trả lời mang tính di truyền, có sẵn.

Sự bắt chước thực sự là một bước tiến lớn của những phản xạ có điều kiện vì muốn có những phản xạ có điều kiện thì các em phải tích lũy được một số kinh nghiệm nào đó. Ví như chúng phải đốt lửa thì mới biết tránh lửa, và điều đó không phải là không nguy hiểm. Sự bắt chước giúp các em vượt qua những kinh nghiệm đó và học trực tiếp ở

hành vi của mẹ chúng bằng cách bắt chước mẹ chúng tránh lửa gây ra nguy hiểm. Sự bắt chước không chỉ giúp các em tránh được nguy hiểm mà còn làm cho các em tránh được nguy hiểm mà còn làm cho các em hoàn thành được công việc một cách tốt nhất. Ví như chúng xem mẹ chúng làm bánh và chúng cũng có thể làm được bánh như mẹ chúng. Người ta có thể khẳng định được rằng nhờ có sự bắt chước các em có thể có những phản ứng lành mạnh trong cuộc sống.

Một trong những thành quả vô cùng quý giá mà tuổi này đạt được là ngôn ngữ. Thời gian của năm đầu tiên là nếu các em phát ra tiếng thì do duy nhất những xung lực thần kinh căng thẳng cũng như những tiếng kêu của con gà hay con vịt khi chúng có nhu cầu. Sau đó do quá trình tập luyện có kết quả các dây thanh quản, các em bắt chước tiếng nói của mẹ em mà chưa biết đến ý nghĩa của những tiếng nói đó. Sau đó các em học cách ghép nói những từ đó với một vài sự vật, hợp nhất cái nọ với cái kia để dần dần những tiếng nói đó trở thành những từ. Từ đó các em hiểu được rằng để chỉ một vật nào đó phải sử dụng một từ tương ứng với sự vật nghĩa là các em đã dùng ngôn ngữ. Sự bắt chước là sự chuyển tiếp của thời kỳ phụ thuộc của những năm đầu với thời kỳ độc lập tiếp sau. Lúc này các em có nhu cầu được độc lập để làm những việc của riêng em. Chúng còn hiểu được cách làm thế nào để có thể bắt chước được mẹ chúng. Ví dụ các em thấy mẹ chúng khi bị ướt thì thay quần áo, chúng cũng thực hiện như vậy khi quần áo chúng bị ướt. Sự việc được lặp đi lặp lại nhiều lần tạo thành một thói quen ở các em. Đến ba hay bốn tuổi các em tự thay quần áo khi các em thấy

quần áo bị ướt vì lúc này các em biết được cái lý của việc làm ấy. Như vậy là khi còn phụ thuộc chúng sẽ hành động nhất nhất theo cha mẹ. Bằng sự bắt chước chúng hành động một cách độc lập và tự thích nghi với cuộc sống. Đó là thời kỳ của sự bắt chước chứ không còn ở thời kỳ lý lẽ vì các em học tập bằng sự bắt chước. Các em sẽ thực hiện khá dễ dàng những cái mà người lớn làm mẫu hơn là chỉ bằng sự giải thích. Nhiều khi chúng bắt chước ngay cả khi các em không hiểu gì về những lời giải thích. Chúng có thể làm được những việc cần sự khéo léo mà chưa hiểu được những điều giải thích ví như các em có thể đi được xe đạp khá thành thạo mà không hề hiểu được tại sao chiếc xe đạp chỉ có hai bánh lại có thể đi được. Hoặc các em có thể bắt chước các chị chúng múa hát rất nhanh hơn là những lời hướng dẫn của các anh chị phụ trách.

Cần nhớ rằng vào tuổi này sự bắt chước thường có hiệu quả rất cao so với sự dạy bảo. Các em rất khó hiểu được những lời giải thích tại sao qua đường phải đi giữa những hàng sơn kẻ hay giữa hai hàng đinh nhưng cứ theo người lớn vài lần là các em có thể một mình đi giữa hàng đinh khi đi qua đường.

Vào bốn tuổi, khi các em đã có thể hiểu được lý lẽ thì đương nhiên là chúng ta cần có sự giải thích cặn kẽ cho các em những điều cần phải làm mà chẳng có ai ngăn cản chúng ta. Khi đó chúng vâng lời chúng ta không phải vì chúng ta đã nói mà còn vì các em đã hiểu được cái lẽ trong lời nói của chúng ta. Khi mới một hay hai tuổi điều đó là không thể thực hiện được vì khi đó các em chưa có khả năng để lý lẽ. Theo các

nhà tâm lý học thì sự bắt chước là một quá trình của tiềm thức. Các em bắt chước là do sự tác động của những khuynh hướng tự nhiên mà không cần để ý đến những gì chúng ta giải thích. Nếu chỉ bằng sự giải thích đơn thuần các em sẽ tự làm theo cách làm của chúng ta thì chắc chắn là các em sẽ làm được khá dễ dàng khi bắt chước. Người ta còn cho rằng sự bắt chước không chỉ là một quá trình của tiềm thức mà còn là một quá trình của cái không ý thức (non conscient).

Khuynh hướng bắt chước còn tồn tại trong suốt cuộc đời mỗi người là điều rất có giá trị. Với mỗi người không phải lúc nào chúng ta cũng được hướng dẫn bằng những kinh nghiệm cá nhân. Những phong tục, những tập quán, những truyền thống và ngay cả luân lý đều có một vai trò rất lớn.

Vì vậy chúng ta cần khuyến khích với tất cả những gì có thể đối với khuynh hướng tự nhiên là sự bắt chước với tất cả sự thận trọng những gì chúng ta muốn các em làm. Không nên ép buộc các em làm những gì mà khả năng các em chưa cho phép nghĩa là khi các em chưa thể làm chủ hành vi của mình. Khi các em cần chúng ta làm mẫu thì nhất thiết không được từ chối, vì chỉ có như thế thì các em mới có thể làm tốt những điều mà chúng ta mong muốn.

Cần phải chú ý từ khi mới sinh các em phải sống trong một môi trường mà cả cha và mẹ đều có nhiều thói xấu thì chắc chắn là những đứa con sẽ mang ít nhiều những thói xấu đó. Khi lớn lên các em cũng sẽ phải sống trong môi trường xã hội mà xấu tốt xen kẽ. Sự để mắt đến các mối quan hệ của các em sẽ không bao giờ thừa. Lúc đó cái hy vọng

lớn nhất là nếu các em đã được nuôi dưỡng trong một môi trường lành mạnh, an toàn từ khi lọt lòng mẹ. Đó là khả năng tự đề kháng với những thói hư tật xấu trong cuộc đời đáng tin cậy nhất. Vào đời cuộc đời sẽ dạy các em nhiều điều nhưng thiếu cái cơ sở đảm bảo được xây dựng từ thời thơ ấu sẽ làm cho các em còn gặp không ít khó khăn.

5. TÍNH KHÓ BẢO

Theo những nhà chuyên môn thì vào hai tuổi là tuổi khó bảo mà các bậc cha mẹ thường chưa hiểu. Đó cũng là cái tuổi mà các em hay làm những gì các em thấy thích. Nếu chúng muốn đi đâu đấy là các em nhất định đi. Nếu các em thích làm gì thì không ai có thể ngăn cản được. Thời kỳ này hoàn toàn trái ngược với thời kỳ phụ thuộc, là thời kỳ mà một em nhỏ một năm tuổi thích thụ động. Vào hai tuổi các em trở thành năng động hơn và các em muốn thể hiện tất cả những xung lực đã thức tỉnh trong các em. Đây là thời kỳ các em sẵn sàng để gia nhập và tự làm lấy một mình. Thời kỳ này và thời kỳ trước còn một nét chung đáng chú ý là sự khám phá. Chỉ có điều sự khám phá trước kia nhằm tiếp xúc với thế giới bên ngoài để quan sát và xem xét. Còn bây giờ là để đặt thế giới phụ thuộc vào ý chí của các em. Thời kỳ khó bảo này cũng có giá trị sinh học nhất định. Nhờ nó các em học cách kiểm soát thế giới để các em sống và điều hoà chính sự tồn tại của mình.

Tuy nhiên cái tính khó bảo hay sinh chuyện này không chỉ có ở tuổi này. Cần nhớ rằng các em mới sinh được mười hay mười lăm ngày đã từng thể hiện cái tính cáu bẳn này như khi người ta không để cho đầu

cũng như tay chân các em được cử động thoải mái. Khi mới sinh những giận hờn thường không kéo dài nhưng lại được thay thế bằng sự buồn rầu và sự thất vọng. Đến hai tuổi tính này thường gay gắt và kéo dài. Đương nhiên điều đó còn phụ thuộc vào cách người ta săn sóc các em nhưng điều quan trọng là cách giận hờn của các em ở hai tuổi khác hẳn với sự giận hờn của các em hai tháng tuổi. Đến sau tuổi này, ý chí của các em đã được hình thành. Vào thời kỳ này các em có thể kiểm soát được những xung lực của mình và các em có thể chịu đựng khá hơn. Người ta thường đặt ra câu hỏi rằng những sự giận dữ đó sẽ dẫn các em đến đâu. Và nhiều bậc cha mẹ thường la rầy các em này là những đứa trẻ có quá nhiều đòi hỏi và không thể để cho chúng lớn lên như thế này được, phải ngăn chặn hoàn toàn những đòi hỏi này. Đương nhiên là người ta sẽ áp dụng những hình phạt nghiêm ngặt đối với các em để đe dọa các em. Người ta buộc các em phải hiền lành và dễ bảo. Rồi người ta lại ngạc nhiên là tại sao con em họ lại yếu ớt, dễ chịu ảnh hưởng và thiếu ý chí đến như vậy. Đó là những sai lầm nhất thiết cần tránh vì đáng ra là cứ để các em tự thể hiện thì cha mẹ lại buộc các em phải có cá tính này cá tính khác theo ý mình. Cần nhớ rằng cái thích thú được khẳng định mình còn là một phương tiện được trời đất ban cho con người để giúp các em có thể thích nghi với cuộc sống tốt hơn cũng như giúp các em có thể vượt qua những rào cản để tiến lên. Nếu như người ta tước mất cái khả năng đó nơi các em thì các em sẽ trở nên bất lực không thể chống đỡ nổi những khó khăn trong cuộc sống. Các em sẽ trở thành những người dửng dưng dễ mang bệnh thần kinh.

Thông thường thì tính hay sinh chuyện làm nảy sinh tính tự tin ở chính mình cũng như tất cả những đức tính đòi hỏi phải có cá tính mạnh mẽ. Sự khác nhau giữa tính khó bảo và ý chí là ở chỗ đứa trẻ khó bảo hoàn toàn bị những xung lực thông trí còn ý chí là sự thể hiện nhân cách và được hướng hoàn toàn vào mục đích nhất định. Cần chú ý là nếu tước bỏ cái tính khó bảo của các em, một tính cách tự nhiên sẽ dẫn các em đến khuynh hướng hay hèn dỗi, cứng đầu một phương tiện được các em dùng để phản kháng mà không do dự gì. Một đứa trẻ hay cáu gắt và đứng đưng với mọi cái là đứa trẻ bị tước mất cái tính tiến công. Chúng ta cần nhớ rằng chức năng sinh học của khuynh hướng này là để làm tăng sức mạnh, để dễ dàng đi vào cuộc sống. Nếu không các em sẽ không có khả năng hoàn thành trách nhiệm của mình. Có thể là chúng rất hiền lành nhưng lại là đứa trẻ không cá tính cũng như không có nhân cách.

Hơn nữa với các em mà người ta đã tước mất tính tiến công tự nhiên cũng đồng nghĩa với việc người ta đã tước mất vũ khí của các em để chìm đắm trong tình trạng không an toàn, bồn chồn lo âu triền miên. Và điều khó tránh là làm cho các em rơi vào những sự dồn nén về tâm lý và dễ dàng rơi vào bệnh thần kinh.

Vậy thì chúng ta cần phải làm gì với các em khó bảo? câu trả lời cũng khá đơn giản. Không nên ngăn cấm các em mà tốt hơn cả là hãy để cho các em tự thể hiện tính cách có ích. Điều đó cũng có nghĩa là tạo cho các em một ý chí bền bỉ và những đức tính mạnh mẽ.

Bằng nhiều công trình nghiên cứu, các nhà chuyên môn khẳng định rằng cứ mười người thì có chín người ngăn cản các em và yên chí chỉ có lợi, nhưng đừng có trèo lên ghế, đừng có nghịch dao, đừng có nghịch lửa v.v... Trong khá nhiều trường hợp người ta thấy chẳng có cái lý nào chính đáng để ngăn cản các em. Các nhà chuyên môn cho rằng nếu các em có ngã khi trèo lên ghế, các em có thể khóc chỉ cần chúng ta dỗ dành đôi lời là sự việc sẽ lại bình thường. Các em sẽ làm lại và sự lặp đi lặp lại này sẽ giúp các em đi vào hoạt động bằng cách thử đi thử lại. Kết quả là các em sẽ leo lên ghế một cách dễ dàng, nghĩa là năng lực các em được phát triển. Cứ để các em tự làm hơn là nhắc nhở các em để cho các em tăng cường ý thức trách nhiệm với người khác cũng như mọi sự vật. Ngay cả khi các em bắt chước người lớn gọt khoai, cắt bánh mà có lỡ bị đứt tay thì điều đó giúp các em có kinh nghiệm để tự làm tốt hơn, sẽ thành thực hơn. Các em bị tước mất khả năng tìm tòi sẽ trở thành những em hay làm hỏng việc. Chỉ cần chỉ cho các em cách làm hãy tin vào việc các em có thể làm tốt công việc mà các em yêu thích. Gặp trường hợp các em có thể làm cái gì không đúng xin hãy dạy cho các em cách làm tốt. Vấn đề là các bậc cha mẹ cần dành ra chút thời gian quý báu để giúp các em phát triển. Từ đó chúng ta sẽ thu được nhiều điều rất quý vì với sự giúp đỡ của chúng ta các em sẽ trở thành những người thành thạo trong nghề nghiệp tương lai. Những việc làm như vậy còn mang lại cho các em nhiều điều quan trọng hơn như lòng tự tin ở chính các em, cũng như sự bền bỉ kiên nhẫn, tính kỷ luật và còn hơn thế nữa là niềm vui để sống. Đương nhiên có những việc thực sự nguy

hiếm thường làm cha mẹ không yên tâm để các em làm khi mà chúng ta chưa thực sự tin vào khả năng của các em. Sự bần khoản đó thực là chính đáng và người lớn cần có quyết định cuối cùng là cho phép hay là không. Cứ mười việc chúng ta đã để cho các em được làm tới tám, chín mà chỉ ngăn cản một, hai việc. Các em sẽ hiểu ra sự chính đáng của vấn đề là không ngoài mục đích để tránh những tai hại có thể xảy ra với các em. Chắc chắn các em sẽ tuân theo lệnh của chúng ta một cách thoai mái và mọi việc sẽ tốt đẹp. Trái lại nếu chúng ta cứ ngăn cấm tràn lan và vô lý thì sự nổi giận nơi các em là điều khó tránh.

Với những sự nổi giận của các em chúng ta cũng phải có cách để giúp các em sửa chữa. Đó cũng là một nguyên tắc đối với sự bắt chước của các em. Chúng ta cần nhớ rằng vào lứa tuổi này sự bắt chước của các em thường là bắt chước người mẹ như dọn dẹp nhà cửa, nấu ăn, ăn mặc, tắm rửa v.v... Cũng từ đó chúng được tự do bắt chước đồng thời chúng cũng học được kỷ luật trong sự bắt chước đó vì trong những việc đó người mẹ luôn thực hiện một cách có kỷ luật, nghĩa là thực hiện sao cho an toàn và hiệu quả. Tính ham làm tự nhiên của các em sẽ làm tiêu tan mọi bực tức và nếu có thì sự cáu giận này cũng không có gì là trầm trọng và nhanh chóng qua đi. Chúng ta luôn nhớ rằng trong cơn giận chúng ta khó làm cho dịu ngay đi được. Khi cơn nóng giận đã nguôi đi phần nào chúng ta mới nhẹ nhàng giải thích hơn thiệt. Các nhà chuyên môn đều nhất trí rằng bất cứ một nguyên tắc nào cũng có cái ngoại lệ của nó. Cần tránh ra một cái lệnh nào đó mà chúng ta thấy trước là các em không muốn thực hiện. Ví như chúng ta có thể bế một

em độ hai hay ba lên giường ngủ, nhưng em có chịu ngủ hay không lại không phụ thuộc vào chúng ta. Cũng như thế, nếu chúng ta cứ xúc thức ăn đầy miệng các em, nhưng nuốt hay không lại là do các em. Hoặc giả chúng ta dùng roi vọt để ép các em nuốt thì liệu có ích gì cho cách chăm sóc kiểu đó. Chúng ta nên nhớ rằng tính cáu bẳn thường bắt nguồn từ sự hấp thụ thực phẩm và sự táo bón. Vì thế chúng ta cần chú ý là đừng bao giờ đòi hỏi các em làm điều gì mà chính chúng ta không thể thực hiện được. Vì thế cần tránh những việc làm có thể làm cho các em nổi cáu hơn là để cho sự việc xảy ra rồi mới tìm cách sửa chữa. Sự bình tĩnh nhẹ nhàng nhưng dứt khoát là rất cần thiết và rất có hiệu quả trong việc giáo dục con trẻ. Chúng không chỉ làm cho các em dễ chấp nhận mà còn giúp các em học được tính cách đó. Nên nhớ rằng vào độ tuổi này ý chí hiểu theo nghĩa đích thực của nó chưa thực sự hình thành nơi các em. Vì thế trẻ em thường khó bảo, còn do các em chưa thực sự kiểm soát được những xung lực tự nhiên của các em. Và tự nhiên là các bậc cha mẹ cần giúp đỡ các em. Sự dứt khoát của cha mẹ giúp các em có ý chí. Cũng như thế sự bình tĩnh, nhẹ nhàng cũng làm cho các em bình tĩnh nhẹ nhàng với chính chúng. Nhờ đó các em trở thành những con người vừa có ý chí, lại vừa bình tĩnh, nhẹ nhàng nên tính cáu bẳn của các em sẽ không có cơ hội để xuất hiện vì lúc này các em đã có thể kiểm soát và kiểm chế được một cách hiệu quả những xung lực tự phát trong con người các em. Và đương nhiên các em sẽ tránh được hầu hết những điều phiền muộn, các em có một đời sống lành mạnh về tinh thần, về tâm hồn. Đó là thang thuốc hiệu nghiệm

nhất để giúp các em tránh rơi vào những cơn khủng hoảng, những rối loạn thần kinh và không lo sợ nhiễm phải chứng bệnh thần kinh nào đó. Một đời sống tinh thần luôn thăng bằng và ổn định thì sẽ không còn là nạn nhân của những đam mê không thể kiểm soát được. Vào tuổi này chỉ một sự trừng phạt như một cái phát vào mông cũng có thể làm cho các em nổi khùng. Vấn đề không phải là làm cho các em sợ mà chỉ là răn đe nhẹ nhàng và thân tình vì thế nhiều em sau khi bị phát vào mông lại vui vẻ thân tình với người vừa làm cho các em “sợ”. Đó chỉ là một động tác từ bên ngoài xuất hiện đúng lúc, vừa đủ và thân tình cũng có hiệu quả rõ rệt. Nói chung là không nên lạm dụng những trừng phạt về thể chất. Chỉ cần một sự thân tình nhưng dứt khoát đủ để giúp cho các em có thể vượt qua những lỗi lầm. Sự trừng phạt quá nghiêm khắc nói chung là vô ích vì nó sẽ làm cho các em sống trong tình trạng nặng nề, sợ hãi.

6. VẤN ĐỀ TỰ DO VÀ KỶ LUẬT, SỰ TỰ KIỂM SOÁT.

Những sự trình bày trên về sự cứng đầu, về sự khó bảo buộc chúng ta phải bàn đến nguyên tắc về tự do và kỷ luật. Trong chúng ta không ít người cho rằng với tự do là đủ để giáo dục con em họ. Với nhiều người khác lại cho rằng với trẻ em chỉ cần kỷ luật là đủ vì các em chưa biết gì. Vào thế kỷ 19 có một quan niệm được lưu hành khá rộng cho rằng với trẻ nhỏ việc giáo dục là vấn đề của tương lai. Từ đó người ta khuyên những bậc cha mẹ “hãy để cho các em muốn làm những gì mà các em

muốn”, và nếu bỏ cái quyền tự do đó sẽ làm cho các em trở thành những người mang bệnh thần kinh.

Như thế thì chúng ta suy nghĩ gì về hai quan niệm nói trên và chúng ta phải làm gì. Chúng ta biết rằng hai quan niệm nói trên có cái gì đó làm cho chúng ta có cảm nghĩ là chúng không thể dung hoà được với nhau. Nhưng nếu chúng ta suy nghĩ một cách thận trọng và khoa học thì chúng ta sẽ thấy rằng kỷ luật vô cùng cần thiết cho một sự tự do đích thực. Đồng thời sự tự do lại vô cùng cần thiết cho một kỷ luật đích thực.

Có không thiếu gì những ví dụ có thể chứng minh cho quan niệm nói trên. Vào mùa mưa bão các em rất thích lội nước. Nếu để thoả mãn cái thích đó cứ cho các em tự do bơi lội thì sự việc sẽ diễn ra như thế nào. Điều chắc chắn là tai họa sẽ ập đến bất cứ lúc nào. Vậy để tránh tai họa thì đương nhiên bên cạnh cái tự do đó phải có một kỷ luật nào đó tương ứng. Ví như phải biết bơi đủ thành thạo để tránh bất trắc, không được bơi ở những nơi nước lớn, phải có phao bơi an toàn và nhiều điều bắt buộc khác. Nếu không sự tự do đó sẽ bị trả giá rất đắt. Nói chung một sự tự do quá trớn cũng như một kỷ luật cứng nhắc đều là những gì có hại. Tóm lại là nhờ ở kỷ luật về phương diện kỹ thuật cũng như bắt buộc khác mà các em có thể bơi lội một cách tự do thoải mái trong an toàn.

Với một cái nhìn toàn diện chúng ta có thể khẳng định rằng chỉ khi nào chúng ta tuân theo một cách nghiêm ngặt những quy luật của tự nhiên thì chúng ta mới có tự do thực sự. Đây là một kết luận vô cùng

quan trọng mà tất cả những con người chân chính thừa nhận chứ không phải của riêng Mác khi ông khẳng định rằng “tự do là tất yếu đã được nhận thức hay đúng hơn là đã được ý thức”. Điều đó được thể hiện một cách sinh động nhưng ngặt nghèo trong mọi hoạt động từ sinh hoạt đời thường cho đến những hoạt động khoa học, những sinh hoạt bậc cao như đời sống tinh thần, đời sống tâm linh. Tất cả những điều nói trên tuy đơn giản nhưng người ta không do dự gì mà khẳng định rằng nhờ có kỷ luật mà con người đạt được tự do, để đạt được mục đích đề ra.

Nguyên tắc nói trên cũng phải được áp dụng nghiêm ngặt đối với đời sống của trẻ em. Với những trẻ vô kỷ luật các em muốn áp đặt ý chí của mình để làm tất cả những gì các em muốn. Chúng sẽ giành giật đồ chơi của các bạn và phá không cho các bạn chơi yên ổn. Nhưng sớm muộn chúng cũng phát hiện ra rằng các bạn sẽ không chơi với chúng. Trước con mắt các bạn, chúng chỉ là những đứa mất cảm tình. Những đứa trẻ này sẽ sớm trở thành những đứa trẻ cô độc. Khi đó dù chúng có muốn chơi với các bạn nhưng thử hỏi có bạn nào dám đáp ứng mong muốn của chúng. Trừ khi chúng hứa với các bạn là không phá đám như vậy nữa. Nghĩa là muốn chơi thì phải thực hiện luật chơi. Lúc đó chúng nhận ra rằng muốn chơi thoải mái với các bạn thì phải thực hiện kỷ luật chung của mọi người.

Cuộc sống xã hội luôn đòi hỏi phải có kỷ luật. Để có được những điều tốt trong cuộc sống cộng đồng, chúng ta phải nắm cho được những điều luật đối với người khác và buộc chúng ta phải tuân theo

những luật đó một cách nghiêm ngặt. Chỉ có những cộng đồng biết tôn trọng những luật chung mà người ta có được một sự tự do rộng rãi. Nếu như có ai còn nghi ngờ điều này chỉ là do chúng ta chưa hiểu được một cách đúng đắn về tự do cũng như vấn đề về kỷ luật.

Vậy thì tự do là gì và để làm gì? Có phải là do những xung lực tự nhiên cũng như những bản năng mà chúng ta đòi hỏi tự do bất kỳ. Hay chúng ta cần một sự tự do xuất phát từ những đòi hỏi của nhân cách của chúng ta như là một tổng thể. Từ hai sự đòi hỏi nói trên dẫn đến hai thứ tự do khác nhau thậm chí trong một mức độ nào đó là không thể dung hoà với nhau được.

Quan niệm thứ nhất đòi hỏi hãy cho tôi tự do hoàn toàn tùy theo sự đòi hỏi của những xung lực để tôi làm tất cả những gì tôi muốn. Như tôi được tự do phát khùng, thoả mãn những đam mê tình dục dù tôi có quyên hay không, chìm đắm trong sự trây lười khi tôi không thích làm việc, chiếm đoạt mọi cái mà tôi ưng thuận dù cho những cái đó không phải của tôi và bắt chước mọi cái mà người khác đã làm.

Tự nhiên đã ban phát cho tôi một hệ thống thần kinh mà cái chức năng hàng đầu là để kiểm soát những xung lực tự nhiên. Không còn nghi ngờ gì nữa cái mà tự nhiên ban tặng cho tôi đã hội đủ lý lẽ để tôi tận dụng nó. Với tôi chân lý là những xung lực sơ cấp và nó chấp nhận cho tôi mọi thứ tự do không gì có thể kìm hãm được... Những người này không biết rằng nếu tình thế đó xảy ra thì người ta trượt dài vào tình trạng cái này chống lại cái kia để cuối cùng là chống lại những mục tiêu của nhân cách đòi hỏi. Đó là tình trạng tinh thần của những đứa

trẻ hai tuổi với một hệ thống thần kinh chưa phát triển. Đương nhiên những đứa trẻ này còn là nô lệ của những xung lực và là chiến thắng của những đam mê mù quáng. Cũng vì thế thời kỳ này là thời kỳ rất cần sự giúp đỡ của các bậc cha mẹ để thiết lập sự kiểm soát đó. Điều đó chỉ có thể thực hiện được với thái độ bình tĩnh nhẹ nhàng thì khi đó chúng ta mới có thể giúp con em chúng ta bằng ý chí của chính chúng ta.

Những người bệnh thần kinh thuộc loại này đều có đặc trưng là đã biến nhân cách của họ chỉ còn là người phục vụ trong khi đáng ra là nhân cách là cái được phục vụ. Tất cả những người không có khả năng đạt được mục đích đều là những người đã bị buộc chặt vào đời, đều là những người đã bị đam mê mù quáng cản đường. Cái thứ tự do mà họ đạt được, nếu muốn gọi là tự do cũng không thể mang lại hạnh phúc vì nó không tính gì đến nhân cách.

Một người bệnh loại này kể lại rằng khi còn nhỏ có lúc tôi cảm thấy như bị ném vào một chuồng cọp. Những con cọp đuổi cắn lẫn nhau (ý nói những xung lực chống lại nhau). Sau đó những con cọp lao vào tấn công tôi (ý nói những xung lực tấn công nhân cách anh ta). Những đứa trẻ hay làm những điều vụng trộm thường chẳng sung sướng gì vì chúng luôn nơm nớp sợ cha mẹ chúng phát hiện ra. Đó là một sức nặng về tâm lý thực sự nặng nề đối với những người bị bệnh tâm thần như Freud đã từng khẳng định.

Chúng ta cần nhớ, khi chúng ta nói rằng chúng ta được tự do thì không phải là những xung lực trong chúng ta được tự do mà là nhân cách của chúng ta như một tổng thể được tự do. Điều đó có nghĩa là

chúng ta được tự do để theo đuổi những mục đích không bị những xung lực mù quáng cản trở kể cả những phản xạ. Đó đích thực là sự tự do của ý chí.

Vấn đề kỷ luật ở đây thực hiện như thế nào. Với tổ tiên chúng ta thì kỷ luật được hiểu như là triệt tiêu mọi ham muốn tự nhiên bởi vì với các cụ thì những ham muốn tự nhiên cũng là xấu. *Kỷ luật theo nghĩa là huỷ bỏ*. Quan niệm này một thời được thần học tán dương như là tội tổ tông. Nó tương tự như là mặc cảm aedipe nhưng với Freud thì đây là sự trỗi dậy của cái vô thức rất khó tránh như là một định mệnh khắc nghiệt. Nhưng tâm phân học lại có thể khắc phục được với sự trợ giúp của cái siêu thức (métaconscient).

Còn kỷ luật theo nghĩa hiện đại mà chúng ta đang bàn ở đây là sự áp dụng của cả trẻ em và những người trưởng thành một phương pháp để hướng mọi hoạt động của những xung lực tự nhiên bẩm sinh vào hướng tích cực. Ví như trẻ muốn bơi an toàn thì phải áp dụng kỷ luật trong khi bơi và phải tập luyện đúng như những quy định đã nêu. *Kỷ luật ở đây được hiểu là học tập và học tập để sử dụng đúng và có ích những khả năng bẩm sinh*. Đó là cách để các em sử dụng có hiệu quả. Với kỷ luật như vậy các em có thời gian tổ chức nhân cách của mình để có thể đáp ứng được những đòi hỏi của cuộc sống.

Với kỷ luật như chúng ta hiểu thì chúng ta còn có được một sự tự do rộng rãi không phải chỉ với những nhân cách mà còn đối với cả những xung lực tự nhiên bởi mọi khi chúng ta đã chi phối được thì

không còn sự dồn nén. Từ đó chúng ta có thể biểu hiện chúng mà không có trở ngại gì.

Thông qua kỷ luật các em luôn cảm thấy có thể thực hiện được cái gì đó như làm đồ chơi và tự khám phá nhiều điều mới mẻ đối với các em. Vấn đề quan trọng ở chỗ không phải là thể hiện những xung lực ít hay nhiều mà là ở chỗ thể hiện những xung lực đó tốt hay không. Khi các em biết cách thể hiện những xung lực tốt là được, còn số lượng là không quan trọng. Những nét tốt và sức khoẻ về tinh thần phụ thuộc vào việc sử dụng những khả năng mà tự nhiên đã ban tặng. Bằng kỷ luật không chỉ chúng ta có được sự tự do và sức mạnh về nhân cách khi sử dụng tất cả mọi xung lực mà còn giải phóng được mọi xung lực đó.

Trong mọi trường hợp nếu kỷ luật là cần thiết cho mọi tự do thì ngược lại sự tự do cũng là cần thiết cho mọi kỷ luật. Vì như những nhà đạo đức học khẳng định muốn có một hành vi đạo đức đích thực thì điều quan trọng là chúng ta phải được tự do để lựa chọn giữa cái đúng và cái sai, giữa cái tốt và cái xấu. Điều đó cũng hoàn toàn đúng và cần thiết đối với cả trẻ em.

Chỉ có một kỷ luật hợp lý được đặt ra cho mỗi người nên cũng chỉ có thể đặt ra cho các em một kỷ luật tự do để cho các em lựa chọn và thực hiện. Nếu như chúng ta cứ bắt buộc các em phải thực hiện liên tục theo chủ quan của chúng ta thì các em sẽ không bao giờ chủ động làm được việc gì. Sau này khi lớn lên các em sẽ bị cuộc sống đưa đẩy, sẽ trở thành nạn nhân của mọi rủi ro và sẽ bị gục ngã trước những cơn bão táp của cuộc đời.

Đương nhiên trong cuộc sống luôn có những thứ kỷ luật đúng và kỷ luật sai. Thứ kỷ luật sai sẽ dồn nén và nghiền nát cuộc sống. *Còn trái lại một kỷ luật đích thực lại có vai trò kiểm soát và hướng dẫn.* Loại thứ nhất dẫn đến những sự nổi loạn hoặc đến với bệnh thần kinh. *Loại thứ hai giải phóng nhân cách giúp cho nhân cách sử dụng tốt những khả năng vốn có, bẩm sinh cũng như bản thân những khả năng đó được phát huy tốt nhất.* Từ đó hoạt động của chúng ta sẽ có hiệu quả và chúng ta có niềm vui.

Chúng ta cần luôn tâm niệm rằng kỷ luật và tự do là hai mệnh đề không thể tách rời nhau, nó tác động qua lại lẫn nhau và hỗ trợ nhau trong mối quan hệ tương hỗ, biến chứng. Và chúng ta còn có dịp trở lại vấn đề này để bàn cho thật kín kẽ tránh một sự hiểu lầm đáng tiếc trong những phần tiếp sau.

IV. CƠ CẤU HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH CỦA CÁC EM

Trong hai năm đầu của cuộc đời các em chúng ta thấy các em sống chủ yếu theo bản năng nguyên thủy và những tiềm năng. Từ hai tuổi rưỡi đến bốn tuổi là thời kỳ bắt đầu sự hình thành nhân cách. Chúng ta sẽ phải bàn tương đối tỷ mỉ vấn đề này vì đây là vấn đề có vai trò quyết định đến cuộc đời cũng như hạnh phúc của các em.

Chúng ta đã nói đến định nghĩa về sức khoẻ tinh thần và đã nói trên những nét chung nhất về nhân cách như một tổng thể. Chúng ta lại cũng nói đến những năng lực hoạt động theo một định hướng mà mục đích xã hội đề ra. Trên cơ sở đó mà nhân cách được tổ chức một cách hài hoà trong sự hỗ trợ lẫn nhau. Vấn đề bằng cách nào với những phương tiện gì để hình thành những mục đích và những ý tưởng.

Đó chẳng qua chỉ là một quá trình hoàn toàn tự nhiên bởi vì người ta nhận thấy tất cả trẻ em đều có khuynh hướng làm cho nhân tố khác phù hợp với nhân cách từ đó hình thành nguyên tắc để hướng dẫn cho cuộc sống. Cũng bằng cách đó nhân cách của trẻ em phù hợp với những xung lực đã được kiểm soát bởi ý chí.

Mỗi khi chúng ta thấy một em nhỏ nào đó nói “em như là mẹ đang làm cơm” thì điều đó không chỉ giới hạn ở chỗ em bắt chước mẹ đang làm cơm mà em đã hoà với nhân cách của mẹ em, lấy đó làm nhân cách cho em hướng dẫn hành vi của em.

Một cách rất là tự nhiên những ý tưởng đó cùng những cách thể hiện của chúng không chỉ phụ thuộc vào vấn đề về luân lý (ý nói vâng theo cha mẹ) mà còn là vấn đề về sức khoẻ tinh thần cũng như hạnh phúc trong tương lai của các em. Những ý tưởng lành mạnh đều bắt nguồn và phù hợp với nhân cách.

Quá trình hình thành cơ cấu nhân cách được chia làm bốn thời kỳ rất rõ ràng.

1/ Thời kỳ bắt chước là thời kỳ các em học cách làm theo người khác mà chủ yếu là từ cha mẹ. Chúng ta đã đề cập sơ bộ đến những

hành vi bất chước này. Đó chính là giai đoạn đầu tiên để hình thành những hình mẫu. Nếu cha mẹ hay cáu gắt thì các em cũng sẽ trở thành hay cáu gắt. Nếu như cha mẹ tỏ ra bình tĩnh nhẹ nhàng thì các em cũng tỏ ra bình tĩnh nhẹ nhàng.

2/ Thời kỳ dễ hấp thụ đến hơi chậm một chút. Thời kỳ này trẻ em không chỉ đọc những hành vi của người khác mà còn học cả thái độ, tình cảm cũng như ý tưởng.

3/ Sự hoà đồng là thời kỳ thứ ba là thời kỳ các em có một sự hoà hợp về nhân cách với người khác như ví dụ trên “em làm như mẹ hay em là mẹ đang làm cơm”. Các em còn đi xa hơn với chính nhân cách của em đã được người khác tiếp nhận. Các em luôn coi mình như người khác về phương diện nhân cách hay đúng hơn là các em đã có nhân cách như người khác.

4/ Thời kỳ thứ tư là thời kỳ siêu tôi (surmoi) là thời kỳ mà nhân cách của các em phù hợp với nhân cách nào đó với cái nghĩa là làm theo cách mà người khác đã làm. Từ đó các em có được từ trong chiều sâu nhân cách của mình một nguyên tắc để điều chỉnh hạnh kiểm cũng như cuộc đời các em.

1. SỰ DỄ HẤP THỤ VÀ SỰ ÁM THỊ

Chúng ta có thể nêu ra một số ví dụ để làm rõ thêm từng thời kỳ khác nhau nói trên. Một em nhỏ đi ra đường với người mẹ bất chợt gặp một con chó dữ. Với nước ta thì từ thành thị đến nông thôn việc đó là chuyện thường ngày. Trước tình hình đó nếu người mẹ tỏ ra bình tĩnh

và cảnh giác thì em nhỏ cũng có cách xử sự tương tự. Đó là sự bắt chước thuần túy. Nhưng em còn nhận ra sự bình tĩnh ở người mẹ và em học được thái độ bình tĩnh đó. Đó là sự hấp thụ. Sau đó các em còn đi xa hơn hiểu được nhân cách của mẹ em và khẳng định là em cũng dũng cảm như mẹ em. Đó là thời kỳ hoà đồng. Từ đó dẫn đến thời kỳ siêu tôi được biểu hiện ra bằng cách quên người mẹ và chuyển sự dũng cảm sang chính mình, sự dũng cảm của mình. Lúc này hình ảnh của người mẹ thật là mờ nhạt còn hình ảnh của em trở nên đậm nét. Từ đó các em thường phê phán ngay hành vi của cha mẹ chúng như mẹ không dũng cảm bằng con hoặc đôi khi phê phán mẹ chúng khi người mẹ quên không nói câu cảm ơn. Lúc này là lúc các em chỉ đơn giản áp dụng những quy định mà cha mẹ chúng đã áp dụng với các em. Gặp trường hợp như trên các bậc cha mẹ không nên coi em là những trẻ ngỗ nghịch vì như thế là không công bằng.

Tính dễ hấp thụ của các em trong thời kỳ này thường xuất hiện giữa hai tuổi rưỡi đến ba tuổi. Đây là thời kỳ các em học thái độ, tình cảm và cả trạng thái tinh thần của những xung quanh. Thời kỳ này khác hẳn thời kỳ khó bảo vừa qua. Chúng ta thường bắt gặp một số các em vốn rất khó bảo trước đây nay trở thành những đứa trẻ rất ngoan cứ như là một sự kỳ diệu nào đó vừa xảy ra nơi các em này. Đó chẳng qua là các em này đã chuyển sang thời kỳ dễ hấp thụ. Và như chúng ta đã nhiều lần khẳng định là sự phát triển tự nhiên mà không có trở ngại gì thì nhất thiết thời kỳ trước phải nhường bước cho thời kỳ tiếp theo.

Sự dễ hấp thụ là một sự phụ thuộc về tinh thần. Với những em còn bị phụ thuộc về thân thể chỉ đòi hỏi ở mẹ chúng ăn khi đói và khát thì đòi uống cũng như khi hậu nóng bức và sự an toàn. sau đó các em bị phụ thuộc về tinh thần và tình cảm nên chúng tận hưởng những tình cảm cũng như những xúc động nơi người khác. Nếu người mẹ dễ bị kích động thì em cũng dễ bị kích động. Nếu người mẹ bản khoăn bối rối thì em cũng bản khoăn bối rối. Nếu người mẹ bình tĩnh dịu dàng thì các em cũng thế. Nếu người cha là người gia trưởng thì em cũng trở thành hay đàn áp các bạn v.v... vào tuổi này sự dễ hấp thụ nhiều khi rất hiệu quả mà chỉ cần các bậc cha mẹ thay đổi cách nói cũng như giọng nói. Chỉ một giọng nói gay gắt các em có thể không vâng lời mà nhiều khi còn nổi cáu. Các nhà chuyên môn gọi đó là sự dễ hấp thụ đích thực. Nhiều khi một lời khuyên có lý lẽ chưa đủ thuyết phục được các em mà còn cần một sự nhẹ nhàng thân ái. Tính dễ hấp thụ này có liên quan đến độ tuổi, nghĩa là đến độ chín muồi những tố chất tự nhiên nhưng lại có thể sớm muộn đôi chút do sự tác động của hoàn cảnh, của môi trường sống.

Cần nhớ rằng những trẻ em bị nhắc nhở thường xuyên rất dễ trở thành những đứa trẻ hay sinh chuyện và không vâng lời sau này. Vì thế rất cần sự kiên nhẫn của các bậc cha mẹ. Trở thành đứa trẻ dễ hấp thụ không có nghĩa là trở thành đứa trẻ dễ bảo.

Sự dễ hấp thụ này còn một đặc tính quan trọng và được gọi là một tiến trình của tiềm thức. Các em thường không kịp hiểu vì sao chúng hấp thụ thái độ cũng như những ý tưởng của người mẹ vì thường

chúng thực hiện một cách tức thời. Sở dĩ như vậy là vì sự dễ hấp thụ một chức năng của trung tâm dưới vỏ não khác với sự suy luận, với lý lẽ cũng như những năng lực phê phán thuộc về vỏ não thượng. Vì thế khi người ta muốn dễ sai khiến người khác bằng thôi miên, bằng ám thị, người ta làm cho người đó thành thụ động, không còn khả năng phê phán hay đưa họ vào giấc ngủ nhân tạo. Khi đó người bệnh không còn khả năng phê phán và nhất nhất thực hiện mọi sự điều khiển của người khác.

Nói đến thôi miên ở đây chỉ có mục đích làm rõ vai trò của cái tiềm thức, nói đến những hành vi tức thời do tiềm thức chi phối. Còn để điều trị chứng bệnh tâm thần các loại Freud đã từ lâu không dùng thôi miên vì thôi miên chỉ có tác dụng đối với các triệu chứng, các hiện tượng. Vì thế tâm phân học thay thôi miên bằng sự ám thị theo phương pháp tâm phân để đánh vào cái vô thức, các nguyên nhân sâu xa gây ra bệnh tâm thần. Đó là cách chữa bệnh triệt để từ gốc, còn thôi miên chỉ có khả năng đánh vào ngọn nên chỉ có khả năng làm dịu đôi chút mà thôi.

Trong phạm vi mà chúng ta đang bàn là vấn đề vai trò của tiềm thức trong tính dễ hấp thụ thì lại là vấn đề mà các bậc cha mẹ cần phải ghi nhớ. Sự lựa chọn ý tưởng cũng như lời nói là cái có hiệu quả hơn nhiều những lý lẽ trong việc giáo dục trẻ em. Ví như một em nhỏ phải vào bệnh viện để cắt amidan được người mẹ dịu dàng và vui vẻ nói với em rằng không có vấn đề gì nghiêm trọng cả đâu, mọi cái sẽ tốt cả thôi. Chỉ cần vài lời nói thích hợp mọi việc sẽ dễ dàng hơn nếu người mẹ với

thái độ bồn chồn lo lắng và hoài nghi. Ở đây có vai trò của lời nói hay đúng hơn là ảnh hưởng của lời nói đối với tiềm thức. Những trường hợp như thế này một giọng nói bình thản có giá trị gấp nhiều lần một bài diễn văn với những lý lẽ chặt chẽ. Điều nói trên cũng có nghĩa là sự dễ hấp thụ bằng tiềm thức lại có sức mạnh hơn nhiều những sự hấp thụ bằng ý thức và đó là điều nhiều khi cứ để các em hấp thụ bằng cách bắt chước thường có hiệu quả hơn nhiều bằng ra lệnh. Ở đây không có gì là mâu thuẫn chỉ có điều sự hấp thụ là tự nhiên của một quá trình tiềm thức. Nếu lúc này chúng ta thay bằng một quá trình ý thức như vậy là quá sớm đối với các em. Điều này không chỉ có ý nghĩa đối với những hành vi, đối với mọi thái độ mà còn đối với cả những sự ứng xử về mặt luân lý. Với các em việc học tập tính kiên nhẫn, sự cẩn trọng cũng như những đức tính khác thường là tức thời bằng tính nhạy cảm mà không cần phải nói nhiều thậm chí không cần một lời nào.

Sự dễ hấp thụ của trẻ em cũng có một quá trình phát triển của tính phụ thuộc kể từ năm đầu tiên mới sinh. Đó là một sự phụ thuộc về tinh thần (đương nhiên cả thân thể). Nó sẽ tiếp tục thay đổi sau một thời kỳ chuyển tiếp từ bốn đến bảy tuổi. Và cũng chính trong thời kỳ này các em đã trở thành những cá nhân và mang tính cách xã hội từ lúc bảy tám tuổi. Và cũng chính trong thời kỳ dậy thì với ý tưởng về băng nhóm. Trong quá trình diễn biến nói trên các em thích trước hết là được làm như các bạn khác cũng như trở thành như các bạn. Ví như các em rất khổ tâm khi phải mặc những bộ quần áo không còn hợp một lơ lộ giữa đám bạn bè cùng lứa.

Sự dễ hấp thụ là thuộc bản chất của cái mà người ta gọi là bản năng hợp quần (instinct grégeire). Đám đông là cực kỳ nhạy cảm với sự hấp thụ. Những trẻ em trai cũng như gái ở tuổi học đường khi các em tham gia vào nhóm bạn, nếu có em nào đó tỏ ra táo tợn có thể làm cho các em không thích. Nhưng sự táo tợn đó lại có thể làm cho em này trở thành một vị anh hùng chân chính.

Đến tuổi trưởng thành sự dễ hấp thụ sẽ mang hình thức đời sống xã hội, ở đó mọi cá nhân đều phụ thuộc lẫn nhau, lúc đó người ta chạy theo một đồng loạt mà chỉ đơn giản là mọi người đều làm như thế, nền tảng tuyệt vời mang đặc trưng xã hội. Ví dụ như sự lễ độ. Trở thành một người có lễ độ thì sẽ chiếm được sự chú ý của những người khác. Trong phạm vi luân lý nói chung cũng tương tự. Mỗi người đều muốn thực hiện. Vì thế sự dễ hấp thụ được xem như một trong những quy phạm về đạo đức như người khác để từ đó hình thành những phong tục và tập quán chung để mọi người cùng theo. Những điều nói trên lại được sản sinh ra rất sớm ở lứa tuổi thơ. Nhờ đó người ta có thể dạy các em với một phương pháp rất đơn giản là hãy ý thức cho được những quy tắc về luân lý, hãy chia đồ chơi cho các bạn và hãy thực hiện đúng luật chơi.

Tính dễ hấp thụ cũng có giá trị sinh học của nó. Cũng như sự bắt chước, sự dễ hấp thụ đòi hỏi các em nhất thiết phải học qua kinh nghiệm và phải thực hiện phương pháp “thử và lầm lẫn” vì sự lầm lẫn là điều khó tránh. Tuy nhiên *sự bắt chước chỉ bao gồm những hành vi thì sự dễ hấp thụ được thực hiện từ những ảnh hưởng của lời nói và*

những thái độ tinh thần. Các em không thể tự chứng minh được với chính mình nếu không có những kinh nghiệm cá nhân. Để tiến lên các em phải lợi dụng kinh nghiệm của người khác mà chính tự nhiên đã cung cấp cho các em khả năng. Sự dễ hấp thụ cũng là một năng lực tự có giúp cho các em có thể có được những kinh nghiệm nhờ những người khác mà các em rút ra được. Lợi ích mà sự dễ hấp thụ mang lại trong cuộc đấu tranh để sinh tồn là không thể lường hết được.

Cuối cùng người ta có thể kết luận được rằng chức năng chính của sự dễ hấp thụ là giúp cho sự an toàn và là một phương tiện để thích nghi với cuộc sống.

Bên cạnh sự dễ hấp thụ tích cực cũng có sự dễ hấp thụ tiêu cực. Mặt tiêu cực này sẽ làm cho các em khó thích nghi được với cuộc sống cũng như đối với những bắt buộc của xã hội. Ví như một người mẹ luôn nhút nhát và thiếu tự tin. Tất cả những thái độ đó đương nhiên là có ảnh hưởng lớn đến con cái và chính các em luôn có những mặc cảm về tình cảnh của mẹ chúng. Một khi người mẹ mang bệnh tâm thần thì các em cũng khó tránh được mang bệnh như mẹ chúng.

Trong đời sống xã hội luôn đan xen những cái tốt và cái xấu. Việc tránh môi trường xấu là cần thiết nhưng giúp các em đứng vững được trước khó khăn mới là điều quan trọng.

Bên cạnh sự hấp thụ tiêu cực còn có sự dễ hấp thụ cực kỳ nhạy bén (Hyper – Suggestibilité). Với các em này một cách tự nhiên các em có tính phụ thuộc cao và rất dễ chịu ảnh hưởng. Nhưng đó không phải là trường hợp ngoại lệ. Khi lớn lên các em này thường lại là những người

thực thi tuyệt vời vì trên đời này đâu có phải mọi người đều trở thành những người điều hành như những vị thủ trưởng. Nhưng có điều cần phải chú ý là những em này thường ít hay không có cá tính. Như người ta thường gọi chúng là những đứa trẻ không có sắc màu nên chúng không bao giờ có quan niệm riêng của chính mình. Chúng thường suy tư và phát ngôn theo sự suy nghĩ và lời nói của người khác. Các em này chỉ biết làm những cái mà người khác làm. Một số các em này thường yếu ớt từ bản chất. Một số khác thường là do sai lầm của cha mẹ chúng. Theo các nhà chuyên môn thì nguyên nhân phổ biến của tình trạng này là do sự nuôi dạy quá cứng nhắc trong thời kỳ khó bảo. Các bậc cha mẹ thường tìm cách triệt tiêu ý chí của con cái mình. Từ đó làm cho các em ngại ngùng, e dè mà không dám làm gì. Luôn chờ đợi xem người khác làm như thế nào để làm theo. Tình trạng tinh thần và tư tưởng của các em cũng tương tự. Đến lúc đó các bậc cha mẹ tỏ ra thất vọng vì con em họ không còn duy trì được đời sống tinh thần bình thường. Khi không còn cách nào khác họ đành buông xuôi mà hậu quả lại do chính sự giáo dục sai lầm của họ.

Điều đáng lo ngại hơn cả các em này sẽ trở thành những con người dễ bị người khác lôi kéo. Tội phạm xã hội thường là do hai loại người gây ra, loại người dễ chịu ảnh hưởng và loại người thích điều khiển và thống trị người khác.

Cũng như đã trình bày ở trên, sự phụ thuộc và sự dễ hấp thụ đóng một vai trò vô cùng quan trọng đối với các loại bệnh tâm thần do sự mềm yếu và sự bất lực gây nên. Sự mềm yếu và sự bất lực này thường

xuất hiện ở các em luôn cảm thấy mình bị bỏ rơi, bị tước mất mọi sự âu yếm. Cách chữa chạy tốt nhất với các em ở trong tình trạng nói trên là làm cho các em bỏ dần cái cảm giác bị bỏ rơi bằng các âu yếm em hơn, làm cho các em cảm thấy được an toàn hơn. Dần dần các em sẽ quên đi cái bệnh tưởng cũng như sự đau khổ tưởng tượng. Các em bị bệnh này là những đứa trẻ thèm khát sự thiện cảm của người khác. Các em trở thành người bệnh vì các em thiếu sự thiện cảm này hay ít ra cũng trong tư tưởng của các em.

Vào tuổi này cách phòng bệnh có hiệu quả hơn cả là người mẹ nên theo dõi thời kỳ dễ hấp thụ của các em để giúp các em đi vào hướng có lợi nhất. Không cần tìm kiếm một phương pháp gì đặc biệt mà chỉ cần làm gương tốt. Tính dễ hấp thụ tự nhiên sẽ kích thích các em bắt chước làm theo. Điều quan trọng là chúng ta nên tận dụng mặt tích cực của sự dễ hấp thụ chỉ đơn giản bằng cách thay đổi cách nói. Nếu các bậc cha mẹ yêu cầu con mình làm điều gì thì tốt nhất là nên nói: “Nếu mẹ là con thì mẹ không làm như thế”, sẽ có tác dụng hơn là nói “không được làm như thế”. Nếu như chúng ta kèm theo đôi điều lý giải thì tác dụng lại càng hiệu quả hơn. Vào tuổi này các em thường ít chịu ảnh hưởng của lý lẽ nhưng các em lại chịu ảnh hưởng nhiều ở lời nói của cha mẹ một cách hợp lý cũng như thái độ khi nói. Nói chung là không nên chờ đợi tác dụng tốt nào ở một sự dễ hấp thụ thiếu công bằng hay thái quá. Nói như vậy là vì sự dễ hấp thụ là tự nhiên nơi trẻ em và phải được thực hiện một cách bình thường tránh mọi sự cưỡng ép. Các nhà chuyên môn có những lệch lạc về sự hấp thụ của trẻ em thì không nên dùng sự

phê phán, chỉ nên dùng lời nói có tác dụng vào tiềm thức để tự các em rút ra cần phải làm gì. Phương pháp này thường rất có hiệu quả với mọi người và đặc biệt với các trẻ em.

2. SỰ ĐỒNG NHẤT

Sự dễ hấp thụ dẫn đến sự đồng nhất. Qua sự dễ hấp thụ các em tiếp nhận thái độ, tình cảm cũng như ý tưởng của những người xung quanh sau đó chính nhân cách của các em sẽ lựa chọn. Các em không chỉ bắt chước hành vi mà còn để ý đến thái độ, sự khéo léo cũng như tinh thần. Qua đó các em cảm nhận, suy tư và thực hiện. Vì thế có khá nhiều trường hợp người ta chỉ thấy nhân cách người khác thể hiện qua các em chứ không phải nhân cách của chính các em. Nói một cách chính xác hơn thì nhân cách của các em đang lồng trong nhân cách người khác. Không phải là các em tìm cách làm giống người khác mà chính đó là nhân cách của các em.

Các nhà phân tâm học cho rằng quá trình của sự đồng nhất thường làm trôi dạt những kỷ niệm xưa. Vì thế những sự đồng nhất đầu tiên thường rất sâu sắc và cùng đi vào tuổi trưởng thành. Nếu như các em hấp thụ được lối sống luộm thuộm của cha mẹ khi còn rất nhỏ. Sự hấp thụ này đi cùng các em vào tuổi trưởng thành và các em luôn luộm thuộm như cha mẹ các em. Đó là sự đồng nhất xuất hiện từ thời thơ ấu với cha mẹ và nó đã được khắc sâu vào tiềm thức của các em và đi cùng các em suốt cả cuộc đời. Vì thế chúng ta, những người làm cha làm mẹ, phải hết sức chú ý từng thái độ, từng lời nói, từng tình cảm,

từng ý nghĩ sao cho các em hấp thụ, đồng nhất một cách có lợi nhất khi còn thơ ấu cũng như lâu dài về sau khi đã trưởng thành.

Những đặc tính chuyển từ cha mẹ sang con cái được xem như một sự thừa kế. Thông thường thì những cá tính của người cha lại chuyển cho con gái. Còn những cá tính của mẹ lại chuyển cho con trai. Các nhà chuyên môn cho đây là sự đồng nhất hơn là sự kế thừa. Như vậy là nếu khả năng đồng nhất là một sự thừa kế thì đó là do một sự tập luyện những khả năng đó bằng sự hấp thụ liên tục nhiều lần cả những tính tốt cũng như những tính xấu. Theo một nghĩa thực sự khoa học thì các em chỉ kế thừa hình hài như sắc đẹp mà không kế thừa tính nết như sự kiêu ngạo hay khiêm tốn v.v... Nhưng mặt khác sự đồng nhất cũng như sự dễ hấp thụ lại là năng lực được kế thừa qua trung gian những người xung quanh. Đôi khi các em không chỉ kế thừa những cá tính riêng biệt mà toàn bộ nhân cách với tất cả những cá tính. Sự đồng nhất này tự nó cũng là do kinh nghiệm đã qua như tính đồng nhất (identité). Trước khi ra đời các em với người mẹ về mặt thân thể chỉ là một, các em chỉ là một bộ phận của cơ thể người mẹ. Sau này tình cảm đồng nhất này trở thành sự đồng nhất (identification).

Sự đồng nhất thường được thể hiện dưới hai hình thức. Sự hấp thụ toàn bộ nhân cách người khác được gọi là sự chiếu rọi nội tâm, từ bên trong (introjection). Còn sự hấp thụ một số cá tính nào đó được gọi là sự chiếu rọi (projection). Bằng sự chiếu rọi này các em muốn có những đồ chơi theo ý thích và tình cảm của các em. Các nhà chuyên môn gọi là tuổi vị tâm (animisme) nghĩa là mọi đồ chơi của các em phải thoả mãn

được nhân cách của các em cũng như cuộc đời các em. Thông qua những trò chơi các em học nhiều điều ở người khác cũng như ở chính mình.

Sự đồng nhất đóng vai trò vô cùng quan trọng về mặt sinh học, bởi vì khi chúng ta tự đặt mình vào vị trí của người khác chúng ta phát triển được sự thông giao mà một sự thiện cảm qua lại sẽ làm cho những tổ chức xã hội dễ dàng nảy nở. Sự đồng nhất này còn xuất hiện trong tuổi trưởng thành. Điều đó giải thích tại sao chúng ta lại bối rối trước những hành vi bất thường của người khác.

Sự đồng nhất thường diễn ra giữa hai nhóm người, giữa người yêu và người được yêu. Đồng thời cũng có hai lý do của sự đồng nhất là tình yêu và sức mạnh. Đó cũng là hai phẩm chất mà các em mong muốn hơn cả. Nó thực sự là nhu cầu của các em. Các em thường đồng nhất với những người mà các em yêu bởi vì các em còn có nhu cầu che chở và được an toàn. Các em thấy cần phải giữ sự giao tiếp với những người mang đến cho các em sự dịu dàng mang tính che chở, có hoàn cảnh giống nhau.

Nói chung tình yêu là một sự đồng nhất lành mạnh. Cũng từ đó làm xuất hiện ở các em một tình cảm an toàn tự nhiên. Đồng thời hướng những khuynh hướng của các em theo nghĩa tốt vì cả người yêu và người được yêu rất thích tính nết của nhau.

Sức mạnh cũng là lý do quan trọng vì nó có một giá trị to lớn để khuyến khích các em mau trưởng thành và thích nghi tốt với thế giới bao quanh.

Tình yêu và sức mạnh là những vấn đề đã được những nhà tâm phân học khẳng định là những lý do quan trọng để cho người ta có thể dễ đồng nhất với nhau.

Như chúng ta đã khẳng định, sự đồng nhất hay đồng cảm này không chỉ xuất hiện trong thời thơ ấu mà còn được phát triển trong tuổi trưởng thành và còn được tiếp tục trong suốt cả cuộc đời. Vào thời kỳ đầu của tuổi thiếu niên nó mang hình thức như là một sự tôn thờ những vị anh hùng. Các em hướng về một vài nhân vật nào đó xuất hiện trong lịch sử hay trong trí tưởng tượng. Các em mơ ước trở thành những nhân cách như các vị anh hùng. Việc tôn thờ một diễn viên điện ảnh là một ví dụ. Sau đó một chút các em hướng sự ngưỡng mộ vào một ý tưởng như ý tưởng triết học, chính trị, xã hội hay tôn giáo mà các em đồng nhất hay đồng cảm.

Khuyênh hướng đồng nhất có một vai trò vô cùng quan trọng khi trưởng thành dù cho là vô thức. Vì như một người mẹ thường muốn đồng nhất niềm vui của mình với các thành viên trong gia đình như ăn mặc đẹp và đúng mốt, hợp gu. Nếu có một đứa con nào không đáp ứng được niềm vui đó thì sẽ trở thành nỗi ám ảnh của người mẹ và đứa trẻ cũng cảm thấy đau khổ. Tuy nhiên tình yêu và sức mạnh, sự ưu việt (la puissance) đều là những lý do quan trọng cho sự đồng nhất, cho sự đồng cảm và rất có lợi vì chúng tạo ra một sự bảo đảm an toàn và khuyến khích sự thích nghi với cuộc sống được dễ dàng hơn.

Tuy nhiên chúng ta cũng cần thấy rằng mọi việc không phải lúc nào cũng diễn ra một cách tốt đẹp. Ví như khi các em đồng nhất và đồng

cảm với một người thích quyền lực thì các em cũng có thể gặp một nhân vật không đáng ca ngợi, tuy họ là người khoẻ nhưng lại tàn bạo như nhiều vị “anh hùng trên phim ảnh”. Có trường hợp các em muốn trở thành những người khác mà các em ca ngợi nhưng tiếc thay những em này lại không đủ năng lực để thực hiện mong muốn của mình. Từ đó có thể dẫn đến những sự thất vọng có ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống của các em khi còn nhỏ cũng như về lâu về dài. Ví dụ muốn trở thành một nhà khoa học như một khoa học gia đích thực nào đó nhưng lại không đủ những tố chất của một nhà khoa học v.v...

Hoặc các em đồng nhất với một người nào đó mà các em ngưỡng mộ trong trí tưởng tượng chưa hề xuất hiện trên đời. Vì thế các em này luôn như người sống trên mặt trăng với những hư ảo mang đầy chất huyền bí ,hoang đường. Cũng như những trường hợp nói trên, các em sẽ trở thành những kẻ thất bại và trở thành thất vọng, mất lòng tin.

Cũng còn những lý do đồng cảm mà các nhà khoa học gọi là những lý do đồng cảm giả. Với những lý do giả này chúng ta thấy nó không có gì giống với tình yêu cũng như sức mạnh, cũng như sự ưu việt vì đáng ra chúng phải khuyến khích sự phát triển thì chúng lại kìm hãm sự phát triển bình thường. Ví như sự đồng nhất được xây dựng trên nỗi sợ hãi. Một người mẹ buộc con em mình phải vâng lời bằng sự đe dọa hay sự trừng phạt và bằng mọi cách ép các em phải đồng nhất với mình, trở thành như mình và làm mọi việc mình làm theo kiểu “hãy làm như mẹ ra lệnh nếu không thì hãy coi chừng”. Cách đồng nhất này không những không có hiệu quả mà còn làm cho chính sự đồng nhất bị

tê liệt. Nó không có một vị trí nào đối với sự ngây thơ, đối với tinh thần tư tưởng cũng như đối với một nền kỷ luật tự do nhưng thường lại dẫn đến một sự nổi loạn, thành kẻ phạm pháp. Cũng có thể các em sẽ đồng nhất với nhân cách nghiêm khắc của người mẹ để tự lên án chúng như người mẹ đã lên án chúng. Điều đó có nguy cơ dẫn đến những khủng hoảng về xung lực và đến bệnh tâm thần khó bảo.

Một hình thức giả khác khác là sự đồng nhất về tình dục vì nó không có vai trò gì về sức mạnh cũng như sự che chở. Nó không có một nhiệm vụ sinh học có ích nào.

Trường hợp có một sự đồng nhất kép khi các em đồng nhất với hai người mà cá tính lại đối lập nhau là tương đối phổ biến và chỉ gây ra rối loạn về tinh thần. Ví dụ có một em trai đồng nhất với người mẹ là một nhà giáo đồng thời lại đồng nhất với người cha là một người làm nghề môi giới. Hai khuynh hướng này đấu tranh với nhau ngay trong lòng em. Sau khi được điều trị em này quyết định theo nghề giáo như mẹ em.

Có những sự đồng nhất được hình thành từ trong vô thức và kết cục là rất xa lạ với chính các em. Ví như một cô gái bị mẹ đối xử không tốt đã khẳng định rằng cô không bao giờ đối xử với con mình như mẹ cô đã đối xử với cô. nhưng sự đồng nhất lại mạnh hơn cái vô thức nơi cô từ thời thơ ấu và cô đã hành động ngược lại lời tuyên bố để lại làm như mẹ cô trước kia. Việc làm của cô là ngoài ý thức của cô. khi người ta nhắc đến lời tuyên bố của cô thì cô khẳng khẳng chối hay đổ cho

hoàn cảnh. Như thế là chính cô lại chống lại cô mà cô không hay biết (vô thức).

Sự đồng nhất được xem như là một khuynh hướng vốn có đi từ người này sang người khác mà vẫn sống cuộc sống của nó được xem như một sự tiếp xúc có giá trị giúp cho việc hình thành nhân cách của các em. Việc em trai cũng như gái có nhiều bạn với nhiều tính khí khác nhau là tốt. Nhờ đó mỗi em có thể làm phong phú thêm nhân cách của mình trong một giới hạn nhất định. Đó là cơ hội để các em chắt lọc những cá tính cũng như những lợi ích để cho tính cách của các em được tốt hơn. Bằng cách đó các em tự hình thành nhân cách của chính mình, thành một cá thể thực sự. Vì thế James đã từng nói rằng chúng ta có thể có nhiều cái tôi khi có nhiều người biết đến ta. Từ đó chúng ta cũng có thể nói được rằng: chúng ta có nhiều cái tôi hơn là những người mà chúng ta đồng nhất. Nói chung là không nên để cho các em chỉ sống với một người nào đó như chỉ với người bảo mẫu, hay chỉ với một người mẹ dịu dàng hay một người mẹ quá khắc khổ. Tốt nhất là nên tạo điều kiện để cho các em được tiếp xúc với nhiều đối tượng khác nhau với những tính cách khác nhau.

Sự đồng nhất còn khuyến khích việc làm nảy sinh những tài năng, những năng khiếu thật đáng quý. Khi các em tuyên bố rằng em thích làm cô giáo, thích làm y tá, hay với các em trai thích làm bác sỹ, thích làm nghề cầu đường thì các em đã chú ý đến những điều cần thiết của nghề mình chọn ngay khi chơi. Hơn nữa khi sống với nhiều người khác nhau sẽ có điều kiện để rèn luyện trong hoạt động của mình. Các em có

điều kiện làm thân với những người hoạt động trong những ngành nghề khác nhau từ đó các em có được cách ứng xử rất khác nhau. Nhờ đó tính tháo vát của các em được phát triển rất nhanh và rất phong phú. Quan trọng hơn cả là hãy giúp các em có ý thức về những vấn đề mà các em có thể, cũng như những gì mà các em chưa thể làm được. Sự đồng nhất còn giúp các em nhanh chóng định hướng nghề nghiệp một cách dễ dàng và chính xác.

Vào thời kỳ này liệu các em có thể đồng nhất với những cái xấu được không. Đó là điều mà các bậc cha mẹ luôn băn khoăn và lo lắng. Theo các nhà chuyên môn thì điều đó là không đáng ngại vì các em tự chúng có thể từ bỏ một cách dứt khoát những gì mà các em không thoả mãn để đồng nhất với những gì mang lại cho các em lợi ích hơn. Có không ít em do chịu ảnh hưởng xấu của gia đình hay của hoàn cảnh xấu nhưng các em đã trở thành những đứa trẻ tốt. Tất nhiên ở đây phải có những điều kiện tương ứng để động viên và giúp đỡ các em. Ở nước ta không ít gì trường hợp đã chứng minh điều đó. Xã hội và gia đình đã giúp cho khá nhiều em có cuộc sống “đặc biệt” đã trở thành những đứa trẻ có ích. Nhiều em còn có trí tiến thủ khá cao. Ở nước ta danh hiệu “hoàn lương” đã được xuất hiện ở nhiều nơi và không còn là một hiện tượng hiếm. Điều quan trọng là phải tìm cho các em những con người mà các em kính trọng thực sự để các em tin tưởng và noi theo. Đương nhiên trong quá trình này chúng ta phải đề phòng nguy cơ làm cho các em xấu thêm hoặc thay đổi hoàn toàn thành người xấu thực sự. Vấn đề là phải tìm cho các em những người có đủ sức hấp dẫn các em để đưa

các em trở lại con đường ngay thẳng. Vấn đề tuy không đơn giản nhưng cũng không phải là vấn đề không thể vượt qua được. Với những trẻ em phát triển bình thường và đang có một cuộc sống lành mạnh về tinh thần và thể chất thì chính các em sẽ có một sự lựa chọn tỉnh táo hơn. Vấn đề là phải tạo ra môi trường lành mạnh để nuôi dưỡng các em. Ngay cả với các em có vấn đề thì sự thay đổi môi trường sống là vô cùng quan trọng vì trong môi trường lành mạnh này mà các em tìm được những đối tượng tốt để các em đồng nhất.

3. CÁI SIÊU TÔI

Bước thứ tư trong quá trình hình thành cơ cấu nhân cách của các em là sự hình thành cái siêu tôi (surmoi). Đây là giai đoạn tiếp theo các giai đoạn trước. Chúng ta biết rằng giai đoạn bắt chước các em làm theo những hành động của người khác. Giai đoạn để bảo các em có cách ứng xử và tình cảm với những người xung quanh. Giai đoạn đồng nhất các em còn đi xa hơn là hoà đồng toàn bộ nhân cách của các em với nhân cách của những người mà các em mến mộ.

Giai đoạn cuối là giai đoạn siêu tôi. trong giai đoạn này các em tách ra khỏi con người mà các em đã đồng nhất nhưng vẫn giữ lại những tính cách còn phù hợp với nhân cách của các em. Ví như một em nhỏ tuyên bố rằng “em dũng cảm như cha em nhưng chỉ với ý tưởng của cha em mà thôi!”. Như vậy là em chỉ lấy ý tưởng của cha em như là một định hướng còn em tự kiểm soát những xung lực của mình để tạo ra một sự hài hoà trong nhân cách của em. Như vậy là trung tâm của

vấn đề đã chuyển từ ngoài hướng vào nội tâm các em. Nếu như trước kia em bị chi phối với một kỷ luật nào đó từ xung quanh thì nay tự em ra lệnh cho em. Trong giai đoạn đồng nhất mọi xung lực của em hướng ra và chịu sự chi phối của người mà các em hoà đồng. Khi đó các em chỉ là cái tôi đơn thuần. Nay các em đã trở thành siêu tôi vì các em đã tách khỏi người mà các em đã một thời hoà đồng, nghĩa là người một thời chi phối các em. Nay các em chỉ giữ lại những tính cách nào đó còn phù hợp với nhân cách của các em để hình thành một sự đồng điệu trong nhân cách của mình và tự quyết định mình phải làm gì, tự mình chi phối mọi hành vi của mình, tự mình ra lệnh cho mình. Vào thời điểm này trong các em đã hình thành một sự đối lập giữa cái tôi tự nhiên trong giai đoạn đồng nhất và cái siêu tôi trong giai đoạn siêu tôi này. Cũng như thế ở đây có một sự chuyển hướng quan trọng là tự bị người khác chi phối đến chỗ tự chi phối bản thân mình bằng chính cái siêu tôi của mình. Tất cả những điều trình bày trên đã chứng minh rằng những quá trình nói trên được diễn ra một cách tự nhiên, với những nguyên tắc và một ý nghĩa đạo đức nhất định nơi các em. Đó là tốt hay xấu, là đúng hay là sai, là như thế nào là do quá trình nuôi dạy từ khi mới lọt lòng trong một môi trường nhất định. Tất cả là do sự bất chước, sự dễ bảo, sự đồng nhất của những giai đoạn trước quyết định dù cho chúng ta có dạy chúng hay là không.

Các nhà chuyên môn đã khẳng định rằng cuộc đời các em nói chung và sức khoẻ tinh thần, tâm hồn các em nói riêng đều phụ thuộc vào cái siêu tôi này của các em. Một cái siêu tôi quá cứng nhắc bắt nguồn từ sự

đồng nhất với sự khô cứng của người cha, hoặc bắt nguồn từ sự hẹp hòi của người mẹ sẽ làm tha hoá những xung lực vốn có nơi các em và làm cho các em trở thành những con người có tính cách yếu ớt hoặc thô bạo. Nếu là cái siêu tôi quá mềm yếu sẽ không đủ sức để kiểm soát và hướng dẫn được những xung lực tự nhiên. Vì thế sự cần thiết là phải có một đời sống lành mạnh, một ý tưởng trong sáng để có thể định hướng cho toàn bộ nhân cách đi theo một mục đích chung có ích. Vì thế việc hình thành cái siêu tôi theo một hướng nào đó có vai trò quyết định như một bước ngoặt cho toàn bộ cuộc đời em. Vì thế chúng ta phải tìm hiểu cụ thể một số nội dung của cái siêu tôi của các em vào thời kỳ này để có một sự giúp đỡ cần thiết.

Theo các nhà tâm lý thì sự hình thành cái siêu tôi sẽ dẫn đến cái mà người ta gọi là sự nhị nguyên trong nhân cách (dualisme de la personnalité). Điều đó được thể hiện ở chỗ một bên là cái tôi tự nhiên và thuần túy còn bên kia là cái siêu tôi. Cái tôi tự nhiên với những xung lực và ham muốn vốn có. Còn cái siêu tôi với sự đồng nhất với nhân cách. Sự nhị nguyên này là một sự đồng nhất rất đặc trưng trong tâm lý con người so với đời sống các loài động vật khác. Trong những trường hợp đặc biệt sự nhị nguyên này có thể dẫn đến sự nhân đôi trong một con người thành hai bộ phận của một nhân cách. Vào thời điểm cái siêu tôi xuất hiện các em phải đấu tranh một lúc trên hai trận tuyến. Các em phải thường xuyên giải quyết không chỉ những vấn đề cùng những khó khăn của cuộc sống khách quan, tự bảo vệ để chống lại những hiểm nguy từ bên ngoài mà còn phải đấu tranh chống lại những rắc rối nảy

sinh từ bên trong, từ chính những xung lực của các em. Đây thực sự là một trận chiến gian khổ giữa những sức mạnh đối lập nhau. Các bậc cha mẹ cũng không dễ gì giúp được các em tránh khỏi thất bại này hay thất bại khác vì vai trò chính lúc này lại là các em. Vì thế điều quan trọng là động viên các em hơn là dồn nén các em.

Sự nhị nguyên này có phần trách nhiệm của những đối lập có từ trước như những xung lực và ý chí, giữa cái tôi tự nhiên và cái tôi mà các em phải trở thành tức cái siêu tôi, giữa cái tôi tinh thần và cái tôi tự nhiên. Điều nói trên đã được St. Paul lưu ý chúng ta trước cả Freud như sau: Tôi không thể làm điều tốt mà tôi mong muốn. Tôi thấy ở trong cơ thể tôi một thứ luật xa lạ đang chống lại cái luật của lý trí của tôi và làm cho tôi như bị cầm tù bởi cái luật của tội lỗi đang ở trong cơ thể tôi.

Kết luận thứ hai khi bàn về cơ cấu của cái siêu tôi là sự tự ý thức (*la prise de conscience de soimême*). Điều đó có nghĩa là sự ý thức lẫn nhau giữa cái tôi tự nhiên và cái siêu tôi trong nhân cách của mỗi em.

Theo các nhà chuyên môn thì chúng ta có thể dễ dàng thấy được sự xuất hiện của hiện tượng này ở các em khoảng ba tuổi. Chúng ta có thể lấy ví dụ sau đây để tìm hiểu vấn đề. Một em nhỏ độ hai tuổi đi chơi công viên với cha mẹ em. Em thấy hai bà cụ nói chuyện với nhau cách em không xa với thái độ như đang diễu cợt ai đó. Quan sát một lúc rồi em bỏ đi không chút bận tâm. Đến bốn tuổi cũng trường hợp như vậy. Lúc này các em không thể dừng dừng với thái độ diễu cợt của các cụ mà rất tự nhiên các em cho rằng chính sự diễu cợt đó là dành cho các

em. Lập tức em xem lại quần áo mình có gì đáng buồn cười hay không như quần áo có thủng rách, cúc áo cài lệch hay đầu tóc bù xù bẩn thỉu... Em có cảm giác như các cụ đang nhìn em rất chăm chú. Em cảm thấy như mình đang mắc một lỗi gì đó và người em nóng ran, mặt đỏ bừng. Thái độ đó chứng tỏ rằng cái tôi mới tức cái siêu tôi đã xuất hiện trong cơ cấu nhân cách của các em. Em đã tự có ý thức về chính em. Trước đó khi em còn là một bé tí, cảm giác đó cũng xuất hiện trong em cũng xuất hiện trong em nhưng em coi như nó không thuộc về em, là cái đến từ đâu đó xa lạ. Cũng tương tự như vậy, khi các em thấy đau bụng thì các em lại cho là từ bên ngoài tấn công em. Còn bây giờ khi đã bốn tuổi, em đã hiểu được đã ý thức được điều đó bằng chính ý thức của em. Cũng chính lúc này là lúc các em dùng từ tôi thay cho từ người ta, hay dùng tên để chỉ định. Ví như các em không nói Tuấn thích cái này thích cái kia mà nói em hay tôi thích cái này hay thích cái kia...

Sự tự ý thức này có một ý nghĩa sinh học thực là to lớn. Bởi vì nó giúp cho các em nhận ra những cái mà các em khác không nhận ra. Tự quan sát chính mình để so sánh với cái mà mình sẽ là nghĩa là quan sát mình để tự sửa chữa trở thành người khác nhưng vẫn là chính mình. Tự quan sát mình để biết những người khác muốn gì.

Điều đó thật vô cùng quan trọng trong sự phát triển của cuộc sống xã hội cũng như đời sống cộng đồng. Điều quan trọng hơn là sự tự ý thức sẽ là cơ sở cho sự hình thành cơ cấu luân lý và các em trở nên ý thức về mục đích cần đạt tới. Điều đó còn là một phẩm chất để phân

biệt con người với các loài động vật khác và đặt con người lên trên muôn loài.

Buồn thay bên cạnh những đức tính tốt đẹp nói lên sự đặc thắng của con người tự nhiên thì cũng có không ít mặt trái của nó. Có không thiếu những đứa trẻ được gọi là có “ý thức về mình” một cách bệnh hoạn nhiều khi thái quá. Cái ý thức về mình bệnh hoạn này xuất hiện trong sự lớn lên của các em vào lúc mà người ta đã buộc các em nhận về mình như một tên tội phạm, ngổ ngáo, ích kỷ và vụng về... Hình ảnh xấu này đã khắc sâu trong tâm hồn các em mà không có cách nào có thể rũ bỏ được ngay cả khi sự thực không còn như vậy nữa. Kết quả tai hại là cái ý thức về mình đó lại không giúp được gì để hướng dẫn, điều chỉnh cuộc sống của các em. Trái lại cái ý tưởng bệnh hoạn đó lại trở thành vật cản đập vùi tất cả tính tự tin ở chính mình. Đáng ra phải hướng dẫn các em theo hướng xã hội lành mạnh thì nó lại ngăn cản các em đi vào những quan hệ bình thường và lành mạnh với những người khác. Thông thường những con người bị làm tù binh của thứ ý thức về mình bệnh hoạn này thường làm hư hỏng xã hội. Một số khác thường bị thui chột cho đến khi xuống mồ. Nếu như chúng ta so sánh với những em khác cũng có ý thức về mình nhưng lại được những người xung quanh yêu mến thì nhất định các em đủ khả năng để làm được một cái gì đó trong cuộc sống. Sở dĩ như vậy vì các em này đi vào cuộc sống với những sự tin tưởng mãnh liệt vào chính khả năng của mình và nhờ vào sự tin tưởng đó mà các em có thể đạt được nhiều thành công.

Chúng ta cần một lần nữa khẳng định rằng sự tự ý thức về mình là một phẩm chất tự nhiên đáng quý mà nguồn gốc là từ sự đồng nhất với những mẫu người khác ngoài đời. người ta có thể theo cách chung nhất là cứ để cho chúng tự phát triển. Bởi vì đó là một phẩm chất tự nhiên thì không nên làm cho nó biến chất bằng cách làm cho các em phải bận tâm vào nhiều cái khác không cần thiết. Các bậc cha mẹ phải hết sức khách quan trong chừng mực có thể. Các nhà chuyên môn khuyên các bậc cha mẹ là cứ để cho các em tự xoay sở. Nếu các em làm chưa tốt thì nên nhắc nhở nhưng tránh không nên công kích cá nhân các em. Ví như các em rửa bát chưa sạch thì cứ nói là “bát đĩa chưa sạch” mà không nên nói là “con rửa bát đĩa bẩn lắm”. Làm cho cá nhân các em bị tổn thương chỉ là kích thích sự tức giận nơi các em. Nếu các em làm chưa tốt thì không nên la mắng làm cho các em đau khổ vì sự vụng về của mình. Cần phải chỉ cho các em biết vì sao em làm ít kết quả và giúp các em sửa chữa. *Làm như thế nào để các em hướng sự chú ý của mình vào mục đích công việc chứ không phải hướng vào cá nhân các em.* các nhà tâm lý học cũng tự nhắc nhở với chính mình khi thừa chuyện với các bậc cha mẹ cũng cần tránh đến nói cá nhân. Như không nên nói là bà phải làm như thế này hay như thế kia mà chỉ nên nói là bà hãy thử làm như thế này có thể kết quả sẽ tốt hơn. Tóm lại theo các nhà tâm lý thì nên dùng phương pháp khoa học hơn là dùng phương pháp luân lý.

Theo các nhà chuyên môn thì trong đời sống tinh thần nói chung cũng như trong lĩnh vực ý thức vấn đề tự phê bình là điều không thể tránh được bởi vì sự tự ý thức và vấn đề tự phê bình là hai việc làm kế

tục nhau. Khi còn thơ dại cha mẹ có thể phê bình các em bởi vì cha mẹ với các em chỉ là một. Nhưng khi các em đã có nhân cách của mình thì vấn đề phê bình của cha mẹ được thay thế bằng sự tự phê bình của chính các em tức của nhân cách các em. Nhiều công trình nghiên cứu đã chứng minh rằng khi nhân cách các em chưa hình thành thì sự phê bình của cha mẹ là không chỉ cần thiết và rất hiệu quả. Nhưng khi các em đã có nhân cách riêng của mình thì sự phê bình từ người khác là ít hiệu quả nhiều khi còn làm cho các em nổi nóng. Vì thế lúc này là nên để cho các em có thói quen tự phê bình, vì tự ý thức vừa là cơ sở vừa là cách tự phê bình tốt nhất. *Nói cách khác thì tự ý thức bao gồm cả việc tự phê bình.*

Cũng như thế, người ta thường nói là sự tự phê bình làm cho ý thức hình thành. Về mặt tâm lý thì ý thức là sự phán xét (phê bình) mà cái siêu tôi hay cái tôi luân lý mang lại cho cái tôi tự nhiên. Chức năng sinh học của nó là kiểm soát những xung lực của cái tôi tự nhiên để cho những hành vi của nhân cách hướng về điều tốt và hài hoà giữa chúng. Người ta thường đặt vấn đề để tìm hiểu về ý nghĩa luân lý có phải là cái vốn có hay không? Bằng những công trình nghiên cứu các nhà tâm lý học cho rằng ý nghĩa về mặt luân lý tự nó không thể là cái vốn có bẩm sinh tự nhiên. Nhưng đây là một *sự pha trộn, một sự kết hợp để hình thành ý thức về luân lý. Nghĩa là những tiến trình để bảo, sự đồng nhất và trên con đường hình thành cái siêu tôi mà nó tham gia.*

Các nhà chuyên môn còn cho rằng ngay cả ý thức bệnh hoạn cũng có tác dụng để sửa chữa hạnh kiểm của chúng ta. Sự tự phê bình cũng

có thể gây ra sự khó chịu cho chính người tiến hành sự tự phê bình. Sở dĩ như vậy là vì chính đương sự cũng không thể lẩn tránh được. Thông thường các em thường có khuynh hướng lẩn tránh ngay cả sự phán xét của chính mình. Thông thường các em thích phán xét người khác. Thói quen này thường thấy rất đặc trưng ở những em vào sáu đến bảy tuổi là thời kỳ mà các em thích khám phá những hành vi cũng như công việc của người khác.

Cần nhớ rằng tiêu cực của sự tự phê bình là có tác dụng chống đối. Nhiều em thường tiến hành sự phán xét các em khác vì nghĩ rằng các em này đang tìm cách để phê bình em. Nhưng sự thực lại không phải là như vậy. Chẳng qua chỉ vì các em quá chú trọng đến việc tự bảo vệ mình nên tưởng tượng ra như vậy mà thôi. Cái chính là các em phải tự phê phán mình nhưng các em lại chưa thể chịu đựng được việc làm khó chấp nhận đó. Vì thế các em cũng từ chối việc các bạn khác phán xét mình.

Sự đồng nhất của cái siêu tôi từ trong nội tâm của nhân cách cũng giúp cho các em cái khả năng để tự làm chủ mình. Khi một em tuyên bố rằng em là người dũng cảm thì đồng thời cũng là em đang làm chủ mình trước sự sợ hãi. Cũng như khi em khẳng định rằng em đã lớn thì điều đó có nghĩa là em sẽ không còn khóc nữa, không còn vùi vãnh như một đứa trẻ nữa. Chúng ta tìm thấy cơ sở của vấn đề là một sự cưỡng ép nhưng lại không phải là một sự dồn nén vì rằng ở đây có sự dũng cảm của các em trước một sự sợ hãi nào đó. Chính sự dũng cảm đó đã từ chối sự dồn nén.

Sự làm chủ bản thân thực sự và chân chính chỉ có thể xuất hiện vào tuổi từ ba đến bốn tuổi khi mà các em đã có cái siêu tôi. Cũng vì thế mà những trận nổi giận trở thành hiếm hoi vào tuổi này. Thông thường như mọi khi thì các em làm reo, nay các em cố gắng để làm chủ.

Chúng ta hãy thử xem ý tưởng nào được coi là đúng đắn và lành mạnh. Nếu nhìn ở góc độ xã hội thì đó là những ý tưởng phù hợp với những phong tục và những quy định của xã hội chúng ta. Nhưng cũng có một số em trở nên rối loạn tâm thần khi chịu sức nặng đòi hỏi của xã hội và cá nhân các em bị tổn thương. *Nếu chúng ta nhìn nhận trên góc độ luân lý, chúng ta sẽ coi những gì là đúng đắn và lành mạnh những ý tưởng biết tuân thủ những luật lệ cơ bản của cái Thiện và cái Ác.* Nhưng vấn đề là chúng ta hãy quyết định những luật lệ đó như thế nào. Cuối cùng nếu *chúng ta nhìn nhận vấn đề theo góc độ của sức khoẻ tinh thần thì chúng ta bắt buộc phải thừa nhận những ý tưởng về bản chất có khả năng có ích, có thể hướng dẫn cho hành vi của chúng ta và nó phù hợp với tất cả những năng lực cũng như tất cả những thiên tư của nhân cách chúng ta.* Đó là tất cả những cái có vai trò hướng dẫn toàn bộ hoạt động của chúng ta hướng về một mục đích chung của xã hội. Những ý tưởng đó có vai trò không đồng đều. Một số cái thể hiện vai trò của nó hiệu quả hơn những cái khác để kết hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ của chúng. Một đứa trẻ nếu chịu ảnh hưởng tính thô bạo của người cha đương nhiên là em này sẽ xô đẩy làm ngã bạn bè để em có thể về đích trước. Đồng thời em phải dồn nén bản năng dịu dàng tự nhiên của em. Đó là một ý tưởng không lành mạnh mà em đã tiếp thu

được từ người cha. Chúng ta cần nhớ rằng sự phóng dăng cũng như tính mềm yếu là không thể dung hoà được sức khoẻ về tinh thần bởi vì chúng không có gì phù hợp với những đòi hỏi cũng như với thực tế của cuộc sống. Chúng ta cần nhớ rằng nếu như những nhà tâm lý đã lên án những thói xấu đó thì không phải là nó đã kìm hãm những luật lệ về đạo đức cũng như những luật lệ xã hội nói chung, mà cái chính là nó *không có khả năng để thực hiện sự kết hợp trong nhân cách một cách hài hoà mà chính cái này là tiêu chuẩn của sức khoẻ tinh thần.*

Riêng việc hướng về một mục đích nào đó đã kích thích việc làm chủ bản thân. Ví như một em nhỏ có mong muốn mình trở thành một ông chủ trang trại giỏi thì chính mục đích đó kích thích tất cả năng lực của em và kết hợp chúng hài hoà trong nhân cách em. Từ đó buộc em phải làm việc cật lực và hướng tất cả những cái đó vào mục đích đã chọn. Muốn vậy em phải phát huy ý chí để hướng nhân cách hoạt động theo mục đích đã chọn.

Để làm một điều gì đó các em phải dành thời gian hoàn thiện nhân cách để có thể kiểm soát được tất cả những xung lực tự nhiên của chính mình. Nhưng những yếu tố để làm chủ bản thân cũng như những phương tiện để thực hiện sự kiểm soát cũng như để định hướng những xung lực lại do tự nhiên cung cấp. Vì vậy các em phải có những nỗ lực vượt bậc ngay cả khi chúng ta không nhận ra những nỗ lực này vì sự kết hợp này là một tiến trình tự nhiên. Vì vậy chúng ta phải kiên nhẫn ngay cả trường hợp các em không đạt được mục đích. Vấn đề là không

nên giao cho các em những nhiệm vụ quá nặng so với khả năng thực tế của từng em. Đồng thời cũng không nên thúc ép các em quá sức.

Khi các siêu tôi đã được khắc sâu trong nhân cách các em và đã chi phối được những xung lực của các em thì đó là lúc ý chí đã được xác lập. *Ý chí là sự bùng lên của nhân cách và hướng toàn bộ nhân cách vào việc hoàn thành một mục đích duy nhất. sự tự do lựa chọn là tất cả những khả năng có thể đạt được mục đích mà không bị cản trở bởi những xung lực không thể kiểm soát được hay những mặc cảm tâm thần. Lúc đó là lúc con người đã thống trị được tất cả những xung lực cũng như những mặc cảm. Mỗi cá nhân không thể thực hiện được những mong muốn cũng như những dự định nếu như ý chí không được tự do.*

Ý chí đã khai thác được sức mạnh của những xung lực vốn có mà nó kích thích. Ý chí còn khai thác được cái hướng trong những ý tưởng được hình thành cùng một lúc với sự đồng nhất và từ kinh nghiệm. *Ý chí và nhân cách chỉ mạnh khi mà những năng lực vốn có được huy động tới mức tối đa và được định hướng vào một ý tưởng lành mạnh.*

4. VAI TRÒ CỦA LUÂN LÝ XÃ HỘI

Tới đây là lúc chúng ta phải tìm hiểu về vấn đề luân lý của trẻ em. Ở đây có hai vấn đề cần bàn là luân lý của trẻ em được hình thành như thế nào và tại sao vấn đề luân lý và đạo đức lại là vấn đề vô cùng cần thiết đối với lứa tuổi thơ?

Thuật ngữ “tính luân lý, tính đạo đức” theo một nghĩa rộng nhất có hai nghĩa sau đây. Theo truyền thống thì tính luân lý có liên quan đến những vấn đề về phong tục tập quán của cộng đồng. Theo nghĩa thứ hai thì tính luân lý và đạo đức phụ thuộc vào những ý tưởng tốt và đúng đắn.

Nếu chúng ta chọn nghĩa thứ nhất và cũng được coi như một định nghĩa thì đương nhiên tính luân lý và đạo đức phải từ những phong tục, những tập quán của từng vùng khác nhau mà người ta gọi là những bè nhóm xã hội.

Còn nếu như chúng ta lấy cái nghĩa thứ hai cũng được coi như một định nghĩa thì đương nhiên là chúng ta sẽ lấy một số phẩm chất nào đó như sự trung thực, trung thành, sự nhân ái... là những phẩm chất tốt buộc mọi người phải tuân theo dù cho những phong tục tập quán cũng như những giá trị khác của cộng đồng có phù hợp hay là không.

Nếu như chúng ta chú ý quan sát sự phát triển của các em thì chúng ta không khó khăn gì để nhận ra hai loại hình luân lý và đạo đức nói trên.

Quá trình diễn ra trong thời kỳ ẵm bồng, các em suy nghĩ hoàn toàn như cha mẹ các em suy nghĩ cũng như những suy nghĩ của những người xung quanh các em. Trong thời kỳ này chúng ta thấy xuất hiện ở các em tính luân lý và đạo đức theo định nghĩa thứ nhất, nghĩa là theo phong tục và tập quán của từng cộng đồng riêng rẽ. Đó là những luân lý và đạo đức của từng vùng khác nhau trong từng thế kỷ khác nhau. Ví như có nơi chỉ ăn cắp bất cứ một vật to nhỏ nào bất kể giá trị của nó

đến đâu cũng đều coi là một tội phạm lớn. Theo nghĩa này thì, như người ta thường nói luân lý và đạo đức thực sự chỉ là đứa con của hoàn cảnh. Điều đó được người đời ghi lại qua mấy vần thơ một thời rất thịnh hành tại Londres sau Đại chiến thế giới thứ hai:

Bertie đã cắt cổ cha nó
Máu đã vấy đầy quần áo nó
Mẹ nó đã than phiền thật là đáng tiếc
Mà vãi lại thật là quá đắt.

Đến khi các em đã vào tuổi siêu tôi được ghi nhận một hệ thống những giá trị được dùng để điều chỉnh những cách ứng xử của chúng, đã đánh thức nơi chúng những khái niệm rất cao về mặt luân lý. Đó là hướng mọi người theo những ý tưởng luân lý tốt đẹp và lành mạnh.

Qua hai trường hợp nói trên, người ta có thể nghĩ được rằng luân lý bắt nguồn từ những tiến trình tự nhiên. Vào những thời điểm nhất định của sự phát triển đến lượt nó, nó sẽ xuất hiện một cách không thể tránh được. Tuy nhiên người ta cũng có thể đặt ra câu hỏi: Liệu có một ý nghĩa luân lý nào tồn tại trong các em? Liệu các em có đủ khả năng để phân biệt đâu là cái Thiện, đâu là cái Ác.

Nhiều người là tín đồ của đạo Thiên chúa cho rằng ý thức và ý nghĩa của luân lý là do Chúa trời ban tặng. Theo những nhà chuyên môn thì luận điểm này không có cơ sở đáng tin cậy.

Với các nhà chuyên môn thì không còn nghi ngờ gì nữa khi khẳng định rằng *ý nghĩa luân lý không thể là một cái gì tự có*. Nhưng những yếu tố cấu thành lại tồn tại ở tất cả các em. sự xuất hiện ý nghĩa luân lý

là không thể tránh được bởi vì sự dễ bảo và sự đồng nhất đều là những tiến trình tự nhiên. Nhưng nên nhớ rằng bản chất của nó lại phụ thuộc vào hoàn cảnh mà các em được nuôi dạy với những người mà các em đồng nhất. Nhưng khốn thay các em lại có thể tiếp thu cả những cái tích cực cũng như cái tiêu cực của cả cha lẫn mẹ. *Vì thế ngay từ trước, chúng ta đã khẳng định rằng ý thức cũng như tất cả những chức năng khác của nhân cách con người cần phải được giáo dục và rèn luyện.*

Nhưng tại sao chúng ta lại phải sống có luân lý và tại sao chúng ta lại không thể luôn được thoả mãn trong mọi hoàn cảnh. Sở dĩ như vậy là vì trước hết mỗi người chúng ta đều là thành viên của cộng đồng. Như một sinh vật xã hội, chúng ta phải sống trong xã hội. Và cũng chỉ có như thế mỗi người chúng ta mới có thể được sống an toàn. Đời sống cộng đồng cung cấp cho chúng ta một đội quân để chống lại quân thù, đội cảnh sát để bảo vệ tài sản, lương thực thực phẩm cũng như mùa màng để nuôi sống mọi người. Rồi lại phải có bệnh viện để chăm sóc sức khoẻ cho mọi người. Nếu một người sống biệt lập thì họ khó mà trụ được trước kẻ thù, trước nạn đói cũng như trước bệnh tật. Hơn nữa cũng nhờ những mối quan hệ với người khác mà chúng ta mở rộng được tầm nhìn cũng như tầm hiểu biết. Cuộc sống cộng đồng mang lại cho chúng ta niềm vui về văn hoá, văn chương và nghệ thuật. Xã hội còn có những trường học các cấp để chúng ta học được nhiều tuyệt vời của nhân loại. Xã hội cũng là nơi để chúng ta hội họp và gặp gỡ bạn bè để bàn thảo một cách tự do tất cả mọi lĩnh vực của cuộc

sống con người. Nếu chúng ta là một cá thể đơn độc thì chúng ta sẽ chẳng có gì.

Cộng đồng chính là nơi giúp chúng ta được phát triển toàn diện và có được hạnh phúc thực sự. Theo một nghĩa khác và là quan niệm chung, với tư cách là một thành viên của cộng đồng mà con người có khả năng đạt được sự tự do đích thực và nhân cách được hoàn thiện một cách đầy đủ nhất. nếu như chúng ta muốn có những đặc ân được xã hội chấp nhận, chúng ta cũng phải chấp nhận những sự bắt buộc đối với người khác trong cộng đồng mà họ cũng có những nhu cầu như chúng ta. Chúng ta không bao giờ muốn người khác tước mất những gì là của chúng ta. Vậy thì chúng ta cũng không được lấy đi những gì của người khác. Nhìn chung ở đây tất cả những luật lệ mà là của mọi thành viên trong xã hội. Vì vậy cái lẽ tồn tại ở đời là bảo đảm sự tự do cho tất cả mọi thành viên trong cộng đồng. Vì thế không có gì là khó khăn khi thực hiện nguyên tắc đó đối với các em. Ví như ta dạy các em: Nếu em muốn các bạn cho em mượn đồ chơi thì trước hết em hãy làm như thế đối với các bạn. Lúc đầu hình như chúng ta áp đặt một sự cưỡng bức đối với các em nhưng có thể mang lại cho các em sự tự do lớn hơn nhiều bởi vì một khi em cho các bạn mượn đồ chơi thì các em lại được tham gia một cách rộng rãi vào những hoạt động chung của nhóm. Cũng một ví dụ khác theo chiều hướng tiêu cực như con bạn dùng súng phun nước hay bắn bằng đạn chất dẻo vào những người qua đường. Đương nhiên bạn phải ngăn cấm trò chơi đó và tước đoạt súng của con bạn. con bạn có thể lý sự rằng đó là súng của em. trước sự lý sự đó bạn

cần khẳng định dứt khoát với con bạn rằng: Nếu súng là của con thì mắt của những người qua đường cũng là của họ. Và họ cũng có quyền bảo vệ con mắt của họ và điều đó là quan trọng hơn khẩu súng của con nhiều. Hơn nữa cho các em chơi những đồ chơi mang tính bạo lực là điều nguy hiểm cho tâm hồn các em và còn có thể cho xã hội nữa. Tất cả chúng ta bao gồm cả các em đều không bao giờ có quyền thực hiện sự tự do của mình nhưng lại vi phạm quyền tự do của người khác. Nếu có em nào cứng đầu không theo luật lệ chung đó đương nhiên chúng ta phải nghiêm khắc, cả việc trừng phạt hợp lý. Nếu em không có tinh thần cộng đồng em sẽ không có cơ hội tham gia vào những hoạt động chung của xã hội. Đó là nên luân lý chính thống của mọi hoạt động xã hội.

Với cái sợ thì không phải lúc nào cũng là tiêu cực với các em. Đôi khi lại có vai trò rất cần thiết, không làm các em khó chịu mà còn có tác dụng tốt vì rất nhiều lý do. Trước tiên các em có thể quen dần với nỗi lo lắng thường xuyên. Nó sẽ trưởng thành bình thường không còn cảm thấy khó chịu trước mọi người và nhờ đó mà các em có thể hoàn thành được một số việc. Nhiều em thích không làm gì cả hơn là làm những điều xấu. Khi cái sợ ở một mức độ nào đó thì chính cái sợ bị tê liệt, biến mất và người ta thấy không còn gì phải sợ cả. Điều đó thường xảy ra đối với cả những loài động vật cũng như với con người.

Với các em thì phải chừa cái sợ và sự đe dọa làm cho các em trở nên dễ bảo. Điều đó là không đúng vì chính sự sợ hãi và sự đe dọa thường làm cho các em rơi vào tình trạng bị dồn nén. Vào tuổi thiếu

niên các em sẽ không còn sợ nữa. Các em hiểu được rằng cần phải xoá bỏ mọi cái sợ hãi vẫn vơ và mọi việc sẽ trở nên bình thường.

Mục đích của chúng ta không chỉ muốn cho các em có một hạnh kiểm tốt mà còn phải rèn luyện cho các em có một sự chuẩn bị tốt. Nghĩa là chuẩn bị cho các em có thói quen tự dẫn dắt mình tốt trong cuộc sống sau này. Ví như chúng ta khuyên các em chia sẻ đồ chơi với các bạn thì các em sẽ trở thành con người nhân ái. Nếu các em lễ độ thì các em sẽ được mọi người kính trọng. Nếu các em là một đứa trẻ dũng cảm thì mọi sợ hãi chỉ làm cho các em thêm táo bạo. nếu như các em được chuẩn bị tốt thì tự nhiên là các em sẽ tiếp thu những cái tốt một cách dễ dàng và cũng tự nhiên là các em sẽ trở thành ngoan ngoãn, nhân ái, tế nhị và dũng cảm.

Trong mọi trường hợp chúng ta cần phải hiểu rằng lúc đầu các em chưa thể suy nghĩ một cách trừu tượng được. Nhưng muốn làm thức dậy trong các em những mầm mống của sự lễ độ chẳng hạn thì chúng ta hãy bắt đầu tập cho các em những cách ứng xử lễ phép. Với các em muốn trở thành một đứa trẻ lễ phép thì đơn giản là làm những việc lễ độ. Cũng như để trở thành dũng cảm thì chỉ đơn giản là làm những việc dũng cảm. nhưng chính việc nhắc đi nhắc lại nhiều lần những hành vi đó mà hình thành cái cơ sở có những phẩm chất tốt hình thành. Vì thế người ta nói rằng có biết bao nhiêu là chân lý trong những câu ngôn ngữ xưa như “Hành vi làm nên thói quen, thói quen làm nên cá tính, cá tính làm nên số phận”.

5. TUỔI CÁ THỂ

Đến bốn tuổi các em đã có đầy đủ những yếu tố của người trưởng thành. Vì thế trên một khía cạnh nào đó người ta gọi các em là những đứa trẻ người lớn (petit homme). Người ta gọi những em bé gái là bà nhỏ con (petite madame). Vào thời kỳ này là thời kỳ các em bắt chước mẹ em lo công việc nội trợ hay tiếp khách.

Người ta còn cho rằng các em vào thời kỳ này còn là một em bé trưởng thành (petit adulte) hơn ở các em vào độ tuổi từ chín đến mười hai đang vào lúc dậy thì. Tại sao lại có hiện tượng như vậy? Theo các nhà chuyên môn sở dĩ như vậy là vì nhân cách của các em được hình thành hoàn toàn do khả năng đồng nhất của các em với những người lớn. Tiếp đó các em hoạt động rộng hơn nên đã khám phá ra điều bổ ích và các em đã thực sự trở thành chính các em.

Theo các nhà chuyên môn, trẻ em đến bốn tuổi đã có một nhân cách được tổ chức hẳn hoi. Bằng sự so sánh giữa nhiều điều khác nhau các em đã có thể có sự suy tư. Các em tự xây dựng cái siêu tôi mà các em đã khai thác được ở cha mẹ các em. từ đó các em tin ở sự đúng đắn của những giá trị về sự dũng cảm, sự khôn ngoan và về sức mạnh. Về mặt thể chất các em chưa hoàn toàn độc lập và cũng chưa đủ khả năng một mình đi theo con đường của mình trên thế giới. Nhưng các em đã có thể cảm nhận được sự độc lập. nhiều khi các em tưởng rằng các em có thể tách khỏi cha mẹ. Ví như một em nhỏ độ bốn hay năm tuổi bị lạc trên đường phố. Nếu có ai đó nói với em là em bị lạc mất mẹ em thì em trả lời rằng chính mẹ em đã lạc mất em. Ở tuổi này câu trả lời như vậy

chắc chưa phải là phổ biến với đa số các em vì dù sao các em mới bắt đầu có nhân cách chứ chưa phải đã có nhân cách phát triển. Nhưng dù sao đây cũng là một bằng chứng đánh dấu nhân cách bắt đầu được hình thành. Nghĩa là các em có suy tư và muốn được độc lập. Các em vào tuổi này, như chúng ta đã khẳng định, là đã có khả năng sử dụng một cách có ích những năng lượng của các em và có thể định hướng được chúng vào mục đích đã chọn.

Hơn nữa sự ứng xử của các em đã trở thành có chủ ý rõ ràng và được điều chỉnh bởi đối tượng hơn là bởi những xung lực. Các em bắt đầu hiểu được những việc mà các em làm, đồng thời các em còn biết tính toán như thế nào để cho mọi sự việc được kết quả cao. Điều đó giúp cho các em có những quyết định, những giải đáp cũng như những dự phòng. Vào tuổi này các em ít trở nên tức giận như trước kia. Các em tỏ ra bình tĩnh và dứt khoát hơn vì các em suy luận bằng chính những chuẩn mực của các em. Các em cũng không còn dễ chịu ảnh hưởng như trước. Để đáp lại ý kiến người cha như “hãy làm như cha đây này”, các em đáp “cũng có thể, nhưng con thì con thích làm như thế này cơ”.

Vào tuổi này các em trở nên biết điều hơn nhưng lại lý lẽ hơn, nên mỗi khi muốn các em nghe theo điều gì nhất thiết phải dẫn giải tỉ mỉ. Tất cả những hiện tượng đó được thể hiện theo nhiều cách. Các em muốn được biết tất cả vì sao chúng lại như thế này, lại như thế kia như tại sao mẹ lại bôi môi bằng sáp đỏ? Tại sao bố lại xén đi những cành cây? v.v... Vì thế người ta gọi tuổi này là tuổi luôn luôn hỏi, luôn luôn

đặt ra vấn đề. Vào lúc mà cuộc sống tâm lý thích độc lập các em thích khám phá cái thế giới mà các em mới gia nhập này. Để tiện so sánh và làm rõ thêm vấn đề chúng ta hãy lấy ví dụ sau: Vào lúc hai tuổi các em cũng hay hỏi “cái này là cái gì?”. Đến bốn tuổi các em cũng hay hỏi nhưng theo cách khác như: “Tại sao nó thế này, tại sao nó thế kia”. Vì thế các nhà chuyên môn thường ví von như sau: Vào hai tuổi các em là những nhà bác học với nghĩa là các em muốn biết nhiều cái. Đến bốn tuổi các em trở thành nhà triết học với nghĩa là các em thích lý lẽ, thích lý sự mà đúng hơn là thích suy tư khi các em đặt vấn đề tại sao.

Các em cũng bắt đầu thích tìm hiểu cái lý của những quy luật, của những trật tự cũng như lý lẽ của những mệnh lệnh mà người ta ra lệnh cho các em, ví như tại sao con phải đi ngủ khi mà con chưa buồn ngủ? Tại sao con phải rửa tay trước khi ăn cơm? v.v... Cần nhớ rằng mỗi khi các em muốn biết tại sao sự vật lại như thế này, hay thế kia thì cũng có nghĩa là các em có lý lẽ của mình. Khi chúng ta giải thích cho các em tại sao phải làm cái này hay không được làm cái kia thì đương nhiên là các em tiếp thu. Các em sẽ xử lý một cách có lý lẽ như một người trưởng thành và cuối cùng thì các em cũng thực hiện. Các bậc cha mẹ cần có sự kiên nhẫn trước hàng loạt những câu hỏi và cần phải nhớ rằng đó là cách các em tự học để tự sống. Dù có mệt mỏi hay đang bận công việc xin hãy cố gắng trả lời các em, nhất là những vấn đề chính chúng đang quan tâm; đối với các em, là khi các em muốn hiểu được lý lẽ của chúng ta để yêu cầu các em cái này cái kia là chúng ta phải đáp ứng một cách tốt nhất. Nếu không, chúng ta sẽ làm cho các em mất lòng tin

ở chúng ta. Nếu chúng ta nói “hãy làm như mẹ đã nói”. Có thể các em sẽ làm theo ý muốn của cha mẹ nhưng kèm theo câu “cũng được” để nói lên các em chẳng thích thú gì phải làm những việc như vậy và các em không tin như thế là đúng.

Trong toàn bộ thời thơ ấu của các em không lúc nào chúng ta được đối xử với các em như đối xử với những người trưởng thành hay như một người trưởng thành bé con bởi vì mỗi thời kỳ các em có cái thực thể riêng của thời kỳ đó với những lợi ích riêng cũng như những khát vọng riêng. Nhưng cũng là thời kỳ mà chúng ta có thể làm được nhiều điều cho các em.

Vào bốn tuổi các em đã bắt đầu có tính độc lập. Nhưng các em vẫn còn cần đến sự giúp đỡ của cha mẹ như được nuôi ăn. Nhưng đồng thời cũng là thời kỳ các em cần khám phá cái thế giới mà các em sẽ gia nhập. Cũng vì thế mà chúng ta thấy tại sao các em luôn luôn đặt ra những câu hỏi đại loại như trên. Hơn nữa các em cũng phải chuẩn bị để có thể tách khỏi cha mẹ để có thể sống bằng những suy luận của chính mình. Các em rất cần có sự tin tưởng ở chính mình và các em sẽ không còn nhút nhát như trước nữa. Vì thế các nhà chuyên môn khuyên chúng ta hãy quan tâm đến việc thay đổi cách ứng xử với các em khi các em cần được đối xử như một thực thể có suy nghĩ, có lý, có lẽ mà không thể đối xử với các em như những thời kỳ đã qua.

Bắt đầu từ ba tuổi nhân cách của các em bắt đầu được hình thành. Từ bốn tuổi đến bảy tuổi là của sự phát triển cá nhân. Các nhà chuyên

môn gọi là tuổi cá thể. Đó cũng là tuổi có một sự chín chắn nhất định, tuy mới là bước đầu.

Vào thời kỳ giao thời mà các em rất quan tâm đến chính mình và cũng là thời kỳ mà các em muốn làm mọi cái. Thời kỳ này cũng là thời kỳ tính xã hội được gia tăng rất nhanh.

Vào thời kỳ này cái mà các em quan tâm nhiều nhất là sự tự khẳng định mình, phát triển những tình cảm về sức mạnh, khẳng định nhân cách của mình và chứng minh những giá trị đó. Các em tự chuẩn bị để vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Sự tập trung đó là đương nhiên trong cách ứng xử của các em. Các em thường xuyên tuyên bố “hãy xem em làm đây này”, “hãy quan sát em nhảy đây này” v.v...

Đây cũng là tuổi, như những nhà chuyên môn khẳng định là tuổi thích trình diễn, thích khoe cơ thể nhưng khác với tuổi lên hai. Cả hai thời kỳ trước kia cũng như hiện nay các em đều tìm cách gây sự chú ý của mọi người. Lúc khởi đầu chỉ để có sự an toàn để thoả mãn cái bản năng phụ thuộc vì các em sợ bị bỏ rơi. Còn hiện nay là để thể hiện khả năng của các em như một quyền lực và để chứng minh tính độc lập của mình. Các em thường nói “hãy nhìn xem vì sao em có khả năng thế này thế kia”, “hãy nhìn xem em đã thực sự là người lớn rồi đây này” v.v... Mọi người đều biết trước rằng đó chẳng qua chỉ là sự khoe khoang nhưng với các em thì lại thích thú được mọi người chú ý. Các bậc cha mẹ cần thực hiện nguyên tắc khen ngợi để khuyến khích sự phô trương đó.

Nhưng với các em thì sự phô trương này lại là cần thiết cho cái tuổi này và cũng nên khuyến khích để các em khám phá trong những trường hợp cần thiết vì bằng cách đó có thể giúp các em đạt được sự an toàn và trụ vững. Nếu được cha mẹ khen “tốt đấy”, “hoan hô” thì các em sẽ tiếp tục hơn nữa. Trái lại nếu như chúng ta chê bai hoặc chỉ khen cho qua chuyện trong khi vẫn tiếp tục làm việc khác thì các em sẽ chán nản và không muốn tiếp tục nữa. Có nhiều em phản ứng bằng cách đá con mèo, chọc tức con chó để làm cho cha mẹ phải chú ý đến kết quả việc làm của em. một cách tiêu cực một số khác ngời mút ngón tay với vẻ vô cùng thất vọng. Khi người mẹ hỏi tại sao con không tiếp tục chơi nữa thì các em này thẳng thắn trả lời rằng khi con làm thì mẹ chẳng buồn để ý và khuyến khích gì nên con không làm nữa.

Cần nhớ rằng cái động lực chính trong mọi cách ứng xử của các em lúc này là cảm giác được làm người lớn. Vào tuổi này các em chưa hiểu thế nào là tính vị tha. Các nhà chuyên môn qua nhiều công trình nghiên cứu đã thấy một điều mới nhìn thực là khó hiểu như một em gái sửa soạn bàn ăn giúp mẹ em. Thấy thế mẹ em khen là em ngoan. Nhưng em lại tỏ ra không bằng lòng với lời khen đó và không tiếp tục làm nữa. Vì sao như vậy? Vì các em muốn làm người lớn, ngang hàng với người lớn. Em không muốn chỉ là một đứa trẻ giúp mẹ mà là người tự lo liệu công việc một cách độc lập. Đó là điều khác với trước kia.

Các nhà chuyên môn còn khẳng định rằng vào tuổi này là tuổi có tính cá thể, nghĩa là các em bắt đầu như một cá nhân với những cá tính riêng biệt của mình.

Nhiều công trình đã chứng minh rằng trẻ em là những đứa trẻ ích kỷ theo bản năng tự nhiên rất là ngây thơ. Quan sát một nhóm các em cùng chơi nhưng mỗi em chơi theo một kiểu riêng biệt. Cũng vì thế mà chúng ta thấy luôn có những cuộc cãi vã thật là vô lối. Các nhà tâm lý học gọi đây là cách thể hiện cảm giác về sức mạnh của từng em. Lúc này hình như tính cách nhóm về mặt tâm lý không còn nữa. Nó chỉ còn là một tập hợp những đứa trẻ độc lập với nhau. Mỗi em chỉ quan tâm đến những lợi ích của riêng mình, đến những mục tiêu trước mắt của mình và đương nhiên sẽ là những trở ngại cho các bạn khác. Ngay cả với các em rất ngoan thì lúc này các em cũng không nhìn ra yêu cầu của các bạn khác mà chỉ nhìn thấy mục tiêu của riêng mình, chỉ tìm cách thực hiện cho được mục tiêu của mình. Đây là thái độ rất đặc trưng của những em vào khoảng bốn tuổi.

Đến năm tuổi, như các nhà chuyên môn nhận xét, các em đã trở thành cậu bé người lớn hơn nhiều lúc còn bốn tuổi. Các em trở thành khéo léo hơn nhiều như trong việc rửa mặt, đánh răng v.v... Phẩm chất của tuổi này là sự nghiêm túc, lòng kiên nhẫn, dám quyết định, biết tính toán, có lòng nhân ái, sự tế nhị, tính xã hội tích cực, kiêu ngạo về những thành tích của mình, tự hào được đến trường, có sự tin tưởng về những hoạt động nghệ thuật, tự hào về những cái mình có được.

Tất cả những phẩm chất đó có thể kết luận được rằng các em đã có cá tính. Quan sát các em chúng ta sẽ nhận ra những phẩm chất đó.

Vào thời kỳ này tự nhiên đối với các em đã bắt đầu có ý nghĩa. Các em sử dụng tự nhiên để phô trương cái tôi, đồng thời để khẳng định

sức mạnh của mình đối với các sự vật. Chắc chắn rằng những điều nói trên sẽ được các em sử dụng trong tương lai. Vì thế chúng ta thấy các em trở thành những kẻ hay phá phách. Trên đường đi chơi các em thường hái hoa, bẻ cành chỉ với mục đích đơn giản là bẻ cho thích. Các em dùng đá ném chim hay đánh đập các con vật, giết chết côn trùng v.v... Với những người xung quanh các em cũng có những hành động tương tự như kéo tóc các chị các em, trêu chọc những đứa trẻ yếu hơn mình. Nếu không có ai để trêu chọc thì các em đá bàn ghế, thậm chí có khi đá cả những hòn sỏi, những đồng đất cát trên đường đi, mà chỉ có đơn giản một mục đích là vui chơi, đùa giỡn. Tất cả những hành động nói trên nhằm phô trương sức mạnh của các em. Sự phá phách đó còn để chứng minh sự tự tin.

Đương nhiên chúng ta không thể khuyến khích các em tiếp tục những hành vi phá phách đó mà nên hướng những tình cảm về sức mạnh đó vào một hướng tích cực và có ích. Để làm được điều đó chúng ta cần cung cấp cho các em những phương pháp sáng tạo. Nếu không các em có thể trở thành những con người hung bạo, tàn nhẫn từ chối mọi cách thể hiện sức mạnh lành mạnh hay có thể làm cho các em rơi vào mặc cảm thấp hèn.

Nhiệm vụ của các bậc cha mẹ là nhằm cung cấp cho các em những vật liệu và cơ hội để định hướng cho những năng lực của các em vào tinh thần xây dựng cao nhất để giúp các em làm ra những đồ vật, trở thành những người làm chủ trong những cuộc chơi và luôn khen ngợi những khám phá của các em.

Cũng vào tuổi này, các em rất tin ở chính mình ví như câu chuyện dưới đây. Một người đi đường thấy một người nông dân điều khiển con bò của mình rất thành thạo và thân thiết nhau như đôi bạn. Người đi đường tỏ lời khen ngợi thì người nông dân trả lời là anh ta đã làm công việc này từ khi mới lên sáu tuổi nghĩa là anh ta còn là một em nhỏ. Có thể đây là một hình ảnh điển hình về sự tự tin của các em ở tuổi này, độc lập, tự tin và hãnh diện về việc mình làm. Trái lại, lại có một câu chuyện đáng buồn khác như sau: Một người bệnh tâm thần kể với thầy thuốc rằng khi ông ta mới lên sáu tuổi. Có lần ông ta bắt được một con cá khá to. Vui mừng mang về để trên bàn bếp thì bất thần nghe thấy tiếng la hét của mẹ mình “hãy vớt ngay cái thứ bẩn thỉu rác rưởi của con đi”. Ông ta rất kinh ngạc về sự kiện này. Từ đó cứ mỗi khi nghĩ đến kỷ niệm khó tin này ông ta lại rất buồn phiền và đau khổ mà không thể tự giải thích được. Cuối cùng ông ta rơi vào chứng rối loạn tâm thần mà các nhà chuyên môn gọi là bệnh tâm thần do bị khước từ hay do bị tước đoạt.

Cũng nhờ ở những sự khám phá này mà các em học được cách tự làm chủ bản thân. Chúng ta biết rằng sự làm chủ để thống trị tự nhiên không chỉ là những nỗ lực để tác động lên tự nhiên mà còn là kiểm soát những xung lực của chính mình với một sự kiên nhẫn bền bỉ và kéo dài. Với người chăn bò như trong câu chuyện kể trên chúng ta thấy người đó phải bỏ ra biết bao công sức, sự kiên trì cũng như những nỗ lực về tinh thần để vượt qua biết bao khó khăn và đương nhiên cũng phải có một kỷ luật được tự do chấp nhận mới làm được kết quả công

việc tưởng như bình thường đó. Chúng ta cần vĩnh biệt với những trận cáu giận như trong ví dụ thứ hai của người mẹ. trước mỗi thất bại vấn đề không phải là nổi giận mà là hãy tiếp tục công việc với một sự kiên trì gấp đôi. Đồng thời không khích lệ những hoạt động của các em sẽ làm nản lòng các em nhiều khi dẫn đến bệnh hoạn. Những phẩm chất về luân lý giúp cho các em phát triển lâu dài sau này. Chúng ta không bao giờ coi sự an toàn cho các em là sự đầy đủ bởi vì một đứa trẻ đầy đủ lại là đứa trẻ luôn nghi ngờ về khả năng của chính mình. Vì thế các em dễ có cảm tính về sự thấp hèn, về sự kém cỏi. Với những em này khi bị rơi vào những hoàn cảnh khó khăn thường dễ bị thất bại. Nên nhớ rằng sự an toàn chứ không phải là sự đầy đủ là con đẻ của sự thành công.

Chúng ta biết rằng quá trình diễn ra trong thời kỳ này, tình cảm về sức mạnh dưới một hình thức mới thường như một sự khoe khoang “tớ làm cái này hay hơn cậu nhiều” hay “tớ sẽ đánh bại cậu cho mà xem”. Nhiều khi các em khẳng định mà không cần lý lẽ gì cả như “cậu là đứa tồi” chỉ đơn giản là tớ hơn cậu chứ không có một mục đích nào khác. Với những vật cụ thể các em thường nói “áo của tớ đẹp hơn áo cậu” hay “bố tớ to hơn bố cậu”. Dù sao cũng phải thừa nhận rằng trẻ em cũng thường hay có mặc cảm về sự hèn kém của mình cũng như sự thiếu tự tin bởi vì người lớn ít chú ý tạo cho chúng cơ hội để chứng minh giá trị của chúng và điều đó lại thường xuất hiện ở những em có tính hay khoe khoang. Theo các nhà chuyên môn sở dĩ các em này như vậy là do các em thấy mình chẳng có gì để ca ngợi, chẳng có một khám

phá gì đáng được chú ý với tư cách là những khám phá của riêng mình. Người ta có lý để phê phán thói xấu đó nhưng lại không phải do lỗi của các em.

Vậy thì những bậc cha mẹ phải làm gì đây? Nói chung là không nên rầy la các em vì điều đó chỉ làm tăng thêm mặc cảm về sự hèn kém của các em và có nguy cơ làm cho các em trở thành những đứa trẻ nhút nhát. Chúng ta có thể giúp các em khắc phục tạm thời bằng một vài trò chơi. Nếu các em khẳng định là các em sẽ thắng thì chúng ta nên khuyến khích các em làm thử. Nếu các em còn huyênh hoang thì hãy nói với các em rằng “hãy biểu diễn xem con làm như thế nào?”. Đương nhiên khi các em biểu diễn tốt thì chúng ta nên ca ngợi. Còn nếu các em thất bại thì nên khuyến khích các em làm lại và giúp các em làm tốt hơn. Phương pháp này có thể làm cho các em chú ý đến đối tượng cần phải hoàn thành và để nhìn lại chính mình.

Cần nhớ rằng vào tuổi này các em không còn dễ bảo như trước kia. Có khá nhiều trường hợp khi người cha nói “cha sẽ hướng dẫn cho con làm cái này cái kia” thì các em trả lời ngay rằng “em không thích làm tốt như thế mà em muốn tự làm một mình”. Trái lại nếu chúng ta đánh vào tình cảm về sức mạnh của các em như “em khỏe đấy, vậy em có muốn đỡ giúp cha xô nước này không?”. Đương nhiên là các em sẽ làm ngay. Tuy nhiên là không nên quá lạm dụng những trường hợp như vậy.

Vào tuổi này các em cũng thường không thích sự âu yếm như trước kia. Nhưng các em lại thích tỏ ra có hiểu biết, cần sự dịu dàng nhất là

của cha mẹ. Chính sự dịu dàng của cha mẹ này sẽ cung cấp cho các em những chất liệu mà các em có nhu cầu để thực hiện những việc mà các em muốn làm. chúng ta không nên chờ đợi sự dịu dàng của một em bốn hay năm tuổi với em chúng. Đôi khi các em này cũng tỏ ra dịu dàng với em chúng nhưng với tư cách là người anh đang làm nhiệm vụ với người em để nhấn mạnh tầm quan trọng của vai trò của mình. Một em gái độ sáu tuổi có thể ở nhà một mình (dĩ nhiên là có sự an toàn xã hội) trông nom đứa em nhỏ khi mẹ em bận công việc vắng nhà mà không chỉ do tình yêu mà còn là niềm tự hào trong trách nhiệm đó.

Thời kỳ này cũng là thời kỳ các em được trở thành những thực thể có cá tính. Vì thế không bao giờ các em từ chối các hình thức giao tiếp dù là hình thức đơn giản nhất. Lúc này là lúc các em thích thể hiện cái sức mạnh trẻ con của mình nên có nhu cầu có bạn chơi. Từ đó buộc các em phải tự thể hiện trong một chừng mực có thể tính cách xã hội và tính hợp tác. tuy nhiên trong khi chơi, bạn chơi lại bị giảm thiểu vai trò tới mức thấp nhất như là một cái cớ, một dịp để các em vui đùa, nhất là với những em tinh nghịch. Như vậy là một mặt các em cần có sự giao tiếp nhưng giao tiếp chỉ để các em có dịp thể hiện cá nhân của mình. Những lúc như thế các em không muốn có ai làm phiền cản trở đến sự thể hiện cá nhân mình. Vì thế người ta thường thấy khi lượt của em đã qua thì em không quan tâm đến trò chơi nữa thậm chí còn bỏ đi. Do đó chúng ta có thể thấy được rằng các em lúc này chưa thực sự có tinh thần đồng đội.

Susan Isaac một nhà tâm lý học về trẻ em đã khẳng định rằng: Các em luôn tận dụng mọi cơ hội để so sánh mình với các bạn khác nhất là với các bạn đang bị phê bình. Các em luôn có khuynh hướng làm giảm vai trò của người khác. Khi chúng bắt lực để giải quyết một việc gì đó thì các em không thừa nhận là mình còn kém mà lại cho là việc đó chẳng có gì quan trọng. Chỉ khi các em đã vào tuổi từ sáu đến bảy năm thì các em mới bắt đầu phê bình những việc làm của chính mình. Và vào khoảng tám tuổi các em trở thành có khả năng để gánh vác những công việc của người khác. Lúc này các em mới thực sự ở vào thời kỳ mang tính xã hội.

Những trò chơi được các em nói chung là rất cần thiết để các em xây dựng tính cách cá nhân. Các em thích chơi một mình với những chiếc tàu chạy bằng điện hay bằng hơi nước, chơi trò xây dựng nhưng không làm ngơ với những diễn biến xung quanh, nếu như những diễn biến đó có lợi cho chúng. Các em có thể sẵn sàng cho các bạn khác mượn đồ chơi nhưng các em luôn để mắt để đề phòng những điều đáng tiếc có thể xảy ra vì đó là tài sản riêng của em.

Có những trò chơi tập thể mà các em đều tham gia nhưng vấn đề quan trọng là ai sẽ được giữ trọng trách nhạc trưởng như đá bóng hay trò chơi chiến tranh. Với trò chơi chiến tranh, các em có dịp để đánh đối phương. Trong trường hợp này vai trò thủ lĩnh là vô cùng quan trọng đối với các em.

Tuy nhiên không phải trò chơi nào cũng mang tính xã hội theo đúng nghĩa của danh từ. Nhưng những hoạt động đó cũng giúp cho các

em một sự chuẩn bị tốt để hình thành tính xã hội cũng như tinh thần hợp tác. Khi các em trao đổi trò chơi với nhau để cùng chơi cũng là cách để các em học cách hợp tác.

Tất cả những tiến trình nói trên không phải là không có giá trị bởi vì đứng về mặt cá tính nó giáo dục các em rất nhiều tinh thần hợp tác và sự chia sẻ.

Như chúng ta đã trình bày ở trên, đây là thời kỳ các em thích thể hiện sức mạnh nên một cách tự nhiên thường dẫn đến những cuộc cãi lộn đôi khi trở thành những cuộc ẩu đả, những cuộc đánh lộn. Và đó cũng là đặc trưng của lứa tuổi này. Thật là không thể để các em sáu tuổi chơi một mình với nhau vì các em luôn cãi lộn. Vì thế cần phải có trọng tài để hoà giải. Thói hay cãi lộn này chẳng qua cũng chỉ là một trong những cách thể hiện của tinh thần ganh đua. Vì thế tinh thần ganh đua cũng như sự thích thú được làm tốt hơn người khác là một phẩm chất tự nhiên rất quý. Chức năng hàng đầu của tinh thần này chính là đảm bảo cho cá nhân phòng ngừa, tự vệ. Ví như trong thế giới động vật những con có sức mạnh thường tấn công ngay từ phút đầu tiên những con khác để tự vệ, để tránh những tai họa có thể đổ xuống đầu chúng bất cứ lúc nào.

Tiếp tục các thời kỳ sau chính là thời kỳ mang tính cách xã hội đích thực. Cái thích thú trở thành tài giỏi đó được phát triển giữa bốn và bảy tuổi sẽ được sử dụng vì lợi ích của mọi người. lúc này tính cách cá nhân của các em đã được thiết lập. Các em tỏ ra kiêu ngạo khi làm được một công việc gì tốt hơn người khác như khi đi cắm trại em có

thể dựng một chiếc lều nhanh hơn các bạn khác hay chuẩn bị một bữa ăn nhanh và ngon hơn người khác v.v... Trong cuộc sống cộng đồng này, mỗi em có thể đã ý thức được giá trị của những hành vi của mình. Tính cá thể này càng giúp cho các em tăng cường được tính xã hội cao hơn.

Chúng ta cũng cần biết rằng từ bốn đến bảy tuổi, các em đã có khả năng tưởng tượng trong thực hành. Các em có thể quan tâm đến những vấn đề của cuộc sống đời thường cũng như trên những công việc mà các em thực hiện. Cần nhớ rằng vào tuổi này các em chưa đến tuổi thích các chuyện thần tiên. Nhà tâm lý học Gesell đã từng khẳng định rằng: Vào năm tuổi các em có khuynh hướng nghiêm túc, vì thế các em ít thích hợp với chuyện cổ tích cũng như những chuyện thần tiên như các em lớn hơn đã gia nhập thực tế nhiều hơn. Nói chung là những chuyện cổ tích cũng như những chuyện thần tiên đều làm các em khó chịu. Sự nhận xét đó hoàn toàn đúng đắn. Vấn đề là phải có một cách truyền đạt phù hợp hơn. Chúng ta biết rằng những chuyện cổ tích cũng như những chuyện thần tiên đều là những chuyện có ý nghĩa sâu xa trừu tượng. Mà tuổi của các em trong thời kỳ này lại là tuổi quan tâm nhiều đến những vấn đề cụ thể. Sự tưởng tượng của các em chỉ có ý nghĩa chuẩn bị cho những khám phá tuyệt vời mà các em có thể thực hiện sau này. Vào tuổi này chỉ có chuyện lịch sử liên quan đến những vị anh hùng mà các em đồng nhất là có sự hấp dẫn với các em.

Sự nói dối bệnh hoạn hay còn gọi là mang tính bệnh lý thường bắt nguồn từ sự sợ hãi do những trừng phạt gây nên. Nhưng cũng có

những sự nói dối lại bắt nguồn từ sự tưởng tượng. Các em thường hay bị chìm đắm vào thế giới của tưởng tượng về những khám phá của riêng mình mà các em kể lại như là những sự kiện có thực. Người ta kể lại chuyện một bé trai kể lại rằng trên đường đi học về em đã nhảy xuống nước để cứu một bạn đang bị dòng nước cuốn. Trong khi đó thì quần áo của em vẫn khô cong mà em cũng chẳng bận tâm gì. Mặc dù câu chuyện là không có thực, nhưng em quá quyết rằng nếu sự việc đó xảy ra thì em sẽ làm như câu chuyện em vừa kể và em tin rằng đó là sự thật. Thông thường thì người mẹ coi đó là một sự nói dối và la mắng em. Trước sự việc như trên các nhà chuyên môn khuyên chúng ta là nên tiếp thu câu chuyện với một nụ cười vui vẻ. Bởi vì đó là cách mà các em không sử dụng những phương tiện biểu cảm thông thường, có phần hơi cường điệu. Thang thuốc cho những trường hợp này cũng khá đơn giản. Chỉ cần khuyến khích các em thực hiện những khám phá đích thực, như dạy các em tập bơi. Có thể các em vào một lúc nào đó sẽ cứu được người bị nạn khi có cơ hội.

Nên nhớ rằng các em luôn có một khoảng cách giữa những mong muốn và thực tế. Đó là khoảng cách của trí tưởng tượng đầy ắp trong các em. Một em nhỏ được cha đưa đi ăn ở nhà hàng. Lần đầu tiên đến chỗ đông người, em thật ngỡ ngàng. Khi có người hỏi em chỉ biết dựa vào vai bố mặt đỏ lừ. Khi ra về gặp mẹ thì em lại kể với mẹ rằng em thật là lịch duyệt vui vẻ trò chuyện với họ nên em được mọi người quý mến. Như vậy là em đã “nói dối” nhưng không phải vì bị chê cười là nhút nhát. Đơn giản chỉ là vì em rất muốn trở thành một cô gái lịch

thiệp. Sự “nói dối” này chỉ là một sự thể hiện ước vọng của em mà thôi, ước vọng lành mạnh và đáng yêu làm sao. Tất nhiên sau này em sẽ khắc phục một cách dễ dàng tính nhút nhát và trở thành một em nhỏ lịch thiệp như câu chuyện em đã nói với mẹ em.

Cần nhắc lại là sự tưởng tượng là rất có ích nhưng điều quan trọng là nên tưởng tượng về những sự khám phá cho thiết thực rồi sau đó cần quyết tâm thực hiện cho được. Một em trai tưởng tượng về những vị anh hùng mà em yêu mến chắc em cũng có thể học được nhiều điều bổ ích. Cô bé mơ trở thành một người con gái lịch thiệp cũng là điều không mấy cao xa đối với em. Xin nhớ rằng ở trong tư tưởng không có một ranh giới nào thật rõ ràng giữa sự tưởng tượng và thực tế. Sự tưởng tượng luôn dẫn đến hiện thực.

Tuy nhiên cũng cần nhắc là có hai trường hợp sau đây của sự tưởng tượng là không có vai trò một sự tưởng tượng lành mạnh. Đó là trường hợp các em thấy cuộc sống thực tế quá buồn và quá nhiều khó khăn diễn ra trong giấc mơ của các em. trường hợp thứ hai là trường hợp các em sống trong một gia đình có lắm chuyện không vui như tan đàn sẻ nghé, tội phạm. nhưng trong giấc mơ các em lại thấy gia đình thực là hạnh phúc. Lúc tỉnh giấc mơ các em mới thấy thật là phũ phàng làm sao và em rất đau khổ vì sự thoả mãn trong giấc mơ là không lành mạnh vì nó quá xa cuộc sống thực. Nó như là một sự đào tẩu thực sự, một sự lẩn tránh nghiệt ngã. Cũng như thế nếu các em mơ trở thành nhà văn, nhà khoa học, hay một thiên tài mà các em thực hiện được trong cuộc sống là một điều tốt. Nhưng nếu những giấc mơ đó quá xa

xôi mà các em đó không thể thực hiện được trong cuộc sống thì các em có thể rơi vào bệnh thần kinh. Nhưng cũng có thể với một số em nào đó tự em có cách dàn xếp thoả đáng thì mọi việc có thể diễn ra bình thường.

Rất nhiều trường hợp khác khá phổ biến, ở trẻ em hơi lớn tuổi thì thường có những người bạn chơi vô hình. Các em có những người bạn trong trí tưởng tượng cũng có tên và có nhân cách. Người bạn trong trí tưởng tượng này cũng có hoạt động và những sở thích. Đây không phải là chuyện chúng ta giả định mà là có thực với các em không có bạn chơi suốt ngày chỉ lủi thủi một mình. Các em này luôn trong tình trạng phân tâm trong tâm hồn em. Luôn luôn như có hai người đang trò chuyện với nhau trong ngay nhân cách của em. Các em này thường giả định là người bạn chơi của em lại chính là em đã bị hoá thân ngay trong tinh thần em. Nếu những em này là đứa trẻ hiền lành ngoan ngoãn mà người bạn tưởng tượng của em lại luôn xuất hiện để làm những chuyện không hay như không vâng lời thì các em không làm theo. Nếu trái lại các em này không phải là một đứa trẻ ngoan ngoãn thì đương nhiên là các em sẽ làm theo những hành vi không hay của người bạn tưởng tượng. Dù sao sự phân thân này là không bình thường vì nhân cách của em không lúc nào được thống nhất và hài hoà. Nó luôn luôn bị chia làm hai hay đúng hơn là nhân cách của em bị nhân đôi không có sự thống nhất và hài hoà.

Trước khi bàn đến thời kỳ các em trở thành “con người nguyên thủy” hay là con người tiền sử, chúng ta không thể không bàn tới thời

kỳ rất quan trọng trong cuộc đời những em từ sáu đến bảy tuổi. Không chỉ bằng sự quan sát trực tiếp, các nhà phân tâm học đã từng khẳng định rằng các em có khuynh hướng rơi vào tình yêu không phải với những người cùng giới mà với những người khác giới. Đã có không ít công trình nghiên cứu thận trọng khẳng định là vào tuổi này các em bắt đầu biết tỏ tình. Ví như một em trai bảy tuổi đã tỏ tình với một trong những người bạn gái của em. Khi thầy cô giáo hỏi em đó là bạn phải không thì em khẳng định là không phải mà là người yêu. Các nhà chuyên môn khẳng định rằng vào tuổi này các em đã bắt đầu yêu và trong nhiều trường hợp còn hứa với nhau là sẽ cưới nhau khi lớn. Theo các nhà chuyên môn thì *tình yêu bắt nguồn từ tình bạn nhưng đã thực sự là tình yêu giữa những người khác giới.*

Các nhà chuyên môn khuyên các bậc cha mẹ không nên ngăn cấm thứ tình cảm này vì đó là sự phát triển bình thường tự nhiên. Dĩ nhiên khuyến khích thì cũng không nên vì còn quá sớm. Tình cảm này chẳng qua chỉ là nhu cầu tìm bạn, một nỗ lực để gia nhập xã hội trong thời kỳ xây dựng cá thể. Thời kỳ này thường là không dài. Các bậc cha mẹ thường có thói quen lẩn tránh vấn đề tế nhị này thậm chí còn không muốn thừa nhận. Chúng ta cần nhìn thẳng vào sự thực vì nó chẳng có gì là xấu, là vô đạo đức. Con người ta từ khi lọt lòng mẹ cho đến khi khôn lớn luôn phải sống trong một thứ tình yêu nào đó. Từ tình mẫu tử, đến tình bạn rồi đến tình yêu đôi lứa là một trật tự đã được thiết lập từ muôn đời nay. Đó là điều không thể thiếu đối với cuộc sống con người. Nhìn nhận chúng để có sự hướng dẫn thích hợp là cách nhìn

tích cực nhất chứ không phải là phủ nhận chúng hay làm ngơ để cho chúng phát huy một cách mù quáng. Từ tình yêu đến tình dục là điều tự nhiên. một thứ tình dục xuất hiện rất sớm không liên quan gì đến cơ quan sinh dục mà tâm phân học gọi là tình dục ấu trĩ, tình dục trẻ em, tình dục tiền sinh dục và còn xa mới là tình dục như nhiều người hiểu theo nghĩa thông thường ở những người lớn khác giới.

6. CON NGƯỜI TIỀN SỬ

Tiếp theo tuổi cá nhân là tuổi xã hội. Hai thời kỳ này khác nhau khá rõ rệt. Sự khác nhau lớn đó là ở chỗ trong thời kỳ này của cuộc đời các em thích tụ họp và hoạt động chung theo một mục đích chung. Các nhà chuyên môn gọi là tuổi của những “con người tiền sử hay con người nguyên thủy” (homme primitif).

Vào tuổi này tất cả những em trai cũng như em gái gắn bó mật thiết với những hoạt động xuất hiện trong thời kỳ tiền sử. Đó là những cuộc dã ngoại, những cuộc cắm trại, những cuộc đi câu, đi bơi, đi bát phở với những trò chơi của người nguyên thủy. Nói một cách khác theo cách của các nhà khoa học thì thời kỳ này là tuổi sống lại cuộc sống của những người tiền sử. Đó là tuổi từ bảy đến mười hai tuổi.

Vào tuổi này các em thường hay hò la như những người tiền sử làm chiến tranh. Các em tổ chức những cuộc đột nhập vào các vườn cây trái. Các em đi bắt chim bắt thú. Tuổi này là tuổi sống rất thiếu vệ sinh và có dịp là các em lấy trộm. Các em đồng lõa với nhau và che dấu cho nhau. Theo các nhà chuyên môn thì việc lấy trộm vài thứ lặt vặt để

chơi đùa là chuyện bình thường. Tham gia vào một nhóm nhất định nên sự kình địch giữa các nhóm là điều không thể tránh được vì nhóm nào cũng chỉ biết đến lợi ích của nhóm mình mà thôi chẳng khác gì những bộ lạc, những bộ tộc thời kỳ nguyên thủy. Chúng ta cần nhớ rằng thời kỳ này là thời kỳ của sự phát triển, những người đã man đấu tranh một cách hiệu quả chống những lực lượng tự nhiên để thích nghi với số phận, với hoàn cảnh của mình.

Đứng về mặt tâm lý thì thời kỳ này là một thời kỳ hoàn toàn lành mạnh và trong sáng. Vào tuổi này các em có một sức sôi nổi và dồi dào hơn bao giờ hết. Các em ít khi bị ốm, ít cảm thấy lạnh và khả năng hồi phục sức khoẻ rất nhanh và ngủ rất ngon. Người ta thống kê được rằng tỷ lệ tử vong chỉ bằng một phần năm tuổi sơ sinh đến năm tuổi. Và chỉ bằng một nửa so với tuổi từ hai mươi năm đến ba mươi tuổi.

Vào tuổi này các em ăn rất khoẻ, chúng có thể ăn mọi thứ và ăn rất nhiều, khi đã phải khuyến khích các em ăn là có vấn đề về tiêu hoá hay do một nguyên nhân nào khác không bình thường hoặc về tâm lý, hoặc về sinh lý. Các em thường gây sự chú ý của người khác bằng cách “làm reo vì đói (grève de la faim) hay vờ đói”. Tất cả những sự lo lắng, sợ hãi hay giận dữ đều làm các em mất ngon miệng. Nhưng bình thường thì các em có thể dành hầu hết thời gian cho sự ăn uống. Các em rất thích những bữa tiệc với một thực đơn bình thường đơn giản. Vì vào tuổi này món gì với các em cũng tuyệt vời như nhau.

Một khối lượng thực phẩm dồi dào mà các em tiêu thụ sẽ cung cấp cho các em rất nhiều năng lượng. Vì thế vào tuổi này các em thường

cho là mẹ chúng hay sinh chuyện bắt các em phải mặc những chiếc áo bông và những chiếc khăn quàng to xù. Cơ thể của các em lúc này có thể tự điều hoà rất có hiệu quả khí hậu nóng lạnh tùy theo mùa hè cũng như mùa đông, cũng như các mùa khác trong năm. Để tự điều hoà nên khi trời nóng các em ăn rất ít. Người ta đã thống kê được rằng vào mùa lạnh các em tiêu thụ một khối lượng thực phẩm gấp đôi mùa nóng. Các em trai cũng như gái ở tuổi này có thể tự điều hoà một cách tốt nhất những cảm nhận của mình để tự bảo vệ mình và chống lại cái lạnh cũng như sự mệt mỏi.

Tuy nhiên cũng vẫn cần sự quan tâm đến các em nhất là tránh bị dầm nước, bị nhiễm lạnh và các em không hiểu rằng để toả nhiệt năng thì độ ẩm làm bốc nhiệt trong có thể các em. Việc toả nhiệt năng làm cho các em bị lạnh đột ngột có nguy cơ bị viêm họng, viêm phổi hay thấp khớp có thể làm cho các em mang bệnh suốt đời.

Cần nhớ rằng ở tuổi này các em sống đầy nhiệt huyết, năng nổ nên dự trữ năng lượng không được cao. Số lượng calo do thực phẩm cung cấp được tạo ra rất nhanh nhưng cũng rất nhanh bị tiêu phí. Các em có lực nhưng cũng kém dẻo dai vì sự tiêu hao quá nhanh. Tuy nhiên khả năng phục hồi cũng rất nhanh và các em lại chóng lấy lại được năng lực của mình.

Xét về mặt tâm lý thì vào tuổi này các em có cuộc sống thật mãnh liệt và tràn đầy sức sống. Các em quan tâm đến tất cả mọi thứ cũng như đến tất cả mọi người. Các em nhìn nhận người khác bằng những suy xét sáng sủa và luôn hài hước. Mọi cử chỉ của cha mẹ, thầy cô cũng như

của những người xung quanh đều được các em chú ý nhưng sự hài hước của các em không hề có ý xấu, chỉ để vui nhưng rất thiện chí mà hạnh phúc lớn nhất của các em là được người khác chú ý đến mình.

Sự thay đổi tính khí của các em vào tuổi này có liên quan trực tiếp với năng lượng tinh thần. Các em thường rất hay xúc động nhưng những sự xúc động này thường không kéo dài. Các em thường rất say mê một hoạt động gì đó nhưng lại cũng nhanh chóng từ bỏ như trong âm nhạc, nghệ thuật hay thể thao... vì chúng đã nhanh chóng phát hiện ra những lợi ích mới. Ngay cả trong tình bạn cũng vậy. Chúng yêu cũng nhanh và ghét cũng rất thô bạo nhưng theo một nguyên tắc chung là tình bằng hữu cũng như sự thù hận ít khi kéo dài.

Vào tuổi này quan hệ của các em với thiên nhiên cũng hoàn toàn khác các giai đoạn trước. Vào sáu tuổi các em thích làm chủ đối với thiên nhiên để thể hiện tình cảm và sức mạnh của mình mà không nhằm một mục đích nào khác. Các em phá hoại tự nhiên chỉ nhằm phá huỷ. Từ bảy đến mười hai tuổi các em áp đặt ý chí của mình vào tự nhiên để phục vụ cho những mong muốn của các em. Các em giết một con chim hay bắt một con cá không phải để cho vui hay để kiêu hãnh mà để dùng vào khẩu phần thức ăn cho một bữa nhậu cùng bạn bè.

Hiện tượng này đánh dấu một trong những đặc tính của sự chín muồi cũng như những sự chín muồi khác mà chúng ta đã nói đến ở những lứa tuổi trước như với những em nhỏ khi bắt đầu bò. Xung lực để hoàn thành một hành động nào đó được thực hiện trước khi có thể thực hiện hành động đó vào một mục đích có ích. Các em đã có xung

lực phá hoại từ trước nhưng nay các em phá huỷ với một mục đích có lý lẽ rõ ràng như bắt chim để làm thực phẩm để ăn.

Một hiện tượng khác ghi nhận nguyên tắc về sự chín muồi ở đây là tinh thần thích thú sự sưu tập rất là phổ biến ở tuổi này. Lúc đầu các em gom nhặt mọi thứ một cách ngẫu nhiên mà nói chung là vô ích. Nhưng sau đó các em chỉ thu nhặt những gì theo chủ định của các em. Các bậc cha mẹ không lấy gì làm ngạc nhiên khi thấy trong đồng đồ chơi của con em mình nhiều thứ không đâu vào đâu, đầy một ngăn bàn hay trong gầm bàn, gầm tủ, gầm giường. Điều đó nói lên sự thích thú được thu thập nhiều cái mà chẳng để làm gì ngoài cái thích được làm như vậy. Trên đường đi chơi với người lớn các em thường chú ý xem trên lối đi có gì để nhặt và các em nhặt cả những hòn sỏi rất bình thường hay một chiếc lá rơi, một vỏ bao diêm hay bao thuốc lá và v.v... Nhưng chỉ ít lâu sau các em lại vứt hầu như tất cả những cái mà các em đã nhặt được từ trước. Cũng nhiều khi các em mang về một đồng những thứ linh tinh. Nhưng chỉ vài ngày sau các em cũng quên đi hầu như tất cả và các em cũng đồng ý để cho người lớn vứt đi mà không hề áy náy gì. Tóm lại là các em sưu tầm chỉ có một mục đích duy nhất là sưu tập để thoả mãn cái thú được sưu tập.

Chỉ sau đó không lâu trong mọi trường hợp các em chỉ sưu tập những gì các em cho là có ích. Ngay cả những người đã trưởng thành cũng vẫn có thói quen bảo quản một đồng những cái đáng phải vứt đi từ lâu rồi mới đúng. Chúng ta thường nghĩ rằng những cái đó có thể có

lúc cần đến. Những trường hợp này người ta gọi là *sự biện bạch sinh học của những xung lực*.

Chúng ta biết rằng những con người tiền sử thường dự trữ thực phẩm bằng cách hun khói như hun cá để dự trữ cho những ngày sắp tới. Điều đó giúp cho họ tránh được nạn đói khi khó khăn. Trong thời kỳ “người tiền sử” các em cũng hành động giống hệt như họ. Nhiều em vào mười tuổi cũng thường dự trữ cả lương thực vì các em này cũng tưởng tượng ra những hoàn cảnh đói khát như những người tiền sử thường làm. Các em ở thành thị thường không có gì để tích trữ thì thường tích trữ những mẫu giấy màu các loại để khi cần các em sẽ làm những đồ chơi bằng giấy như con chim, con tàu v.v... Đó cũng là những xung lực tự nhiên đã mách bảo cho em rằng sau này khi cần các em sẽ không phải tìm kiếm mất thời gian. Đã có không ít những phát minh lớn của những nhà bác học đã giải quyết được những vấn đề vô cùng quan trọng mà lúc đầu người ta thường cho là chẳng có ích lợi gì.

Vì thế các nhà chuyên môn khuyên chúng ta rằng hãy để cho các em sưu tập ngay cả việc sưu tập mà chúng ta tưởng là vô ích. Điều đó sẽ giúp cho các em thoả mãn được những xung lực tự nhiên mà sau này có thể đi vào những hướng có chủ định rõ ràng và có ích.

Những xung lực này ngay từ đầu đã hướng vào những nhu cầu trong tương lai, đảm bảo cho mỗi cá nhân vượt khó, tiếp đó sẽ chuyển thành cái mà người ta gọi là những bản năng dự phòng (instinct de procréation). Chúng ta hãy quan sát vào mùa xuân những con chim cần mẫn tha những cọng rơm, những chiếc lá khô để làm tổ. Đó là cách dự

phòng để chống chọi với thời tiết diễn ra trong tự nhiên vào mùa này. Với các loài chim thì bản năng sưu tập còn dùng cho cuộc sống đôi lứa. Vì một cái tổ chim đẹp có sức hấp dẫn những con cái. Tổ chim thường không dùng để cho chim ở mà là nơi hẹn hò của những đôi uyên ương mà thôi.

Các em từ tám đến mười hai tuổi không còn định hướng như những em từ bốn đến bảy tuổi. Nếu như trước kia định hướng của các em là hướng nội thì nay trở thành hướng ngoại.

Tại sao thời kỳ này hoàn toàn khác với thời kỳ trước là thời kỳ hình thành cá tính. Vào thời kỳ hình thành cá tính các em đã phát triển được những phẩm chất cá nhân. Còn hiện nay các em phải mang tất cả những khả năng của mình để gia nhập vào nhóm. Lúc này cái mà các em quan tâm là kỹ thuật và hiểu biết mà các em đã tích lũy được trong thời kỳ trước. Khi năm, sáu tuổi các em thích được người xung quanh để ý đến mình thì nay ở tuổi tám đến mười hai các em lại chỉ quan tâm đến việc phục vụ cộng đồng.

Nếu thời kỳ hình thành cá tính được phát triển một cách thuận lợi thì các em sẽ chuyển sang thời kỳ xã hội một cách bình thường.

Cũng vào thời kỳ này mà những phẩm chất làm lãnh đạo bắt đầu xuất hiện. Đây là thời kỳ mà các em tham gia một cách có chủ định vì đã có các em trở thành những nhà lãnh đạo như từ khi mới sinh. Đó là những em có một nhân cách mạnh mẽ. Nhưng không phải tất cả các em đều trở thành những người thủ lĩnh vì các em ngày phải biết cách chỉ huy. Các em này phải được đào tạo để có một sự đảm bảo nào đó. Các

em này thường là những em có một sự phát triển bình thường trong những giai đoạn trước.

tính cách xã hội làm một thời kỳ tự nhiên có tính xã hội. Trong thời kỳ này các em thích chơi cùng nhóm và có sự hợp đồng trong các hoạt động của chúng. Đây là đặc trưng nổi bật so với những thời kỳ trước. Các nhà chuyên môn cho rằng thời kỳ này là thời kỳ nảy sinh tinh thần băng nhóm. Nhưng cũng nên nhớ rằng tinh thần băng nhóm của thời kỳ này cũng rất khác với tinh thần băng nhóm ở tuổi mười hai đến mười bốn tuổi dậy thì. Trong tuổi tám đến mười hai các em thích sống theo nhóm nhưng những nhóm này còn được hình thành rất lỏng lẻo. Mỗi cá nhân được tập hợp theo một mục đích chung nhưng rồi lại tách ra. Nó không được gắn bó chặt chẽ như những băng nhóm trong thời kỳ dậy thì. Các băng nhóm này chỉ tồn tại từng lúc, không thường xuyên như những băng nhóm trong tuổi dậy thì. Các băng nhóm trong tuổi dậy thì không chỉ có lợi ích chung mà còn có cả sự trung thành với người thủ lĩnh. Nói một cách chính xác hơn thì băng nhóm của thời kỳ này là băng nhóm của những con người tiền sử. Còn tinh thần băng nhóm thực sự là thuộc thời kỳ sau, thời kỳ dậy thì.

Quan sát các em ở tuổi tám đến mười hai chơi đá bóng hay chơi đuổi bắt. Khi hết cuộc chơi là hết nhóm nhưng trong cuộc chơi các em vẫn hợp tác với nhau.

Một sự khác nhau quan trọng khác của thời kỳ này và thời kỳ dậy thì là ở tuổi tám đến mười hai các em chơi chung cả nam và nữ một

cách bình đẳng, chưa hề có sự phân biệt giới tính như trong thời kỳ ở tuổi dậy thì.

Ở tuổi tám đến mười hai tư tưởng lãng mạn phát triển rất nhanh. Nhưng các em lại không tình cảm như ở tuổi lên mười vì các em quá chú tâm vào những vấn đề quan trọng hơn. Vào tuổi này quan hệ giữa các em trai và các em gái chỉ đơn giản là tình bạn còn quan hệ về giới thường ít được chú ý hơn. Nhưng đến tuổi dậy thì, từ mười bốn đến mười sáu, thì sự quan tâm đến người khác lại được tập trung đến những người khác giới. Tuổi này được coi như một chặng dừng chân nhưng lại là một chặng dừng chân cần thiết trên bình diện xã hội để cho tinh thần hợp tác được nở rộ để cho những yếu tố tình dục xuất hiện. Vì vậy theo ý kiến của những nhà chuyên môn thì lúc này là lúc không nên để cho các em trai và gái quá tách xa nhau. Các em khác giới này cần phải học cách tôn trọng nhau trong quan hệ riêng biệt. Các em gái lúc này không giống như khi tuổi mười lăm sắp tới, không phải chỉ quan tâm đến việc người khác chú ý đến mình mà trở thành người đối tác cần thiết, có đủ khả năng hoàn thành một số việc như sửa soạn một bữa ăn, hay đem một chiếc cúc áo nếu nhu cầu này làm cho các em cảm thấy dễ chịu. Tóm lại là có thể phục vụ được một vài công việc chung của nhóm mà các em đã học được cách làm trong những thời kỳ trước. Đối với những em trai cũng vậy vì vào tuổi này là tuổi mà các em cần sử dụng khả năng thực hành của mình.

Vào tuổi từ tám đến mười hai, tiếp nối những sự phát triển mang tính xã hội là lúc các em thích được làm những việc mà người khác

làm. Cũng như trong thời kỳ dễ bảo, các em tiếp thu những ý tưởng cũng như những hành vi của người khác nhưng bây giờ các em đã có ý thức về việc mình làm. chúng ta thử hình dung xem một em trai ở tuổi này đến trường với bộ quần áo đã lỗi mốt trong khi các bạn khác lại có quần áo hợp mốt. Với các em gái cũng tương tự. Điều nói trên làm cho em không thể nào hoà hợp được với các bạn khác. Các bậc cha mẹ dù vô tình hay hữu ý, chỉ vì cho rằng việc đó không có gì là quan trọng, đã làm cho các em tách rời khỏi đám đông các bạn cùng lứa. Điều đó thật là bất lợi cho bản thân các em và nhiều khi lại là một dịp để cho các bạn bình luận về hoàn cảnh của con em mình. Trong trường hợp không thể làm khác được do nhiều lý do thì cần thiết phải giải thích cặn kẽ để con em mình hiểu và tự giác chấp nhận. Để cho các em hiểu rằng cha mẹ cũng thông cảm với các em nhưng vì hoàn cảnh không có điều kiện để thoả mãn các em. Vì thế các em cũng có thể ý thức được hoàn cảnh gia đình mình và cũng thông cảm với cha mẹ các em. Các bậc cha mẹ cần nhớ rằng vào tuổi này các em đều có cái thích thú được giống như mọi người từ suy nghĩ đến hành vi cũng như cách ăn mặc. Đó là một nhu cầu tự nhiên bình thường mà không nên nổi giận khi thấy các em hành động như vậy mà cho rằng các em đòi hỏi quá nhiều. Với những em thực sự đòi hỏi quá nhiều thì đương nhiên là chúng cần phải có những giải thích và đáp ứng hợp lý mà không nên chạy theo ý muốn của các em.

Vào tuổi này, vì các em bị thu hút vào những việc của chúng, nên chúng ít chú ý đến người lớn trừ trường hợp khi người lớn cung cấp

cho các em những cái mà các em cần. Vào tuổi này các em cũng ít quan tâm đến những phiền muộn đời thường. Tính cách của các em lúc này có vẻ khó hiểu và không logic. Các em có vẻ như thờ ơ với tất cả. Vào tuổi này, các em ăn uống cũng vội vàng để có thể sớm đi gặp bạn bè. Nhiều bậc cha mẹ vì không hiểu tính cách của các em nên đã tìm cách ngăn cản bằng những thái độ không đồng tình hoặc đôi khi dùng cả quyền uy. Tuy nhiên điều đó hình như chẳng có hiệu quả bao nhiêu. Trái lại, nếu như các bậc cha mẹ cung cấp những thứ cần thiết cho những hoạt động của các em hay tỏ ra quan tâm đến chúng thì các em sẽ coi cha mẹ như những người dửng dưng cảm điển hình.

Cũng vào tuổi này, các em không thích những sự trù mến từ cha mẹ trước mặt người khác nhất là những bạn bè của chúng. Chúng rất ngượng ngùng và bối rối trước những sự âu yếm của cha mẹ.

Vào tuổi này thái độ của các em đối với quyền lực, với mọi mệnh lệnh thật là khác thường. Thông thường các em thường phản kháng lại với tất cả những mệnh lệnh có tính chất áp đặt. Sự phản kháng này đôi khi rất là thô bạo và quyết liệt. Nhiều khi các em còn tìm cách trả thù với những hành vi mà các em cho là trù dập. Sự chống đối này nhiều khi thật là khó hiểu. Trước những sự phản kháng này nhiều bậc cha mẹ và thầy cô giáo thường áp dụng những hình phạt nghiêm khắc đôi khi bất công. Đó là điều nên tránh mà tốt hơn cả là hãy gây tình cảm với các em bằng cách chia sẻ với các em những cái các em quan tâm. Đương nhiên là các em không đòi hỏi chúng ta cùng vui chơi với các em như nên không bình thường khi chúng hướng sự ác cảm đó vào

chính cha mẹ chúng. Với con trẻ càng dùng trừng phạt nhiều lại càng không hay vì chỉ làm cho các em trở nên khó bảo, khó dạy. Với các em thực sự ngoan ở nhà, ở trường cũng như khi chơi bời với bạn bè sẽ luôn có một tâm hồn lành mạnh đối với cha mẹ cũng như đối với thầy cô giáo.

Vào tuổi này, các em rất thích ghi được điểm trước người lớn mà đôi khi chỉ để vui đùa. Tuy nhiên các bậc cha mẹ cần giúp đỡ các em để các em có thể đạt được điểm một cách lành mạnh, trung thực khi đến lượt đi của các em.

Vào tuổi này, các em cần được chú ý nhiều về mặt trí tuệ. Vì vậy các em rất ham hiểu biết, rất nhiệt tình trong công việc và các em luôn đặt ra những câu hỏi. Những câu hỏi của các em không chỉ là tại sao thế này, tại sao thế kia một cách đơn giản như khi còn năm tuổi. Bây giờ các em theo đuổi câu hỏi của mình cho đến khi mọi lý lẽ đã được sáng tỏ, không còn gì là bí hiểm đối với em nữa. Những điều các em muốn biết lúc này thực là đa dạng từ việc đi bẫy chuột, bẫy chim, cho đến những ngôi sao thể thao, ca nhạc v.v... Điều đó thật là dễ hiểu vì đó là những lĩnh vực mà các em sẽ mang áp dụng ngay ngày mai, ngày kia. Sự tò mò của các em lúc này hoàn toàn hướng vào việc thực hành. Các em rất nhiệt tình học hỏi và có cảm tưởng như là các em sẽ áp dụng ngay vào một việc gì đó.

Theo những nhà giáo dục thì ngày nay việc hướng vào các em vào việc rèn luyện kỹ năng thực hành là một phần vô cùng quan trọng trong hệ thống giáo dục của những quốc gia có một nền giáo dục của

những quốc gia có một nền giáo dục tiên tiến. Vì vậy chúng ta thấy người ta khuyến khích những sáng chế phát minh từ nhỏ đến lớn, từ đơn giản đến phức tạp ngay từ các trường phổ thông. Các em có thể thực hành ngay trên những công việc xây dựng trường sở, như sửa chữa điện cho nhà trường hay xây lắp những xưởng thực tập, hay những phòng thí nghiệm nhỏ v.v... Thậm chí cả việc xây dựng những sân chơi thể thao. Điều đó giúp cho các em củng cố những lý thuyết sách vở và quan trọng hơn là rèn luyện tay nghề và ứng dụng trong thực hành những điều mà các em đã học trên sách, qua những buổi lý thuyết.

Vào tuổi này, các em rất thích những chuyện thần tiên. nếu như trước kia những chuyện thần tiên kích thích trí tưởng tượng dưới hình thức thực hành thì nay những chuyện đó đưa các em vào thế giới những điều kỳ lạ. chính những điều kỳ lạ này sẽ giúp các em tiếp xúc với những cái trừu tượng. Lúc này những vấn đề về chủ quan được đặt ra với các em, nhưng là hướng ngoại chứ chưa phải là hướng nội. Đương nhiên là các em chưa thể trực tiếp giải quyết được mà chỉ trên bình diện khách thể, khách quan nhờ trung gian của lịch sử cũng như từ người khác. Chúng ta cần nhớ rằng những chuyện thần tiên tượng trưng cho những vấn đề riêng tư của các em.

Tính kiên định và lòng dũng cảm được tìm thấy trong những chuyện cổ tích về những con người dũng cảm và kiên định. Sự đối lập vốn có giữa cái thiện và cái ác là thể hiện tính đối lập giữa những trò phù thủy với những hành vi nhân ái của những bà tiên. Là sự đối lập

giữa những chiến thắng của sự thông minh và những thế lực tàn bạo. Tất cả những trẻ em trai cũng như gái đều sống trong những chuyện thần tiên đó. Các em tiếp thu hoàn toàn vì nó nói lên những vấn đề của chính các em. Tiểu sử của những nhân vật nổi tiếng trong phạm vi của những con người hành động cũng rất là có giá trị, vì các em sẽ tìm mình trong cuộc đời của những anh hùng đó và trong một mức độ nào đó đi với các em suốt đời.

Nhiệm vụ của cha mẹ nói chung là khuyến khích những hoạt động cũng như những lợi ích của các em ở tuổi này bằng cách tạo cho các em tất cả những điều có thể để các em phát triển cũng như cung cấp cho các em những thứ cần thiết. Nên nhớ rằng vào tuổi này các em đã bắt đầu có nhu cầu về tài chính nhưng không nên cho các em nhiều vì đó là giáo dục cho các em ý thức tiết kiệm. Tuy nhiên cho các em vừa đủ để các em giải quyết những việc thật là cần thiết cho những hoạt động của một con người tiền sử, con người nguyên thủy theo cách gọi của các nhà khoa học. Như chúng ta đã biết đấy, muốn làm một thứ đồ chơi nào đó như chiếc cần câu hay một chiếc tàu cũng cần có tiền để mua nguyên vật liệu. Điều đó sẽ giúp cho các em sử dụng thời gian nhàn rỗi trong ngày và trong tuần một cách có lợi hơn là suốt ngày ngồi trước màn hình vô tuyến. Bằng cách tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau, các em có thể học được khá nhiều điều khác nhau khá bổ ích. Các em có thể sản xuất ra những đồ gỗ đơn giản, những đồ chơi mà không phải bỏ tiền ra mua. Vào tuổi này các em sẵn sàng để thử sức trong rất

nhều lĩnh vực khác nhau. Xin hãy cứ để cho các em làm với một phương pháp thích hợp để sau đó có thể giáo dục các em.

Phương pháp thích hợp nhất là cứ để cho các em tự làm. Chỉ cần một cái nhìn vui vẻ đã là một phần thưởng lớn đối với các em. Một em nhỏ đang học cách làm cho chiếc tàu thuỷ bằng hơi nước có thể chạy thì niềm vui lớn nhất đối với em lại là chính sản phẩm mà các em đang hoàn thành cũng như với những ai đã cho em những lời khuyên bổ ích. Nếu như được như vậy thì cuối cùng các em sẽ thấy rằng cha mẹ em là những con người tuyệt vời hơn các em tưởng.

Các em từ tám đến mười hai tuổi đã có tính xã hội đối với bạn cùng lứa. Về mặt tâm lý các em không còn phụ thuộc vào cha mẹ như trước. Nếu như chúng ta muốn cho các em có thể đóng một vai trò tích cực trong xã hội thì xin hãy để cho các em cùng làm việc với các bạn cùng lứa. Chúng ta có thể cho phép các em được tự do mời bạn đến chơi nhà và không nên chọn bạn thay các em. Vậy thì các em sẽ tự chọn bạn như thế nào? Đây là vấn đề mà các bậc cha mẹ băn khoăn. Theo các nhà chuyên môn thì cứ để các em chọn bạn theo kinh nghiệm của chính các em. Với các em thì vị trí xã hội cũng như màu da đối với các em là không quan trọng. Tuy nhiên các bậc cha mẹ cũng cần để ý đến các bạn của con cái mình để khi cần có thể kịp thời giúp đỡ các em, vì nhiều khi cái hợp giữa các em không phải lúc nào cũng đáng tin cậy. Cần kết hợp sự tự chọn bạn của các em với sự giúp đỡ của cha mẹ để tránh những ảnh hưởng tiêu cực nhất là khi trong xã hội vẫn còn những điều đáng lo ngại.

Qua tất cả những thời kỳ của tuổi thơ thì thời kỳ mà các nhà chuyên môn khuyên chúng ta nên đặc biệt quan tâm là thời kỳ các em sống tràn đầy sức sống cũng như đã sống. Đó cũng là thời kỳ một cách tự nhiên các em sống say mê và nhiệt tình hơn bao giờ hết.

7. VAI TRÒ CỦA ĐỒ CHƠI VÀ TRÒ CHƠI

Với tuổi thơ trò chơi có một vị trí vô cùng quan trọng. Trò chơi tự bản thân nó là một phương pháp sử dụng tự nhiên để tạo cho các em thể hiện những tài năng mà các em cần đến trong cuộc sống mai sau. Trong khi chơi các em tập cách sử dụng những dụng cụ nào đó, để tránh những hiểm nguy, để cộng tác với những người khác những hiểm nguy, để công tác với những người khác và để rèn luyện chính các em. Trò chơi có một điểm khác công việc ở chỗ để vui chơi và chỉ có như thế. Khi các em chơi bóng đá hay một trò chơi nào khác thì chỉ để giải trí. Người lớn khuyến khích các em chơi còn có mục đích để tăng cường sức khoẻ cho các em đồng thời cũng để cho tinh thần đồng đội được phát triển. Với các em thì chỉ đơn giản là để nô đùa. Nhưng với một sự nhìn nhận sâu xa hơn, trò chơi với chúng còn là một phương tiện thúc đẩy sự nảy nở tự phát những tố chất điển hình vốn có. Trong những trò chơi có tổ chức đều có luật chơi phải được tôn trọng vì đây là những môn thể thao có những quy định cần phải được tôn trọng. Với những trò chơi có tính cách cá nhân, như chơi nhạc hay hội hoạ... thì thường chỉ phục vụ cho lợi ích có tính chất riêng biệt của người chơi. Vì thế nó được người chơi tự do thực hiện thoải mái. Nhìn

nhận một cách nghiêm túc thì những trò chơi khác như làm một con tàu hay đi câu, ngoài sự giải trí còn một mục đích như để bơi thuyền hay câu được những con cá to.

Những trò chơi như chúng ta đã định nghĩa như một nỗ lực tự phát để phát triển những tố chất điển hình vốn có. Những tố chất điển hình này được phát triển ở những loài vật là nhằm để bảo đảm cho sự sống của chúng. Mỗi cá thể đều có nhu cầu kiếm mồi cũng như tránh những kẻ thù nguy hiểm. Vì thế các loài vật lại có những tố chất vốn có riêng cho mình để thoả mãn những nhu cầu đó. Một trong những nhu cầu đầu tiên ở trẻ em có tính chất bản năng là trò chơi chạy trốn.

Ở đây chúng ta cần đề cập đến những trò chơi mang tính kích thích, mang tính khêu gợi. Những trò chơi này dưới một hình thức đơn sơ nhất là *nhằm để giải toả những năng lượng đã tích lũy quá nhiều làm cho tâm lý được nhẹ nhàng.* Ví như khi tan học hay mỗi buổi sáng các em thường nhảy cẫng lên, tung mũ, ném cặp sách mà không có lý do gì xác đáng. Trong nhiều trường hợp cách giải toả năng lượng này cũng có cái gì đó tương tự ở những loài động vật. Quan sát một con mèo con chúng ta thấy chúng vui đùa như vờ xé một tờ giấy đang đung đưa trước gió hay nhảy cao để vờ một cành lá. Người ta cho rằng chú mèo con này bắt chước hành động vờ mồi của con hổ. Các em còn nhỏ từ một đến hai tuổi rất thích chơi trò đuổi trốn. Lớn lên các em vẫn thích tiếp tục trò chơi này. Đây là một trò chơi rất có lợi cho các em sau này vì nó rèn luyện sự nhanh nhạy và trí thông minh.

Bản năng tiến công cũng được thể hiện trong nhiều trò chơi. Các em nhỏ cũng rất thích chiến đấu mà không nhằm một mục đích nghiêm túc nào. Quan sát những chú chó con chúng ta cũng thấy như vậy. Chúng thường chơi đùa bằng cách cắn nhau, tấn công lẫn nhau, nhưng không hề làm đau cho nhau. Nếu quan sát đôi chút chúng ta cũng thấy các em nhỏ vui đùa với nhau như vậy mà không hề có ý làm đau người bạn chơi. Với các em nhỏ các trò chơi phần nhiều là để thể hiện những tố chất tự nhiên vốn có thì đôi khi cũng thấy các em chơi những trò chơi có tính chất bắt chước những hoạt động của người lớn. Như chúng ta biết, sự bắt chước cũng là tố chất tự nhiên vốn có ở các em. Những trò chơi như nấu cơm, làm bác sĩ hay như trò chơi lái xe, lái xe lửa là những trò chơi khác với trò chơi tìm trốn vốn là những trò chơi bắt nguồn từ những xung lực tự nhiên. Người ta gọi những trò chơi này là những trò chơi bắt nguồn từ sự thích thú bắt chước. Đó là cách để các em thoả mãn cái nhu cầu được làm một việc gì đó. Như vậy là những trò chơi này có lợi ích về thực hành. Một cách chuẩn bị cho cuộc sống thiết thực sau này.

Những trò chơi của trí tưởng tượng cũng là một loại trò chơi rất phổ biến ở các em bắt nguồn từ sự đồng nhất và cũng để đồng nhất với những người mà các em mến mộ. Những trò chơi như tập làm người bán hàng, người làm vệ sinh môi trường... đều là những cách để chuẩn bị cho các em vào đời trong tương lai. Người ta gọi đây là những trò chơi bắt nguồn từ trí tưởng tượng được các em thực hiện cho những hoàn cảnh sống trong tương lai. Nó giúp cho các em làm quen với

những công việc rất có thể các em phải đảm nhận khi vào đời. Đây không đơn giản chỉ là bắt chước vì những trò chơi tưởng tượng tăng cường những kinh nghiệm trẻ thơ.

Những trò chơi của trí tưởng tượng của những kinh nghiệm trẻ thơ khác là có tác dụng phát triển tư tưởng. Những trò chơi này thường có ý nghĩa tượng trưng. Ví như một em cầm một nắm đất và gọi là quả cam, một em khác ném tờ giấy lên trời và gọi là máy bay. Có em chỉ vào một chiếc ghế và kêu lên rằng cha em đang ngồi ở đó. Những ví dụ nói trên được những nhà chuyên môn gọi là những trò chơi tưởng tượng mang tính tượng trưng, vì các sự vật đó đều tượng trưng cho những ý tưởng của các em. Những người cha thật sự của các em là quá cụ thể và quá gần gũi với các em. Và lúc này các em muốn có một người cha bằng trí tưởng tượng của mình, cũng như một con tàu hay đúng hơn là hình ảnh một con tàu chứ không phải một con tàu thật sự. Một hình ảnh về người cha chứ không phải là một người cha bằng xương bằng thịt thực sự. Ở đây hình ảnh là chất liệu thô của tư tưởng. Các em có thể có một con tàu mà chỉ bằng một chiếc lá bất kỳ cũng như các em nắm đuôi áo nhau cũng đủ để các em có một đoàn xe lửa dài bất kỳ. Từ đó giúp cho các em phát triển trí tưởng tượng của mình. Điều đó giúp các em chỉ bằng bất cứ một vật gì trong tay là các em có thể có vô vàn những thứ đồ chơi khác nhau nhờ vào trí tưởng tượng của mình. Các nhà chuyên môn khẳng định rằng các em luôn có đầy đủ mọi thứ đồ chơi đắt tiền thường là những em trì trệ về tâm hồn, về trí tuệ.

Những trò chơi kể trên được thực hiện phù hợp với từng thời kỳ phát triển về tâm lý của các em. Nếu như với các em từ hai ba tuổi thích với trò bịt mắt bắt chim, hay bịt mắt bắt dê thì các em vào tám chín tuổi lại thích chơi trò đuổi bắt. Trong thời kỳ hình thành cá tính từ bốn đến bảy tuổi, các em thường thích những trò chơi có thể thể hiện tốt nhân cách của mình như trò chơi làm vua, làm thầy. Còn thời kỳ “con người tiền sử” từ năm mười hai tuổi các em lại thích những trò chơi nhằm giải toả năng lượng bằng cách tiếp cận với những hoạt động xã hội như đi cắm trại hay những trò chơi tập thể. Đến mười sáu tuổi các em đã bắt đầu thích sự ve vãn nhưng còn dưới hình thức tự nhiên mà không có huynh hướng yêu đương nghiêm chỉnh. Các em gái ở tuổi này thích đi từng cặp lang thang đâu đó. Nhưng chỉ một thời gian sau sự ve vãn được thay thế bằng tình yêu đích thực rất nghiêm chỉnh với ý định rõ rệt và không còn là một trò chơi nữa.

Vào thời kỳ sau tuổi thiếu niên những trò chơi mang tính chất trí tuệ hơn như những cuộc tranh luận, đi xem hát hay hoà nhạc, viết báo học trò, làm thơ văn, thể thao hay những cuộc hội thảo quần chúng... Theo các nhà chuyên môn thì những hoạt động đó bắt nguồn từ những khuynh hướng sinh học bởi vì những con người tiền sử chiến đấu bằng từ ngữ hơn là bằng vũ khí. Trong mọi trường hợp tuổi thiếu niên là tuổi rèn luyện cho chính mình và không nhất thiết lúc nào cũng phải nghiêm chỉnh. ví như trong một cuộc tranh luận, việc tự bảo vệ ý kiến của mình không phải là vấn đề quan trọng mà các em sẵn sàng chuyển

sang ý kiến đối lập để tự rèn luyện chính mình và đó là một điều các em thấy hài lòng về mình.

Chúng ta cần nhớ rằng những trò chơi có chức năng tự nhiên và rất quan trọng trong tâm hồn các em, ngay cả với các em ở nông thôn khi các em phải ra đồng phụ giúp công việc của gia đình. Các bậc cha mẹ nên biết rằng để chơi cũng cần có những điều kiện vật chất nhất định. Vì thế các bậc cha mẹ nên giúp đỡ các em không chỉ bằng sự động viên về tinh thần mà trong một chừng mực cho phép nên cung cấp cho các em vật tư cần thiết đôi khi cả tiền bạc để các em mua vật liệu cho các trò chơi nói riêng và cho sự vui chơi nói chung.

Nếu những trò chơi là có ích bởi vì nó mang lại cho các em những hoạt động tự nhiên vô giá trong cuộc sống thường nhật cũng như những điều kiện để các em thể hiện những năng lực của mình. Cần nhớ rằng công việc với mọi người là cần thiết nhưng chưa đủ. Vì công việc chưa giúp được cho các em khám phá một cách đầy đủ những phẩm chất tự nhiên nơi các em. *Chúng ta có thể khẳng định được rằng nhân cách cũng như sự trong sạch về tinh thần của các em không thể phát triển được chỉ bằng những công việc học tập như là một sự bắt buộc mà phải bằng cả những hoạt động khác ngoài việc học tập trong trường.*

Đã từ lâu nhà trường đã đưa ra môn thể lực vào trong trường và được coi như một môn học chính thức. Đó là điều rất bổ ích nhưng tính chất như một trò chơi lại bị giảm thiểu vì mang tính bắt buộc. Vì thế môn học về thể lực không thể thay thế những trò chơi hay người ta còn gọi là những hoạt động thể thao tự nhiên (sports naturels) như bơi

thuyền, cắm trại, dã ngoại, v.v... Những môn trò chơi này dành cho sức khoẻ tự nhiên không coi như những môn học thể lực có điểm thi. Với những môn chơi này người ta không cần đến trọng tài mà tự vận động viên xoay xử lý. ví như khi bơi lội hay bơi thuyền gặp phải gió bão mà người chơi phải tự tìm giải pháp để vượt tai nạn, phải tự chiến đấu với hiểm nguy như một người lớn. Hơn nữa trong trường hợp này các em còn phải thể hiện tinh thần hợp tác, tình bạn và những phẩm chất của những người chỉ huy.

Bản thân những hoạt động này tự nó phải có kỷ luật chơi. Đó là con đường tốt nhất để hình thành tính kỷ luật cho chính các em và đó cũng là cách để giáo dục các em. Các nhà chuyên môn đã nói về việc giáo dục các em như sau: *Không thể đi trước thời gian, cũng không thể làm cho các em trở thành những con người trẻ tuổi khi các em chưa hoàn thành thời con nít.* Xin hãy cứ để cho các em chạy nhảy trên những cánh đồng, trên những rừng cây, các em sẽ học được nhiều điều bí mật. Sau đó các em sẽ chơi bóng và chiến đấu. Các em sẽ vượt qua những gì còn non nớt, các em sẽ làm chủ những con ngựa trên cánh đồng cỏ. Các em sẽ bắt được những con cá, các em có thể hạ gục những cây gỗ lớn trước khi khoá bộ đồng phục của học sinh trung học cũng như làm cho ngôn ngữ của mình được trau chuốt.

Những trò chơi có tổ chức khác với việc chơi như chúng ta đã định nghĩa. Những trò chơi có tổ chức phải có những quy định mà những người tham gia phải thực hiện. Đó là điều rất có lợi cho các em trai cũng như gái, tuân theo những quy định cũng như những quyền lợi của

người khác. Tất cả những điều đó giúp cho các em tập sự để trở thành người công dân tương lai. Nghĩa là từ chính các em chứ không phải từ những bài giảng trên lớp mà các em phát triển tốt nhất những phẩm chất đạo đức và xã hội. Từ đó mà các em có một vị trí do các em tự chọn trong đời sống học đường. Tóm lại là các em chỉ có thể học được từ chính các em chứ không thể từ đâu đến.

Cũng như mọi trò chơi tự do, những trò chơi có tổ chức bao giờ cũng được hình thành trên cơ sở những hoạt động bậc thấp, những hoạt động nguyên thủy ban đầu. Tổ tiên chúng ta đã thường chiến đấu chống kẻ thù bằng những hòn đá, bằng những gậy gộc. Khi không còn những vũ khí đó thì tổ tiên chúng ta có thể chiến đấu bằng những lá chắn để tự cứu mình. Những trò chơi khác như trò chơi bắt tù binh là một hình thức dựa trên những quy định từ trước của một trận chiến xa xưa.

Những trò chơi chỉ nhằm tiêu phí thời gian cũng có một vị trí nhất định trong đời sống các em và cần được quy định thành chương trình trong nhà trường. Những trò chơi có tổ chức mang tính tập thể. Còn những trò chơi có tính chất tiêu phí thời gian rảnh rỗi lại tạo cho các em cơ hội để biểu thị cá tính. Tinh thần đồng đội là một cái gì tốt đẹp, nhưng sẽ là sai lầm nếu áp đặt làm triệt tiêu cá tính như một số nơi đã làm sẽ làm cho các em mai một tính cách, thậm chí nếu không tinh thần đồng đội có thể làm cho một số em trở thành bè phái tệ hại. Ngoài ra cũng cần có một sự phân biệt giữa trò chơi có tổ chức với những trò chơi chỉ nhằm giải quyết thời gian rảnh rỗi. Những trò chơi để tiêu phí

thời gian rảnh rỗi thường không có những quy định bắt buộc. Nhưng đã được coi là trò chơi dù là tự phát và tự do thì cũng phải có mục đích rõ rệt như để làm một con tàu, làm một cái khung ảnh v.v... Tóm lại trong mọi trường hợp phải là những hoạt động mà các em ưa thích. Hơn nữa cũng như mọi trò chơi nó phải được tự do để thể hiện khuynh hướng tự nhiên và vốn có. Ví dụ việc sưu tầm tem là phản ánh bản năng sưu tập. Sự chăn nuôi gia súc là một kỷ niệm về thời kỳ con người thuần dưỡng những con vật hoang dã biến chúng thành vật nuôi, đồng thời cũng là cách thể hiện tình cảm và trách nhiệm với những gì mà ta sở hữu.

Chúng ta còn phải nói đến một loại trò chơi có mục đích chữa bệnh. Như chúng ta đã biết những trò chơi tự phát có vai trò rất quan trọng mà con người đã ý thức được từ nhiều năm nay là có thể giải toả được những mặc cảm có nhiều xúc cảm bị dồn nén. Nó còn có tác dụng làm tan biến những rối loạn về tâm lý đã làm cho các em đau khổ để chữa trị cho các em. Một em gái nhỏ luôn bị mẹ em quát mắng phải làm như mẹ em đã bị rối loạn tình cảm, để giải toả sự ức chế này em cũng làm như mẹ bằng cách quát mắng con búp bê xinh đẹp mà em yêu quý, nhưng trước mặt mẹ em thì em không dám. Những trò chơi đôi khi còn giúp cho chúng ta nhận ra những rối loạn tâm lý ở con em chúng ta. ví như một em thường bị rầy la vì ở bẩn. Trước sự rầy la đó của người lớn em biết là oan cho em nhưng không dám nói ra. Từ đó dẫn em rơi vào rối loạn về tâm lý. Hàng ngày rất là vô có cứ thấy mang con gấu của mình ra tắm rửa. Điều đó chứng tỏ rằng những trò chơi đã làm

cho người lớn nhận ra con mình đang đau buồn về một sự khủng hoảng tinh thần nào đó.

Không phải chỉ có như vậy mà những trò chơi đơn giản thường ngày của các em còn giúp cho chúng ta cách giải quyết vấn đề. Các nhà tâm thần học có đưa ra một trường hợp như sau: Một em nhỏ luôn gặp những giấc mơ sợ hãi khi ngủ. Các thầy thuốc cho em một đồng đồ chơi để cho em chơi. Người ta thấy em xếp mỗi con vật vào một ngăn. Những thứ khác không còn biết xếp vào đâu. Khi hỏi em tại sao không xếp tất cả những đồ chơi còn lại vào những ngăn đó thì em trả lời rằng cho chúng khỏi đè lên nhau. Điều đó làm cho các nhà tâm thần học chú ý đến đời sống tinh thần trước đây của em. Qua tìm hiểu người ta được biết em nhỏ này sống trong một gia đình mà tất cả cha mẹ cũng như người lớn khác quan tâm đến em một cách thái quá, suốt ngày căn dặn em đủ điều mà phần lớn là không cần thiết. Vì thế em luôn trong tình trạng căng thẳng bất an luôn như có cái gì đó đè nặng lên tâm trí em. Những cơn mê sảng hốt hoảng khi ngủ là hậu quả của tình trạng này. Ngay cả khi chơi em cũng luôn bị tình trạng này đe dọa và không có một chút nào là của riêng mình. Vì thế em sợ cả việc những con vật chỉ là đồ chơi cũng bị dồn nén như em nên mới có cách xử sự như đã nói trên. Đó là cách tự giải quyết vấn đề của chính em qua trò chơi khi rối rắm.

Những ví dụ như vậy không phải là hiếm, chúng ta có thể nêu một câu chuyện khác của một nhà tâm thần học kể lại như sau: Một em gái được cha mẹ mua cho một hộp đồ chơi gồm cả người và vật để chơi trò

dựng những vở diễn đơn giản nhất. Một hôm người ta thấy em dựng một màn kịch có người cha ngồi một bên, một bên là mẹ em, còn em ngồi giữa. nhưng lại có thêm một người cảnh sát đứng ở trước. Các nhà tâm phân học đi đến kết luận màn kịch này thể hiện cái mà tâm phân học gọi là mặc cảm ế-lêch-tra (élecra) tức là mặc cảm oedipe ở các em gái. người ta cho rằng việc em ngồi ở giữa cha và mẹ là không để cho mẹ em chiếm lấy cha của em. Điều này đã được Freud và những nhà tâm lý học thừa nhận là hoàn toàn chính xác và rất tự nhiên của những em gái. Đây là cũng là cách các em qua trò chơi tự giải quyết những vấn đề chính của các em mà không còn biết trông chờ vào bất cứ một ai khác.

Như thế là những trò chơi không chỉ giúp cho chúng ta biết được tình trạng tâm lý của những em gặp những điều rắc rối mà còn giúp chúng ta có cách để chữa trị cho các em thoát khỏi những đau buồn tích lũy từ lâu trong lòng để trở thành những em bé có đời sống tâm lý nhẹ nhõm, thanh thản, vui vẻ. Điều này có vẻ như không có gì đáng phải quan tâm với không ít người lớn trong đó có cả nhiều bậc cha mẹ. Nhưng những nhà chuyên môn khuyên chúng ta đừng nên coi thường tình trạng trên. Nó có thể làm cho các em trở thành bệnh hoạn suốt đời như người ta thường nói là các em ngớ ngẩn. Vì vậy cách tốt nhất là phải phòng ngừa bằng cách hãy chú ý đến đời sống tinh thần của các em ngay từ khi mới sinh, tránh đừng gây ra những cú sốc làm rối loạn tinh thần các em dẫn đến những đau khổ triền miên của những người bệnh tâm thần. Vấn đề là khuyến khích tạo cơ hội cho các em phát

triển đầy đủ và bình thường chứ không phải là triệt tiêu những ước mơ của các em, cản trở sự phát triển bình thường ở các em.

Cần chú ý một điều vô cùng quan trọng là nếu người lớn cứ thúc ép các em vô lối sẽ làm cho các em rất sợ người lớn. Sự sợ hãi này làm cho quan hệ tình cảm giữa em và những người thân nhất là cha mẹ bị tổn thương và có nguy cơ làm cho quan hệ này mất hết ý nghĩa. Các em không còn tin ở người lớn và đương nhiên là các em trở thành những đứa trẻ không biết vâng lời. Khi mà các em không còn biết sợ những sự đe dọa, cũng như khó chịu trước những sự dụ dỗ, âu yếm của cha mẹ thì sự việc đã không còn đơn giản nữa và cơ may chữa chạy cho các em này sẽ vô cùng phức tạp.

Theo các nhà chuyên môn thì những trò chơi có một chức năng sinh học hoàn toàn giống với những giấc mơ. Trò chơi cũng như những giấc mơ giúp cho các em tấn công vào những vấn đề mà các em không thể giải quyết một cách trực tiếp. Các nhà chuyên môn đều nhất trí rằng trong những giấc mơ có biết bao vấn đề cũng như biết bao giải pháp được đặt ra rất là phức tạp.

Người ta nhận ra rằng những trò chơi của mỗi em ưa thích lại nói lên những hoàn cảnh mà các em đã trải qua trước đó đã gây ấn tượng mạnh đến các em. Ví như một em trai rất thích chơi trò chiến tranh trong đó có cảnh máy bay địch đến ném bom. Tìm hiểu vấn đề này người ta được biết là em này đã bị máy bay đến oanh tạc. Sự kiện này để lại trong em những kỷ niệm khủng khiếp tưởng như đã quên nhưng nó đã trở lại với em qua trò chơi như chúng ta vừa nói ở trên. Cũng

như thế, kỷ niệm khủng khiếp này cũng trở lại với em trong những giấc chiêm bao. Cũng vì thế, một cách diễn lại những kỷ niệm xưa là rất tự nhiên theo cách của các em. Nhưng cũng không vì tính chất tự nhiên của vấn đề mà chúng ta coi thường hoặc là kích thích các em nhớ lại như cổ vũ các em chơi trò chơi chiến tranh, cũng như những trò chơi bạo lực. Việc điều trị những trường hợp nói trên phải kiên trì vì những trò chơi cũng như những giấc mơ là những hiện tượng luôn được lặp đi lặp lại nhiều lần. Cứ từng tý một qua nhiều lần trong trò chơi cũng như trong giấc mơ mà các em sống trong những kỷ niệm không hay đó. Nếu không những giấc mơ được gọi là những cơn ác mộng sẽ huỷ hoại tâm hồn các em. Giấc mơ như Freud khẳng định còn có mặt tích cực của chúng ví như những giấc mơ đẹp. Giấc mơ có vai trò sinh học mà con người biết được trạng thái tâm lý của các em cũng như tìm ra cách để chữa trị cho các em những chứng bệnh rối loạn tâm thần. Trong mọi trường hợp không cần sự trình bày của người lớn, chỉ cần thông qua những chúng ta biết được rằng vì sao các em này lại cần một sự giải toả tinh thần như vậy. Nhờ sự giải toả này mà các em lấy lại sự thăng bằng trong cuộc sống.

V. TUỔI THIẾU NIÊN

1. TÍNH CÁCH CHUNG

Tuổi thiếu niên bao giờ cũng là một đề tài được nhiều nhà chuyên môn đặc biệt quan tâm. người ta biết được rằng từ thời cổ đại chính Aristote, nhà triết học lớn này cũng đã từ bỏ việc nghiên cứu những vấn đề triết học cũng như những vấn đề về mỹ học để đi sâu nghiên cứu vấn đề vô cùng hấp dẫn và phức tạp này. Đây là vấn đề mang tính hiện thực vô cùng sâu sắc với giọng nói ồm ồm của những đứa trẻ mới lớn đầy sức sống. Người ta cho rằng *tuổi thiếu niên là tuổi của những ý tưởng hướng thiện nhưng lại thiếu kinh nghiệm*. Cũng trong thời cổ đại Platon cũng đã dành ra khá nhiều công sức và thời gian để suy tư cũng như thử tìm ra một phương pháp tốt nhất để dạy bảo các em thiếu niên thành những người công dân chân chính.

Nói đến tuổi thiếu niên là người ta nói đến tuổi trưởng thành. Vậy thì nên hiểu như thế nào. theo các nhà chuyên môn thì theo một nghĩa chính xác nhất, chặt chẽ nhất tuổi thiếu niên được hiểu là tuổi trưởng thành để nói lên toàn bộ những giai đoạn phát triển từ khi sinh cho đến tuổi chín muồi, trưởng thành. Nhưng tại sao người ta lại thường nói đến tuổi thiếu niên là tuổi từ mười hai đến mười bảy. sở dĩ người ta nói như vậy là vì vào thời kỳ này các em từ tuổi cần sự che chở chuyển sang tuổi các em có khả năng tự giải quyết công việc một mình. Theo cách nói dân gian truyền thống của nhiều dân tộc thì người ta gọi đây là thời kỳ vỗ cánh tập bay. Tuy nhiên thông thường người ta cũng cần giúp đỡ các em bằng một cái đẩy để các em lấy đà. Mặt khác nếu như các em tập bay quá sớm cũng có thể gặp nạn.

Đặc trưng của tuổi thiếu niên là tính phiêu lưu. Đây là điều khác với tuổi phụ thuộc của các em. Đồng thời cũng khác với sự hơi cứng nhắc của tuổi người lớn. Các em thiếu niên trai cũng như gái luôn tìm những kinh nghiệm mới mà thường lạ lẫm, ít thuận tiện để từ đó làm cho thuận tiện và tiện nghi hơn với tất cả khả năng của các em. Các em luôn tìm mọi cách để vượt qua mọi khó khăn để tự giải quyết và tiến lên phía trước.

Tuổi thiếu niên cũng là tuổi có tinh thần trách nhiệm cao. Những em trai thường sung sướng khi được tin nhiệm trao cho những công việc khó khăn và nặng nhọc như xếp hành lý lên xe. Các em gái cũng như vậy khi được tin nhiệm phụ trách việc chăm nom các em nhỏ trong các cuộc du lịch xa cũng như gần. Các bậc cha mẹ cần biết rằng đây là những phẩm chất tự nhiên bắt nguồn từ những xung lực tự nhiên mà chúng ta cần tạo điều kiện cho các em thể hiện.

Thật là đáng buồn là cũng không còn ít những em thiếu niên thiếu tinh thần trách nhiệm. Đây thường là các em thiếu cuộc sống an toàn trong thời thơ ấu, hoặc là những em bị cha mẹ làm hỏng vì cứ bắt các em phải sống như là một em thơ mãi mãi, ngay cả khi đã lập gia đình thì mọi công việc cũng do người vợ phải đảm nhiệm tất cả. Có những em gái vào tuổi này đáng lẽ phải chuẩn bị về mọi mặt cho việc làm chủ gia đình và nuôi dạy con cái thì lại từ chối việc trưởng thành, muốn sống trong tuổi thơ mãi mãi chỉ chú ý đến bản thân mình, không muốn chịu trách nhiệm trước bất cứ một vấn đề gì. Có những em trai cũng thích lối sống như vậy. Tình trạng này đã được những nhà tiểu thuyết

dựng thành những tác phẩm văn học. Kết thúc cuốn chuyện tác giả đã biến những nhân vật này trở thành một “con ma” sống trong thế giới phi hiện thực trước khi trở thành một con bệnh tâm thần.

Trong quan hệ ở đời, tuổi thiếu niên bình thường rất thích làm những việc cụ thể, những việc có vị trí quan trọng. Các em thích những công việc hành động hơn là những công việc ngồi bàn giấy mà không cần tính xem lợi ích của những công việc ấy thế nào. Các em còn thích cả việc săn sóc các em nhỏ hơn là theo học một lớp về khoa nuôi dạy trẻ.

Theo logic của vấn đề thì *phải am hiểu sự vật rồi mới thực hiện*. Vì thế không còn nghi ngờ gì là cách giáo dục của chúng ta phải theo tinh thần đó. Nhưng phương pháp đó lại không phải là phương pháp mà tự nhiên lựa chọn. Phương pháp đó theo một số nhà chuyên môn lại không phải là phương pháp tốt nhất ít ra cũng đối với tuổi thiếu niên. Các em luôn thích bắt đầu bằng thực hành. Bởi thế các em kiên trì học cách ứng dụng và thích thú theo cách này để thu được kết quả tốt nhất.

Các em nhỏ thường không thể lường trước được những khó khăn gì sẽ đến, nhưng đến tuổi dậy thì các em có thể tham gia vào những công việc của người lớn như phụ giúp cha mẹ em làm những việc như làm nhà, xây sân, đi săn hay đi làm đồng v.v... Tóm lại là các em học việc ngay trong cuộc sống thực. Các nhà chuyên môn đều cho rằng hiện tượng các em ở các nước phát triển thường bị những rối loạn thần kinh là không có gì đáng ngạc nhiên. Có người nghĩ rằng có tình trạng trên là do các em này được sinh hoạt tình dục khá thoải mái. Nhưng đại

đa số những nhà chuyên môn không đồng ý với quan niệm này và cho rằng nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng trên là *do người ta đã cho các em quá nhiều quyền lợi cũng như những khả năng vốn có những cách thể hiện quá tự nhiên.* cũng như để cho các em *quá nhiều tự do* trong một cộng đồng xã hội rất phong phú về tinh thần trách nhiệm hay rất cần đến nhiều tinh thần trách nhiệm ở mỗi công dân.

Từ thế kỷ trước người ta đã biết đến lợi ích của phương pháp giáo dục tại chỗ. Các em học việc ngay tại hiện trường với sự hướng dẫn của người thầy. Những thầy thuốc trẻ mười tám đôi mươi tuổi học nghề chữa bệnh ngay tại cộng đồng dân cư thấp nhất như làng xã. thậm chí có thể học sớm hơn từ mười sáu hay mười bảy tuổi. Hiện nay trên thế giới nhiều nơi đào tạo cán bộ nông nghiệp theo cách trực tiếp lao động nông nghiệp độ một năm rồi mới về trường học phần lý thuyết. Lợi ích to lớn của hệ thống đào tạo này là người học việc nắm được những vấn đề thực hành và đặt ra những vấn đề để tìm cách giải quyết. Hơn nữa với cái vốn thực hành còn giúp cho người học tiếp thu lý thuyết một cách sáng tạo và thông minh. Cũng như đối với các em gái cần phải để cho các em thoả mãn cái thích thú được săn sóc các trẻ nhỏ trước khi dạy cho các em lý thuyết về nuôi dạy trẻ.

Các nhà chuyên môn cũng thừa nhận rằng trong xã hội văn minh có một thực tế cho thấy rằng quá trình này diễn ra phức tạp hơn nhiều so với xã hội tiền sử. Muốn thích nghi với đời sống xã hội hiện đại các em phải có nhiều hiểu biết về nhiều phương diện với một khối lượng đáng kể. Chỉ những công việc chân tay cũng đòi hỏi các em rất nhiều hiểu

biết ví như để làm ruộng các em phải có những hiểu biết canh tác, đất đai, khí hậu, giống má nhiều loại cũng như kỹ thuật canh tác từng mùa vụ v.v... không những phải có thể biết mà còn phải thực hành một cách thông minh và phải có hiệu quả cao. Vì vậy các em phải tự tay thực hiện một cách cụ thể những vấn đề thực hành và tự giải quyết những vấn đề nảy sinh.

Với tuổi thiếu niên có rất nhiều vấn đề để các em giải quyết để gia nhập vào thế giới những người trưởng thành. Thời kỳ trưởng thành của các em theo các nhà chuyên môn lại rất dài so với thời kỳ này trong cộng đồng những người tiền sử. Nếu như trước kia trách nhiệm giáo dục là thuộc cha mẹ thì nay rất cần sự giúp đỡ của những nhà chuyên môn.

Tất cả những hiện tượng kể trên không làm cho chúng ta quên mất một nguyên tắc quan trọng là tuổi thiếu niên có nguyện vọng và nhu cầu được nhận trách nhiệm cụ thể trước khi học lý thuyết, học tập thông qua những trách nhiệm ấy chứ không phải bằng cách áp đặt như một gánh nặng.

Theo các nhà chuyên môn thì *tuổi thiếu niên là tuổi hay nổi loạn ít chịu vâng lời*. Giải thích thái độ này các nhà chuyên môn cho rằng đó là nỗ lực để hình thành những quan niệm riêng tư cá nhân để bảo vệ sự độc lập của chính các em. Các em từ chối phục tùng bao giờ cũng kèm theo việc đặt vấn đề với một quyền lực nào đó ngay cả với cha mẹ. Các em muốn dành lấy cái quyền tự mình suy xét, tự quyết định lấy công

việc quan trọng, chọn bạn, chọn sách đọc và nhiều thứ khác. Và các em có nguyện vọng là người lớn, hãy thử để cho các em lựa chọn.

Chúng ta cần nhớ rằng bản chất của mối quan hệ giữa các em thiếu niên và cha mẹ có tầm quan trọng rất cơ bản. *thiếu niên đang tập làm người lớn*. Nhiệm vụ của cha mẹ là giúp đỡ các em chứ không phải là kìm hãm như nhiều người đã cố làm. Điều đó có nghĩa là chúng ta cứ để các em tự xoay xử lấy một mình mà chỉ hỗ trợ vào lúc thích hợp.

Cần nhớ rằng các bậc cha mẹ tìm mọi cách để áp đặt quyền lợi của mình lên con cái là một việc làm vô ích. Các em sẽ không chấp nhận và những xung lực tự nhiên của các em sẽ nổi loạn. Trước tình hình như vậy các bậc cha mẹ thường biện bạch là cần phải giáo dục các em tinh thần kỷ luật. Những sự giáo dục kiểu như vậy *chỉ có kết quả khi các em có khả năng tự biết giữ kỷ luật đối với chính mình*. Còn nếu chưa chuẩn bị trước cho các em tinh thần đó từ lúc còn bé thì nay là hơi muộn. Cần nhớ rằng ảnh hưởng của cha mẹ đến các em thiếu niên hoàn toàn phụ thuộc vào những quan hệ đã được thiết lập từ trước. Nếu như gặp những khó khăn thì tốt nhất là nên nhờ cậy vào người khác. nếu vẫn không kết quả thì cuối cùng cần sự trợ giúp của những thầy thuốc tâm thần. Như người ta thường nói khi đã để tuột mất dây cương con ngựa bất kham thì không còn cách nào khác là nhờ người khác giữ nó lại.

Với các em thiếu niên các nhà chuyên môn khuyên chúng ta là hãy để cho các em được phép gặp gỡ với bạn bè ở bên ngoài đường phố hay trong phòng riêng mà cha mẹ không nên tỏ thái độ hoài nghi dòm ngó thậm chí còn rình rập. Mỗi khi các em thanh niên rời gia đình để đi

gặp riêng các bạn thì không có nghĩa là các em xa lánh gia đình. Đây chẳng qua chỉ là nhu cầu tự nhiên muốn trở thành người độc lập. Cần nhớ rằng nhu cầu này đôi khi thật là mạnh mẽ và quyết liệt. Tuy nhiên cũng cần nhớ rằng điều đó không có nghĩa là các em đã có đầy đủ khả năng độc lập. Vì vậy người mẹ luôn là niềm tin cho các em gái và sẵn sàng giúp đỡ em giải quyết mọi vấn đề. Với các em trai cũng vậy, các em rất cần đến những lời khuyên chứ không phải là những quyết định cũng như những mệnh lệnh được ban hành từ một quyền lực nào đó. Mặt khác các bậc cha mẹ cũng không nên ngạc nhiên khi thấy các em không thực hiện đầy đủ những lời khuyên. Nhiều nhà chuyên môn còn cho rằng họ thực sự sung sướng khi con em họ không thực hiện những lời khuyên của họ mà thay vào đó là những giá trị do các em tự lựa chọn. Chúng ta không nên vui mừng quá sớm khi các con em chúng ta tự vứt bỏ những suy xét của chúng để chấp nhận những lời khuyên của chúng ta quá dễ dàng. Nói như vậy là vì các em chỉ đơn giản làm nên chúng bằng chúng ta không phải bằng chính các em. Vấn đề quan trọng là các em nên học cách tự suy tư, tự xét đoán và tự quyết định.

Mặc dù các em rất thích được độc lập nhưng các em vẫn thích được cha mẹ quan tâm đến bản thân các em cũng như đến công việc của các em. Vào tuổi này không nên tự phụ về công việc của con cái mình mà vấn đề quan trọng là khuyến khích các em tiếp tục đi con đường mà các em đã chọn. Các nhà chuyên môn khuyên chúng ta rằng ngay cả với các em học tập vào loại đuối trong lớp thì cha mẹ cũng không nên chì chiết. Từ học đuối động viên các em cố gắng thành học sinh trung bình

hoặc trung bình yếu cũng là một kết quả đáng khích lệ. Các bậc cha mẹ cần nhớ rằng mỗi em có những khả năng những tố chất tự nhiên khác nhau mang tính chất bẩm sinh mà chúng ta không thể áp đặt tùy tiện theo chủ quan của chúng ta. Nhiều em khi còn đi học chỉ là những học sinh loại thường thậm chí còn thuộc loại kém. Nhưng khi ra đời không ít em cũng vẫn thành đạt nhiều khi còn hơn các em học khá trong lớp. Vấn đề là năng khiếu của các em có được thực hiện phù hợp với những tố chất tự nhiên của các em hay không. nếu được phát triển đúng hướng, trí thông minh của các em sẽ có đất để nảy nở rục rờ. Ở đây quan trọng là sự động viên thích hợp chứ không phải là sự áp đặt tùy tiện của những người có quyền lực. Ngay khi gặp thất bại nếu được tiếp sức để làm lại và làm lại với kết quả không ngờ được. Vì vậy sự giúp đỡ này thật vô giá.

Với các em mà tính khí thuộc loại yếu nếu chúng ta khéo động viên thì sự nỗ lực cũng tăng gấp bội. Trái lại nếu chúng ta chê bai hoặc không quan tâm gì đến công việc của các em thì việc các em rơi vào tình trạng bị ức chế về tâm thần là điều khó tránh. Rất tiếc là vẫn còn không ít các bậc cha mẹ hay những thầy cô giáo vẫn luôn luôn nghĩ rằng bằng những sự áp đặt, những quở trách là có thể buộc các em có thể đi theo hướng này hay hướng khác theo mong muốn chủ quan của mình. Họ không biết rằng kết quả hiển nhiên của những việc làm tùy tiện đó là chỉ làm cho các em phản ứng, nổi loạn. Sự nổi loạn này là một sự phản ứng chống lại những quyết định xa lạ với bản thân các em, không tin ở các em, đồng thời cũng là những người mà các em chưa tin

cậy. Trước tình hình này tốt nhất là hãy để các em thử sức trên lĩnh vực mà chính các em lựa chọn khác với sự lựa chọn của cha mẹ. Có không ít trường hợp các bậc cha mẹ đã không còn hy vọng gì ở đứa con mình. Nhưng chỉ sau một số năm con họ được tự quyết định đời mình, tự xoay xở trong những lĩnh vực vô cùng khó khăn mà các em lựa chọn, các em đã trở thành những con người thành đạt trong sự ngạc nhiên của cha mẹ cũng như những người thân quen. Thành những con người chân chính theo đúng nghĩa của danh từ. Người ta thường gọi những em này là những thiếu niên được lòng tin cứu vớt mà đúng ra là chính lòng tin của chính các em đã cứu vớt các em.

Trên đây là những đặc trưng chung của tuổi thiếu niên.

2. TUỔI DẬY THÌ

Như chúng ta đã khẳng định danh từ thiếu niên được hiểu theo cách thông thường là vào tuổi từ mười hai đến mười bảy, mười tám. Đó là thời kỳ chuyển tiếp từ tuổi ấu thơ sang tuổi trưởng thành. Nhưng giai đoạn này tự nó cũng lại chia ra thành nhiều thời kỳ khác nhau rất rõ rệt giữa thời kỳ này với thời kỳ khác. Những thời kỳ này cụ thể là như sau:

Tuổi dậy thì từ mười hai đến mười bốn tuổi mà đặc trưng là tinh thần băng nhóm và sự phát triển rất nhanh những chức năng tình dục sinh lý.

Thời kỳ chuyển tiếp vào tuổi mười lăm là thời kỳ các em chuyển từ đồng tính luyến ái (tự yêu mình) sang thời kỳ tình dục đích thực.

Thời kỳ thiếu niên thực sự vào tuổi mười sáu đến mười tám, là thời kỳ tình dục đích thực và ý tưởng.

Chúng ta biết rằng tuổi dậy thì là từ tuổi mười hai đến mười bốn mà đặc trưng chung là được coi như một cái trục giữa thời thơ ấu và tuổi trưởng thành. Với tất cả những cư dân tiền sử trên thế giới thì là thời kỳ bao gồm nhiều lễ nghi mà các em trai cũng như gái được thụ giáo với tất cả những quy tắc của người trưởng thành. Ý nghĩa của những lễ nghi có tính tôn giáo này có khác đôi chút giữa các cộng đồng khác nhau. Nhưng nói chung các em được đối xử như những người trưởng thành thực sự. Người ta làm cho các em đau để cho các em phải dũng cảm chịu đựng như những người theo chủ nghĩa khắc kỷ.

Trong thời kỳ La Mã thống trị, thời kỳ chuyển tiếp từ trẻ thơ sang tuổi trưởng thành được báo hiệu như là bộ lễ phục của quan toà. Ở châu Âu vào thời trung cổ sự chuyển tiếp từ tuổi ấu thơ sang tuổi trưởng thành cụ thể là vào tuổi mười bốn các em phải trở thành người kỹ sỹ theo hầu chịu trách nhiệm chăm sóc ngựa cho chủ. Các em phải mang vũ khí khi ra trận. Từ một đứa trẻ chưa có một trách nhiệm nào trở thành người có trách nhiệm thực sự. Với các em gái khi lần thấy kinh nguyệt đầu tiên cũng phải chịu những nghi lễ bí mật để đánh dấu cho một sự sinh đẻ nhiều con chứ không phải cho một sự sống lâu về sinh lý.

Tuổi dậy thì là tuổi có một sự phát triển rất đặc trưng về mặt sinh lý ở cả các em trai cũng như các em gái. Nó có ảnh hưởng rất lớn đến

sức khoẻ tinh thần cũng như thể chất. Tuổi dậy thì bắt đầu bằng sự lớn rất nhanh về thể chất. Các xương bắt đầu dài ra. Râu tóc mọc nhanh. Còn dáng vẻ lại hơi vụng về. Điều đó không phải như người ta nghĩ là do sự phát triển về tình dục mà trái lại khi các hạch tình dục đi vào hoạt động lại tác động theo chiều đối lập nhau, vừa thúc đẩy nhưng lại vừa kìm hãm sự phát triển. Vì thế chúng ta thường thấy các em trai cũng như gái lớn nhanh thường lại thấp, thường to ngang và thường nặng hơn các em khác. Các em thiếu niên cao thường phát triển tình dục chậm hơn các em to ngang. Tuy nhiên đây chỉ là những quy luật chung nên vẫn còn những trường hợp ngoại lệ. Thời kỳ phát triển cũng lại khác nhau giữa các giới khác nhau. Vào thời kỳ đầu của tuổi thơ thì các em trai có khuynh hướng lớn nhanh hơn các em gái cho đến mười tuổi. Từ mười một đến mười bốn tuổi các em gái sẽ lớn vượt các em trai cùng tuổi. Điều đó được giải thích là do các em gái bước vào tuổi dậy thì sớm hơn các em trai. Từ mười bốn tuổi trở đi các em trai lại vượt trội hơn. Sự phát triển về cấu trúc mang tính cơ thể học kéo theo sự phát triển về sinh lý tương ứng. Cho nên chúng ta thấy các em gái từ mười một đến mười bốn tuổi có vẻ trưởng thành hơn các em trai.

Vào tuổi học đường, các em trai to lớn thường được chú ý hơn các em cùng lứa dù có thông minh hơn. nhưng vào tuổi này các em không chỉ quan tâm đến cái sức khoẻ tự nhiên ban đầu mà các em còn chú ý đến trang phục để tôn thêm cái sức khoẻ mà các em đang sử dụng. Các em còn quan tâm đến cả việc sử dụng cái sức khoẻ ban đầu này vào việc tốt hay việc xấu. Vì thế những em không có cái sức khoẻ trời ban

nếu không trở thành những lực sĩ tương lai thì cũng không vì thế làm cho các em mất lòng tin.

Chúng ta biết rằng trong thời đại hiện nay quan niệm về nhóm có một ảnh hưởng đáng kể. Các em có khả năng trở thành đội trưởng một đội thể thao nào đó sẽ có cái may để phát triển những phẩm chất chỉ huy cũng như lòng tự tin ở chính mình. Điều đó làm cho quá trình phát triển thể lực vào những thời kỳ tiếp theo có ý nghĩa quyết định với công việc cũng như đối với bạn bè cùng nhóm.

Với các em gái thì sắc đẹp của các em có thể có sức hấp dẫn để các em gia nhập cuộc sống. Tuy nhiên nó cũng có thể làm cho các em trở thành kiêu căng hoặc trở thành những cô gái vô hồn, nếu luôn bị cái sắc đẹp đó ám ảnh dồn nén đè nặng như bị đông cứng.

Các bậc cha mẹ cũng như bạn bè thường hay đề cao một cách quá đáng sự hấp dẫn về thể chất của các em gái. Và như thế là không công bằng đối với những em gái bị thiếu hụt về cái vẻ bề ngoài này. Các em gái này hình như bị tước mất cảm tình của mọi người dù em chẳng có lỗi gì và em cũng không hề chịu trách nhiệm về thể hình của mình. Thái độ nói trên cũng là không công bằng đối với cả những em có ngoại hình xinh đẹp và sẽ là không hay khi các em này nghĩ rằng chỉ cần có ngoại hình xinh đẹp là không cần phải làm gì mà vẫn có mọi cái mình muốn. Vì thế nhiều nhà chuyên môn khuyên chúng ta hãy dùng từ “xinh đẹp” hơn là dùng từ “đẹp”. Nói xinh đẹp là đẹp cả người lẫn nét còn đẹp chỉ nói về ngoại hình mà thôi.

Rất nhiều các em thiếu niên rất vụng về, lóng ngóng. Các nhà chuyên môn giải thích rằng hiện tượng này bắt nguồn từ sự phát triển những xương dài như cẳng chân cẳng tay quá nhanh nên làm mất cân đối. ví như một người nào đó chuyển cho chúng ta một chén trà thì họ phải điều khiển những cơ bắp của cánh tay như thế nào để rút ngắn khoảng cách giữa chúng ta với người đó. Nhưng vì cánh tay của họ hơi dài. Vì thế khoảng cách được rút ngắn đột ngột và có thể làm rơi chén trà, nếu không thì trông cũng lóng ngóng vụng về, có vẻ như thừa một cái gì đó nên sẽ vụng vúi không uyển chuyển nhịp nhàng. Với một người chân dài quá khổ cũng thường diễn ra tương tự khi họ cần di chuyển đôi chân để làm một động tác như nói trên. Nói chung là tất cả đều không tránh được những trường hợp như nói trên. Vì vậy tất cả những em trai cũng như gái đều ý thức được tình trạng quá khổ của mình. Do đó các em thường tìm cách thu mình lại. Hậu quả là các em này thường hơi gù, vai so lại và cổ được dấn vào giữa đôi vai. Chúng ta cần giải thích cho các em thiếu niên hiểu rõ những nguyên nhân về thể chất nói trên, nếu không các em có thể có tưởng thấp kém, có mặc cảm về thể hình của mình, sinh ra rụt rè thiếu tự tin.

Danh từ dậy thì bắt nguồn từ danh từ xấu hổ (puberté là dậy thì, pubis là xấu hổ) và gắn liền với những cơ quan nội tạng. về mặt từ ngữ thì chữ danh từ (vocabulary) cũng bắt nguồn từ xấu hổ dùng để chỉ một cái xương hông (bassin). Vì thế người ta nghĩ đến việc ngày xưa từ tình dục tự nó bắt nguồn từ tuổi dậy thì. Tuy nhiên sẽ là thiếu nghiêm túc nếu chúng ta không muốn thừa nhận vấn đề tình dục đã được nảy sinh

từ tuổi còn rất nhỏ. Hoặc là người ta đã nhìn nhận ra nhưng lại coi như là cái gì không bình thường, là quái dị.

Các nhà chuyên môn đã khẳng định, như Freud đã từng khẳng định, là ngay từ những năm đầu tiên của đời người, hiện tượng thủ dâm là rất phổ biến. Để chứng minh cho kết luận trên các nhà chuyên môn tham gia những công trình nghiên cứu về trẻ em đã đặt ra những câu hỏi cho các bà mẹ về vấn đề này thì chín mươi phần trăm đều thừa nhận các con của họ khi chưa đầy năm đã từng thường xuyên mút ngón tay. Và họ đều thừa nhận là các em chỉ chơi như một trò chơi rất tự nhiên, ngây thơ và rất hào hứng. Người Việt Nam chúng ta cũng như nhiều người khác trên thế giới thường không muốn thừa nhận đó là sinh hoạt tình dục nơi con trẻ. Lại càng phẫn nộ khi các nhà chuyên môn gọi đó là thủ dâm. xin hãy bình tĩnh và gọi là đời sống tình dục ở đây là xuất phát từ tính chất của vấn đề. Đó là sự tìm khoái cảm một cách vô thức ở trẻ em. Nó khác xa đời sống tình dục ở người lớn về phương diện hình thức, cũng như về phương diện cách thức hưởng thụ. Vì thế Freud đã gọi là tình dục trẻ em, tình dục ấu trĩ, tình dục tiền tình dục, tình dục bất thường, thậm chí ông còn gọi là tình dục sa đoạ. Tất cả những cách gọi trên chỉ nhằm phân biệt với đời sống tình dục của những người trưởng thành về phương diện nói trên còn về tính chất thì không có một sự khác biệt nào dù là nhỏ nhất. Tất cả chỉ là đi tìm khoái cảm, một nhu cầu bẩm sinh, tự nhiên mang tính di truyền từ đời nọ sang đời kia với mọi lứa tuổi, cả nam lẫn nữ. Sự khác nhau trong sự hưởng thụ chỉ là về hình thức như đã trình bày ở trên.

Cũng như thế khi các nhà chuyên môn gọi sự thủ dâm ở các em dưới một tuổi cũng làm cho chúng ta ngỡ ngàng vì thành kiến đã ăn sâu trong chúng ta. Lại thấy các nhà chuyên môn này coi hành vi mút ngón tay của các em là thủ dâm thì có nhiều người không thể hình dung được. Thực ra khi các nhà chuyên môn gọi một hành vi nào đó là thủ dâm chỉ có nghĩa là các em tìm kiếm sự thích thú bằng chính thân thể các em một cách tự nhiên mà thôi. Đương nhiên hành vi thủ dâm không chỉ dừng lại ở sự mút tay. Và chúng ta không bao giờ khuyến khích hành vi thủ dâm nói chung cũng như hành vi mút ngón tay ở các em nhỏ. Vấn đề này chúng ta còn cấm đoán các em nói riêng cũng như với mọi hành vi đó là vì chúng có hại. Các nhà chuyên môn còn khẳng định rằng các em không chỉ có khả năng cảm nhận những cảm giác tình dục mà còn dần có kinh nghiệm về hành vi này. Thực tế đã được chứng minh, trước hết là nhờ sự quan sát trực tiếp và sau đó là bằng lý thuyết tâm phân học.

Nhiều em trai cũng như gái từ năm đến bảy tuổi đã thường chơi với nhau những trò chơi tình dục. Nghĩa là các em đã chơi những trò chơi này sớm hơn rất nhiều so với khả năng sinh đẻ thực sự. Trong phần trên chúng ta đã nói đến một hiện tượng mà các nhà chuyên môn gọi là sự hưởng thụ trước, sự xuất hiện sớm so với khả năng thực tế. Nếu chú ý một chút chúng ta thường thấy những chú bê non bé tí tẹo chơi trò nhảy lên lưng những con bò cái cùng lứa hoặc lớn hơn chúng rất nhiều. Nếu nhìn từ quá khứ chúng ta sẽ thấy vấn đề quan hệ tình dục thường được xuất hiện rất sớm so với tuổi ở những bộ lạc xa xưa, nghĩa là

trước tuổi dậy thì nhiều năm. Chúng ta thường cố tình làm ngơ trước những hiện tượng quan hệ tình dục giữa các em khác giới khi chưa đến tuổi dậy thì. Các nhà nghiên cứu cho rằng những hiện tượng như vậy không phải quá hiếm đối với các em chưa đến tuổi dậy thì ở tất cả những cộng đồng người trên thế giới bất kể ở các nước phát triển hay ở các nước kém phát triển. Tất nhiên khi các nhà chuyên môn nói đến quan hệ tình dục giữa các em khác giới là muốn nói đến tất cả những hình thức khác nhau trong quan hệ tình dục chứ không phải chỉ có một hình thức duy nhất mà mọi người từng biết là quan hệ vợ chồng. Nhiều nhà chuyên môn đã từng trực tiếp điều trị cho không ít các em từ sáu đến mười hai tuổi đã quan hệ tình dục với các bạn khác giới. Ở nước ta, chúng ta cho hiện tượng này là sự bắt chước người lớn một cách đơn giản. Ở đây có vấn đề bắt chước nhưng chủ yếu là do sự phát triển của các cơ quan phủ tạng dẫn đến có nhu cầu từ hình thức thấp đến hình thức cao mà khó có thể cưỡng lại được. Tuy nhiên con người cũng không chịu bó tay để cho vấn đề tình dục phá hoại sức lực của con em chúng ta. Nhưng muốn giải quyết vấn đề thì phải thừa nhận là nó đang tồn tại chứ không phải là phủ nhận sự có mặt của nó. Quan niệm cũng như cách giải quyết của ngay các nhà chuyên môn cũng không phải là như nhau. Tuy nhiên cách giải quyết theo Freud và tâm phân học là cách đã được nhiều nhà chuyên môn thừa nhận là có cơ sở khoa học và có hiệu quả hơn cả. Nhưng cách giải quyết này đòi hỏi nhiều nỗ lực cũng như sự kiên trì của nhiều phía, nhưng trước hết là sự nỗ lực của mỗi cá nhân. Đó là cách xây dựng một cơ cấu nhân cách toàn diện, như

chúng ta đã trình bày tương đối cụ thể trong “Freud và tâm phân học” chứ không phải là áp đặt hay cấm đoán. Vấn đề là tạo ra sự hài hoà giữa vô thức, ý thức và siêu thức để mỗi người có thể làm chủ được mọi hành vi của mình, mà trước hết là sự cám dỗ của những ham muốn tình dục quá trớn không phù hợp với những chuẩn mực về luân lý đạo đức thực sự nhân bản mà ai cũng có thể chấp nhận được. Nhất thiết phải tránh cho được sự đối đầu không cần thiết giữa cái vô thức và cái hữu thức.

Một vấn đề được đặt ra là vậy thì vào tuổi dậy thì vấn đề tình dục có gì mới so với những thời kỳ trước. Tại sao vấn đề tình dục đã có từ lâu nhưng chúng ta chỉ quan tâm đến vào tuổi dậy thì. Tất cả vấn đề là ở chỗ đến tuổi dậy thì các cơ quan sinh dục có một sự phát triển bật phát so với các cơ quan nội tạng khác. Với các em gái là sự hành kinh, với các em trai là sự xuất tinh. Đó là những màn dạo đầu cho tình yêu đôi lứa cũng như tình mẫu tử. Cũng vì thế mà những xúc động, những rạo rức tình dục phát triển và có chủ đích. Nói như Freud đã khẳng định đây là thời kỳ tình dục gắn liền với sinh sản. Trước khi bước vào tuổi dậy thì, đời sống tình dục chỉ là tiền sinh dục, nghĩa là chưa có liên quan trực tiếp đến vấn đề sinh nở.

Ngoài ra cũng còn có một sự khác biệt khác nhưng chỉ về mặt số lượng nghĩa là chất lượng không có gì thay đổi. Trước tuổi dậy thì nhu cầu tình dục thường được kích thích từ khách quan, từ bên ngoài. Ví như sự cọ xát từ một vật nào đó như quần áo quá chật, cọ xát khi tắm. Sự kích thích từ bên ngoài này phải kể đến cả khi nước tiểu đầy bàng

quang, thậm chí một cái võ vào mông. Tuy nhiên chúng ta không thể liệt kê tất cả sự thủ dâm vì đây cũng là sự kích thích từ bên ngoài. Trái lại vào tuổi dậy thì nhu cầu tình dục lại được khởi xuất từ hoóc môn làm tăng cảm giác cũng như chu kỳ tình dục. Đương nhiên ở đây có sự phát triển ngay trên vỏ não với tư cách một cơ quan chỉ huy. Nói chung, như các nhà chuyên môn là lúc này tinh hoàn của các em trai và buồng trứng của các em gái đi vào hoạt động. Ngoài sự tác động của những cơ quan nội tạng thì sự tưởng tượng cũng là một yếu tố bên trong tạo ra sự rạo rức về tình dục. Vấn đề về sự tưởng tượng không chỉ có ảnh hưởng với các em thiếu niên mà cũng có vai trò tương tự ở những người trưởng thành, vì như chúng ta đã biết sự tưởng tượng có vai trò đáng kể trong đời sống tình dục.

Ngoài ra cũng phải kể đến trường hợp ngoại lệ như bị ngạt thở khi sinh hay một số tai biến khác. Đó là điều có thể giải thích được về mặt sinh lý. Như các nhà chuyên môn giải thích thì nó có thể tạo ra sự xung huyết trong các cơ quan tình dục gây ra cương cứng. Từ đó kích thích những cảm giác tình dục. Vì vậy chúng được coi là những sự cố xảy ra từ trước, từ thời còn thơ ấu và đã trở thành tiềm thức hay như các nhà phân tâm học gọi là đã trở thành vô thức. Từ đó dẫn đến cái gọi là sự rối loạn tình dục.

Các nhà chuyên môn còn nói đến những trường hợp nổi nóng, cáu giận cũng gây ra xung huyết và cũng tạo ra những kích thích tình dục. Đây là những hành vi suy đồi về tình dục như những hành vi bạo dâm

sa đọa. Đó là trường hợp bệnh hoạn nếu được chữa trị kịp thời thì mọi việc có thể trở lại bình thường.

Vấn đề ham muốn tình dục thái quá có thể chỉ là một vấn đề về tâm lý bắt nguồn từ sự phát triển quá nhanh những hạch tình dục. Đây là trường hợp của một em nhỏ tám tuổi, cũng bình thường như các em khác nhưng lại có sự phát triển các cơ quan tình dục như một người trưởng thành. Người ta gọi các em này là những đứa trẻ của một lực sỹ Hercule. Vì thế không thể coi những em này là những em thiếu niên vì sự phát triển về mọi mặt của những em này rất nhanh. Cũng như các em gái mới mười bốn tuổi nhưng như là các cô gái hai mươi tuổi. Đây là những trường hợp phát triển quá nhanh nhưng lại cân đối nên cũng không có gì là bất bình thường. Trong thực tế đã có một em gái người Peru mới tám tuổi đã sinh đứa con đầu lòng.

Sự không phát triển đầy đủ về tình dục theo các nhà chuyên môn có thể là do có một sự thiếu hụt của những hạch. Để xử lý những trường hợp này các thầy thuốc thường dùng các loại thuốc để kích thích sự phát triển về thể hình nhất là về chiều cao.

Đời sống tình dục của nam và nữ cũng có những sự khác biệt đáng kể. Nói chung thì đời sống tình dục của nam giới thường mạnh hơn ở nữ giới. Với nữ giới thì đời sống tình dục thường là thụ động. Nam giới thường thích che chở cho nữ, còn nữ giới lại thích được che chở. Cũng còn những yếu tố khác tham gia vào vấn đề quan hệ tình dục của hai giới. Ví như sức khoẻ. Một người nam giới quá khoẻ thường ép buộc người đàn bà phải thoả mãn tối đa những đam mê tình dục của mình.

Còn người phụ nữ bất lực trước người đàn ông quá khoẻ thường từ chối sự quan tâm của nam giới đến mình. Theo sự quan sát của những nhà chuyên môn thì các em thiếu niên rất thích chơi trò âu yếm. Và đây là những trò chơi rất phổ biến ở tất cả các dân tộc trên thế giới. Quan sát đời sống của nhiều loài động vật như trong một đàn bò chẳng hạn. chúng ta thường thấy các chú bê bé bỏng liếm cổ một con bò mọng rất lâu và rất dịu dàng âu yếm. Với các em thiếu niên chúng ta thường bắt gặp cảnh một em trai kéo tóc hay bấu véo hoặc đấm đá một em gái cùng lứa. Nhưng sau đó lại đến vuốt ve dỗ dành và ân cần che chở. Mới nhìn tưởng như một cuộc ẩu đả không cân sức nhưng thực ra chỉ là cách chơi đùa của tuổi thiếu niên mà các nhà chuyên môn gọi là những trò chơi mang tính tình dục. Đôi khi lỡ tay làm cho bạn gái đau phát khóc lên. Nhưng đây là những giọt nước mắt của sự dễ chịu của sự sung sướng mà thôi. Còn các em gái lại thích thú được che chở. Tất cả chỉ là để bày tỏ cái bản chất tự nhiên của đời sống tình dục.

Đi đôi với sự hình thành đời sống tình dục là sự phát triển rất nhanh về thể chất, thể hình. Với các em gái là sự phát triển ở vùng hông để chuẩn bị cho sự sinh nở cũng như mập hơn về toàn thân. Đây cũng là nguyên nhân của nhiều phiền toái nếu người mẹ lại nhỏ nhắn. Các em cảm thấy ngượng về sự nảy nở này. vào lúc này lông sẽ mọc nhanh ở những bộ phận kín, ngực được nở nang. Các em rất tự hào về thể hình của mình so với các bạn khác như một sự ưu ái của trời đất.

Vào tuổi dậy thì với các em gái thì vấn đề kinh nguyệt là một hiện tượng rất đặc trưng. Vì thế các nhà chuyên môn đã bỏ ra rất nhiều

công sức để nghiên cứu về hiện tượng này trên các châu lục. Người ta thường cho rằng ở những nơi có khí hậu nhiệt đới hay bán nhiệt đới các em gái thường vào tuổi dậy thì sớm hơn các nơi khác. Nhưng đó là một quan niệm sai lầm như nhiều nhà chuyên môn đã khẳng định. Các nhà chuyên môn nghiêng về giả thuyết cho rằng điều kiện sống bao gồm thức ăn và những điều kiện khác có thể kích thích sự dậy thì sớm hay muộn đôi chút chứ không phải do khí hậu hay nòi giống. Người ta đã chứng minh rằng nhiều em gái do sự nuôi dưỡng quá thấp thường không có kinh nguyệt.

Các số liệu thống kê cho thấy tuổi hành kinh ở các nước như Mỹ, Braxin, một số vùng ở Ấn Độ là khoảng mười bốn tuổi. Ở các nước như Phần Lan và Nga là vào tuổi mười lăm. Tuy nhiên còn những trường hợp có yếu tố di truyền tác động. Cá biệt có những em bắt đầu hành kinh từ rất sớm khoảng từ bảy đến mười tuổi. Có một số em lại hành kinh hơi muộn vào tuổi mười sáu. Vấn đề này chỉ là cá biệt chứ không liên quan gì đến khí hậu cũng như đến giống nòi. Với các em được sống trong một môi trường tốt có khả năng phát huy được trí thông minh thường có kinh nguyệt từ khi mới mười ba tuổi hay hơn một chút. Các công bố gần đây cho rằng ngày nay các em phát triển nhanh hơn ngày xưa. tất cả là do môi trường xã hội và sự tiêu thụ thực phẩm quyết định. Vai trò của sự di truyền cũng có ảnh hưởng không kém.

Nhưng chúng ta cũng cần biết rằng không phải cứ có kinh nguyệt ở các em gái cũng như những dấu hiệu chứng minh các em trai ở tuổi dậy thì là đã có khả năng sinh sản ngay. Tuổi sinh nở, như người ta gọi,

lại không trùng khớp với tuổi dậy thì cũng như với việc có kinh nguyệt. Giữa thời kỳ xuất hiện kinh nguyệt đầu tiên vào tuổi dậy thì với thời kỳ có khả năng sinh nở còn có một khoảng cách mà người ta gọi là thời kỳ vô sinh (stérilité adolescente) của tuổi thiếu niên. Điều này rất phù hợp với những quan sát của Aristote được gọi là thời kỳ không mãn tiếp theo tuổi dậy thì. Điều này đã được các công trình nghiên cứu về các em người Indien chứng minh. các em này có tục lệ lấy chồng từ trước tuổi dậy thì và chỉ sống với chồng sau khi có kinh. người ta thấy rằng khoảng cách giữa thời kỳ có kinh đầu tiên và lần sinh hoạt đầu tiên là từ hai năm bảy tháng. khoảng cách này còn tùy thuộc vào phong tục tập quán từng nơi như ở Trung Quốc là ba năm, có nơi kéo dài đến bảy năm như ở đảo Trobrian. Ở Việt Nam ta cũng còn khá nhiều vùng xa xôi hẻo lánh cũng có phong tục này và thời gian cũng không giống nhau. Khoảng cách về thời gian này có ảnh hưởng về mặt tâm lý. Vì vậy những xúc cảm tình dục có tăng trong thời kỳ dậy thì cũng không cho phép được thực hiện với những hình thức tương ứng. Đó là những ham muốn được quan hệ tình dục bình thường. Các em thiếu niên còn phải trải qua một số bước phụ để cho mọi yếu tố trở nên chín muồi. Chúng ta cần nhớ rằng một số em gái rất là hồ thẹn vì đã thủ dâm vào cái tuổi còn quá non nớt nhất là các em đã được giáo dục rằng đó là những hành vi xấu xa, bẩn thỉu. Các em cũng còn bị ảnh hưởng khá nặng khi người đời cho rằng những bộ phận bài tiết là những vùng bẩn thỉu. Những mặc cảm như vậy là có cái lý về mặt sinh học của nó vì

những vùng đó thường là nơi trú ẩn của nhiều loại vi khuẩn nguy hiểm như bệnh thương hàn chẳng hạn.

Cần nhắc lại một quan niệm của các nhà chuyên môn mà chúng ta có lần đã đề cập tới trong những phần trên là quan niệm về sự xuất hiện trước. Ở đây cũng tương tự quan niệm nói trên coi sự xuất kinh ở các em gái vào tuổi dậy thì cũng là sự xuất hiện trước khả năng sinh đẻ thực sự. Khoảng cách này là thời gian để cho các cơ quan sinh dục được hoàn thiện chức năng sinh sản của mình. Đó là thời kỳ vô sinh của tuổi thiếu niên, nhưng dài ngắn bao nhiêu lại tùy thuộc vào sự phát triển về mặt tâm sinh lý của từng em.

Vào tuổi dậy thì của thiếu niên có một thói quen rất phổ biến mà các nhà chuyên môn gọi là thủ dâm. Danh từ này có nghĩa là sự ma sát bằng tay được áp dụng bằng mọi cách để kích thích các cơ quan sinh dục.

Sự thủ dâm là một hiện tượng không chỉ làm cho các bậc cha mẹ băn khoăn lo lắng và đó cũng là nỗi lo lắng của nhiều bạn trẻ.

Các nhà chuyên môn còn quả quyết rằng nếu khi còn nhỏ các em không chơi trò thủ dâm thì vào tuổi dậy thì các em sẽ chơi thường xuyên. Các nhà chuyên môn cũng khẳng định rằng đây là vấn đề rất tự nhiên vì nó mang lại cho các em những cảm xúc tình dục vào tuổi này. Điều đó đúng sai đến đâu chúng ta cần ghi nhận để tìm hiểu thêm về tính đúng đắn của nhận xét trên. Vấn đề quan trọng là thái độ của chúng ta đối với những hành vi thủ dâm như thế nào cho thoả đáng.

Với một số người thì đó là chuyện bình thường và chẳng cần ngăn cấm. Một số người khác và thường là chính các em thiếu niên đã coi hành vi này như một tội lỗi nghiêm trọng và rất xấu hổ. Trong thời đại ngày nay có không biết bao nhiêu là sách báo cho rằng hành vi này sẽ dẫn đến những hậu quả đáng sợ, như thành điên loạn, sự sa đọa về tinh thần, thậm chí còn mang bệnh tâm thần cũng như một số bệnh khác.

Nhiều nhà chuyên môn khuyên chúng ta hãy mau chóng loại bỏ tất cả những sự mô tả đó từ cửa miệng những con người đứng đắn nói trên chỉ nhằm đe dọa lớp trẻ tránh những thói xấu đó. Thậm chí những kẻ bán ma túy còn lợi dụng tình trạng trên để rêu rao rằng ma túy là cách có hiệu quả nhất để tránh những hành vi thủ dâm. Các nhà chuyên môn quả quyết rằng chẳng có một cái gì chứng minh cho những câu chuyện trên.

Ý tưởng cho rằng sự thủ dâm dẫn đến điên loạn có thể bắt nguồn từ sự kiện là có một số trường hợp dẫn đến những suy thoái về tinh thần. Các nhà chuyên môn đã nói hài hước rằng những câu chuyện trên chẳng khác gì đặt cái cây đi trước con trâu. Với những người có ý tưởng trên thì sự thủ dâm bắt nguồn từ sự thiếu kiểm soát chứ không có gì khác. Người ta càng khẳng định như vậy khi thấy những người bệnh tâm thần chỉ cười một cách điên loạn và la rằng tôi hiểu cái gì làm tôi điên và tự trả lời rằng bởi vì tôi được cười quá nhiều. Những người có ý tưởng trên còn tung ra những cuốn sách khẳng định rằng sự thủ dâm không thể rơi vào các loại bệnh tình và từ đó dẫn tới điên loạn.

Các nhà chuyên môn phải đối những người có ý tưởng nói trên và cho sự thủ dâm không hề có nguy hiểm gì về mặt thể chất nhưng có những cái hại về mặt tâm lý. Các nhà chuyên môn này đã từng quả quyết rằng sự thủ dâm đối với các em nhỏ là có tác dụng không tốt. Nhưng khi đến tuổi thiếu niên thì hành vi thủ dâm chỉ đơn giản là *làm giảm sự căng thẳng*. Về mặt tâm lý sẽ không có gì nguy hiểm cho lắm nhưng sự chống đối thường bắt nguồn từ lý do luân lý và tôn giáo. Cũng là cần thiết khi chúng ta phải điều trị cho những trường hợp thực hiện những hành vi thủ dâm thái quá. Chúng ta hãy giúp các em này khám phá ra những hình ảnh cũng như những mơ mộng tưởng tượng mà các em này sử dụng để kích thích những cảm xúc tình dục. Tất cả đều bắt đầu từ khi bước vào tuổi dậy thì mà những hình ảnh tưởng tượng này không phải là cái gì khác là những xúc cảm tình dục của chính các em như những nhà tâm phân học đã phát hiện. Cơ chế của hoạt động này là hoàn toàn mang tính cách tự động thoả mãn. Đương nhiên ở đây có vai trò của sự tưởng tượng mà chúng ta cần biết là cái hại này về mặt tâm lý không có gì là nghiêm trọng cho lắm. Vấn đề ở đây chỉ đơn giản là sự hấp dẫn của một trò chơi tình dục với người khác giới. Nếu như được thực hiện một cách thường xuyên thì sẽ trở thành đồng tính luyến ái, trở thành bạo dâm thậm chí chỉ với một vật nào đó bất kỳ. Trong trường hợp này hành vi đã trở thành đòi truy nghiêm trọng được biến thể từ những mặc cảm thời còn nhỏ và đương nhiên rất cần một sự điều trị theo phương pháp tâm phân học.

Không ít những em trai được mô tả với những hậu quả nghiêm trọng như trên bắt nguồn từ những sự thủ dâm nhiều khi ngay từ sự thủ dâm đầu tiên đã làm cho các em cảm thấy mệt mỏi về mặt thể chất. Thậm chí còn có thể dẫn đến những ý tưởng phạm tội. Điều khó khăn nhất là các em không dám bộc lộ với ai vì các em nghĩ rằng đây là một hành vi không thể hiểu nổi. Tiếp đó là sợ bị trừng phạt. Những sự lo lắng vô ích này cứ ám ảnh các em trong nhiều năm. Các em thường trong tâm trạng buồn chán bị ám ảnh và cầu an.

Trong tình hình nói trên nếu như các em lại cho rằng sự thủ dâm có thể dẫn đến điên loạn hay những rối loạn nghiêm trọng khác thì các em sẽ lo sợ và buông xuôi không dám chiến đấu để chống lại kẻ thù quá mạnh và đáng sợ này. Những sự đe dọa này đã uy hiếp các em làm cho các em trở thành bất lực không thể chịu đựng được. Trong trường hợp này nhất thiết phải giải toả cho được tất cả những sự sợ hãi đó, không nên tiếp tục thủ dâm nữa. Từ đó các em lấy lại niềm vui vào chính mình và nỗ lực giảm bớt thói xấu đó.

Ngoài ra còn một số hậu quả xấu khác mà các nhà chuyên môn thường thấy ở những em khác là rất sợ những cảm xúc tình dục mà các em đã từng trải qua. Đó chính là nguồn gốc của những cơn mê sảng với những hình ảnh khủng khiếp trong những cơn mê như bị chảy máu làm cho các em không còn muốn sống nữa. Hậu quả của tình trạng này không chỉ làm cho các em hoảng sợ trong cơn mê mà còn làm cho các em sợ khi nghĩ đến chuyện tình dục. Vì thế các em tìm mọi cách để dồn nén những cảm xúc tình dục. Nếu như sự dồn nén này kéo dài thì có

thể làm cho các em trở thành bất lực ở những em trai và làm cho các em gái trở thành đông cứng và sẽ dẫn tới nhiều tội lỗi đủ loại. Các nhà chuyên môn quả quyết rằng tình dục được thực hiện bằng thủ dâm thường xuyên lại trở thành một phương tiện của chính sự dồn nén.

Cũng cần nói thêm đến những tác hại khác của sự thủ dâm nảy sinh ở các em trai cũng như em gái. Đó là sự mất cảm giác, mất sự nhạy cảm trong quan hệ tình dục có nghĩa là thực hiện sự kích thích từ bên ngoài nên sau này sẽ mất cảm giác từ bên trong, vì lúc này trung tâm kích thích hướng từ phía ngoài nên mọi sự kích thích từ bên trong sẽ không còn tác dụng. Vì thế hôn nhân dễ bị đổ vỡ. Một nguy cơ khác là đời sống tình dục của những em này lại hướng vào chính các em chứ không hướng vào đối tượng khác, trở thành những con người tự thoả mãn tình dục. Đó là nguồn gốc làm cho các em trở thành những con người không có tình cảm. Lúc đó các em tự nhủ là vì không có ai yêu em nên em tự yêu mình. Đương nhiên là khi có gia đình các em này chỉ tìm cách thoả mãn tình dục bằng chính mình chứ không phải bằng người khác.

Tất cả những điều nói trên chỉ cho chúng ta biết rằng một khi sự thủ dâm được thực hiện thường xuyên thì về mặt tâm lý cũng không phải là không thể khắc phục được như một số người nghĩ. Vấn đề là để không làm cho các em nản lòng thì không bao giờ được làm cho các em khiếp sợ khi các em còn nhỏ cũng như vào tuổi thiếu niên.

Vậy thì những nguyên nhân nào dẫn đến sự thủ dâm thường xuyên làm cho các em không thể tự kiểm soát được bản thân mình. Nguyên

nhân này thường có nguồn gốc thể chất. Có thể là sự bắt chước bắt nguồn từ những thói hư tật xấu, từ hoàn cảnh mà cũng có thể từ sự phát triển quá nhanh về tình dục. Trong những nguyên nhân về tâm lý người ta chú ý đến những kích thích về cơ thể cũng như về tình dục mà các em không thể vượt qua được. Nhưng phổ biến hơn cả là thiếu những sự âu yếm. Vì thiếu những sự âu yếm nên các em chuyển sang âu yếm chính mình như là cuộc sống yêu đương của các em chỉ còn là sự thoả mãn về thể chất và qua đó các em tìm kiếm những thoả mãn thái quá mà không thể kiềm chế nổi.

Cần nhớ rằng mặc cảm về sự thua kém cũng dẫn đến những sự thủ dâm mà lúc đầu chỉ có ý nghĩa tạm thời, chốc lát. Nhưng khi đã trở thành thường xuyên thì nó lại làm tăng thêm mặc cảm nói trên.

Tình trạng này đương nhiên là làm các em cảm thấy như mình có tội và khiến cho các em làm những điều xấu, nhiều hơn là những điều tốt với tâm trạng là chẳng có ai yêu mình vì mình chẳng là gì cả.

Những hành vi xấu về tình dục như sự bạo dâm, yêu những đồ vật, sự đồng tính luyến ái cũng như các chứng khác, như thích trình diễn thân thể mình trước người khác cũng thích nhìn ngắm thân thể của chính mình thường xuất hiện vào tuổi thiếu niên vì lúc này các em thích những cái mới lạ trong đời sống tình dục. Tuy nhiên chúng ta cũng cần phân biệt những hư hỏng trong sinh hoạt tình dục với những gì là bình thường. Ví như một em trai thích nhìn ngắm cơ thể một em gái hay nhìn ngắm chính cơ thể mình hoàn toàn không có gì giống với những cuộc trình diễn mà người ta tổ chức hiện nay vì nó không có

tính chất tự nhiên bình thường và ít nhiều đã bị biến chất. Sự đồng tính luyến ái hiện nay cũng tương tự vì nó được thực hiện một cách cố ý như làm một sự cưỡng ép bắt buộc. Theo các nhà chuyên môn thì những hoạt động nói trên khi còn là những hoạt động tự nhiên bình thường thì chúng chỉ là những hoạt động vốn có khi còn nhỏ và sẽ chuyển sang một đời sống tình dục bình thường khi trưởng thành. Những hoạt động đó không có giống với sự suy đồi về tình dục đích thực. Tuy nhiên vào lúc tuổi còn nhỏ những hoạt động này bị dồn nén sẽ bị biến dạng, phát sinh mặc cảm. Vì vậy những hoạt động tình dục ở tuổi thiếu niên cũng bị giảm đi rất nhiều tính chất tự nhiên bình thường vốn có của nó. Từ đó có thể dẫn đến những hành vi suy đồi tình dục. *Cho nên các nhà chuyên môn đã gọi những hành vi suy đồi về tình dục là những hoạt động tình dục lý lợm của trẻ em đã bị dồn nén.*

Sự thủ dâm cũng có thể tự nó trở thành một sự suy đồi về tình dục và sẽ không còn chỗ cho những hoạt động tình dục bình thường và đích thực. Trong khá nhiều trường hợp sự suy đồi về tình dục có thể dẫn đến một sự phân đôi xa lạ. Đây thường là trường hợp của những em trai cũng như gái được giáo dục cao về luân lý cũng như về tôn giáo. Nhưng cũng chính vì sự đè nặng của những sự giáo dục đó mà các em đã trở thành bất lực để đề kháng với những sự thủ dâm cũng như với những sự suy đồi về tình dục các loại. Sở dĩ như vậy là do khi còn là trẻ con đời sống tình dục tự nhiên và bình thường của các em bị dồn nén mà thông thường là sự đe dọa. Các em luôn ở trạng thái đối lập, trạng thái phân đôi. Một bên là những xúc động về tình dục và một bên

là những giáo huấn về luân lý, về tôn giáo cũng với những lời đe dọa của người lớn. Cũng vì thế, mà khi vào tuổi thiếu niên cũng như khi trưởng thành, các em không còn kiềm chế được xúc động tình dục nữa thì các em lặng lẽ thực hiện những sự suy đồi về tình dục vụng trộm mà các em không thể chịu đựng nổi. Hoàn cảnh này dẫn các em đến một sự suy thoái về nhiều mặt. Và lúc này mọi sự khuyên can cũng như mọi hình phạt cũng trở nên vô ích, vì bản thân các em không còn đủ khả năng để làm chủ chính mình nữa. Có trường hợp các em tự trừng phạt mình bằng hình thức của những con người khổ hạnh nhưng cũng là vô ích. Tuy nhiên cũng có những trường hợp một số em đã trở thành người bệnh tâm thần thật sự, nhưng sau khi đã có lòng tin tôn giáo thì các em đã chuyển sự đạo dâm sang tình yêu thiên chúa, đồng loại và khắc phục được những sự suy đồi về tình dục. Đây cũng chỉ là kết quả hiếm hoi vì lòng tin tôn giáo đâu có phải là một món hàng mà người ta có thể đặt mua được. Cuối cùng người ta phải nhờ đến bàn tay của những nhà tâm phân học mới có thể giải toả cho các em những mặc cảm tội lỗi nói trên.

Nói đến tuổi dậy thì, đến tuổi thiếu niên chúng ta không thể không bàn đến vấn đề tình yêu.

Vậy tình yêu được hiểu như thế nào. Đây là một vấn đề mà ngay cả những nhà chuyên môn cũng cảm thấy không dễ gì trả lời thật đầy đủ được. Để hiểu và định nghĩa từ tình yêu các nhà chuyên môn yêu cầu chúng ta cần phân biệt với những bản năng khác như sợ, sự giận dữ, hay những khao khát tình dục. Theo các nhà tâm lý học thì đây là một

tình cảm thật sự. *Nghĩa là một tập hợp những khuynh hướng cảm xúc hướng vào một sự vật, một con người hay một ý tưởng.*

Những sự vật này rất khác nhau như quê hương xứ sở, như tổ ấm gia đình, như căn nhà nơi ta khóc tiếng khóc chào đời, như công việc, thể thao, nghệ thuật, tôn giáo, bạn bè hay chính bản thân mỗi chúng ta.

Với những sự vật khác nhau người ta có thể có những cảm xúc khác nhau như sự dịu dàng, sự vui vẻ, sự nhìn ngắm tức sự chiêm ngưỡng, sự kính trọng, tình bạn, sự trung thành, v.v... Đó là tất cả những nhân tố chính để hợp thành tình yêu mà sự khao khát tình dục chỉ là một trong những nhân tố đó. Cũng có quan niệm cho rằng *tình dục hiểu theo nghĩa rộng nhất là tình yêu nói chung vì đã gọi là tình yêu là phải mang lại cho con người những giây phút để chịu, sung sướng, khoan khoái.* Và đó cũng là bản chất của vấn đề tình dục. Còn hình thức và phương tiện lại vô cùng phong phú từ sự mút ngón tay của con trẻ, đến nụ hôn, cho đến quan hệ tình dục theo nghĩa thông thường. Mỗi một nhân tố của tình yêu lại có vai trò khác nhau trong sự phát triển nhân cách đầy đủ và hài hoà. Mỗi nhân tố đó đều ở trạng thái bản chất rõ rệt ở tuổi thiếu niên và có vai trò khác nhau phải hoàn thành. Chúng ta chỉ có thể hiểu được chúng khi chúng ta biết được những chức năng của nó. Điều đó cũng như chúng ta chỉ hiểu được đồng tử của con mắt khi chúng ta hiểu được chức năng của chúng. Vì vậy chúng ta chỉ có thể hiểu được tình yêu như một tình cảm khi chúng ta hiểu được vai trò và chức năng của tình yêu cũng như những quá trình tâm lý khác. Tình yêu của người mẹ đối với con cái và sự dịu dàng đều có chức năng và

vai trò của chúng. Sự khát khao tình dục với người khác, bằng cách này hay cách khác làm cho nhân cách phát triển trong tổng thể của nó.

Khi chúng ta nói đến những nhân tố tình yêu về mặt sinh học là chúng ta nói đến chức năng sinh học của chúng. Một cách hợp lý nhất là nó thâm tóm mọi tình cảm phân biệt với tự nhiên. Cũng do nhiệm vụ và chức năng khác nhau nên một hình thức tình yêu nào đó lại có thể khước từ một hình thức tình yêu khác.

Tình yêu là vấn đề phức tạp và đa dạng vì thế không ít người đã định nghĩa tình yêu một cách đơn giản và lầm lẫn.

Khi bàn đến vấn đề tình yêu các nhà tâm lý học yêu cầu chúng ta phải tính đến từng trường hợp cụ thể, vì ý nghĩa của tình yêu thay đổi tùy theo những nhân tố mà nó bao trùm. Tình yêu theo một nghĩa đích thực không giống như tình yêu của một tài tử điện ảnh. Các nhà tâm lý học nói chung đều cho rằng yêu trong phim ảnh chỉ đơn giản là sự làm tình, hay ít ra chỉ là những xúc cảm tình dục đơn thuần. Tình yêu của người mẹ đối với cái được đặc trưng ở tình cảm dịu dàng. Với các tôn giáo là vấn đề tâm linh, là sự hiến dâng của Chúa. Danh từ tình yêu có thể bao hàm mọi cung bậc của tình cảm từ những liên quan đến cơ thể, đến những vấn đề đã được siêu việt, đã được thăng hoa.

Khi chúng ta nói một người nào đó đã yêu thì điều đó có nghĩa là tất cả những yếu tố từ những thích thú về thể chất cho đến tinh thần đã được siêu việt thăng hoa và với một tinh thần hy sinh cao cả được thức tỉnh và được hướng về người mình yêu.

Vậy thì giữa tình yêu và sự ghét bỏ, sự căm thù khác nhau ở chỗ nào? Cái khác nổi bật là ở đây chúng ta thấy hai nhóm tình cảm, hai nhóm khuynh hướng của cảm xúc đều hướng về một vật nào đó. *Những tình yêu làm cho chúng ta gắn bó với người cũng như vật mà ta yêu. Còn sự ghét bỏ, sự hận thù làm cho chúng ta lánh người hay sự vật đó.*

Các nhà chuyên môn cho rằng tất cả những hình thức về tình yêu xuất hiện ở tuổi thiếu niên đều có đặc trưng tình dục. Đó là những phán đoán không xác đáng về người bạn của mình mà cuộc sống tình yêu lúc này như một sự pha trộn nhiều yếu tố.

Chúng ta hãy lần lượt đi qua một số những nhân tố qua kinh nghiệm của tuổi thiếu niên.

Tình bạn là một sự hấp dẫn, sự gắn bó được xây dựng từ lợi ích hay từ một tình cảm chung. Đó là đặc trưng thời kỳ được gọi thời kỳ “con người tiền sử” khi các em cả em trai cũng như gái tham gia vào những trò chơi chung như đi dã ngoại, đi thăm bảo tàng hoặc cùng đam mê một chủ đề gì đó. Các em có thể thành bạn khi các em cùng đánh cờ, hoặc sưu tập tem. Cũng có thể là cùng quan tâm đến một vấn đề nào đó về mặt xã hội, hay đi du lịch. Cũng có thể cùng có một tôn giáo hay những suy nghĩ chính trị giống nhau. Với nhiều bạn trẻ khác thì tình bạn được nảy nở khi làm nghĩa vụ quân sự hay khi trở lại đời thường.

Tình bạn và vấn đề tình dục là hai vấn đề khác nhau. Vì thế đã từng xảy ra những trường hợp có vấn đề tình dục nhưng lại chưa có

tình bạn hay không có tình bạn. Mà cũng có thể chỉ là tình bạn mà không dẫn đến vấn đề tình dục.

Tình bạn như trên đã nói có thể được hình thành từ một tình cảm chung. Các em thường trở thành bạn bè vì các em có những vấn đề riêng tư giống nhau. Đó là những trường hợp rất điển hình mà các em coi là những người bạn tâm tình, những người bạn tri kỷ, những người bạn tâm giao có thể thổ lộ mọi điều riêng tư, mọi cái thuộc phạm vi bí mật. Từ tình bạn thân thiết này mà thường chuyển sang tình dục một cách tự nguyện mà không có một sự ép buộc nào. *Tình bạn về cơ bản là khác với những thoả mãn tình dục ở chỗ vì lợi ích cũng như tình cảm và chức năng sinh học.*

Sự chiêm ngưỡng, sự ngắm nhìn chính mình hay đối với người khác là một đặc trưng nổi bật của tuổi thiếu niên. Mỗi khi chúng ta chiêm ngưỡng một người nào đó có nghĩa là người đó có một phẩm chất nào đó mà chúng ta tán dương hoặc là chúng ta muốn chiếm lĩnh. Những phẩm chất đó có thể là sự thông minh, sự tốt bụng, sự hiểu biết, sắc đẹp. Đôi khi là cách giải quyết những vấn đề về thực hành hay tổ chức công việc. Các em thiếu niên thường đột ngột thấy sức hút về một bạn khác giới và tình yêu nảy nở. Những câu chuyện về những vị anh hùng và việc tôn thờ các vị anh hùng là đặc trưng quan trọng của sự chiêm ngưỡng.

Người ta có thể tôn thờ một người nào đó mà không cần phải chiêm ngưỡng ví như một em học sinh có thể rất kính trọng thầy giáo của mình mà không nhất thiết phải nỗ lực để trở thành như thầy. Sự

kính trọng không giống như vấn đề tình dục đôi khi nó trở thành một sự cam đoan ví như một em thiếu niên có một mong muốn mãnh liệt là được một người nào đó yêu mến mình nhưng lại không dám đến gần vì quá kính trọng người đó. Chúng ta cần ghi nhận lời quả quyết sau đây của các nhà chuyên môn phương tây cũng như trên toàn thế giới là *cần tránh những quan hệ tình dục trong thời kỳ yêu đương*. Điều đó chỉ khuyến khích sự kính trọng lẫn nhau cũng như các nhân tố khác của tình yêu như tình bạn chẳng hạn.

Tình yêu lãng mạn thì thường chỉ là chuyện tình cảm. Danh từ tình cảm ở đây muốn nói một tình cảm không kèm theo hành vi. Ví như người ta có thể thương đến mức phải mất nhiều nước mắt khi được biết rằng ở đâu đó trên thế giới còn không ít những đứa trẻ đang đói ăn nhưng lại không có một hành vi tiếp theo. Không ít người thích sống một cuộc sống chỉ có tình cảm thuần túy. Đó chẳng qua chỉ là một sự động lòng về chính bản thân mình, về chính thân phận mình.

Cần nhớ rằng sự lãng mạn là không thực, là phi hiện thực. Ví như một em thiếu niên nào đó yêu một cách mê mẩn một ca sĩ hay một ngôi sao màn bạc nào đó mà em chưa từng gặp bao giờ thậm chí chưa hề biết mặt, là không bao giờ có thể có được. Cậu bé này thêu dệt biết bao nhiêu là chuyện ly kỳ đầu tính lãng mạn về người mà cậu yêu và cậu tôn thờ thực sự như là một tôn giáo đích thực. Đầu óc của cậu ta đã tưởng tượng ra những phẩm chất tuyệt vời ở người mình tôn thờ. Đây là một hiện tượng chẳng có gì là khó hiểu vì sự tôn thờ đó lại là những cảm xúc của chính cậu mà cậu đã từng ấp ủ từ lâu.

Các em còn tưởng tượng ra bao nhiêu là trắc trở đã ngăn cản em được gặp người mà em yêu và các em thường khai thác triệt để tình hình này và cho rằng chính những trắc trở đó đã làm cho em không được hưởng những cuộc gặp gỡ nồng cháy đích thực. Cần nhớ rằng đây không phải là một tình cảm mang tính riêng tư nên những kẻ cuồng tín này không những không ghen ghét nhau mà lại hợp thành những hội (club).

Thông thường thì những ngôi sao đã tạo ra một sự hấp dẫn đặc biệt rất mãnh liệt, bởi vì những ngôi sao này tượng trưng cho những vấn đề mà các em quan tâm. Nhiều em khi còn nhỏ không được nuông chiều sống thiếu sự yêu thương thường có những tình yêu lãng mạn như trên. Tình trạng này cũng thường gặp ở các em gái thiếu tình cảm và luôn có bản năng tình mẫu tử cũng thường đi tìm những em khác có hoàn cảnh tương tự để yêu.

Tình yêu của người mẹ là một vấn đề rất khác và cũng rất là hiện thực. *Tình yêu này có đặc trưng là sự dịu dàng và sự thích thú được che chở.* Những yếu tố cấu thành tình yêu này không chỉ là những quan hệ xa xưa với những bản năng tình dục. *Từ cội nguồn, bản năng tình dục bắt nguồn từ những hóc môn di truyền, những hóc môn tình dục. Khuynh hướng của tình mẫu tử bắt nguồn từ những hóc môn tiết sữa. Về mặt sinh học, bản năng tình dục thường để sinh sản ra nòi giống.* Vì thế chúng ta thường thấy cái này mà không thấy cái kia. Việc duy trì những quan hệ tình dục là hoàn toàn phụ thuộc vào sự dịu dàng, sự âu yếm thậm chí còn mang tính chất bạo dâm. *Theo nhiều công trình*

nghiên cứu của nhiều nhà chuyên môn thì không thiếu gì những bà mẹ chỉ thích quan hệ tình dục nhưng lại rất sợ tình mẫu tử nên không muốn sinh con. Một số khác lại mong muốn được sống một mình nên không cần lấy chồng.

Vậy thì vấn đề tình dục là gì? Đây là vấn đề vô cùng quan trọng nếu không phải là duy nhất đối với tuổi thiếu niên trong đời sống tình yêu. Trong quá trình phát triển, vai trò của đời sống tình dục mang một diện mạo khác của tình yêu như sự dịu dàng ấu yếm, vì một lẽ đơn giản là phải quan tâm đến vấn đề sinh sản ra giống loài trước khi nghĩ đến việc nuôi dạy. Trong từ ngữ thông thường danh từ tình dục đã bao hàm vấn đề sinh sản và nói chung là những kích thích từ bên trong hay từ bên ngoài của những cơ quan di truyền, các cơ quan sinh dục. *Vì thế người ta có thể định nghĩa tình dục như là một nhóm chức năng và những hoạt động mà mục tiêu tự nhiên là sinh sản.*

Tình dục khác với tình yêu không chỉ vì nó là một hợp tố mà tình dục còn là vấn đề về sự thích thú của cơ thể (sensualité). Nói như vậy là vì những thoả mãn về cơ thể luôn kéo theo nhiều chức năng sinh lý như bú hay đi tiểu tiện. Chức năng của những thoả mãn về sinh lý khuyến khích những hoạt động trên. Những chức năng của tình dục cũng bao hàm cả những thích thú về sinh lý nhưng cái khác là những chức năng tình dục là luôn hướng về sự sinh sản cũng như sự dự phòng của cá nhân.

Tuy nhiên những vấn đề cơ thể và những vấn đề về tình dục lại được hình thành lồng vào nhau. Ví như khi một em nhỏ bú mẹ thì em

đó vừa có những thích thú về cơ thể, tức sinh lý, nhưng đồng thời nó cũng kích thích những cơ quan tình dục. Các em nhỏ khi bú mạnh, khi háu ăn thường kích thích làm cương cứng dương vật hay đúng hơn là những cơ quan tình dục đối với cả các em trai cũng như gái.

Tất cả những yếu tố hợp thành tình yêu đều gặp nhau trong tuổi thiếu niên. Tuy nhiên chúng không xuất hiện cùng một lúc mà theo từng bước trong một trật tự đã định. Mỗi yếu tố mang lại cho cá nhân sự hình thành những mục đích quan trọng về tình yêu: đó là sự hôn nhân và sự sinh sản.

3. THỜI KỲ ĐỒNG TÍNH LUYẾN ÁI

Sau khi đã nói qua về những yếu tố của tình yêu, chúng ta cần phải nghiên cứu những bước khác nhau của sự phát triển đó ở các em thiếu niên.

Chúng ta thường có suy nghĩ rằng khi vấn đề tình dục được phát triển vào tuổi dậy thì, nó sẽ thể hiện ngay lập tức dưới hình thức của những người trưởng thành. Sự thích thú lúc này là những quan hệ tình dục với người khác giới. Chúng ta cần biết rằng còn lâu mới đến hình thức này và phải trải qua những bước trung gian.

Các nhà chuyên môn đều nhất trí rằng thời kỳ này có thể là bốn bước. Bước thứ nhất là sự gắn bó với một nhóm cùng giới, như những băng nhóm. Bước thứ hai là gắn bó với một cá nhân nào đó trong nhóm cùng giới như là người bạn tri kỷ đối với các em trai cũng như gái. Bước thứ ba là gắn bó với một nhóm khác giới. Bước thứ tư là gắn bó

với một cá nhân khác giới. Bước thứ tư là gắn bó với một cá nhân khác giới và đây là bước các em thiếu niên rơi vào tình yêu.

Tuy nhiên ngay cả trước những bước nói trên một số em đã có sự hấp dẫn về tình yêu tùy theo đặc tính riêng của từng em. Như với các em bé thì đó là tình yêu đối với người mẹ với danh nghĩa là sự phụ thuộc. Vào thời kỳ của “người tiền sử” nét nổi bật là tình bạn giữa các em trai và em gái. Vào thời kỳ băng nhóm các em có sự trung thành với nhóm. Vào thời kỳ có bạn tri kỷ các em có thêm tình bạn như là tình thương yêu riêng. Sau cùng khi cá nhân mỗi em tham gia vào một nhóm khác giới, các em có sự tò mò về tình dục và sự thích thú được chú ý.

Sự hấp dẫn đối với người khác giới có hai bước khác nhau rõ rệt. Trước nhất là tình yêu ngây thơ, một thứ tình yêu hoa lá. Rồi đến tình yêu thật sự nhưng rất ngăn với tất cả những yếu tố đang thống trị yếu tố tình dục; tiếp đến là sự xuất hiện những rung động về tình mẫu tử hay tình cha con. Đó là sự hiện diện của gia đình với các em nhỏ. Lúc này cái nhà là vật tràn đầy tình yêu. Tuy nhiên đây lại là vấn đề không thuộc phạm vi nghiên cứu của công trình này.

Trong sự phát triển về nhân cách, tất cả các bước đều có tầm quan trọng riêng của nó. Tự nhiên có những bước đi của nó mà không có gì phải vội vàng. Bằng cách hướng dẫn từng bước một cho các em qua tất cả những chu kỳ phát triển. Các em sẽ chuẩn bị với tinh thần trách nhiệm về tình yêu khi trưởng thành, tình yêu của người lớn. Mỗi bước

đi của tình yêu sẽ đạt được sự hoàn chỉnh và tác động một cách hoàn hảo. Đó là tất cả những gì rất cần vai trò trợ giúp của cha mẹ.

Trước khi bước vào tuổi dậy thì các nhà chuyên môn cho rằng có một bước vô cùng quan trọng được gọi là sự tự ham muốn sắc dục (autoérotisme). Đây là những cảm giác được rút ra từ kinh nghiệm nơi những vùng tình dục làm cho các em chú ý đến những cơ quan này. Những xúc cảm tình dục tự nó trở thành đối tượng có ý nghĩa to lớn và tức thời. Hiện tượng này cũng gần như một sự tự thoả mãn, tự ca ngợi thân thể mình mà đúng ra là tự chiêm ngưỡng chính mình. Với một số người nào đó thì đây là một thói quen thường xuyên và mãi mãi trong suốt cuộc đời.

Thông thường với khá nhiều người, hiện tượng này sẽ dẫn đến bước đồng tính luyện ái một cách tự nhiên bình thường mà đặc trưng của nó là do sự hấp dẫn của nhóm cùng giới, của băng.

Thời kỳ đồng tính luyện ái với các bạn cùng giới, cùng nhóm kéo dài từ mười hai đến mười bốn tuổi. Bước này được xem như một bước đối lập với một bước trước kia trong thời kỳ “con người tiền sử” từ tám đến mười hai tuổi. Từ tám đến mười hai tuổi các nhóm được hình thành chung cho cả em trai và gái bình đẳng. Vào tuổi dậy thì thì trái lại các băng nhóm lại khác nhau về giới, các giới tách biệt nhau, em trai hợp cùng bạn trai, gái hợp thành cùng các em gái.

Một sự khác nhau nữa cũng đáng chú ý là trong thời kỳ con người tiền sử các nhóm thường được tổ chức rất lỏng lẻo. Trên bãi biển, trong công viên các em kết nạp bất kỳ các bạn chơi nào để cho trọn đội

nhưng khi cuộc chơi kết thúc các em lại chia tay. Vào tuổi dậy thì thì trái lại những thành viên trong nhóm, băng thường có quan hệ khá chặt chẽ với nhau, thường được điều hành bởi một em cầm đầu và được chấp hành nghiêm chỉnh. Các em chỉ kết nạp một em khác khi đã kiểm tra cẩn thận. Sự gắn bó trong một băng nhóm là những xung lực tự nhiên nhưng vẫn có những khác biệt giữa những cá nhân. Qua nhiều công trình nghiên cứu các nhà chuyên môn cho rằng khi các em trai có nhóm được hình thành tự phát thì cũng nên khuyến khích các em gái làm như thế và các nhóm thường rất bền vững.

Tất cả những điều nói trên là hiển nhiên và phù hợp với những chức năng sinh học của cuộc sống tiền sử. Vào thời kỳ này đàn ông còn bận bịu việc đi săn và chiến đấu vì thế họ không thể thu tóm mọi công việc gia đình. Do đó sự chung thủy có một vai trò vô cùng quan trọng và thể thiếu được. Về phía người đàn bà họ được cung cấp lương thực và được che chở. Để đổi lại họ phải có tình yêu chung thủy và sự vâng lời. Những người con gái đã có cuộc sống riêng tư với người con trai chú ý làm thức dậy mong muốn có con. Thậm chí người bạn đời này chỉ có vị trí thứ yếu nhiều khi như một đối tượng để ganh đua.

Sự hoạt động trong nhóm cũng được xem như là một phẩm chất vốn có tự nhiên bởi vì người ta cũng thấy nó tồn tại ở một số loài động vật như loài sói. Các nhà khoa học gọi đó là “bản năng bầy đàn”.

Các băng nhóm có thể được hình thành do một lợi ích chung như thể thao, du ngoạn, sưu tập, văn học nghệ thuật... Cơ sở của những hoạt động này được người ta gọi là những “xung lực được hợp quần”.

Vì thế sau những buổi học hay vào những ngày nghỉ chúng ta thường thấy các em tập hợp nhau lại để thoả mãn những thích thú chung mà các em ham muốn. Nhiều khi các em tập hợp nhau lại chỉ vì nhàn rỗi hay vì một nhu cầu chung nào đó như những người vô công rỗi nghề. Chúng ta cũng thấy các em cùng một hoàn cảnh, cùng một tâm trạng hay tìm đến nhau để họp bạn như những em bị bỏ rơi, những em mà ta gọi là những em ngoài đường phố. Như chúng ta đã biết những em này rất dễ sa vào những lỗi lầm, nhiều khi còn phạm tội nghiêm trọng. Vấn đề này đang là một nỗi lo cho xã hội. Vài năm trở lại đây số các em này có chiều hướng gia tăng. Chúng ta đã bắt đầu quan tâm đến các em có hoàn cảnh đặc biệt này. Đã bắt đầu có kết quả đáng khích lệ nhưng công việc này còn vô vàn khó khăn ở phía trước. Vì thế vấn đề là phải làm như thế nào để cho mọi người, mọi nhà, mọi cơ quan đoàn thể phải cùng nhau lo mới mong có nhiều kết quả tốt hơn. Cần nhớ rằng những băng nhóm tội phạm có một kỷ luật riêng rất nghiêm khắc. Vì thế có em nào sa chân vào những băng nhóm đó thì khó lòng mà thoát ra được trừ phi phải đền bằng mạng sống. Những băng nhóm thuộc loại này thường tồn tại khá lâu có thể tới hàng chục năm gây nhiều khó khăn cho xã hội.

Điều nổi bật cho trật tự các băng nhóm là sự trung thành với người đứng đầu hay với một người nào đó có vai trò tương tự. Nhiều khi các em làm việc này như một việc được thức giục thúc đẩy mà không cần lý lẽ gì cả. Vì thế các em nhiều khi chỉ tuân theo một cách mù quáng. Vấn đề là người thủ lĩnh này phải tham gia tích cực vào hoạt động của

nhóm, là đại diện cho những thích thú và những nhu cầu chung của cả nhóm.

Vì thế có một sự khác nhau rõ rệt giữa người thủ lĩnh và kẻ chuyên quyền. Người thủ lĩnh được tôn vinh là do mối liên hệ mật thiết từ bên trong nghĩa là vì lợi ích chung của cả nhóm. Còn kẻ chuyên quyền thì đứng lên trên mọi thành viên, đứng bên ngoài nhóm để ra lệnh bắt mọi người phải tuân theo dù cho nó không có gì phù hợp với mong muốn của nhóm. Người thủ lĩnh gắn bó mật thiết với nhóm và điều hành mọi công việc từ nhu cầu nội bộ bên trong. Những người này là hiện thân của cả nhóm về mặt lợi ích cũng như nhu cầu. Không thiếu gì các bậc cha mẹ và các thầy cô giáo trước con mắt các em chỉ là những kẻ chuyên quyền còn số đông này được các em coi như những người thủ lĩnh đáng tin cậy của các em.

Với các em thiếu niên mỗi khi các em tuân theo người thủ lĩnh mà các em tự chọn thì các em thường không tính đến tuổi tác. Ví như trong các đội hướng đạo sinh ở nhiều nước trên thế giới cũng như ở nước ta trước cách mạng. Ngày nay người thủ lĩnh đó có thể là các anh chị phụ trách trong các đội thiếu niên hay nhi đồng. Những người phụ trách này thường là những người đã trưởng thành, là thanh niên hay đôi khi là trung niên. Nhưng để cho các đội này chấp nhận là đội trưởng hay phụ trách thì những người đã trưởng thành này phải có ý thức và am hiểu các em, lãnh đạo các em từ bên trong nội bộ chứ không thể là những mệnh lệnh độc đoán từ bên ngoài. Trong lịch sử không thiếu gì những tên độc tài tự nhận mình là thủ lĩnh để bề chi phối lớp trẻ mà

thực chất chỉ là một tên độc tài như những bọn trùm độc tài phát xít hay diệt chủng các loại.

Những người thủ lĩnh hay những anh chị phụ trách các đoàn đội ở nước ta cũng không nhất thiết phải là những người trưởng thành cùng giới với các thành viên trong nhóm hay trong đội. Vấn đề quan trọng hàng đầu là những người này có thực sự thể hiện được nguyện vọng và những nhu cầu chính đáng của thành viên trong nhóm hay không mà thôi.

Các nhà chuyên môn đều nhất trí là tuổi thiếu niên là tuổi ít chịu vâng lời và hay nổi loạn từ bản chất. Điều đó chỉ đúng với những mệnh lệnh có tính chất chuyên quyền mà các em không tán phục. Còn nói chung trong thực tế các em thiếu niên vào tuổi dậy thì lại rất vâng lời, dễ bị thuyết phục nhưng chỉ với người thủ lĩnh mà em tâm phục. Chúng ta cần nhớ rằng luật chơi của băng nhóm là vâng lời chứ không phải sự nổi loạn.

Sự gắn bó với người thủ lĩnh thường chuyển sang một thứ mà người ta gọi là đạo tôn thờ các vị anh hùng. Các em trai thường hoà đồng với người thủ lĩnh. Vì thế các em thường tiếp thu ở người thủ lĩnh mọi cái từ tốt đến xấu. Các em thường một hoá tính cách của các em theo hình bóng về người thủ lĩnh. Nhiều khi sự đồng nhất này là một sự đồng nhất giữa cha con. Vì thế lúc này các em không tuân theo những chỉ dẫn của người cha đích thực mà các em đã từng tiếp nhận vào một lúc nào đấy. Vì thế các nhà chuyên môn khuyên chúng ta hãy chọn cho con em mình những người bạn nói chúng và những người

thủ lĩnh nói riêng, những người có phẩm chất tốt đáng tin cậy, để các em có thể đồng nhất vì sự ảnh hưởng này là vô cùng quan trọng như một thứ quý giá đối với sự giáo dục nói chung cũng như những chỉ dẫn mà chúng ta mang lại cho con em chúng ta. Với sự lành mạnh về tâm hồn của các em thì nhân cách của người lớn mà trước hết là những thầy cô giáo còn quan trọng hơn cả những năng lực sư phạm.

Chúng ta cũng đã có được khá nhiều kinh nghiệm về việc chọn bạn cho con em mình vì thế chúng ta cần để mắt tới những giao du của con em mình. Cũng từ những điều nói trên các bậc cha mẹ đừng bao giờ quên đặc tính rất tự nhiên của con em mình khi vào tuổi thiếu niên. Để có được lòng tin và sự yêu mến của các em thì điều quan trọng là phải dẫn dắt các em từ tình thương yêu, từ bên trong tâm hồn, như các nhà chuyên môn nói, và đừng bao giờ từ bên ngoài với những mệnh lệnh độc đoán như một kẻ chuyên chế. Sự quan tâm của người mẹ lại thường tế nhị và tỉ mỉ hơn từ bữa ăn cho đến sự ăn mặc và vui chơi giải trí. Nhất nhất phải từ tấm lòng chứ không phải bằng mệnh lệnh. Nếu không ý định tốt của các bạn đôi khi dẫn đến những hậu quả xấu.

Lòng trung thực là một nhân tố của tình yêu có vai trò nền tảng của bước phát triển này. Vì thế các thành viên trong nhóm thường được liên kết với nhau bằng tình yêu và sự trung thực.

Sự trung thực này có giá trị trong mọi trường hợp mà không chỉ đơn giản là một phẩm chất cá nhân mà bởi vì các em đã thuộc về nhóm. Tình yêu đối với người thủ lĩnh còn có cả sự chiêm ngưỡng cũng như sự hài lòng khi được tuân theo những mệnh lệnh, vâng lời theo những

lệnh đó. Vì thế đặc trưng của nhóm là sự trung thực, sự tuân theo, sự kính trọng, sự chiêm ngưỡng.

Sự có mặt của những nhân tố trên giải thích tại sao sự mách lẻo lúc này có một ý nghĩa khác hẳn với những thời kỳ phát triển khác và vào các lứa tuổi khác. Với một em nhỏ độ ba tuổi mách bạn rằng chị nó lấy cắp một chiếc bút. Bạn có thể trách mắng em là tại sao lại mách lẻo những chuyện không đáng như vậy. Và em nhỏ này cũng không hiểu tại sao mình bị quở trách một cách vô lý như vậy. Còn chúng ta lại cho rằng sự mách lẻo là không hay. Vào tuổi băng nhóm tình hình đã khác vì không khí trung thực đã bao trùm trong nội bộ của nhóm buộc mọi người không được giả dối. Giả dối là một sai lầm không thể tha thứ được. Với các em thiếu niên vào tuổi mười sáu, mười bảy lại có trách nhiệm với nhóm của mình và nhất nhất phải làm theo những cái mà người ta chờ đợi ở em là phải báo cáo đầy đủ với người thủ lĩnh của mình. Tuy nhiên chúng ta cũng cần biết rằng luân lý của các em ở tuổi này tức tuổi dậy thì chỉ có *ý nghĩa về thực hành mà không phải là một ý tưởng*. Vì thế không ít em hiểu lòng nhân ái chỉ đơn giản là cho người nghèo tiền. Lòng trung thực được thiết lập trong các băng nhóm chỉ được xem là một hành vi mà không cần xem xét đến động cơ tư tưởng. Sự ăn cắp cũng không cần phải phân tích lý lẽ gì mà chỉ là để làm dịu những nỗi bực tức.

Tuy nhiên cũng cần nhớ rằng khi gia nhập vào các băng nhóm các em vẫn giữ được cá tính của mình mà còn phát triển rất mạnh hơn nhiều khi còn từ bốn đến bảy tuổi. Lúc này cá tính của các em là để cho

chính các em, để khẳng định mình và làm điều tốt cho cộng đồng. Các em vẫn thích được nổi trội, nhưng không phải là để mọi người chú ý mà là để thừa nhận những công việc mà các em làm để phục vụ cộng đồng.

Trên cánh đồng hay trên đường phố khi các em đi gom rác thì không phải để sưu tập cho riêng mình mà được thực hiện như một thành viên của cộng đồng. Các em nỗ lực và rất tự hào khi thấy mình đóng góp được ít nhiều và lợi ích chung. Khi có yêu cầu tình nguyện làm một việc gì đó thì thường còn những cánh tay giơ cao xin đảm nhiệm. Lúc này các em thường ít chú ý đến chính mình nhưng lại rất tự hào về những phát kiến của mình với những công việc mà băng nhóm yêu cầu. Tất cả những điều nói trên không làm cho cá tính của các em bị bào mòn mà trái lại, lại được phục vụ cho lợi ích chung.

Cần nhớ rằng không phải vì phục vụ cho lợi ích chung mà các em mất sự tự do bởi vì chỉ có hoà mình trong cộng đồng mà người ta có được sự tự do đích thực. Nhưng cái cần biến mất và phải biến mất lại là tính chất con nít được coi là trung tâm trước kia.

Một tính cách quan trọng khác trong giai đoạn này mà chúng ta cần đề cập là sự thích thú được như người khác. Vào tuổi này các em không thích tính đơn lẻ, không thích sự cô đơn. Ví như cách ăn mặc, cách ứng xử cũng như lối sống nói chung các em đều thích được làm như mọi người. Các bậc cha mẹ cần có ý thức về sự thích thú này của con em mình và đừng ép các em phải làm khác đi. Chúng ta thường thấy rất nhiều các cô các cậu vào tuổi này ăn mặc giống hệt nhau từ đầu đến

chân. Không những thế mà còn giống nhau trong cả cách sống. Vào tuổi này các em ít chú trọng nhiều đến một, đến những thích thú riêng mà chỉ làm theo nhóm, theo băng. Người ta thường gọi các em ở tuổi này với một chút hài hước là thế hệ bị lãng quên (génération oubliée). Cách thích giống các bạn trong nhóm suy cho đến cùng cũng là cách gây sự chú ý của mọi người đến nhóm, đến bản thân mình. Đặc điểm này đôi khi phát triển theo hướng xấu là đi gây những chuyện lộn xộn, những chuyện giật gân thậm chí cả tội ác như những hành vi đua xe máy giữa đường phố của những cô cậu mười sáu, mười bảy tuổi mà ta gọi là lứa choai choai. Sự buông lỏng việc quan tâm đến các em vào tuổi này còn dẫn không ít em đi vào thế giới tội phạm làm nản lòng nhiều người.

Tóm lại vào tuổi này các bậc cha mẹ nào muốn cho con em mình khác biệt với các bạn khác cần chú ý là có thể làm cho các em khó hoà nhập với đám đông và bị đám đông xa lánh sẽ có nguy cơ làm cho các em buồn chán vì mọi người hiểu sai về em. Sự âu yếm lúc này là không có tác dụng khi các em cần một sự thông cảm. Điều này rất là tai hại với các em con nhà không dư dật cho lắm. Nếu đã tiêm nhiễm cách sống khác người mà lại nghèo túng thì sẽ đi đến đâu. Một là kiếm tiền một cách bất lương để có cuộc sống khác các bạn cùng lứa. Hai là tủi thân sống xa lánh mọi người lúc nào cũng cảm thấy xấu hổ vì thua kém mọi người về mặt tài chính. Với các em có điều kiện về tài chính lại được cha mẹ khuyến khích cần khác người thì sẽ là một dịp để khoe giàu sang với những trang phục kiểu cách và đắt tiền cùng những trang

bị khác các bạn cùng lứa không có. Đó là một lối sống xa xỉ không bình thường và không thể chấp nhận được với các em còn ở tuổi thiếu niên.

Cùng chơi với nhau, các em trong một nhóm thường có thái độ nhẹ nhàng là không thiện cảm với các bạn khác ngoài nhóm, nặng là thái độ thù địch với các nhóm khác. Thậm chí còn coi như kẻ thù tự nhiên. Tâm lý này có thể dẫn đến những hành vi tàn nhẫn với các nhóm khác, thậm chí với cá nhân khác. Nhiều khi chỉ vì một sự bất đồng rất nhỏ hay chỉ một cái nhìn sơ ý vô tình mà trở thành những cuộc ẩu đả tàn nhẫn. Bạo lực, sự tàn nhẫn là bất công nhưng lại luôn xảy ra giữa các băng nhóm hay giữa các em thiếu niên. Trước tình hình trên sự trừng phạt của gia đình và nhà trường nhiều khi không mang lại kết quả. Lời lẽ phải trái cũng là vô ích. Những lời ngon ngọt cũng chưa bảo đảm cho một cái gì sáng sủa hơn. Nhưng với lời nói của người thủ lĩnh thì các em sẵn sàng nghe theo. Nếu may có được người thủ lĩnh tốt, đúng với nghĩa bạn bè giúp đỡ nhau thì thực là hạnh phúc. Còn nếu người thủ lĩnh lại là tên du thủ du thực thì thực là nguy hiểm mà không thể lường hết được. Vì thế cần phải dựa vào tiếng nói của những người thủ lĩnh, những người phụ trách đáng tin cậy, chỉ cần nhỏ nhẹ vào tai các em vài lời là mọi việc có thể trở thành dễ dàng. Vào tuổi này ảnh hưởng của người phụ trách, người thủ lĩnh là vô cùng quan trọng. Ở đây có vấn đề về lòng trung thành với nhóm, với băng.

Chúng ta cũng thường bắt gặp những hành vi thù địch ở những người trưởng thành của nhóm này với nhóm khác. Ví như một người thiên chúa giáo khó mà có thiện cảm với một người tin lành. Sự khinh

miệt, hoài nghi và xua đuổi những thầy phù thủy cũng chẳng giải quyết được gì về phương diện tâm lý cũng như về phương diện chữa bệnh cho khá nhiều cộng đồng người hiện còn rải rác trên thế giới v.v... Trong xã hội hiện đại sự trung thành trong các công đoàn còn khá mạnh. Một người công nhân sẵn sàng bỏ phiếu cho người thủ lĩnh mặc dù nó không phù hợp với nguyên tắc sống của chính anh ta. Tất nhiên ở đây đôi khi cũng có vấn đề về quyền lợi.

Các nhà chuyên môn cho rằng vì một lý do này hay một lý do khác mà các em không được hưởng sự ngọt ngào của cuộc sống băng nhóm trong tuổi dậy thì làm mất đi một cái gì đó vô cùng quan trọng cho sự phát triển của chính các em.

Một em nào đó bị băng nhóm bỏ rơi nhiều khi lại như là sự thử thách lòng trung thành đối với nhóm. Để được quay lại nhóm nhiều khi các em này tìm cách mua chuộc kể cả việc mua chuộc bằng tiền, nếu em có khả năng. Thậm chí các em này sẵn sàng ăn cắp để làm điều đó. Nhưng cũng không thiếu gì những trường hợp có những em không chịu tuân theo những “luật lệ” của nhóm để thực hiện việc gia nhập vào đám đông. Thông thường lại tùy thuộc vào tương lai mà các em tham gia chứ không phải để được cái gì.

Tuy nhiên cũng có những em thích sự yên tĩnh và dành tất cả cho những thích thú cá nhân như nghiên cứu khoa học, nghệ thuật, thể thao hay những hoạt động khác để đạt cho được những mong ước riêng của mình. Nhiều em thành đạt trong lĩnh vực mà các em lựa chọn và cũng được mọi người mến yêu thậm chí còn ái mộ nữa.

Sự phân tích về giới hay về tình dục một cách tự nhiên không chỉ diễn ra với các thành viên của các nhóm khác mà còn bao gồm cả những em khác nhau về giới nói chung. Một cách tự nhiên các em không chỉ mất thiện cảm mà còn là sự tách biệt giữa các giới khác nhau, nghĩa là những giới đối lập nhau. Thái độ này rất rõ nét ở các em trai hơn các em gái, vì tinh thần băng nhóm ở các em trai mạnh hơn các em gái. Sớm hơn một chút ngay từ thời kỳ “người tiền sử” các em trai và gái thường chơi chung một cách bình đẳng thật sự. Bây giờ các em không thích chơi như thế nữa. Các em trai thường cho các em gái là gốc ghếch. Khi xem chiếu bóng các em trai rất chú ý đến những màn về tình yêu. Trong khiêu vũ các em cũng không hiểu sự hoạt động này theo nghĩa truyền thống. Với các em gái thì lại cho rằng những em trai thô lỗ là xấu, là mất cảm tình, thậm chí là mất dạy, là vô giáo dục.

Theo những nhà chuyên môn thì sự mất cảm tình tự nhiên này có một vai trò sinh học rất có lợi. Bởi vì vào tuổi dậy thì các em trai và gái đã có khả năng sinh sản nhưng em vẫn chưa cảm thấy thích thú làm công việc đó. Về mặt chuyên môn thì đây là vấn đề về nòi giống mà thời kỳ này người ta có cảm giác ghê tởm sự chung chạ và tạm thời làm cho người ta không thể chịu đựng được. Sự tách biệt này không chỉ là hiện tượng với các em trai mà còn của cả các em gái. Ngay cả đối với một số loài động vật cũng xảy ra trường hợp tương tự. Như với loài chim câu chẳng hạn. Theo sự quan sát của những nhà chuyên môn thì có những thời kỳ mà cả con đực cũng như con cái không thích gần nhau. Chúng sống lẻ loi và người ta gọi chúng là những con chim độc thân.

Chúng ta hãy quan sát một nhóm các em từ mười lăm đến mười sáu tuổi. Các em trai thường hình thành một băng. Còn các em gái thường thành nhiều nhóm riêng biệt. Nhưng đến tuổi mười chín đôi mươi khi các em thành đôi lứa thì các em sẽ tách khỏi nhóm. Lúc này các em trai sẽ đi cùng các em trai, còn các em gái thì đi cùng các bạn gái. Rõ ràng vào tuổi này sự khác biệt giữa các em không còn là hình thức bên ngoài, không chỉ như là một sự giả vờ nữa.

Như vậy là tinh thần về băng nhóm nếu được phát triển bình thường sẽ rất có lợi cho cuộc sống xã hội cũng như cho cuộc sống cộng đồng sau này. Tất cả những câu lạc bộ, nhà trường, nhà thờ, các đảng phái xã hội cũng như các giai tầng xã hội đều là những sự biến dạng của bản năng hợp quần. Sự trung thực, tính trung thành được hình thành vào thời kỳ này của cuộc đời sẽ có một giá trị vô cùng rộng lớn sau này. Trong quan hệ vợ chồng, tinh thần này, không còn nghi ngờ gì nữa sẽ trở thành điều kiện thiết yếu cho một cuộc hôn nhân tốt đẹp. Không những thế sự trung thực và tính trung thành trong nhiều trường hợp có thể chuyển thành sự trung thực siêu hình học, tập trung vào một ý tưởng hay đúng hơn là một lý tưởng sống.

Qua bước phát triển trên một cách tự nhiên các em rất thích thú khi có người bạn tâm huyết. Trong khi đó thì băng nhóm không có khả năng thoả mãn được nhu cầu đó. Băng nhóm còn nặng dấu ấn riêng tư, quá khách thể và người thủ lĩnh lại quá ư vô tư, hay đúng ra là quá thờ ơ với các thành viên. Trong khi đó thì các em trai cũng như gái lại mong muốn tìm được một người nào đó có thể trao đổi những chuyện

hoàn toàn riêng tư và cùng nhau giải quyết nhiều vấn đề cùng quan tâm. Ngay cả những vấn đề cùng quan tâm này cũng rất riêng tư giữa những người bạn tâm tình.

Thật là cần thiết để quan sát sự gắn bó này giữa các em, có những gì là đặc trưng và những gì sẽ phát sinh. Ở đây không phải là cái nhìn của người này hay của người khác đã làm xuất hiện những tình yêu và thú vui các loại. vấn đề là từ cơ chế làm phát sinh mọi vấn đề.

Từ chỗ các em mong muốn có một người bạn và các em tìm kiếm. Và đó là điều hoàn toàn phù hợp với những nguyên tắc chung của lý thuyết về sự chín muồi mà chúng ta đã bàn đến trong phần trên. Lý thuyết này đã được chứng minh lúc đầu là những xung lực tự nhiên. Tiếp đó là những nhu cầu được thoả mãn qua trung gian một vật hay một cá nhân như một nhân vật mười bốn tuổi viết “Tôi rất muốn ghi vào nhật ký của tôi niềm vui khủng khiếp khi tôi có được bạn trung thành và thân thiết”.

Điều ghi nhận trên chỉ là giấc mơ của một em bé mười bốn tuổi. Một thứ tình yêu như chúng ta đã bàn tới là tình yêu trong tưởng tượng, một thứ tình yêu mà các nhà tâm lý gọi là tình yêu lãng mạn. Nhưng với tuổi mười lăm, mười sáu thì là một người yêu cùng giới có xương có thịt, một cá nhân thực sự.

Theo các nhà chuyên môn thì, theo một nguyên tắc chung, thứ tình yêu lãng mạn với một người bạn cùng giới khác chưa phải là tình dục nhưng đôi khi là một sự thủ dâm để bảo vệ thứ tình yêu đó.

Vấn đề còn lại là vì sao chúng ta lại quan tâm đến vấn đề tình dục, một vấn đề là trung tâm của nhiều cuộc bàn cãi, như một vấn đề chính yếu của tuổi thiếu niên. Nhất là vấn đề này lại chưa phải là vấn đề tình dục thực sự mà chỉ là vấn đề tình bạn, một tình bạn của trái tim mà không phải là từ cơ quan sinh dục. Vậy thì cái gì đã xuất hiện làm cho trái tim các em rung động, cái gì đó từ những cảm quan sinh lý.

Cái nhu cầu ấy nói lên cái gì? Chúng ta có thể giải thích một cách khái quát bởi hai lẽ sau đây. Lý lẽ thứ nhất là do các em chưa tự trở thành người đáng tin cậy. Vào lúc này các em bắt đầu cảm thấy trong mình xuất hiện nhiều những xung lực xa lạ gây ra nhiều cảm xúc cũng như những rung động huyền bí cùng những ý tưởng rất khó hiểu mà không thể nào giải mã được. Từ đó làm cho các em mất hết lòng tự tin ở chính mình mà đáng ra các em phải tuyệt đối giao phó.

Lý lẽ thứ hai là do cường độ của những đòi hỏi về sinh lý nổi dậy ngay trong các em. Những đòi hỏi này thực sự quyết liệt đã làm cho các em rơi vào tình trạng căng thẳng mà các em không thể tự giải toả được, nên rất cần một sự giảm nhẹ gánh nặng nói trên. Lúc này các em cần có một người nào đó để chia sẻ mà tốt nhất là người bạn cùng lứa tuổi lại tốt, là có một người bạn tâm tình và các em phải đi tìm kiếm trong số những người bạn mà các em quen biết.

Tuổi thiếu niên còn có hiện tượng rất đặc trưng mà chúng ta phải làm rõ là các em rất thích ghi nhật ký.

Nếu như các em thiếu niên trai cũng như gái chưa có hay không có người bạn tâm huyết, cũng như đã có một người bạn tâm tình rồi thì

các em vẫn thích ghi lại những ý nghĩ thầm kín của mình trong nhật ký và nó trở thành một vật vô cùng quý giá. Cũng vì những xung lực mãnh liệt đó mà các em thường khắc trên những thân cây câu nói tỏ tình muôn thủa như “Tú rất yêu Lan” chẳng hạn. Đây là câu tỏ tình với bất cứ người nào mà các em yêu chứ không nhất thiết là Lan trong thực tế.

Nhu cầu này là vô cùng mãnh liệt, vì thế nhiều người trưởng thành cũng không thể kìm hãm mình ghi lại những tình cảm đại loại như trên vào nhật ký của mình. Những tình cảm này thường rất khó trở thành hiện thực nên nó thực sự như những cuộc phiêu lưu về tình yêu.

Mặc dù như vậy nhưng người ta vẫn thích thể hiện tình cảm của mình theo cách ghi nhật ký. Với các em thiếu niên thì thường là không thích mang những chuyện này ra để trao đổi với các bậc cha mẹ, vì đây là những vấn đề thuộc thế giới khác chỉ có thể làm cho các em thực sự rung động trong những hoàn cảnh riêng tư. Đôi khi chính các em cũng thấy những tình cảm loại này thực là ngốc nghếch. Vào tuổi này khi bắt gặp trong công viên một đôi trai gái đang tình tự say sưa các em thường cho là chuyện điên rồ. Nhưng chỉ sau đó ít lâu các em thường cho là chẳng có gì là điên rồ cả. Nhưng sau đó một thời gian cũng gặp chuyện như vậy các em lại cho rằng đó là một sự điên rồ mới. Các nhà chuyên môn khẳng định rằng thái độ nói trên đã nói lên một cách chính xác những quy luật của lý thuyết về sự chín muồi. Nghĩa là vào tuổi này cái gì cũng gây cho các em hết sự ngạc nhiên này đến sự ngạc nhiên khác.

Những người bạn tâm tình thường chia sẻ với nhau tất cả những điều tâm huyết. Các em thường thủ thỉ với nhau những chuyện bí mật ở những nơi vắng vẻ, tĩnh lặng và tách biệt với người khác. Thái độ bí mật của các em không phải do các chuyện trao đổi đó là không thể thông cảm được mà chỉ là do tâm trạng của các em trong giai đoạn này mà thôi.

Các em cũng có những nghi thức riêng, những quy định riêng như là những quy ước tự nhiên như luôn tắm rửa, quần áo chỉnh tề. Trong khá nhiều trường hợp những nghi thức này được xem như những nghi lễ bắt buộc để cầu xin sự bình an. Ý nghĩa này bắt nguồn từ mặc cảm phạm tội. Những hiện tượng không bình thường khác cũng thường bắt gặp ở các em thiếu niên vì sợ phạm sai lầm khi những đòi hỏi về tình dục thúc đẩy. Nhưng tất cả lại chỉ là bình thường tự nhiên của tuổi thiếu niên. Vào tuổi này những rung động cũng như những tình cảm của các em thật là quá nhiều mà không thể thể hiện được bằng lời nói. Tất cả những bí mật đó không dễ gì có thể giải thích được. Vì thế nó được thể hiện ra bên ngoài như là những quy ước, những tượng trưng, những nghi thức thậm chí còn như là những nghi lễ. Ví như trong các băng nhóm thường có tục uống máu ăn thề hay xăm những ký hiệu lên thân thể. Các em thường thích các loại âm nhạc hay nhảy múa với giai điệu man rợ, giật gân và đó cũng là cách thể hiện tượng trưng những cảm xúc của các em mà không thể nào làm khác được.

Tuổi thiếu niên, là tuổi như người ta thường gọi, là tuổi nông nổi. Vào tuổi này các em thường có những hành động quá tự nhiên ngoài

đường phố như ôm vai người bạn trai cũng như gái. Tất nhiên đối với các em gái thì hành vi này còn mang một ý nghĩa riêng tư. Những hành vi nông nổi quá tự nhiên lại luôn thay đổi. Những hình thức đơn giản và thông thường nhất là dễ dàng yêu một người nào đó. Người này có thể là những con người gần gũi các em trong hiện tại mà cũng có thể là một người nào đó trong quá khứ. Tuy nhiên tình yêu này thường là không bền.

Với các em gái, nhất là với những em thiếu tình cảm, thì nhu cầu về tình yêu trỗi dậy ở các em thật là mãnh liệt vào tuổi dậy thì, kể cả những tình cảm xa xưa đã bị dồn nén từ lâu. Tuy nhiên sự nông nổi này cũng thật là tình cảm và pha trộn cả nỗi thất vọng. Các em gái rất thích sự dịu dàng và tình yêu cũng như những thoả mãn về tình dục. Nhưng các nhà chuyên môn lại cho rằng khi các em này có người yêu thì tình yêu đầu tiên này thường là không bền vững.

Sự nông nổi còn được thể hiện rất rõ ở sự đồng tính luyến ái. Nếu khi còn nhỏ sự tự nhìn ngắm đã nổi lên quá mạnh và đã từng thực hiện sự thủ dâm thường xuyên và thái quá sẽ tập trung vào một người đó cùng giới. Khuynh hướng này còn có thể tồn tại trong cuộc sống sau này khi đã trưởng thành dưới hình thức bình thường. Nhiều khi phải có một quá trình điều trị theo phương pháp tâm phân để tìm ra những mặc cảm nguồn gốc của tình trạng bạo dâm này, mới có thể chấm dứt được tình trạng sa đoạ này.

Để chuyển từ giai đoạn đồng tính luyến ái sang giai đoạn tình dục đích thực phải có một thời kỳ trung gian chuyển tiếp thường là từ

mười ba đến mười bốn tuổi đối với các em gái và mười lăm tuổi đối với các em trai. Một trong những dấu hiệu đầu tiên là tính ưu tư. Các em thường hay đi dạo nhiều giờ trong sự cô đơn. Nhiều khi ngay cả những người bạn tâm tình cũng không hiểu được.

Đến tuổi thiếu niên các em thường ít quan tâm đến các băng nhóm mà một thời các em rất tha thiết. Khi thấy hiện tượng này các bậc cha mẹ thường đặt ra câu hỏi cái gì đã xảy ra với con em mình. Con đã từng là bạn thân của Tâm của Hùng cơ mà. Tại sao con không đi chơi với các bạn như trước đây? v.v... Nói chung câu trả lời của các em là hiện nay các em không còn quan tâm đến những trò chơi nữa đó, con muốn được yên một mình để tự giải quyết những vấn đề của riêng con. Tất cả những hiện tượng này đánh dấu thời kỳ chuyển tiếp giữa thời kỳ đồng tính luyến ái và thời kỳ tình dục đích thực.

4. CÁC BƯỚC CỦA THỜI KỲ TÌNH DỤC ĐÍCH THỰC

Những dấu hiệu đầu tiên của đời sống tình dục đích thực rất khác với tình dục mang tính cách cơ thể của các em sơ sinh khi còn bú sữa mẹ. Điều đó là như nhau với các em trai cũng như các em gái đã được các nhà phân tâm học gọi là mặc cảm oedipe ở các em trai và mặc cảm électra ở các em gái đối với người cha.

Từ sáu đến bảy tuổi sự thể hiện của đời sống tình dục của các em trai đối với các em gái đã có dấu hiệu hướng vào những đại diện khác giới nhưng dưới hình thức là tình bạn mà chưa hề có một sự hấp dẫn nào về tình dục.

Đến tuổi dậy thì như chúng ta đã thấy tất cả mọi vấn đề đều được đảo ngược: sự hấp dẫn của đồng tính luyến ái về phương diện cá nhân trong khuôn khổ của băng nhóm đã thay đổi. Bây giờ quan hệ giữa những nhóm đối lập làm các em khó chịu. Điều đó được chứng minh bởi sự tách rời giữa hai giới. Điều đó đứng về mặt sinh học có cái lợi là ngăn cản những sự phát triển về tình dục để chuẩn bị cho giai đoạn sau là giai đoạn đi vào đời sống tình dục thực thụ. Chúng ta cần nhớ rằng vào tuổi dậy thì các em trai cũng như gái chưa có ham muốn quan hệ tình dục với các bạn khác giới, thậm chí điều này còn làm cho các em mất cảm tình và được chứng minh bằng sự tách biệt nam và nữ như đã nói ở trên.

Tuy nhiên cũng phải nói đến những trường hợp ngoại lệ là có không ít em đã đi vào con đường tình dục hơi sớm. Điều này thường là do ảnh hưởng của hoàn cảnh nhiều hơn là do sự phát triển tự nhiên. Nhưng vẫn dưới hình thức đã có từ trước các em vẫn thích gần người mẹ. Còn các em gái lại thích gần người cha hơn. Chỉ có điều khác trước kia là lúc này các em đối xử với cha mẹ như một người đã trưởng thành. Các em muốn chứng tỏ rằng các em không còn là những đứa trẻ con nữa, như khi qua đường em dắt tay mẹ hay che chở mẹ tránh những sự rắc rối. Trái lại các em không thích cha mẹ dùng quyền lực cũng như quá thân tình với các em nơi công cộng.

Tình trạng tình cảm này như các nhà chuyên môn cho là rất có giá trị với các em, vì *các em muốn giữ một hình thức phi tình dục những tình cảm tình dục thực sự của em*. Các em muốn tỏ ra lịch lãm hơn để

được cha mẹ khen ngợi. Các nhà chuyên môn coi đây là cách chơi trò hôn nhân nhưng không trực tiếp mà ở một khoảng cách nhất định. Trò chơi này cũng như nhiều trò chơi khác muốn chuẩn bị cho những hoạt động sau này trong đời sống tình dục đích thực. Từ đó cũng giúp cho các em thêm lòng tự tin. Các em có thể tự nhủ là các em đã có khả năng duy trì được vị thế trong quan hệ với các bạn khác giới. Các em gái cũng phải trải qua tình trạng tương tự đối với người cha. Các em quan tâm săn sóc người cha nhiều hơn trước. Thời kỳ này cũng rất có ý nghĩa đối với các em gái. Qua đó các em được phát triển một số phẩm chất cần thiết cho các nhiệm vụ làm vợ và làm mẹ trong tương lai. Ở nhiều nước trên thế giới các em sống nội trú xa gia đình thường có rất ít cơ hội để luyện tập những chức năng làm vợ và làm mẹ này. Vì thế khi lập gia đình các em thường không được chuẩn bị trước nên thường không nhạy cảm lắm trong quan hệ vợ chồng cũng như khi có con.

Các nhà chuyên môn cho rằng sự gắn bó với người cha hay người mẹ vào lúc này không phải lúc nào cũng dẫn đến những mặc cảm hay những khủng hoảng trong những trường hợp không có nội dung tình dục. Còn trong trường hợp sự gắn bó nói trên mang nội dung tình dục đích thực như tổng những cơn mộng mị các em thấy mình đã phạm tội với người mẹ. Các nhà tâm phân học cho rằng đây là trường hợp khi còn nhỏ các em được những bà mẹ âu yếm thái quá gây ra những kỷ niệm khó quên.

Đến tuổi dậy thì sinh hoạt đã thay đổi, những kỷ niệm đó trở dậy nhưng bị kiềm chế dẫn đến những mộng mị không lành mạnh. Từ

những mộng mị dẫn đến những hành vi thác loạn về tình dục có thể rơi vào sự bạo dâm. Trong trường hợp này sẽ dẫn đến những mặc cảm tội lỗi. Các nhà chuyên môn cho rằng nguồn gốc của tình trạng này là do con người tự tạo ra và không bình thường. Đây là những trường hợp xảy ra cả với các em trai cũng như các em gái. Những sự rung động này cuối cùng lại tập trung vào chính bản thân các em và tìm cách tự thoả mãn bằng chính thân thể của mình.

Chúng ta nên nhớ rằng những mặc cảm bệnh hoạn này không có gì giống với những gắn bó bình thường giữa con trai với mẹ cũng như giữa con gái với người cha. Những sự gắn bó bình thường có lợi cho sự phát triển còn những gắn bó bệnh hoạn là có hại. Ở đây cũng không có gì giống với sự phụ thuộc bình thường mà là hướng vào những đối vật bất kỳ mà em yêu mến cũng như che chở.

Có một hiện tượng hơi kỳ lạ là những em này (có mặc cảm bệnh hoạn) thường hay yêu những người khác giới tuổi cao hơn mình trước khi yêu một người cùng lứa tuổi. Theo các nhà chuyên môn thì đây là một sự hoán chuyển tình yêu người mẹ sang người yêu nhiều tuổi hơn hay cũng là một sự kết hợp cả hai người. Có một nhà thơ ở nước ta đã tự giới thiệu với mọi người, người yêu đầu tiên của ông là một phụ nữ nhiều hơn ông đến năm sáu tuổi. Trái lại có những em gái yêu một người đàn ông vừa nhiều tuổi hơn mình lại đã có gia đình. Trong những trường hợp như vậy nhiều khi chỉ là một tình yêu lãng mạn, tạm thời nhưng không thể tránh được.

Vào tuổi từ mười sáu đến mười tám tuổi, với các em gái có thể sớm hơn chút ít, là thời kỳ các em thực sự chú ý đến các bạn khác giới. Các nhà chuyên môn gọi thời kỳ này là thời kỳ tình dục đích thực. Tuy nhiên các nhà chuyên môn cũng lưu ý với chúng ta rằng mặc dù là thời kỳ tình dục đích thực nhưng không có nghĩa là các em thích quan hệ tình dục với người khác giới cũng như thích đến với hôn nhân, bởi vì những yếu tố của tình yêu cũng thay đổi tùy từng thời kỳ. Vào thời kỳ này chỉ là sự tò mò về tình dục hay chỉ là thích được chú ý hoặc là tự ngắm mình mà danh từ chuyên môn gọi là một thứ tình dục ngây thơ tự phát (idyllisme). Còn về vấn đề tình dục đích thực sẽ xuất hiện sau đó. Chỉ sau khi mọi yếu tố của tình yêu mang tính tình dục được kết hợp chặt chẽ với nhau. Lúc này người ta mới thực sự trở thành người yêu thực sự. Nhưng cũng nên nhớ rằng trong tình yêu đích thực cũng có cả tình bạn, tình bạn tâm huyết, tình dục và tình yêu thương các em nhỏ trong đời sống gia đình. Bản chất của tình yêu cũng được nảy nở dần từng nấc một như sự nảy nở trong tự nhiên.

Chúng ta sẽ lần lượt làm rõ ba giai đoạn chính sau đây: giai đoạn đa tình, giai đoạn lãng mạn và giai đoạn tình yêu đích thực.

Trong thời kỳ mà các nhà chuyên môn gọi là thời kỳ đa tình (polygame), vào khoảng mười sáu tuổi, các em trai cũng như gái thường thương vào nhiều người khác nhau nhưng cùng tuổi và khác giới. Giai đoạn này rất khác với giai đoạn trước không chỉ về đối tượng mà còn cả về những yếu tố hợp thành. Như chúng ta đã biết vào thời kỳ “con người tiền sử” tình bạn được các em quan tâm. Còn lúc này đó là

sự tò mò về tình dục và sự thích được chú ý. Sự hình thành thời kỳ đa tình này đã được nhiều công trình nghiên cứu của nhiều nhà chuyên môn khẳng định, như công trình của Jean de Terechenke. Các em trai vào tuổi mười sáu có cảm tình cùng một lúc với rất nhiều bạn gái cùng lứa. Các em cũng không cảm thấy điều đó là kỳ cục. Các em viết thư cùng một lúc cho nhiều bạn để tỏ tình và đều khẳng định là tình yêu chân thành. Các em gái vào tuổi này cũng tương tự. Trái tim các em hướng về tất cả cùng một lúc và đều cảm thấy rung động như nhau. Thậm chí còn hướng về những người bạn của gia đình. Thậm chí các em còn viết thư cho một người họ hàng với tất cả tấm lòng sủng ái. Không thiếu gì những trường hợp cùng một thời gian các em yêu và là người yêu của nhiều người. Những việc làm kể trên không làm cho các em băn khoăn và được các nhà chuyên môn gọi là *sự thành thật của tuổi trẻ.* Các em trai vào thời kỳ này rất thích đi dạo phố để trêu chọc các bạn gái, rất thích cùng các bạn gái khiêu vũ hay hướng dẫn cho họ. Các em rất thích được nhiều bạn gái cùng chú ý đến mình. Tuy nhiên các em gái thường thụ động hơn nhưng cũng thích khi được một bạn trai nào đó để ý đến mình.

Vào thời kỳ này các em rất thích trêu chọc lẫn nhau. Đây là cách để cho các bạn khác giới chú ý đến mình. Các nhà chuyên môn gọi đây là như là một *sự thẹn thùng vì được chinh phục.* Vào thời kỳ này các em trai ít chú ý xem người bạn gái mà mình chú ý như thế nào về tính tình. Các em gái cũng ít chú ý đến những cử chỉ hay những lời nói có lịch lãm hay không của người bạn trai mà em quan tâm. Nói một cách khác

là vào thời kỳ này các em rung động cả với những cái mà trước kia các em rất ghét. Đó là cách thay đổi thái độ mà trước kia chưa từng xảy ra nhưng lại lúng túng và vụng về. Trước những sự trêu chọc này chúng ta không thể nào ngăn cản được vì sự trêu chọc đó chứng minh với mọi người rằng các em đã làm cho mọi người phải chú ý đến các em bằng những sự trêu chọc buồn cười nhiều khi quá đáng ấy. Khi chúng ta thấy một em nào đó cấu, véo các bạn khác trong đó có cả các bạn khác giới thì điều đó chỉ chứng minh rằng các em đã bị chinh phục. Hành vi đó chỉ nhằm mục đích kìm chế những tình cảm của chính các em mà các em thấy thẹn thò, ngượng ngùng. Các nhà chuyên môn khuyên các bậc cha mẹ cũng như mọi người là đừng nên chế nhạo khi thấy các em trêu chọc nhau mà nên có một sự cẩn trọng. Nhiều sự trêu chọc thân tình thật là dễ thương. Những sự trêu chọc này chẳng có gì là xấu cả và nó còn có tác dụng kìm chế các em để thể hiện tình cảm một cách nghiêm túc hơn. Thật là khó xác định được mức độ của vấn đề trêu chọc vì đây là sự vui đùa bắt nguồn từ tình cảm hoặc là cách kìm chế sự phát triển bình thường của tình yêu tuổi thiếu niên. Đó chẳng qua chỉ là cách các em mượn những con đường khác thàm kín hơn để tránh những hành vi không thích hợp. Nói chung là chúng ta những bậc làm cha mẹ không nên can dự vào. Chúng ta không nên ngạc nhiên khi thấy con em chúng ta hôm nay mời một bạn này đến dùng cơm và ngày mai một bạn khác.

Theo các nhà chuyên môn thì không có gì phải nghi ngờ là giai đoạn đa tình là sự thể hiện quay trở lại những giai đoạn trước của sự phát

triển. Tình hình này cũng được thể hiện khá phổ biến ở nhiều loài động vật cũng như trong nhiều cộng đồng thời tiền sử. Các tổ tiên của chúng ta thường có rất nhiều con nhưng số còn sống lại không nhiều. Khi bản năng của tình mẫu tử ở giai đoạn cao của sự phát triển người ta cần có một sự che chở cho các con nhỏ vì thế sự đa tình không như một tất yếu nữa. Vì thế tình yêu độc nhất (monogamie) tình yêu đơn lẻ có tác dụng làm tăng thêm sự gắn bó trong gia đình và làm cho gia đình trở thành môi trường thuận lợi cho sự phát triển của các em.

Sự chòng ghẹo đôi khi thể hiện như là một tiêu cực trên bình diện sinh học thì cũng không vì thế mà làm cho mất giá trị của nó, vì nó giúp cho các em trai cũng như gái có thể lựa chọn tốt người bạn trên đường đời. Các cô gái khi biết rằng mình được một người đàn ông điển trai để ý là một niềm vui. Nhưng nếu các cô này phát hiện ra là người đàn ông này chỉ là một kẻ ích kỷ, chỉ quan tâm đến anh ta mà thôi. Khi đó các cô gái sẽ chuyển hướng sang một người khác lịch lãm hơn nhưng anh chàng này lại không chỉ để ý đến có một mình cô ta. Cô gái lại chuyển sang một người khác có lòng nhân ái hơn nhưng lại thiếu ý chí. Cuối cùng cô gái lại thấy cần một người con trai có ý chí và dũng cảm. Từ đó các em có thể có một sự lựa chọn xác đáng hơn trong việc đi tìm người bạn đời. Với các em trai cũng tương tự. Lúc đầu các em chỉ chú ý đến những gương mặt dễ thương nhưng cuối cùng lại là người con gái không bao giờ có ý tưởng riêng của mình để có những cuộc trò chuyện bổ ích. Với cô khác thông minh hơn nhưng ăn mặc lại hơi lơ đãng. Với cô thứ ba thì khá là gợi cảm nhưng lại ích kỷ và quá diêm dúa và v.v...

Các bậc cha mẹ nên chấp nhận những sự tìm kiếm đa dạng này của con em mình nhưng nên cung cấp cho các em những chuẩn mực cần thiết để giúp các em có một sự lựa chọn xác đáng. Các nhà chuyên môn gọi là *nguyên tắc vàng* là trong mỗi giai đoạn của sự phát triển cần tạo cho các em những khả năng tối ưu để cho các em tự lựa chọn lấy.

Các bậc cha mẹ thường nghĩ rằng tình cảm như vậy là không tốt hoặc cho rằng đó là những quan hệ tình dục không lành mạnh nên ngăn cấm, thậm chí có khi dùng cả những hình phạt bằng roi vọt. Đó là những sai lầm không thể coi thường. Các nhà chuyên môn cho rằng tự nhiên sẽ biết cách thu xếp ổn thoả mọi vấn đề vì rằng còn khá nhiều nhân tố khác, khá nhiều những phẩm chất khác của tuổi thiếu niên giúp các em phát triển trước khi các em hiểu được thế nào là tình yêu đích thực. Nên nhớ rằng sự giúp đỡ và hướng dẫn của chúng ta không bao giờ được xem là đủ.

Như trên đã nói tuổi thiếu niên là tuổi phát sinh tính tò mò về đời sống tình dục. Đây là một thành phần của tình yêu rất đặc trưng của giai đoạn đa tình. Nói là đặc trưng mà người ta phải quan tâm trong xã hội văn minh ngày nay bởi vì một mặt nó là sự thẹn thùng với em này thì mặt khác nó là sự khó với em khác.

Vào tuổi này các em trai cũng như các em gái chú ý đến ăn mặc cũng như khi thay quần áo của những bạn khác giới hoặc ngẫu nhiên hoặc chủ động. Ngay khi còn nhỏ tuổi các em cũng đã hay quan sát cơ thể các bạn khác khi tắm chung, nhất là cơ thể các bạn khác giới. Sự tò mò này là đặc trưng của các em nhỏ từ sáu, bảy tuổi. Nhưng vào thời

kỳ này vấn đề chỉ thuần túy về mặt khoa học tức về mặt hình thể. Nhưng đến tuổi thiếu niên thì vấn đề đã khác hẳn về tính chất của vấn đề. Lúc này đã là sinh lý tình dục tức là đến vai trò và chức năng của những cơ quan sinh dục mà các em tìm hiểu. Các em gái quan tâm đến vấn đề sinh đẻ và vai trò của người đàn ông trong vấn đề này. Người ta đã làm một cuộc thử nghiệm như sau: Trong cuộc trao đổi tự do thoải mái mà không có một ràng buộc nào với các em gái mười bốn, mười lăm tuổi. Người ta nhận được nhiều vấn đề liên quan đến vấn đề sinh sản do các em đặt ra. Các nhà chuyên môn khẳng định đây là sự tò mò tự nhiên mà không có gì là khó hiểu, là bình thường không có gì là xấu xa như nhiều người nghĩ. Những sự giải thích thoả đáng đã làm cho các em hài lòng.

Chúng ta cần nhớ rằng phần lớn những sự tò mò về đời sống tình dục của các em thiếu niên được bắt nguồn trước hết từ những tình cảm cũng như những rung động dễ chịu làm xáo động các em. Các nhà chuyên môn cho rằng nếu như người ta quan tâm đến cơ thể cũng như sinh lý của người khác giới là vì người ta cảm thấy sự thích thú khi được nhìn ngắm, được chiêm ngưỡng, được tìm hiểu.

Để thoả mãn tính tò mò này, theo các nhà chuyên môn thì không còn cách nào tốt hơn là giáo dục giới tính cho các em. Tuy nhiên chúng ta cũng cần hiểu rằng việc giáo dục giới tính cũng không thể giúp cho các em giải quyết được mọi vấn đề. Chúng ta biết rằng sự thiếu hiểu biết về lĩnh vực này có thể gây ra những cú sốc và những bi kịch. Đây là mặt trái của vấn đề, vì rằng những hiểu biết thông thường không thể

loại trừ hết những khó khăn. Hơn nữa không thiếu gì trường hợp sự giáo dục về tình dục nhiều khi lại làm xuất phát điểm cho những thói quen không lành mạnh.

Các nhà chuyên môn cho rằng những hiểu biết về cơ thể học cũng như về sinh lý tình dục là chưa đủ. Còn cần phải làm cho các em hiểu tại sao bản chất của vấn đề tình dục lại có một sức mạnh ghê gớm và những rung động về tình dục khoan khoái đến như vậy. Cần làm gì cho các em hiểu rằng trong xã hội văn minh hiện nay người ta cũng đang lo lắng về mặt tâm lý, gây ra những ức chế, vì bản năng tình dục hiện nay vẫn còn mãnh liệt không khác gì thời xưa, thậm chí về nhiều phương diện còn gay gắt hơn.

Vấn đề cần thiết là phải đặt vấn đề giáo dục tình dục vào đúng đối tượng và những chức năng sinh học của bản năng đó. *Đó chính là sự sinh sản.* Điều đó có vẻ như là dĩ nhiên, nhưng còn khá nhiều công trình đề cập đến vấn đề đã làm cho chúng ta ngạc nhiên vì không thấy họ nói gì đến chuyện cốt tuỷ này. Nhiều nhà chuyên môn cho biết rất nhiều cô gái quá ngạc nhiên và không thể hiểu nổi khi được giải thích rằng tình dục không chỉ đơn giản là những đam mê hay những thoả mãn không lành mạnh, cũng không phải là cái gì xấu xa đáng hổ thẹn. Rằng đó chỉ là những hoạt động tự nhiên mà chức năng cơ bản của nó là chức năng sinh học tức sự sinh sản.

Như chúng ta đã khẳng định ở trên, vấn đề mà chúng ta đang bàn là thời kỳ đa tình, là tính tò mò, là cơ thể học và sinh lý, là sự rung động đang thống trị chứ không phải là những khoái cảm từ quan hệ tình dục

trong thực tế. Vì thế như chúng ta đã nói ở trên đây là thời kỳ mà các em trai cũng như gái thích được nhìn thấy cơ thể những người khác giới. Những cảnh tượng này thường diễn ra trong những giấc chiêm bao. Nó cũng mang lại cho các em những thích thú nhưng không phải là những khoái cảm qua quan hệ tình dục với những người khác giới. Tình dục với các em lúc này chỉ đơn giản là như vậy, nên khi được giải thích rằng tình dục là sinh sản, là chức năng chủ yếu thì các em thấy khó hiểu. Cho nên vấn đề giáo dục tình dục nhất thiết phải làm rõ vấn đề cốt tử này mới tránh được những hành vi tình dục có hại không hướng tới sự sinh sản. Dù hiện nay thế giới đang bị sự gia tăng dân số quá nhanh đe dọa, cũng không thể phủ nhận được vấn đề nhân văn muôn thuở này. Vấn đề là làm thế nào vẫn có đời sống tình dục lành mạnh mà vẫn thực hiện được chiến lược dân số. Vấn đề sinh sản gắn với vấn đề nòi giống cũng như về sự hùng cường của một dân tộc. Vấn đề này chúng tôi đã bày tỏ quan niệm của mình trong “Freud và tâm phân học”. Tất cả vấn đề đều phụ thuộc vào khả năng làm chủ của mỗi người.

Một đặc tính khác trong giai đoạn đa tình khác với tính tò mò về tình dục nhưng lại bổ sung cho nhau. Đó là sự thích thú được những bạn khác giới chú ý. Đây cũng là một thích thú rất tự nhiên ở lứa tuổi này. Đó là cách thể hiện sức mạnh và sự trưởng thành của mình còn các em gái thích trở thành xinh đẹp để được các bạn trai để ý. Điều đó được thể hiện rõ nhất ở khá nhiều vùng trên thế giới. Ở những nơi đó các cô gái không mặc quần áo mà chỉ mang trên mình những giải băng

sắc sỡ với những đồ trang sức bằng những con ốc biển hay bằng những răng thú, bằng những chùm hoa dại v.v...

Chúng ta cũng cần nhớ rằng thói quen thích thú nhìn ngắm chính mình cũng không phải là cái gì mới mẻ. Tính cách này xuất hiện ngay với các em mới sinh khi các em có nhu cầu được che chở. Từ bốn đến bảy tuổi các em đã biết nói “hãy nhìn em đây này” để gây sự chú ý của mọi người đến các em, chú ý đến cá nhân và những khám phá của mình. Đến tuổi dậy thì các em có thích thú được tham gia các băng nhóm để đóng góp được cái gì cho nhóm, để cho nhóm chứ không phải cho riêng mình là chính. Đến giai đoạn đầu của tuổi thiếu niên, các em trai rất thích được chú ý qua những trò chơi như thể thao, du lịch v.v... Với các em gái tình hình cũng diễn ra tương tự. Các em rất thích thú và rất tự hào về sự xinh đẹp của mình trước các bạn cả trai cũng như gái. Đến tuổi trưởng thành các chị các bà chú ý đến ăn mặc không còn mục đích để cho đàn ông chú ý mà cái chính là để đua tranh giữa các bà với nhau. Các em gái nhỏ không có cái may được trời phú cho những nét đặc sắc lại được cha mẹ hết lòng thương yêu trìu mến sẽ rất hạnh phúc và cũng rất dễ thương, cũng có sự hấp dẫn nào đó, cũng gây được sự chú ý của các bạn khác. Chúng ta nên nhớ rằng vào thời kỳ này của tuổi thiếu niên mục đích cuối cùng của các em là được mọi người để ý. Chúng ta không nên mắc phải sai lầm là chỉ nói về các em với những gì mà các em có mà cái chính là chúng ta có chú ý đến các em hay không. Sự quan sát của người lớn chỉ nên quan tâm đến cái thích thú của các em lúc này là sự được chú ý của người khác, đến chức năng sinh học

đảm bảo cho sự sinh sản. Nhưng với các em thiếu niên thì hai vấn đề này lại hình như không có liên quan gì với nhau. Chúng ta sẽ thấy vào một ngày nào đó sự phát triển của những học môn sẽ kích thích sự thích thú này, tức những thích thú tình dục động lực của sự sinh sản.

Các nhà chuyên môn cho rằng quyền lực mong muốn được chú ý chính là màn dạo đầu đối với sự sinh sản cũng như từng tồn tại ở những loài thực vật và động vật cấp thấp cũng như ở con người. Ví như màu sắc và hương vị của các loài hoa cũng thu hút các loài côn trùng. Bộ lông và tiếng hót của các con chim đực thu hút những con chim cái. Nếu các loài hoa cũng như những loài chim không có khả năng hấp dẫn thì khó mà có được sự sinh sản.

Với các em trai cũng như các em gái ở tuổi thiếu niên trong mọi trường hợp sự thích thú được chú ý trở thành ý thức và là sự giải toả mà không vì một lý do gì. Trong những cuộc vui chơi các em luôn tự hỏi mình cũng như hỏi người khác “Thế nào trông mình cũng được đấy chứ? nghĩa là mình cũng xinh đẹp đấy”. Tuy nhiên đối với các em gái lại sẵn sàng từ chối nhảy đôi với các bạn trai nào quá sốt sắng thiếu tế nhị dù vẫn rất thích được các bạn trai chú ý đến mình. Lý do rất là đơn giản vì các cô gái trẻ chưa nghĩ đến những quan hệ tình dục. Vào thời kỳ này cái thích thú duy nhất mà các em quan tâm là được mọi người để ý đến mình để biết rằng mình cũng là một cô gái có khả năng hấp dẫn, có sức thu hút mọi người. Vì thế có khá nhiều bà mẹ đã có cách nhìn nhận đúng vấn đề và thường khuyến khích cho các em chăm chút cho việc này cũng như tự chăm chút cho chính mình. Không ít người

nghĩ rằng đó là biểu hiện của việc sẵn sàng cho hưởng thụ những quan hệ tình dục và đã tìm cách thực hiện. Nhưng nói chung đều thất bại hoặc dùng bạo lực để cưỡng đoạt nên đã trở thành tội phạm. Tuy nhiên đây cũng chỉ là quy luật phát triển chung của tuổi thiếu niên mà không loại trừ những ngoại lệ. Theo các nhà chuyên môn thì đây chủ yếu là do ảnh hưởng của hoàn cảnh, của những sự kích thích từ bên ngoài. Các nhà phân tâm học cho chúng ta biết rằng với các em đã thường xuyên được kích dục từ khi còn nhỏ thì khi đến tuổi thiếu niên các em luôn có nhu cầu tình dục và chỉ thoả mãn khi đã được giao hợp với người khác giới. Trong số những em thuộc loại này chúng ta phải kể đến những em có một tính khí mạnh mẽ so với các em cùng lứa. Với các em này chúng ta gọi là những em có một sự phát triển quá nhanh về mặt tâm lý trên phương diện tình dục. Ngoài ra cũng phải kể đến những em đã trải qua một cuộc sống thiếu sự âu yếm, thiếu tình thương nên các em có nhu cầu khá lớn về mặt tình cảm. Những trường hợp gọi là bất bình thường này cũng làm cho chúng ta phải nhìn nhận một cách nghiêm túc những trường hợp bình thường xem nó được diễn ra như thế nào.

Vậy thì mục đích của tất cả những hiện tượng này là gì? Chúng ta biết rằng trong tự nhiên mọi sự phát triển đều làm xuất hiện những tính cách để dùng vào việc nào đó. Vì thế giá trị sinh học của thời kỳ này là hiển nhiên. Nếu như một em gái thích được một người đàn ông đẹp và khoẻ mạnh chú ý thì điều đó có nghĩa là tự nhiên đã tạo cho cô gái có khả năng tìm kiếm một người đàn ông cường tráng có khả năng cho cô đưa con lành mạnh và có thể che chở cho cô khi cô sinh nở. Về

phần mình các cậu con trai có thể thể hiện sức mạnh của mình để chứng minh mình là một người bạn đời lý tưởng.

Với người con gái khi sắc đẹp của học có sức hấp dẫn đối với người con trai thì điều đó có ý nghĩa gì và vấn đề đó có một tầm quan trọng như thế nào? Tại sao những người đàn ông lại quá nhạy cảm với vẻ đẹp hình thể của người con gái? Tại sao người con gái rất tự hào về nhan sắc của mình? Cuối cùng xét về mặt sinh học thì sắc đẹp có vai trò gì trong tình yêu?

Tất cả những vấn đề đặt ra ở trên được các nhà chuyên môn giải thích rằng vấn đề sắc đẹp luôn đi đôi với một cơ thể lành mạnh. Một cô gái xinh đẹp thường là một cô gái có sức khỏe lành mạnh và ngược lại một cô gái có sức khỏe lành mạnh cũng thường là một cô gái xinh đẹp. Khi một người con trai kén chọn một cô gái xinh đẹp thì có ý thức hay là không thì điều đó đã bao hàm có cả sức khỏe lành mạnh. Chúng ta bàn thêm đôi điều đối với người con gái xinh đẹp. Nước da tươi mát của cô ta nói lên hệ tuần hoàn của cô ta rất tốt vì không có khí nào trong tự nhiên lại có thể mang lại cho màu da sự tươi mát về sức khỏe. Màu da cho chúng ta biết rằng trong dòng máu của cô ta không có chất độc hại. Từ đôi hàm răng trắng muốt, cặp môi đỏ mọng, móng tóc dày mịn và bóng đã cho chúng ta biết rằng tất cả đã được nuôi dưỡng đầy đủ và hợp lý mọi thứ sinh tố trong tự nhiên. Một thân hình cân đối nở nang và một dáng đi nhịp nhàng uyển chuyển đã chứng minh hệ thống cơ bắp cân bằng. Tất cả những điều nói trên đã chứng minh rằng đó là một cơ thể hoàn mỹ và dồi dào sức sống. Qua những công

trình nghiên cứu người ta thấy rất nhiều những cô gái rất xinh đẹp và đáng yêu trong số những cô gái thuộc những bộ tộc còn sống như thời tiền sử đang lao động trên cánh đồng vẫn giữ được những nét đẹp trên. Các cô gái này không cần áp dụng bất cứ một chế độ rèn luyện gì để giữ cho thân hình cân đối và mảnh mai. Các nhà chuyên môn khuyên chúng ta chỉ cần những cuộc đi bộ với một phong thái tươi vui là có thể tiết kiệm được rất nhiều những chi phí cho sự trang điểm mà vẫn có thể có được vẻ đẹp hấp dẫn cả về thể xác lẫn tâm hồn.

Chúng ta cũng cần nói đôi điều về một vẻ đẹp bắt nguồn từ một cuộc sống hạnh phúc. Chúng ta biết rằng hạnh phúc và sức khoẻ luôn đi đôi với nhau. Nói chung thì một con người mạnh khoẻ thường là một con người sung sướng và ngược lại. Khi con người có những đau buồn thì ăn không ngon miệng và sự hoạt động kém hiệu quả. Cuộc sống hạnh phúc luôn kích thích sự hoạt động có hiệu quả trong bộ máy tuần hoàn, bộ máy hô hấp cũng như bộ máy tiêu hoá. Những bộ máy này đến lượt nó lại là những nhân tố để có vẻ đẹp đích thực. Sức khoẻ và hạnh phúc làm cho những cô gái trở nên hấp dẫn và là người bạn đời lý tưởng. Cơ sở của cái đẹp là sinh học. Cần nhớ rằng sự chạy theo các mốt liên tục tuy có một vài cái lợi nhưng nói chung chỉ là cơ may cho những cô gái mong muốn có một vẻ đẹp đích thực.

Trong lĩnh vực này vai trò của những bậc cha mẹ có một tầm quan trọng đáng kể. Thật là dễ hiểu khi có một bà mẹ tự hào về người con gái xinh đẹp của mình nhất là người con gái này lại giống bà mẹ. Nhưng lại là sai lầm nếu làm cho con gái mình trở thành kiêu ngạo về sắc đẹp

của cô. Cứ luôn mồm nói đến sắc đẹp của con gái mình sẽ là một bất công và thiếu tế nhị đối với mọi người nhất là với những cô bé không may vì thiếu nhan sắc. Đó là sự thiếu trách nhiệm của các bà mẹ này không chỉ với con cái những người hàng xóm và còn là thiếu trách nhiệm với chính con cái mình vì sẽ làm cho con cái mình xa cách các bạn khác, một sự cách biệt không đáng có. Hơn thế nữa cái hại quan trọng là làm cho con em mình nghĩ rằng chỉ cần có nhan sắc là có tất cả mà không quan tâm đến việc rèn luyện cho mình những phẩm chất cần thiết khác cho cuộc sống sau này. Không thiếu gì các em xinh đẹp trở thành hư hỏng chỉ vì sự lầm lẫn này của cha mẹ.

Các nhà chuyên môn cho rằng con người là một sinh vật đa tình. Điều đó là hoàn toàn đúng. Nhưng con người cũng như một số sinh vật khác cũng chủ trương cuộc sống một vợ một chồng (monogame). Nhưng như trên đã trình bày con người cũng chuyển từ giai đoạn đa tình tức giai đoạn yêu nhiều người sang giai đoạn yêu một người.

Để bước vào giai đoạn một vợ một chồng con người phải trải qua một số bước trung gian. Bước đầu tiên con người phải trải qua là thứ tình yêu lãng mạn thuần túy. Rồi mới đến tình yêu đích thực được đặc trưng bởi sự hấp dẫn sâu sắc về đời sống tình dục. Từ đó con người tìm kiếm những cuộc hôn nhân với một căn nhà hoàn toàn độc lập với ngôi nhà của cha mẹ. Nước ta một thời có truyền thống nhiều thế hệ cùng sống trong một căn nhà. Ngay trong trường hợp này thì mỗi cặp vợ chồng cũng được giành riêng một nơi riêng biệt tùy theo sự rộng hẹp của ngôi nhà chung. Truyền thống đó ngày nay đã thay đổi rất

nhieu. Nói chung là những cặp vợ chồng trẻ luôn mong muốn có một căn nhà riêng cho mình dù là liền kề với căn nhà của cha mẹ. Các nhà chuyên môn cho rằng điều đó nói lên chức năng sinh học nơi con người và là mục đích thân thương của cuộc đời.

Nhiều công trình nghiên cứu cho chúng ta biết rằng một em trai mười lăm và một em gái mười ba tuổi thường rất ghét nhau hay đúng hơn là thường không có thiện cảm với nhau khi ở gần nhau. Và tuổi này chỉ một nụ hôn cũng thường làm cho các em gái khó chịu. Nhưng chỉ một thời gian sau trong một cuộc đi chơi các em đã thấy yêu nhau và tình yêu được tỏ bày. Sự xúc động này lên tới đỉnh cao làm cho các em đêm đó thao thức không thể nào ngủ được. Không lúc nào không nghĩ đến nhau và lòng tràn đầy niềm vui.

Chỉ ít lâu sau đó các em lại thấy khó chịu khi gần nhau vì sự khác giới, nhưng vị ngọt tình yêu vẫn còn. Khi ngồi cạnh nhau nói chung là các em rất lúng túng bịn rịn dù vẫn muốn tỏ ra là những con người thông minh và lịch lãm.

Các em thiếu niên từ giai đoạn đa tình đến giai đoạn đơn tình được đặc trưng bằng sự thay đổi âm vực trong tiếng nói cũng như ngôn ngữ nói chung. Sau đó là các em yêu.

Vào tuổi này yếu tố cấu thành tình yêu là sự tôn thờ, hay đúng hơn là sự tôn sùng, sự sùng ái. Một cô gái khi chưa yêu chỉ là một cô gái nhút nhát, nhưng khi đã yêu cô ta trở nên dễ mến và được người yêu mến mộ sùng ái. Người ta cũng không hiểu vì sao cô gái này lại trở nên hấp dẫn đặc biệt với người bạn trai trong khi đó lại chẳng gây được ấn

tượng gì với những người con trai khác. Thật là không thể tưởng tượng nổi nhiều khi cô gái này lại hơi mập và cậu bạn trai của cô lại là một cậu con trai mặt đầy trứng cá. Với những cặp uyên ương thì họ là những con người hoàn mỹ trên đời này. Họ biến cả những mặt yếu của nhau thành những cái đáng yêu nhất trên đời về mọi phương diện. Người ta có thể nhận thấy ở đây *diện mạo của một ý thức tư tưởng, của một quan niệm* về vẻ đẹp cả về hình thức cũng như về tinh thần mà chúng ta sẽ bàn kỹ trong những trang sau. Người ta thấy ở đây như là một sự phản chiếu những tình cảm cũng như những rung động của chính các em. Các em chưa có kinh nghiệm gì nhưng trạng thái tâm hồn các em đã làm cho toàn bộ thế giới biến đổi theo. Các em cảm thấy người đã đánh thức được tâm hồn các em là người tuyệt vời nhất với đầy đủ những phẩm chất mà các em mong chờ.

Thứ tình yêu lãng mạn này cũng đồng thời kéo theo một sự thiếu hụt gì đó nên sự mãnh liệt yếu dần đến chỗ tàn tạ. Lý do thực là đơn giản vì các em chỉ thấy một màu hồng trong tình yêu, chỉ thấy có vị ngọt. Các em chưa thể hiểu được rằng tình yêu có vị ngọt nhưng cũng có những giận hờn, những xung đột, thậm chí cả những đau khổ. Vì thế khi những vị đắng này xuất hiện, các em không thể chịu nổi, trở thành đau khổ và từ bỏ tất cả mọi thứ như ăn ngủ, học hành thậm chí cả sự nghiệp. Tất cả những điều nói trên có nguy cơ dẫn các em rơi vào một thứ bệnh mà người ta quen gọi là bệnh tương, bệnh thất tình không dễ gì chữa trị.

Trong giai đoạn tình yêu lãng mạn này các em trai cũng như gái đều có thể trở thành những người bạn tâm huyết cũng như trước đây với các bạn cùng giới. Các em rất thích thay đổi cách nhìn nhận cuộc sống và thường tranh luận thường xuyên bao gồm cả tương lai của các em. Các em thích gửi gắm tâm tư tình cảm của mình với các bạn thân tình tâm huyết. Nhưng thông thường thì tình cảm của các em rất sâu lắng và cũng rất khó diễn đạt được bằng lời nói. Vì thế các em thường giữ sự im lặng.

Các nhà chuyên môn khẳng định rằng lúc này chưa phải lúc các em quan tâm đến quan hệ tình dục ngay cả khi chúng ta thấy các em có những cử chỉ suồng sã. Sở dĩ như vậy vì các em quan niệm rằng tình yêu lãng mạn không có gì giống với tình dục. Không ít các em đã thổ lộ rằng tình yêu lãng mạn đã ngăn cản các em nghĩ đến những vấn đề thuộc đời sống tình dục ngay cả khi nhìn thấy người con gái thay quần áo. Đây là thời kỳ các em coi tình yêu là cái gì rất thuần khiết mà không thể dung tục được bằng những quan hệ tình dục. Vì vậy các em trai không cho phép mình được mơ tưởng đến những điều quá dung tục đối với người yêu của mình. Với các em đây là một tình yêu thánh thiện và tinh khiết. Vì thế các em trai luôn giành cho người yêu của mình sự dịu dàng và sự tôn trọng. Với các em gái cũng tương tự, kính trọng người bạn trai của mình với những tình cảm thân thương nhất không tính toán gì.

Theo những nhà chuyên môn thì tình yêu lãng mạn này thể hiện một thời kỳ rất tự nhiên của tuổi chín muồi. Một cách nghiêm chỉnh thì

thk này như các nhà chuyên môn gọi là “vui chơi” với tình yêu để chuẩn bị cho thời kỳ người ta yêu nhau thực sự đúng với phạm trù yêu. Tuy nhiên cũng không nên nghĩ rằng tất cả các em trai cũng như gái đều trải qua giai đoạn này. Cũng như những giai đoạn trước của sự phát triển, tất cả vấn đề còn phụ thuộc một phần vào hoàn cảnh. Khuynh hướng vẫn có đó nhưng sự việc lại có thể thế này hay thế khác. Có thể xảy ra với người này nhưng lại không xảy ra với người khác vì không có điều kiện.

Người ta đã tiến hành những cuộc điều tra ở nhiều trường có cả em trai và em gái cùng học chung thì được biết rằng vào tuổi mười lăm các em thường có bạn khác giới. Qua quan sát người ta thường bắt gặp từng đôi ngồi với nhau tay trong tay ở những nơi vắng vẻ. Nhưng khi hỏi các em có nghĩ gì đến quan hệ tình dục hay không thì các em đều rất ngạc nhiên về câu hỏi đó.

Thừa nhận sự tồn tại của thời kỳ tình yêu lãng mạn và có ý tưởng là rất cần thiết vì còn không ít những bậc cha mẹ cũng như nhà trường còn nghi ngại, sợ các em làm những điều không lành mạnh khi thấy các em có bạn trai hay bạn gái đi sóng đôi với nhau. Các nhà chuyên môn cho rằng sự tồi tệ không phải lúc nào cũng có thể xảy ra nhưng để mắt đến cũng không phải là thừa vì sự đề phòng trước vẫn hơn là để sự việc không mong muốn xảy ra. Cần nhớ rằng với một sự phát triển bình thường, các em quan tâm đến vấn đề tình cảm hơn là vấn đề tình dục của những người trưởng thành.

Theo các nhà chuyên môn thì thời kỳ tình yêu khác giới là cực kỳ có ý nghĩa và vô cùng quý giá. Nó giúp cho các em trai cũng như các em gái hiểu được một cách sâu sắc hơn so với thời kỳ đa tình, đồng thời cũng tạo cho các em điều kiện để chọn lựa người bạn đời. Lúc này tình yêu được hướng vào đối tượng duy nhất nhưng lại chưa nhất thiết phải dẫn đến hôn nhân, thậm chí cũng không nhất thiết dẫn đến thời kỳ tiền hôn nhân. Đây là thời kỳ mà mỗi người cả trai cũng như gái còn có quyền thay đổi trong sự chọn lựa. Thời kỳ này cũng tương tự như thời kỳ “con người tiền sử”, tình bằng hữu được hướng vào một người duy nhất chứ không phải với nhiều người. Cũng vào thời kỳ này hình thành sự lịch lãm giữa các bạn khác giới và cũng là lúc hình thành tính cách, phẩm chất của mỗi người.

Song song với sự phát triển nói trên chúng ta còn thấy quá trình phát triển về mặt văn hoá. Người ta chiêm ngưỡng người mình yêu. Người ta luôn tìm cách làm vui lòng người yêu cũng như trở thành người mà người yêu mong chờ. Các em trai cũng như gái học cách ân cần, có tính khí tốt và sự lịch lãm. Tất cả đều muốn tỏ ra với người khác một diện mạo tuyệt vời. Bản chất của sự lịch thiệp là nhằm để so sánh với người khác. Vào tuổi này các em trai bắt đầu thích tô điểm như thích sửa và đánh bóng móng tay. Các em gái quan tâm đến cách trang phục sao cho thành sang trọng, hợp mốt, hợp thị hiếu như là những “trang thiết bị” về tinh thần. Sự chăm chú cho bản thân thường được mọi người nhất là những người thân khuyến khích và thông cảm. Đó là một ví dụ đẹp về tình cảm gia đình.

Nhưng cũng thật là đáng tiếc vào một lúc nào đó trong cuộc sống đã xuất hiện những việc đòi bại trong thời kỳ diễn ra tình yêu lãng mạn này của tuổi thiếu niên. Đây là một vấn đề nhức nhối cho xã hội cũng như cho gia đình. Trong những năm gần đây có không ít các em vào lứa tuổi mười bốn mười lăm đã đi vào những cuộc phiêu lưu tình dục. Theo những nhà nghiên cứu thì đây là vấn đề khá nghiêm trọng trong thời đại ngày nay trên thế giới cũng như ở nước ta hiện nay. Cái khó là người ta chưa tìm được cách khắc phục tình trạng này một cách hiệu quả, cũng như chưa có một kết luận xác đáng vấn đề. Người ta đặt ra một câu hỏi là liệu những em sau khi đã lao vào con đường tồi tệ này thì cuộc sống gia đình của các em sau này sẽ ra sao? Liệu các em có thể thành những người chồng, người vợ, người cha, người mẹ tốt được hay không? Lối sống cũ sẽ diễn ra như thế nào khi các em có gia đình. Điều đó sẽ đe dọa đến đâu sự bình yên của cái tổ ấm gia đình của các em? Một thầy thuốc có trách nhiệm săn sóc các em này cho biết các em này chỉ quan tâm đến những vấn đề khác. Những điều răn dạy chỉ như là sự diễu cợt. Khách sạn, nhà hàng luôn kích thích các em. Với các em này thì những hành vi đòi bại được xem như là hợp mốt. Sự chơi bời luôn cuốn hút các em, đặc biệt là những thú vui xác thịt. Với một số những em gái được xem là “dễ dãi”, coi việc quan hệ tình dục là chuyện bình thường như mọi sinh hoạt khác và cũng không còn ý thức trách nhiệm gì như các em khác cùng lứa tuổi hay các em hơn tuổi mình. Với các em đã trải qua những cuộc sống phiêu lưu tình dục nhưng không có những kỷ niệm đậm nét thì cuộc sống lứa đôi của các em sau này cũng ít có

nguy cơ hơn. Nhưng quan hệ tình dục mà các em đã trải qua có thể là những kinh nghiệm tốt để các em điều chỉnh cuộc sống lứa đôi sau này. Điều này có thể giúp cho các em tránh được những sinh hoạt tình dục có hại.

Để tránh cho các em rơi vào những cuộc phiêu lưu tình dục nhiều nơi thường tổ chức những câu lạc bộ để các em cả trai lẫn gái có thể cùng vui chơi lành mạnh với nhau trên tinh thần của những tình yêu lãng mạn đích thực. Cũng qua sinh hoạt trong câu lạc bộ người ta biết được khá rõ quá trình chuyển từ thời kỳ đa tình mà mỗi em để ý đến nhiều bạn khác giới sang thời kỳ đơn tình của tình yêu lãng mạn. Trong khi một số em tham gia vào những trò chơi chung có tính xã hội thì một số em khác tìm những góc riêng để tình tự. Các nhà chuyên môn cho rằng với tất cả các em trai cũng gái lại hình thành một điều luật không thành văn nhưng rất rõ ràng trong quan hệ tình dục. Với các em gái mục đích mà các em quan tâm là vấn đề hôn nhân chứ không phải là những quan hệ tình dục. Hôn nhân ở đây được thể hiện trên tất cả các góc độ cả sinh học cũng như những mặt khác để hoàn chỉnh một cách toàn diện nhân cách của mình.

Chúng ta biết rằng sự phát triển ở các em trai và gái là không như nhau cả về phương diện sinh lý cũng như về cảm xúc. Điều đó lại còn tùy thuộc vào từng em. Nói chung là các em gái phát triển và độ chín muồi sớm hơn các em trai cùng tuổi. Điều đó nói lên vào tuổi thiếu niên tinh thần trách nhiệm của các em gái mạnh hơn các em trai cùng lứa tuổi. Bản chất của vấn đề có một ý nghĩa rất có giá trị như là một sự

dự phòng, bởi vì nhu cầu tình dục ở các em trai cũng như gái lúc này khá bùng nổ. Đối với các em trai thì chỉ như một lần lỡ đã qua nhưng với các em gái thì lại có nguy cơ mang thai. Vì thế lúc này các em gái thường ủng hộ những người con trai có trách nhiệm và ý thức đảm bảo cho các em sự an toàn, sự che chở mà các em có nhu cầu. Các em gái lúc này luôn ở trong tâm trạng mà các nhà chuyên môn gọi là sự pha trộn những thức giác trong đó có cả những cái triu mến, sự thăng thần và sự e thẹn. Từ đó tạo ra một hình ảnh những cô gái thực sự hấp dẫn đáng yêu.

Theo các nhà chuyên môn thì thời kỳ đơn tình là thời kỳ được xem là thời kỳ tình yêu đích thực. Khi người ta nói rơi vào tình yêu có nghĩa là mọi yếu tố của tình yêu như tình bạn, sự tận tâm, sự âu yếm, sự che chở, những ham muốn tình dục và sự tôn thờ được hướng vào một người yêu duy nhất. Khi đã yêu các em thiếu niên không còn nghĩ gì khác ngoài người mình yêu. Các em trai tôn thờ người con gái mà mình yêu. Rất thích được bảo vệ cô gái thậm chí có thể chiến đấu hoặc hy sinh vì người yêu của mình. Các em gái cũng vậy. Cũng tôn thờ người yêu, muốn mang lạ cho người yêu thật nhiều sự âu yếm, chiêm ngưỡng sức mạnh của người yêu và mong có con với người mình yêu. Tình yêu chân chính này đôi khi trở thành một thứ vị kỷ mang lại một sự ngọt ngào mà chẳng có gì có thể so sánh được. Thứ tình yêu thiêng liêng đôi khi như là một thứ tôn giáo trong đó chứa nhiều điều bí ẩn với lứa tuổi này.

Những tương quan giữa những yếu tố của tình yêu thay đổi tùy từng trường hợp cụ thể cũng như tùy vào từng giai đoạn. Khi thành vợ chồng mà các nhà chuyên môn gọi là “người bạn trẻ thơ này” trở thành tình bạn có một vai trò vô cùng quan trọng. Những cuộc hôn nhân chân chính này thường là rất mỹ mãn và tốt đẹp vì cả hai đều đã hiểu được những mặt mạnh cũng như những mặt yếu của nhau.

Rất tự nhiên là nhu cầu sinh lý dẫn đến sự say sưa tình dục có một vị trí trội hơn trong tình yêu ở những người trưởng thành và đó cũng là mối quan tâm tự nhiên. Đó chính là sự quan tâm đến việc sinh sản ra nòi giống. Nhưng cũng cần sự an toàn, đề phòng sự thái quá của tuổi trẻ.

Cũng chính từ đó mà nảy sinh bản năng về tình mẫu tử. Đời sống cân bằng trong gia đình và cuộc sống gia đình nói chung có một vai trò vô cùng quan trọng vì chính cuộc sống gia đình này là môi trường cho con cái chuẩn bị để thực hiện nhiệm vụ xã hội, cũng như đảm bảo cho cuộc sống vật chất cũng như tinh thần của gia đình.

Với nhiều cô gái trẻ bản năng làm mẹ và gia đình có tác dụng kiểm soát tốt những bản năng tình dục. Các cô gái này rất thích được dồn mọi sức lực của mình để làm chủ người chồng và từ chối mọi sự thái quá vì sợ rằng đến một lúc nào đó người chồng không còn yêu quý họ như trước nữa. Nhiều người vợ trẻ thường tuyên bố rằng họ thích được yêu và chỉ một mình họ được yêu. Các bà vợ trẻ này muốn đảm bảo một cách chắc chắn rằng họ được che chở và có một tình yêu thường xuyên.

Trong khá nhiều trường hợp nếu như họ đã có quan hệ tình dục trước hôn nhân, người ta sẽ không còn thích thú gì đến những cuộc mưa gió tình dục sau khi cưới. Người ta tin chắc rằng những cuộc phiêu lưu tình dục này sẽ làm mất sự bình yên trong cuộc sống gia đình và có nguy cơ tạo ra một sự bất ổn cũng như những ảnh hưởng về tâm hồn cho những đứa con. Tất cả những điều nói trên chứng minh rằng vì sao xã hội văn minh chủ trương cuộc sống một vợ một chồng, nghĩa là cuộc sống đơn tình, dù cho trong thực tế vẫn còn những khó khăn và nhiều chuyện phiền toái.

Các nhà chuyên môn khẳng định rằng nhu cầu được yêu ở người con gái mạnh hơn rất nhiều ở người con trai. Vì thế người ta giải thích rằng việc người con gái ngoại tình được xem là nghiêm trọng hơn người con trai ngoại tình. Để tránh được điều đó người con gái phải thẳng được chính mình với một sự kiên trì bền bỉ hơn. Từ đó nảy sinh một thứ nhị nguyên về đạo đức tình dục. Nghĩa là người vợ không được quan hệ với bất cứ người đàn ông nào ngoài chồng mình. Còn người đàn ông lại được phép lấy nhiều vợ như tục lệ hiện hành của nhiều nơi trên thế giới.

Chúng ta nên nhớ rằng khi tình dục thực hiện vai trò của nó thì nó là tượng trưng cho tình yêu và đó cũng là cách thể hiện tình yêu giữa vợ chồng và sự sinh sản cũng không còn là điều kiện nữa. Những mối ràng buộc này vừa là sinh lý lại vừa là tâm hồn làm tăng sự bền chặt của lứa đôi cũng như của gia đình. Khi không còn sự đồng thuận tự nguyện từ bất cứ một phía nào thì tình yêu có nguy cơ bị đổ vỡ. Vì thế

người ta cho rằng quan hệ tình dục trong hôn nhân là vô cùng quan trọng. Những nhân tố khác của tình yêu như tình bạn hay tinh thần bằng hữu vẫn luôn giữ một vị trí đáng kể trong tình yêu.

5. THỜI KỲ HÌNH THÀNH Ý THỨC HỆ

Aristote đã từng khẳng định rằng sự hình thành ý thức hệ là một đặc tính của tuổi thiếu niên nhưng nó được thực hiện mà chưa có kinh nghiệm. Vì thế các bậc cha mẹ thường nhắc nhở các em rằng: “Khi các con phải tìm cho mình một tình huống, một thân phận thì các con sẽ lại rơi xuống đất”. Mặc cho những lời nhắc nhở đó theo bất kỳ một lý lẽ nào thì cũng không thể ngăn cản được khuynh hướng này khi các em bước vào tuổi trưởng thành. Bởi vì sự hình thành ý thức hệ này ở các em tuổi trẻ là cách để tự khẳng định và phát triển tính cách người lớn ở tuổi này.

Sự hình thành ý thức hệ này cũng đã xuất hiện trong cuộc sống của những người tiền sử nhưng dưới một hình thức ít nguy hiểm hơn. Một vài nghi lễ vào tuổi dậy thì cũng làm hình thành một vài hình thức tư tưởng ở các bạn trẻ như ý tưởng về sự trinh bạch, về lòng dũng cảm, về sự bền bỉ. Để chứng minh cho sức mạnh về tâm hồn các em chịu đựng không một tiếng rên la trước những sự tổn thương về thể xác thực hiện trong nghi lễ.

Trong thời cổ điển người ta tìm mọi cách để phát triển nơi các em sự chịu đựng và sự hy sinh, cũng như lòng tận tụy vì yêu cầu của cộng đồng. Ở nhiều nơi trên thế giới các bạn trẻ mười bảy, mười tám tuổi phải tuyên thệ trước đền thờ thánh hay bàn thờ tổ tiên là không bao

giờ rời vũ khí, bỏ rời bạn chiến hữu và nguyện chiến đấu đến cùng để bảo vệ niềm tin thiêng liêng về những lợi ích của cộng đồng dù chỉ có một mình hay bên cạnh những chiến hữu.

Trong thời kỳ trung cổ ý thức hệ được nở rộ trong thời kỳ hiệp sĩ mà nổi bật là tinh thần hy sinh và tinh thần phục vụ. Từ bảy đến mười bốn tuổi đã bắt đầu học nghề theo chương trình quy định. Các em được rèn luyện thể thao, âm nhạc cũng như những thực hành tôn giáo. Các em còn được tiếp xúc với lịch sử các hiệp sĩ. Từ mười bốn tuổi các em đã trở thành người hầu các hiệp sĩ. Nhiệm vụ của người hầu là luôn bên cạnh những hiệp sĩ khi thường cũng như khi chiến trận để giúp đỡ và che chở cho chủ. Các em luôn phải tỏ ra là những con người dũng cảm, phục tùng, tài giỏi. Các em phải sẵn sàng hy sinh cho ông chủ cũng như những ý tưởng của chính ông chủ.

Từ hai mươi một tuổi các em có thể được phong nhận danh hiệu hiệp sĩ. Sau một đêm cầu nguyện các em sẽ tuyên thệ “trở thành người hiệp sĩ khôn ngoan, dũng cảm, trung thành, nhân ái và công bằng, người đi tiên phong trong giáo hội, một người luôn bên vực những người goá bụa cũng như những em mồ côi, người bảo vệ cho phụ nữ”.

Ý thức hệ giúp cho các em xuất hiện trên một bình diện rất có ý nghĩa trong tuổi thiếu niên. Như chúng ta đã biết trong những năm đầu tất cả những khả năng của các em được phát triển theo một trật tự đã định. Vào tuổi thiếu niên, những khả năng đó được kết hợp với nhau và hướng theo một mục đích và duy nhất. Đồng thời nhân cách cũng trở nên hài hoà và cá nhân được hình thành vừa trên bình diện sinh học

cũng như trên bình diện triết học. Nghĩa là các em đã trở thành một con người trưởng thành đầy đủ.

Cùng một lúc sự thức tỉnh của những thích thú tình dục trở nên vô cùng mạnh mẽ về mặt này thì mặt khác trở thành một con người có ý tưởng rõ rệt. Cũng từ đó làm nảy sinh ở các em những xung đột trong tâm hồn các em. Những xung đột này càng nhiều nếu người ta đã giành cho các em quá sớm những thói quen phạm tội trong lĩnh vực tình dục. Vì thế những năm tháng của tuổi thiếu niên thường trở thành vô ích do cuộc đấu tranh thường xuyên giữa những xung lực tình dục với những giáo huấn của xã hội cũng như của tôn giáo.

Tuy nhiên chúng ta cũng phải thừa nhận rằng đời sống tình dục giữa những người khác giới và ý thức hệ lại bắt nguồn từ những nguồn gốc chung. Theo các nhà chuyên môn thì nguồn gốc chung đó là nhu cầu mà các em thiếu niên cần chứng minh rằng các em đã là một người nào đó hay một vật nào đó để cho các em được bổ sung cho hoàn thiện cũng như để cho các em chứng tỏ khả năng của mình.

Một người đàn ông còn trẻ cũng như một cô gái trẻ tự thể hiện về phương diện thể chất cũng như tình cảm của mình với những người xung quanh mà không băn khoăn gì đến việc mình đã hoàn thiện hay chưa. Nhưng về ý thức hệ thì lại là việc rất cần thiết bởi vì sự hài hoà về nhân cách định ra mục đích cũng như tư tưởng. *Chính vì thế mà giai đoạn cuối cùng của tuổi thiếu niên là giai đoạn được đánh dấu bằng hai đặc trưng chính là đời sống tình dục với người khác giới và sự hình thành ý thức hệ.* Có những chi tiết rất đáng được quan tâm là phần lớn

những ảnh hưởng về tôn giáo xuất hiện ở tuổi mười sáu. Hiện tượng này hình như được hình thành đúng vào lúc các em thiếu niên mong muốn gì đó từ bên ngoài giá trị hơn chính cá nhân các em.

Cũng từ tư tưởng này, giai đoạn cuối cùng của tuổi thiếu niên lại thường kéo theo nhiều điều mà các em không thoả mãn. Một cách đặt vấn đề để tìm hiểu về chính mình, một cảm giác bất lực, thấp hèn và thiếu an toàn. Sở dĩ như vậy là vì các em thiếu niên cảm thấy là các em cần ngang bằng với ý tưởng của mình. Sự không hài lòng về chính mình này có thể làm nảy sinh cái mà các nhà chuyên môn gọi là “ý thức phạm tội” và thường dẫn các em đến với tôn giáo.

Ý thức hệ này còn tồn tại dưới một hình thức khác như cho rằng thế giới là hoàn thiện và một chủ nghĩa nhân đạo hoàn hảo. Nhưng khi các em nhận ra rằng thế giới không như các em mơ tưởng thì các em sẽ thấy thất vọng như nhiều bạn trẻ tuyên bố. Người ta cũng thường gặp thái độ đó ở những em thiếu niên cho rằng cuộc sống đời thường thật là buồn tẻ và cũng chẳng được hoàn hảo như các em nghĩ. Đơn giản chỉ vì thế giới thực tại không mang đến cho các em niềm vui như sự tưởng tượng của các em.

Với các em hạnh phúc thì ý tưởng của các em thường thực tế hơn và cũng dễ thực hiện hơn. Các em thiếu niên bao giờ cũng mong muốn có một cuộc sống tràn đầy niềm vui. Nếu tình hình trái lại sẽ là sự hoài nghi và kèm theo là những cơn mê sảng trong những giấc chiêm bao.

Các em thiếu niên thường xem xét, đánh giá người khác cũng như chính mình thông qua những ý tưởng. Vì vậy chúng ta phải kiên nhẫn

giảng giải cho các em. Nếu không chúng ta sẽ phải đương đầu với cái mà Guedella gọi là “*sự cứng đầu phù phiếm của những anh chàng mới lớn*”.

Cái mà các em thiếu niên biểu hiện là những quan niệm chứ không phải là sự xác tín bởi vì những khuynh hướng của các em chỉ được xây dựng bằng kinh nghiệm. Nếu như những ý niệm của các em làm cho chúng ta cảm thấy độ đoán thì do những ý kiến đo được bắt nguồn từ những tình cảm, những cảm giác thiếu an toàn mà thường là do những thất bại của người khác ảnh hưởng đến các em hơn là của chính các em. Sự không hài lòng trỗi dậy trong các em là do người khác và thế giới chỉ là những phản chiếu trong tâm tưởng của các em. Các em tìm kiếm một vũ trụ lý tưởng chỉ có hoàn bình và trật tự khác với những cái mà các em thấy trong tâm tưởng của các em.

Để có ý thức tốt hơn về những vấn đề và để công thức hoá những quan niệm của mình, tất cả các em vào tuổi này thường tập hợp lại với nhau. Các nhóm này có dáng dấp như là một tổ chức khác với các nhóm trong thời kỳ dậy thì chỉ gắn bó duy nhất với người thủ lĩnh hay với những thành viên khác trong băng nhóm. *Sự ràng buộc trong tổ chức mới này là chân lý, sự công bằng và lòng nhân ái.*

Tuy nhiên các em thiếu niên rất thích bảo vệ những ý kiến riêng và sẵn sàng chống lại những ý kiến người khác.

Những cuộc tranh luận này của các em được diễn ra tại gia đình hay ở những nơi tụ họp cần được khuyến khích. Cách tốt nhất để làm cho những ý niệm được sáng tỏ là cách cứ để cho các em tự thể hiện.

Cũng như thế cách tốt nhất để trở thành một người trưởng thành có ý tưởng rõ ràng là cứ để cho những ý tưởng đó được kiểm chứng bởi người khác để có thể điều chỉnh những mặt thiếu hợp lý.

Vấn đề mà chúng ta quan tâm không phải là nội dung những ý tưởng của các em. Theo các nhà chuyên môn thì cái quan trọng hơn là những suy tư của chính các em và được thể hiện theo cách của từng em. Cho dù còn nhiều thiếu sót nhưng cái quan trọng hơn là những ý tưởng mà các em tâm đắc.

Với các em thiếu niên không phải cái gì cũng nhất nhất phải nghiêm chỉnh. Nhiều bậc cha mẹ thường cho rằng các em sẽ đem thực hiện ngay những ý tưởng về chính trị xã hội của các em. Sự thực thì không phải như vậy, vì đây chỉ là thời kỳ thí nghiệm mà các em phải nỗ lực để công thức hoá vì tuổi thiếu niên chưa phải là những người trưởng thành thực sự. Các em còn trong quá trình để trở thành người lớn mà thôi. Cái quan trọng mà các bậc cha mẹ cần quan tâm là *những vấn đề đó có phải chính các em khám phá ra hay không*. Nền giáo dục của nhiều nơi trên thế giới cũng như ở nước ta là chỉ quan tâm đến việc các em có được tấm bằng với bất cứ giá nào. Việc học tập của các em để có một tấm bằng cũng là điều không thể tránh được nhưng với *những quan niệm hiện đại thì cái quan trọng hơn là thực sự có một khả năng khám phá, phát minh một cách độc lập và có hiệu quả*. Vì vậy mục đích hàng đầu của sự nghiệp giáo dục là phát triển một cách toàn diện nhân cách của các em. Với cách giáo dục nhồi nhét kiến thức trong nhiều trường học hiện nay sẽ dẫn đến nguy cơ làm cho các em bất lực trước

cuộc sống muôn màu muôn vẻ hiện nay. Việc khuyến khích học tập với những học bổng các loại là rất cần thiết. Nhưng sự khuyến khích này được thực hiện theo những chuẩn mực như thế nào lại là vấn đề nhức nhối của xã hội cũng như của những người có lương tri. Sự khuyến khích và sự đầu tư không đúng yêu cầu của đất nước cũng như yêu cầu của thời đại không chỉ gây ra lãng phí mà còn có hại rất lớn cho xã hội sau này. Một đất nước mà những vị trí trọng đại lại nằm trong tay những người không khả năng khám phá, phát minh thì chỉ luôn chạy theo thiên hạ chứ đừng nói gì đến đuổi kịp và vượt lên trên thiên hạ. Nếu một nền giáo dục đã bị thương mại hoá theo nghĩa xấu, theo nghĩa bằng thật đem bán cho những người không có năng lực và phẩm chất mà chúng ta yêu cầu. Nhưng dù sao cũng phải thừa nhận là trên thế giới thiếu gì nơi vẫn thương mại hoá giáo dục theo nghĩa bán bằng thực sự cho những người xứng đáng vì ở những nước tư bản thì có gì không phải là hàng hoá. Chỉ có điều hàng hoá đó là hàng hoá thực được đem bán cho những người tương xứng với một cái giá tương xứng. Kinh tế hàng hoá luôn có hai mặt, mặt tích cực và mặt tiêu cực. Vì thế chúng ta mới chủ trương thực hiện nền kinh tế thị trường, tức nền kinh tế hàng hoá, để tận dụng mặt tích cực của nó, nhưng phải triệt tiêu mặt tiêu cực mới hy vọng mang lại hiệu quả cho đất nước. Tóm lại muốn có những sản phẩm giáo dục đáp ứng được nhu cầu phát triển của đất nước trong điều kiện của cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật hiện nay thì sự đầu tư của xã hội cũng như của người học phải đúng hướng. Có như vậy chúng ta mới hy vọng có những sản phẩm giáo dục

có chất lượng cao phù hợp với mục đích mà chúng ta đề ra chứ không phải là những tấm bằng không có gì phù hợp với con người có bằng. Sự đầu tư này không chỉ là tiền mà là sự nỗ lực to lớn của nhà trường cũng như của người học, vì tiền không làm nên thiên tài. Tiền có thể mua được tài năng nhưng tiền không làm ra tài năng, đặc biệt là thiên tài, vì khi đã gọi là thiên tài thì đương nhiên là phải bao gồm cả tài và đức. Một người có tài chưa chắc có đức vì họ có thể bán mình cho người có tiền. Còn những người thực sự có tài năng lại có đức nhưng họ chưa thực sự là thiên tài cũng không ít. Nhưng đã là thiên tài thì thời đại nào cũng chỉ suy tôn những người vừa có tài cao lại vừa có đức rộng. Với những người như vậy thì đồng tiền và danh vọng làm sao có thể mua chuộc được họ, cũng như làm nên họ.

VI- NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý

Các nhà chuyên môn đều khẳng định rằng tuổi thiếu niên được coi như là thời kỳ mà cuộc sống không thể tránh khỏi những rối loạn. Thậm chí người ta còn gọi là thời kỳ “thiếu sự cân bằng của tuổi thiếu niên” hình như là tuổi thiếu niên lại rần rần cần sự thiếu cân bằng này. Tuy nhiên những em từ khi sơ sinh đã được nuôi dưỡng chu đáo trong một môi trường lành mạnh có thể dễ dàng vượt qua giai đoạn này mà

không có những sự rối loạn cũng như sự thiếu cân bằng nào. Thậm chí người ta còn cho rằng những em này còn ít gặp nguy cơ hơn những trẻ sơ sinh khi mọc răng. Với những em này những sự rối loạn trong thời kỳ thiếu niên còn hiếm hơn là thời kỳ trẻ con. Ở đây có hai lý do để giải thích: một là về sinh lý, hai là về tâm lý.

Trước hết chúng ta cần nhớ rằng vào tuổi này các cơ quan nội tạng diễn ra một sự biến đổi rất nhanh nên đã làm xuất hiện sự mất cân bằng ở tuyến nội tiết (endocrinien) và người ta gọi là “sự mất cân bằng về tính khí”. Tính khí chịu sự tác động của những cơ quan sinh lý đối với đời sống tinh thần cũng như những cảm xúc. Trường hợp nghiêm trọng có thể dẫn đến cái mà các nhà chuyên môn gọi là “cơn điên của tuổi thiếu niên” (folie adolescente). Nhưng cũng phải nói rằng còn khá nhiều những sự rối loạn nhỏ khác cũng bắt nguồn từ nguồn gốc nói trên. Ví như sự phát triển về thể chất dẫn đến những sự phát triển tinh thần, về trí tuệ và ngược lại. Trong tất cả những trường hợp nói trên đều có thể dẫn đến việc mất cân bằng.

Lý do thứ hai lại thuộc về trật tự tâm lý. Chúng ta có thể nêu một trường hợp trong những trường hợp thuộc loại này, như sự chấm dứt những hư ảo do có một ý thức mạnh mẽ.

Sự mất cân bằng của tuổi thiếu niên nhiều khi còn do những xung lực nền tảng như tính hay gây chuyện và bản năng tình dục được phát triển quá nhanh nên nó đã thoát khỏi sự kiểm soát của cá nhân.

Sự không thể kiểm soát này có thể là do nhiều yếu tố. Trước hết là do sự mất cân bằng về sinh lý như chúng ta đã nói tới. Tiếp đến là sự

thiếu vắng của sự tự kỷ luật. Thông thường nó thường xảy ra với các em có lối sống buông thả không bao giờ tuân theo một quy định nào. Cũng có thể các bậc cha mẹ chưa làm gương cho các em hiểu thế nào là tự làm chủ bản thân. Vì thế người ta cho rằng *cần phải có một chút kỷ luật khi các em còn nhỏ và điều đó chỉ có lợi cho các em sau này*. Lời tuyên bố đó thực là xác đáng. Nhưng chúng ta cũng nên nhớ rằng việc thiếu kỷ luật không phải là nguyên nhân duy nhất gây nên những rối loạn của tuổi thiếu niên. Điều đó đã được chứng minh ngược lại. Chúng ta có thể bắt gặp nhiều trường hợp những sự nổi loạn của các em thiếu niên lại rơi vào những em thường phải sống trong một chế độ kỷ luật quá hà khắc và bất hợp lý. Vì thế khi các em này được một chút tự do là các em làm loạn và hất tung mọi luật lệ bất kể là như thế nào.

Nhưng trái lại nếu các bậc cha mẹ luôn kèm cặp các em bằng tất cả những quyết định của mình, buộc các em chỉ còn biết vâng lời. Từ đó đã làm cho các em không thể phát triển được những năng lực tự quyết định lấy. Khi vào đời để làm việc hay khi rời gia đình để bước vào trường đại học các em sẽ không thể tự xoay sở được để sống tự lập. Các em này sẽ mất ý chí và cũng không còn nhân cách vững vàng. Các em không còn khả năng để sử dụng sự tự do mới mẻ này và kết cục sẽ là một cuộc sống tồi tệ. Từ chỗ chịu sự chi phối hoàn toàn của cha mẹ, đến nay các em chịu sự chi phối hoàn toàn của những bạn bè, của người khác.

Điều quan trọng khác mà chúng ta nên nhớ là *sự mất cân bằng của tuổi thiếu niên là từ những mặc cảm được định hình kéo dài suốt thời kỳ*

thơ ấu. Đến tuổi thiếu niên những mặc cảm này có dịp để trở dậy. Điều đó thực là dễ hiểu. Sau tuổi dậy thì, những xung lực của các em trở nên mãnh liệt. Mặt khác những nỗi buồn cũ, những sự đe nẹt đã từng bị dồn nén nay không còn đủ sức chịu đựng. Kết cục là những xung lực bị dồn nén đó vùng dậy. Nếu những sự đe nẹt đó biến mất thì sự dồn nén cũng vẫn có thể xuất hiện ra bên ngoài. Tuy nhiên cũng có những sự ép buộc, những sự dồn nén được mất đi theo thời gian. Giả sử rằng trong tuổi ấu thơ những dồn nén về bản năng tình dục cũng bản năng hay gây chuyện đã tồn tại và các em đã sống trong nhiều năm như là một đứa trẻ ngoan ngoãn, hiền lành, dễ bảo. Nhưng nay vào tuổi thiếu niên những xung đột trước kia lại nổi lên và những xung lực lại nổ ra như một ngọn núi lửa mà người ta yên chí là nó không còn tồn tại nữa. Trong trường hợp này đứa trẻ ngoan ngoãn một thời biến đổi từng ngày trở thành một em thiếu niên bất trị không thể kiểm soát nổi và mọi lời khuyên cũng như mọi ảnh hưởng tốt đều là vô nghĩa.

Trong trường hợp này sự xung đột tồn tại dưới hình thức một loại bệnh tâm thần trầm uất. Những lo sợ ngày xưa làm thức tỉnh những xung lực bị cấm đoán trở nên rất mạnh. Lúc này các em không còn biết những gì sẽ đến và đến từ đâu với bất cứ một đối tượng nào. Các em lo sợ cả việc ra khỏi nhà, sợ mọi cái em gặp. Cái sợ này lại bắt nguồn từ chính những xung lực muốn phá phách của các em.

Với các em gái cũng tương tự. Khi các em có ý thức về những xung lực tình dục thì các em luôn cảm thấy như là một tội lỗi và tìm mọi cách để kiềm chế bằng những hành vi khó hiểu như luôn rửa tay dù tay vẫn

sạch, xếp đặt đồ đạc từ chỗ này sang chỗ khác mà chẳng có lý do gì, hoặc mồm lẩm bẩm những câu cầu khẩn vu vơ. Nếu như các em có nhu cầu sự vuốt ve, âu yếm thì các em sẽ quay trở lại thời kỳ bé tí. Từ đó có thể dẫn đến những đau khổ hay một chứng bệnh mà các nhà chuyên môn gọi là bệnh loạn thần kinh (maladie hystérique). Những sự rối loạn này thường rất phổ biến ở các em thiếu niên. Thông thường thì những rối loạn này cũng qua đi nếu các em lấy lại được lòng tin. Nhưng nói chung thì vẫn cần có một sự điều trị của những thầy thuốc chuyên ngành về tâm thần.

Tuy nhiên người ta vẫn có thể áp dụng một số phòng ngừa để tránh bớt những khó khăn phức tạp có thể. Ví dụ trong trường hợp các em không đủ những biện pháp cần thiết để thể hiện một cách hợp lý những xung lực tự nhiên vốn có của mình. Trong trường hợp này những xung lực đó có khuynh hướng thể hiện một cách không bình thường.

Vì thế các bậc cha mẹ cần phải biết rằng con em mình ở tuổi dậy thì là tuổi mà các em rất muốn được độc lập trong một phạm vi khá rộng. Các em rất muốn thực hiện những điều mà các em đã chọn và tự quyết định lấy mọi vấn đề. Nếu các bậc cha mẹ cứ muốn tham dự vào bất cứ việc gì của các em ngay cả những việc bình thường nhất của tuổi đang lớn với những mệnh lệnh có tính cách áp đặt thì sẽ làm cho các em nổi loạn. Sự nổi loạn này lại rất là tự nhiên trong những trường hợp có nhiều áp đặt tới mức làm các em không thể chịu nổi. Lúc này sự áp đặt kỷ luật với các em là không thích hợp, vì việc giáo dục tính kỷ luật phải

được thực hiện sớm hơn nhiều ngay từ năm đầu của tuổi thơ. Vấn đề là làm thế nào để cho các em thực hiện kỷ luật một cách tự giác để có thể thích nghi với cuộc sống cũng như hoàn thành trách nhiệm của chính các em.

Nhiều bậc cha mẹ thường không thể nào an tâm khi thấy con em mình không còn thích những sự quan tâm như ngày còn bé tí. Các bậc cha mẹ này đã quên mất rằng vai trò của mình trong cuộc sống của các em là chuẩn bị về mọi mặt cho các em. Nếu làm khác đi sẽ làm cho các em mất tính độc lập trong sự phát triển, như cứ âu yếm các em như khi các em còn bé tí, hoặc cứ dùng ảnh hưởng của mình làm cho các em không còn chỗ nào để có thể thể hiện chí hướng của các em.

Theo các nhà chuyên môn thì với các em thiếu niên cái khó nhất là các em thiếu những lời khuyên xác đáng vì các em đang thực sự là người lớn nên những lời khuyên có tính chất hướng dẫn là vô cùng cần thiết. Nỗi băn khoăn lớn nhất của thời đại ngày nay là các em này phải đối mặt với không biết bao nhiêu vấn đề phức tạp như công việc, nghề nghiệp, chuyện yêu đương, những xung lực nội tại cũng như những thoả mãn cá nhân. Trong khi đó thì các bậc cha mẹ lại không mang đến cho các em những lời khuyên bổ ích vì thường là do những quan niệm khác nhau về giáo dục. Nói chung thì các bậc cha mẹ không mẫn mà gì cho lắm khi con cái họ xin ý kiến họ về nhiều vấn đề khác nhau mà chỉ muốn mình là người quyết định cuối cùng.

Chúng ta có thể khẳng định được rằng nếu tình hình trên cứ diễn ra ngày càng nghiêm trọng thì các em sẽ chẳng còn dám trông cậy gì ở

cha mẹ chúng và chúng sẽ đi xin những lời khuyên ở những người mà chúng tin cậy. Hoặc nghiêm trọng hơn là các em sẽ rơi vào chứng bệnh tâm thần bắt nguồn từ kinh nghiệm (cha mẹ không đáp ứng) bản thân.

Những hành vi tội lỗi bắt nguồn từ những tính cách bị rối loạn như nói dối, ăn cắp, có hành vi tàn nhẫn, nhút nhát, lười biếng, ghen tuông, kiêu ngạo... đều là những chứng tật rất phổ biến ở tuổi thiếu niên khi các em muốn được độc lập.

Vậy thì nguyên nhân của những chứng tật này bắt nguồn từ đâu và chúng ta sẽ xử lý như thế nào.

Thông thường thì nguyên nhân của những hành vi nói trên thuộc về cá tính nên chúng ta tùy từng em mà có cách giải quyết khác nhau. Ngoài ra còn phải tính đến từng hoàn cảnh như sự nghèo đói, nơi ăn chốn ở nhếch nhác hoặc gặp quá nhiều chuyện buồn phiền từ trong gia đình đến ngoài xã hội ... cũng cần những giải pháp khác nhau cho thích hợp, phải thấu tính đạt lý vì những sai lầm này là sai lầm của tuổi đang lớn thường là không có ý thức rõ ràng.

Chúng ta có thể nêu một vài ví dụ thông thường mà chúng ta luôn gặp trong quá trình nuôi dạy con cái.

Loại thứ nhất mà chúng ta gọi là những lỗi lầm ngẫu nhiên tự phát, ngẫu thơ.

Một em nào đó lấy chiếc bút của người bạn chỉ để vui đùa, một em khác khi đi dã ngoại đã chặt một cành cây của dân để làm cột dựng căng lều... Các em có thể không nhất thiết phải làm như vậy nhưng vì thiếu suy xét nên đã hành động như thế. Các em làm như vậy không

phải vì tham lam hay với mục đích xấu dưới góc độ xã hội học. Vì thế không ảnh hưởng gì đến sự lành mạnh về tâm hồn. Điều đó không có gì là xấu những tốt hơn là không nên phạm phải. Trong điều kiện sống ở thành phố thiếu sân cho các em chơi nên các em phải đá bóng ngay trên lòng đường. Đó là vi phạm luật giao thông, không nên khuyến khích nhưng các em không phải là những người xấu nhằm phá hoại trật tự xã hội như những tên du thủ du thực. Chúng ta biết rằng không thiếu gì các em ở lứa tuổi này phạm phải một điều không hay mà chỉ vì thiếu hiểu biết thậm chí cũng không hiểu được việc làm của mình. Trong những trường hợp này nếu giải quyết một cách không công bằng hoặc quá nghiêm khắc có thể dẫn các em đi sâu vào con đường tội phạm thực thụ.

Nguyên nhân thứ hai dẫn đến những sai lầm ở tuổi thiếu niên là do tính khí, tức những lệch lạc về phương diện sinh lý thuần túy mà không phải tâm lý. Chúng ta cần biết rằng mọi sự dao động về tinh thần đều là những rối loạn có nguồn gốc sinh lý. Một người đau khổ, buồn rầu thường không đủ khả năng phân biệt được điều thiện cũng như điều ác. Những người trong tình trạng như trên nếu có điều kiện họ sẵn sàng lấy của bạn một cái gì đó ở trong túi bạn. Các nhà chuyên môn còn quả quyết rằng các em vào tuổi hành kinh và đúng vào lúc hành kinh thường mất thăng bằng nên rất dễ lấy cắp một cái gì đó của người khác dù cho cái đó chẳng giá trị bao nhiêu hoặc bỏ nhà đi. Qua nhiều công trình nghiên cứu người ta đã nhận ra rằng các em bị mệt mỏi, thiếu ngủ, thiếu ăn thường hay nổi khùng bởi vì các em nay không thể

tự kiểm soát được mình. Chúng ta phải nói tới khía cạnh này là vì các bậc cha mẹ cũng như nhà trường xử sự bất công với các em gặp hoàn cảnh trên vì không biết rằng trạng thái sinh lý này có ảnh hưởng khá rõ đến hành vi.

Nói đến tính khí là nói đến trạng thái tinh thần được quyết định bởi trạng thái sinh lý. Người ta còn gọi tính khí ở đây là sắc khí. Ví dụ một em nhỏ nào đó có thể có sắc khí cáu bẳn hay dịu dàng, dễ thương. Với những em có tính khí hay sắc khí cáu bẳn hay nổi khùng rất dễ phạm những hành vi sai trái. Các nhà chuyên môn cho rằng những rối loạn về sinh lý này phải được giải quyết bằng cách phục hồi sự cân bằng về sinh lý.

Các em thiếu niên cũng thường phạm phải những lỗi lầm rất đơn giản như lấy cắp chỉ vì em thiếu một ý tưởng về luân lý. Nếu như người ta không giúp cho các em này hiểu thế nào là luân lý, là kỷ luật. Cũng như nếu như người ta chưa bao giờ nói với các em cái gì là phải, cái gì là trái. Nếu như em lại có một người cha không thực thà và một bà mẹ độc đoán. Hoặc cũng có thể cha mẹ các em đã ly dị nhau hay không thuận hoà. Tất cả những điều nói trên có thể dẫn các em đến dối trá, ăn cắp và tàn nhẫn với mọi người một cách tự nhiên. Nhiều khi các em này lấp bắp chỉ vì muốn thế, thích thế mà không hiểu vì sao. Nhưng khi các em này thấy đó là một nhu cầu là lúc tính nết của các em đã thay đổi. Đây không phải là một bệnh theo nghĩa đen của danh từ vì em không hề ốm. Với các em thuộc loại này thì điều cần thiết là chúng ta phải giáo dục cho các em về luân lý, về phải trái... Trong nhiều trường

hợp thì cách thay đổi môi trường sống là cách tốt hơn cả. Tạo điều kiện để các em có dịp giao du với các bạn tốt trong một tổ chức đảm bảo. Khi sự thể đã quá nghiêm trọng mà mọi phương pháp đã được áp dụng nhưng không hiệu quả thì mới phải sử dụng những hình phạt khác nhau.

Một loại lỗi lầm khác được gọi là những lỗi lầm do phản ứng. Những lỗi lầm này là cực kỳ quan trọng vì do sự hiểu lầm và luôn được giải quyết không thoả đáng. Người ta thường cho rằng đây chỉ là những lỗi lầm đơn giản. Một ví dụ người ta thường thấy ở những em ba, bốn tuổi trước việc mẹ chúng sinh em bé. Các em này thường có mặc cảm là bị bỏ rơi và chúng đi đến kết luận là chẳng còn ai yêu chúng nữa. Từ đó chúng phản ứng lại bằng cách tỏ ra bất cần tất cả. Chúng đập phá, đối xử không thân thiện với đứa em mới sinh. Những đứa trẻ này trở nên xác xược, rất khó chịu, không cần gì cả. Các nhà chuyên môn gọi là hành vi chống lại xã hội (anti - social). Chúng trở thành những đứa trẻ mà không ai có thể chịu nổi.

Người ta gọi đó là một sự phản ứng. Để có được tình yêu của mọi người chúng tìm cách đối lập lại với mọi người. Trong trường hợp này mọi sự trừng phạt đều vô ích và chỉ làm tăng thêm sự bất mãn của các em. Một số em đã trở thành bất trị không hy vọng có thể sửa chữa được do việc áp dụng quá nhiều hình phạt. Các em này trở nên không thể kiểm soát được. Phương pháp sửa chữa tốt nhất là phải tìm ra cái nguồn gốc của sự phản ứng và đánh vào cái gốc này mà trong trường hợp nêu trên là tình yêu thương đối với các em. Vấn đề là không nên

chỉ căn cứ vào những thể hiện bề ngoài của những phản ứng. Ví như một em trai nào đó tỏ ra kiêu ngạo để gây sự chú ý của mọi người. Cái biểu hiện bề ngoài này về thực chất lại là mặc cảm bị thua kém. Tỏ ra kiêu ngạo chỉ nhằm lấy lại vị trí của mình để thoát ra khỏi cảnh bị xem thường. Hành động như vậy thì cái tốt chẳng được mà cái xấu lại gia tăng.

Cuối cùng là những lỗi lầm do các chứng bệnh tâm thần gây ra. Ví như với một em bé không chịu vâng lời và chúng ta phải dùng hình phạt để buộc em phải tuân theo. Vì sợ bị trừng phạt các em này đã dồn ép tính ương ngạnh hay đúng hơn là em đã dấu kín để được coi là một đứa trẻ hiền lành. Từ đó hình thành một mặc cảm vô thức trong tâm hồn em. Đến tuổi thiếu niên khi em được sống độc lập nhiều hơn và ít sợ sệt hơn thì có thể dẫn em đến một lỗi lầm nào đó như ăn cắp chẳng hạn. Lúc đó các bậc cha mẹ cũng như nhà trường mới nhận ra rằng cậu bé được coi là ngoan ngoãn kia lại là kẻ cầm đầu một nhóm những đứa “cá biệt” trong đám học sinh chuyên đi lấy cắp vặt. Mọi người không hiểu vì sao em này lại hành động như vậy. Chính em cũng không hiểu nổi những việc làm sai trái của mình. Em này cũng không thích thú gì những cái mà bọn em lấy cắp được. Khi việc bị vỡ lở em này thấy thực sự xấu hổ và tỏ ra rất ân hận về những hành vi sai trái của mình. Từ đó em tìm mọi cách để thanh minh với mọi người và rất vui vẻ nhận hình phạt và mong được mọi người giúp đỡ.

Việc chẩn đoán trạng thái này tương đối dễ dàng bởi vì những nhân tố bình thường của chính chủ thể như người ta thường nói: tôi không

nghĩ rằng em lại có thể làm thế. Những hành vi sai lầm như vậy đã làm cho các bậc cha mẹ cũng như nhà trường ngạc nhiên.

Trong trường hợp này tâm phân học là phương tiện có tác dụng rất đặc lực. Vì chính môn học này có đầy đủ khả năng làm sáng tỏ nguyên nhân dẫn đến những sai phạm trên. Vì thế để chữa trị trường hợp này chúng ta cần có được sự hợp tác của chủ thể và chúng ta sẽ dễ dàng thu được kết quả như mong muốn.

Tâm phân học cũng có thể điều trị có kết quả những trường hợp phạm sai lầm do phản ứng như đã nói ở trên. Tuy nhiên để điều trị những sai phạm do phản ứng lại khó hơn nhiều vì chủ thể luôn muốn gây chuyện. Vì thế những em này thường cũng không sung sướng gì. Vì vậy vấn đề quan trọng hàng đầu là phải làm thế nào để chiếm cho được lòng tin của các em. Đồng thời phải làm cho các em nhận ra vấn đề. Khi đó các em có thể tiến hành tự lý giải, phân tích và kết quả là rất đáng khích lệ.

Trong trường hợp may mắn nếu những rối loạn biểu hiện sớm thì bà mẹ là người đầu tiên dễ dàng phát hiện ra nguồn gốc thực sự của tình trạng rối loạn này của con em mình. Do đó người mẹ có thể nhanh chóng khắc phục thái độ không công bằng của mình với các em và thay vào đó là mang lại cho các em tình yêu thương thực sự mà các em đang có nhu cầu. Lúc đầu có thể các em này từ chối tình cảm của người mẹ thì người mẹ cũng như những người khác trong gia đình cũng như nhà trường vẫn phải làm cho các em thấy rằng mọi người rất thương yêu các em để đánh tan sự nghi ngờ ban đầu.

Bài học rút ra trong việc giúp các em phạm sai lầm dù dưới dạng nào và nguồn gốc từ đâu là không nên chỉ áp dụng một biện pháp duy nhất. Dù cho đó là biện pháp kỷ luật thật nghiêm hay chỉ bằng tình yêu đơn thuần hay chỉ bằng những điều kiện sống tốt hơn về ăn ở vui chơi. Những biện pháp này nếu chỉ được áp dụng riêng biệt thì cũng khó mà có kết quả như mong muốn. Nói một cách cụ thể, tìm ra nguồn gốc đích thực của lỗi lầm và từ đó có những biện pháp khác nhau cho phù hợp với tình hình cụ thể.

Trong những trường hợp gặp nhiều may mắn những khó khăn trong việc điều trị có thể được các bậc cha mẹ và nhà trường tự lo liệu được nhưng với điều kiện là mỗi vấn đề đã thực sự rõ ràng mà gia đình và nhà trường đã nắm được chắc chắn. Người ta không thể bất cứ lúc nào hễ thấy con mình có sai lầm là tức tức đi tìm thầy thuốc. Cho nên điều quan trọng là phải phân biệt cho được những loại sai lầm khác nhau để tránh những sự hấp tấp không cần thiết vì việc nhờ sự giúp đỡ của thầy thuốc chỉ trong giới hạn khi thật là cần thiết.

Vì thế chúng ta cần biết thế nào là bệnh thần kinh nói chung và bệnh tâm thần nói riêng. Trong công trình này chúng ta không đi sâu vào các chứng bệnh tâm thần cũng như các chứng bệnh thần kinh để điều trị và tránh những bệnh đó. Nhưng dù sao chúng ta cũng cần biết đôi điều về những chứng bệnh này trên những nét chung nhất và cần thiết nhất về một số rối loạn có tính chất bệnh lý. Ít ra thì chúng ta cũng cần biết thế nào là bệnh thần kinh nói chung và bệnh tâm thần

nói riêng, cơ chế hoạt động của chúng và những nguyên nhân dẫn đến những chứng bệnh này.

Đứng về mặt cơ chế hoạt động của những loại bệnh này thì đây là sự thiếu vắng vai trò của ý thức trong hành vi. Là sự tách rời một vài vùng của đời sống tinh thần ra khỏi những vùng còn lại.

Nguồn gốc của sự tách rời này là do một cú sốc như nhà tâm lý học Janet đã khẳng định hoặc là sự dồn ép như Freud đã quả quyết và đây là trường hợp phổ biến hơn cả. Nói dồn ép là nói đến sự dồn ép những gì không phù hợp với nhân cách của chúng ta dù cho cái đó là những khát khao cháy bỏng mà chúng ta thèm muốn. Những vùng bị dồn nén và bị tách rời hình thành cái mà chúng ta gọi là những mặc cảm.

Vậy thì mặc cảm là gì? Mặc cảm chỉ đơn giản là những kinh nghiệm đã qua do không còn phù hợp với phần còn lại của nhân cách nên đã bị dồn nén và tách rời khỏi những phần còn lại như trên đã nói.

Nhưng cần nhớ rằng những cái bị dồn nén đó, những mặc cảm đó lại rất năng động và luôn tìm cách thể hiện ra bên ngoài thông qua những triệu chứng của bệnh thần kinh nói chung và bệnh tâm thần nói riêng. Khi đã tách rời ra, những triệu chứng này làm tê liệt và rối loạn hệ thần kinh ví như làm cho chủ thể luôn phải có một hành vi gì đó như sờ mó cái này cái kia mà chẳng có một mục đích nào rõ rệt. Nghĩa là sờ mó chỉ để sờ mó với bất kỳ một vật gì mà họ bắt gặp. Tóm lại hành vi này đã thoát ra khỏi sự kiểm soát của ý thức. Freud gọi đó là những hành vi vô thức. Đây là trường hợp của một số em nhỏ luôn phải làm một cái gì đó trong giờ học, không chịu nghe lời thầy cô giáo. Khi bị

phạt phải ra đứng ở cửa lớp các em vẫn tiếp tục đập gõ hay ném những hòn sỏi gây ra tiếng động mà không có một mục đích nào. Những hành vi đó được thể hiện một cách tự nhiên, một cách vô thức. Bản thân em đó không thể kiểm soát được hành vi của mình đã đành mà chúng ta cũng không thể làm gì được với bất cứ một sự can ngăn nào. Những nhà chuyên môn cho rằng gặp trường hợp này thì cách tốt nhất là cứ để các em này ở trong lớp như các nhà chuyên môn gọi là ở trong vòng hoạt động của ý thức. Hành vi này không thuộc phạm vi của vấn đề về luân lý mà là bệnh lý bởi vì những mặc cảm tâm thần này đã vượt qua khỏi vòng kiểm soát của ý thức, của ý chí. Tóm lại người ta không thể làm gì được với một người đang bị rối loạn về tinh thần mà ở đây là mặt thần kinh, mặt tâm thần.

Đây là một con người đã mang bệnh thực sự chứ không chỉ là những rối loạn thông thường. Ý thức nói chung và ý chí nói riêng chẳng còn khả năng gì để kiểm soát những rối loạn thuộc loại này. Vì thế thật là vô ích nếu chúng ta giải thích cho các em là cần phải làm thế này hay thế kia khi mà sự ám ảnh đã làm cho các em mất khả năng phân biệt đâu là phải đâu là trái. Thậm chí các em một lúc nào đó cũng hiểu được đôi điều trong những lời giải thích nhưng cũng chẳng giúp gì được cho các em. Vì thế trong trường hợp như thế này thì không còn cách nào khác là nhờ sự giúp sức của những thầy thuốc chuyên ngành tâm thần học. Các nhà tâm lý học đều nhất trí rằng phương pháp điều trị đáng tin cậy nhất là phương pháp tâm phân học do Freud sáng tạo đối với những chứng bệnh khác nhau về tâm thần do cái vô thức bị dồn nén

quá sức gây ra. Tuy nhiên để tìm cho ra bị dồn nén quá sức gây ra. Tuy nhiên để tìm cho ra cái vô thức bị dồn nén đó là gì là cả một công trình đòi hỏi khác nhiều công sức của người thầy thuốc chuyên khoa, của người bệnh cũng như của những người trong gia đình, và của xã hội. Nhờ phương pháp tâm phân (xin đọc trong “Freud và tâm phân học” của cùng tác giả) chúng ta mới tìm ra được cái nguyên nhân chính đẩy con người rơi vào bệnh hoạn. Chỉ có như vậy chúng ta mới hy vọng giúp cho người bệnh thoát khỏi chứng bệnh đã làm cho họ bị tê liệt hoàn toàn không còn khả năng hoạt động bình thường nữa. Nó không chỉ làm huỷ hoại tinh thần họ mà còn làm cho thể xác của họ cũng bị suy kiệt dần đi đến chỗ không còn khả năng hoạt động có hiệu quả trong mọi lĩnh vực của đời sống.

Vậy thì nguyên nhân cụ thể dẫn đến những bệnh thần kinh nói chung và bệnh tâm thần nói riêng là gì? Đối với các em mà chúng ta đang bàn đến ở đây thì nguyên nhân đó được các nhà chuyên môn gọi là *tình cảm mất an toàn*. Tình cảm mất an toàn này (sentiment déinsécurité) bắt nguồn từ tình yêu của người mẹ đối với đứa con có vấn đề gì đó không ổn. Tình cảm mất an toàn này được biểu hiện dưới một hình thức chung nhất là *sự khát khao tình yêu thương* (désir d'affection). Chúng ta biết rằng như nhiều lần đã nói trong những phần trên là trẻ em luôn có nhu cầu tình mẫu tử và sự che chở. Sở dĩ như vậy là vì các em còn bất lực trong mọi hoàn cảnh sống khi còn nhỏ. Nhu cầu tình mẫu tử và sự che chở này trở thành bản năng của tất cả những loài vật cũng như ở con người.

Qua nhiều công trình nghiên cứu, các nhà khoa học đều khẳng định rằng tất cả các em được thương yêu và được che chở từ khi còn nhỏ đều có đầy đủ những điều kiện để có lòng tự tin cao để vượt lên trên mọi khó khăn trong cuộc sống sau này vì các em biết rằng các em luôn được sự che chở và giúp đỡ của mọi người nhất là của người mẹ và những người thân trong gia đình. Các em này dám phiêu lưu khám phá trong một môi trường an toàn. Từ đó cũng giúp cho các em này dễ dàng thích nghi với cuộc sống, có tình cảm với mọi người, rất dễ hoà hợp và sẽ có một cuộc sống hạnh phúc sau này. Không những thế các em này còn dễ học hỏi được những cái tích cực ở những người mà em yêu mến, dễ tiếp thu được những tư tưởng lành mạnh để giúp cho các em sống tốt hơn trong đời sống gia đình cũng như xã hội trong quá trình sống sau này.

Nếu không có tình yêu và sự che chở, các em luôn cảm thấy cuộc sống thiếu an toàn và sẽ mất lòng tin ở chính mình cũng như với những người khác. Các em sẽ trở thành những con người nhút nhát thiếu sự cảm thông và rất khó hiểu. Những kinh nghiệm sống trước kia đã làm cho các em sợ mọi cái và không dám mạnh dạn thể hiện những khả năng của mình mà những khả năng này lại rất cần cho cuộc sống tương lai. Khi mà các em không được hưởng những tình cảm cần thiết thì các em cũng khó có tình cảm với những người khác. Các em sẽ trở thành những con người có một cuộc sống khép kín với chính mình cũng như với tất cả những người xung quanh vì thế các em này rất khó có khả năng hoà mình vào cuộc sống chung. Trong khi đó chính cuộc

sống chung này sẽ giúp cho các em hoàn thiện nhân cách của mình trong sự phát triển toàn diện và hài hoà. Cuối cùng thì các em này khó có thể định hình được ý tưởng của mình cũng như xác định được mục đích cuộc sống nói chung cũng như những mục tiêu đơn giản nhất. Vì thế những em này tuy đã trên dưới mười tuổi nhưng vẫn còn như một em bé vài bốn tuổi, lúc nào cũng ngơ ngác trước những sự việc xảy ra xung quanh. Các triệu chứng của loại bệnh tâm thần dần dần xuất hiện như là một sự hiển nhiên không thể tránh được như chúng ta đã bàn đến ở trên.

Ngay cả với các em bé sơ sinh khi cảm thấy thiếu tình yêu thương của người mẹ thì các em cũng rơi vào tình trạng lo âu xao xuyến, tâm hồn không lúc nào được thoải mái dễ chịu và sẽ cũng rơi vào trạng thái bị ức chế. Với các em ba bốn tuổi gặp hoàn cảnh thiếu tình thương luôn cảm thấy như mình bị bỏ rơi thì hay ghen tuông, gây gỗ hay cáu kỉnh nóng nảy. Với các em từ hai tuổi rưỡi đến ba tuổi khi bị rơi vào tình trạng thiếu tình thương, luôn cảm thấy mình bị bỏ rơi thì hay tủi thân. Với một số em trong hoàn cảnh này thường lại có cảm giác tủi thân triền miên. Vì thế chỉ còn cách để cho mọi người quan tâm đến mình đôi chút các em thường làm ra bộ ốm đau, nay thì đau cổ mai lại đau lưng v.v... Và đó cũng là để có được chút ít tình thương của mọi người. Các nhà chuyên môn gọi đó là chứng rối loạn thần kinh bột phát, ở thể trạng mạnh. Đó là cách tốt nhất để các em gây sự chú ý của mọi người một cách tự phát vì bệnh rối loạn thần kinh không thể gây sự chú ý của người khác một cách chủ động, có ý thức. Đến bốn tuổi các em có tính

độc lập hơn thì các em làm loạn thể hiện sự chống đối với xã hội, với mọi người, ương bướng và tồi tệ hơn cả là các em có thể phạm tội ở những mức độ khác nhau.

Tất cả những biểu hiện nói trên đều là những phản ứng về mặt tâm thần bắt nguồn từ sự bị tước mất mọi sự âu yếm, dịu dàng. Những sự phản ứng này có thể được thể hiện dưới những triệu chứng của bệnh tâm thần thực sự. Điều đó còn tùy thuộc vào sự đối xử và cách thức đối xử với các em. Ví như trong trường hợp sự phản ứng của một em nào đó bằng cách vờ ốm như đau lưng, đau ngực, v.v... mà chúng ta giải quyết bằng cách xua đuổi các em đi chơi thì chỉ làm tăng thêm cái cảm giác không được yêu thương ở các em. Hoặc từ chuyện em vờ đau mà chúng ta rầy la thì chỉ làm cho các em tiếp tục làm cách đó khi có dịp để gây sự chú ý và sự quan tâm của mọi người. Các tốt nhất là nên quan tâm đến các em như đi chơi với các em một cách vui vẻ dù chúng ta biết hành vi của em chỉ là giả vờ ốm, giả vờ đau. Điều đó có thể làm cho các em nhanh chóng quên đi nỗi đau tưởng tượng bị bỏ rơi và không được mọi người yêu mến quan tâm.

Có trường hợp vì cảm thấy không được mọi người quan tâm yêu mến, cảm thấy mình bị bỏ rơi có em tìm cách tự thoả mãn sự khát khao đó bằng những hành vi thủ dâm. Với những hành vi này chúng ta phải làm gì? Đe dọa và trừng phạt nghiêm khắc chẳng. Nếu chúng ta dùng những biện pháp này thì các em cảm thấy như mình là kẻ tội phạm. Từ đó có thể các em kìm nén mọi xung lực tình dục và các em nghĩ rằng tự thoả mãn (thủ dâm) như vậy là nguy hiểm và không thể chấp nhận

được. Nhưng đến tuổi dậy thì thì vì sự thoả mãn này là điều cấm kỵ, các em sẽ rơi vào tình trạng lo sợ thường xuyên vì sợ bị trừng phạt (craint du chatiment) dưới mặc cảm tội lỗi, hoặc một sự ám ảnh phải chuộc tội. Nhiều em có những hành vi trên không hiểu được là mình có lỗi làm gì và mình sợ hãi điều gì. Thậm chí các em này cũng không hiểu được là mình đã phạm phải tội lỗi gì và tại sao mình lại hành động như vậy. Nếu tình trạng đó kéo dài thì nhất thiết phải nhờ cậy vào những nhà chuyên môn. Thật là vô ích khi chúng ta muốn người bệnh ý thức được hành vi của họ. Nhưng chúng ta, nhất là các bậc cha mẹ, có thể có cách phòng ngừa từ trước để tránh những rối loạn này. Điều đó là hoàn toàn có thể làm được một cách chính xác tìm ra nguồn gốc dẫn đến những loại bệnh thần kinh nói chung và bệnh tâm thần nói riêng. Từ đó đã chữa trị cho rất nhiều bệnh nhân rơi vào loại bệnh này. Người ta đã khẳng định rằng nguồn gốc của những chứng thần kinh này bắt nguồn từ những kinh nghiệm tiêu cực mà các em có thể tránh được nếu như các bậc cha mẹ biết cách nuôi dạy và quan tâm đến các em từ khi mới lọt lòng cho đến khi trưởng thành.

Tuy nhiên cũng phải nói rằng trong số những kinh nghiệm tiêu cực đó có những cái đã vượt khỏi tầm tay của các bậc cha mẹ. Như một cuộc khó sinh do nhiều nguyên nhân khác nhau phải điều trị tại bệnh viện nhiều ngày. Từ đó cũng có thể làm xuất hiện những rối loạn phát sinh sự lo lắng là nguyên nhân cho những chứng thần kinh xuất hiện. Nhưng cũng có thể không dẫn đến những chứng bệnh tâm thần nếu như sau đó được xử lý hợp lý và chu đáo. Điều đó có thể

không làm xuất hiện những gì đáng lo ngại cho em sau này. Trái lại nếu sự nuôi dưỡng tiếp sau không được bảo đảm hay nếu gặp những kinh nghiệm tiêu cực, như bị ngã xuống cái vực hay cái hố rộng, với cái kinh nghiệm tiêu cực ban đầu thì rất có thể làm cho các em khởi động lại những rối loạn tâm thần trước kia.

Từ đó chúng ta có thể rút ra kết luận là những kinh nghiệm tiêu cực ban đầu ở các em là những rối loạn ban đầu về tâm thần có thể không dẫn đến những kết quả nghiêm trọng gì đáng kể nếu như tiếp sau đó các em được nuôi dưỡng chu đáo không gặp những biến cố nguy hiểm làm tăng thêm những rối loạn ban đầu khi mới sinh, nghĩa là các em được đảm bảo an toàn. Trái lại những tai biến trong cuộc sống trưởng thành, như gặp tai nạn xe cộ, đau khổ trong tình yêu, mà không gây ra những sự ức chế về thần kinh cũng như nếu sự không có cuộc sống an toàn khi còn trẻ không để lại dấu ấn trong con người, thì cũng không có khả năng làm xuất hiện những rối loạn tâm thần trong cuộc sống thời trưởng thành. Điều đó chứng tỏ một lần nữa quan điểm của Freud về vai trò quan trọng của những biến cố thời trẻ thơ đối với cuộc sống của cả một đời người. Đồng thời cũng đặt ra một vấn đề vô cùng quan trọng về vai trò của người lớn nói chung và vai trò của các bậc cha mẹ nói riêng trong việc nuôi dạy con em mình ngay từ khi mới lọt lòng cho đến khi trưởng thành, mà thời kỳ quan trọng nhất là thời kỳ đầu của cuộc đời một con người. Một lần nữa các nhà chuyên môn nhắc chúng ta đừng có coi thường cái vô thức về sự sống dai dẳng và về sự nổi dậy của chúng. Nó có thể làm cho con em chúng ta chuyển sang một hướng

sống khác hẳn hướng mà các bậc cha mẹ mong muốn khiến chúng ta cũng ngỡ ngàng. Nhưng tất cả những diễn biến đó lại không phải từ trên trời rơi xuống mà là chính từ sự nuôi dưỡng của chúng ta với những sai lầm mà chúng ta đã quên, tưởng như chúng không còn tồn tại nữa. Vì vậy lời khuyên bổ ích nhất là đừng coi thường những gì xảy ra đối với các con em chúng ta khi chúng mới sinh ra cho đến tuổi trưởng thành, nghĩa là cho đến tuổi mười bảy, mười tám. Không nên có ý nghĩ rằng chúng còn bé không biết gì và mọi việc sẽ qua đi cùng với tuổi khôn lớn của các em.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

S. Freud

- La psychologie de la vie quotidienne (Payot)
- Psychologie collective et analyse du moi (Payot)
- Trois essais sur la théorie de la sexualité (Gallimard)
- La science des rêves (P.U.F)
- études sur l'hystérie (P.U.F)

F.G. Jung

- Le moi et l'inconscient (Payot)

Bergson

- L' effort intellectuel in l' énergie spirituelle (P.U.F)

- L' évolution créatrice (P.U.F)

Ribot

- Psychologie de l' attention (P.U.F)

- Les maladies de la mémoi re (P.U.F)

Sartre

- L' imaginaire, psychologie phénoméologique de l' imagination
(P.U.F)

Baruk

- Psychoses et névroses (P.U.F)

Piaget

- Psychologie de l'intelligence (A. Colin)

p. janet

- Les débuts de l'intelligence (Flammarion)

Delacroix

- Les grandes formes de la vie mentale (P.U.F)

Taine

- de l' intelligence (P.U.F)

Palmade

- La psycho- technique (P.U.F)

MỤC LỤC

Lời nhà xuất bản. 1

I. MỤC ĐÍCH VÀ NGUYÊN TẮC.. 2

1. Mấy quan niệm khác nhau về vấn đề nuôi dạy trẻ thơ. 2

2. Mục đích nuôi dạy trẻ thơ. 13

3. Nguyên tắc trong việc nuôi dạy trẻ thơ. 16

II. SỰ CHÍN MUỘI VỀ MẶT TÂM SINH LÝ CỦA TRẺ THƠ. 34

1. Những tố chất tự nhiên bẩm sinh. 34

2. Vai trò của trí thông minh, của trí tuệ. 37

3. Sự phát triển tự nhiên của những tố chất tự nhiên. 40

4. Vai trò của sự lặp đi lặp lại và sự gia nhập. 54

III. NHỮNG THỜI KỲ ĐẦU TIÊN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN.. 59

1. Sự phụ thuộc. 61

2. Nguyên tắc về sự thích thú. 65

3. Tính thích thú được chú ý. 68

4. Tính tò mò, sự khám phá và sự bắt chước. 71

5. Tính khó bảo. 75

6. Vấn đề tự do và kỷ luật, sự tự kiểm soát. 78

IV. CƠ CẤU HÌNH THÀNH NHÂN CÁCH CỦA CÁC EM... 82

1. Sự dễ hấp thụ và sự ám thị 83

2. Sự đồng nhất 87

3. Cái siêu tôi 91

4. Vai trò của luân lý xã hội 96

5. Tuổi cá thể. 99

6. Con người tiền sử. 109

7. Vai trò của đồ chơi và trò chơi 116

V. TUỔI THIỂU NIÊN.. 123

1. Tính cách chung. 123

2. Tuổi dậy thì 127

3. Thời kỳ đồng tính luyến ái 141

4. Các bước của thời kỳ tình dục đích thực. 151

5. Thời kỳ hình thành ý thức hệ. 165

VI- NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý.. 169

Cùng một tác giả

Triết học phương Tây trong “Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá”. Nghiên cứu xã hội học, NXB Chính trị quốc gia, H.1998.

Triết học phương Tây trong “ ảnh hưởng của hệ tư tưởng và tôn giáo đối với người Việt Nam hiện nay”. Nxb. CTQG, H. 1996.

Chủ nghĩa hiện sinh và Tâm phân học trong giáo trình triết học Mác- Lê nin, Nxb CTQG, H. 1999.

Cái tiên nghiệm của Kant trong “Kant người sáng lập nền triết học cổ điển Đức”. Nxb Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, H. 1997.

Vài nét về Freud và Tâm phân học. Tạp chí Triết học, TTKHXXH và NVQG, 5/1999.

Hiện tượng luận của Huserl và sự tự do sáng tạo của chủ thể tư duy. Tạp chí Triết học, TTKHXXH và NVQG, 3/1993.

Trí thức khoa học và quá trình từ tự nó (en soi) đến cho nó, vì nó (poor soi). Tạp chí Triết học, TTKHXXH và NVQG, 2/1997.

Tha hoá với tính cách là một phạm trù triết học và tính phong phú của nó. Tạp chí Triết học, TTKHXXH và NVQG, 2/1986.

Mấy trào lưu triết học phương Tây. Nxb ĐH và THCN, H.1984, tái bản 1986.

Lối sống tôn thờ thần tượng và nhân cách. Tạp chí Triết học, TTKHXXH và NVQG, 9/2001.

Freud và Tâm phân học. Nxb Văn hoá thông tin, H. 2000.

Những chủ đề cơ bản của triết học phương Tây. Nxb Văn hoá thông tin, H. 2001.

chịu trách nhiệm xuất bản:

VŨ AN CHƯƠNG

chịu trách nhiệm bản thảo:

PHẠM NGỌC LUẬT
biên tập:
TẤT HOÀ - QUANG DŨNG
Trình bày bìa:
TRẦN ĐẠI THẮNG
Trình bày sách:
PHÒNG CHẾ BẢN NHÀ SÁCH ĐÔNG TÂY
Sửa bản in:
VĂN THẢO

In 800 cuốn khổ 13x19 tại Xưởng in Tạp chí tin học và đời sống.
giấy cndk khxb số 553/xb-qlxb/ 65- VHTT. In xong và nộp lưu chiểu
tháng 9 năm 2002.